Bộ Kinh Liên Kết [Tương Ưng Kinh Bộ] - Quyển 3. Năm Uẩn [Khandha-Vagga] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN 3.

(Quyển Năm-Uẩn) [KHANDHA-VAGGA]

Về Bản Dịch SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đầy đủ chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 QUYỂN lớn (Vagga); mỗi QUYỂN được đặt tên theo tên của CHƯƠNG đầu tiên của nó. Toàn bộ kinh có 56 CHƯƠNG. Mỗi chương là đồng nghĩa với một LIÊN- KẾT (tương ưng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về Nhập-Lưu, liên-kết về Ca-Diếp, liên-kết về Gia Chủ Citta ...). Trong nhiều CHƯƠNG lại có các NHÓM kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số CHƯƠNG trùng với số LIÊN-KẾT luôn. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Spk, Spk-Pṭ, Vism ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 12:08, 56:34 thì có nghĩa đó thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Người dịch Việt cũng thường ghi luôn số quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ 12:08 (Quyển 2), 56:34 (Quyển 5). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một Liên-kết (chương, tương

ưng) dài hay vài Liên-kết ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều liên-kết chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào và trong đó có thể chọn những liên-kết nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc Liên-kết 'Nhập-Lưu', về lý duyên-khởi thì đọc Liên-kết 'Sự khởi-sinh tùy thuộc', về Mục-kiền-liên thì đọc Liên-kết 'Mục-kiền-liên' ...

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562) (hiệu đính năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Chương 22. Liên Kết (NĂM) UẨN 1

PHẦN I. 'NĂM MƯƠI KINH GỐC' 3

NHÓM 1. NHÓM 'NAKULAPITĀ' (Nakulapitā-vagga)..... 3

1 (1) Gia Chủ Nakulapitā ..... 3 2 (2) Ở Devadaha..... 7 3 (3) Gia Chủ Hāliddakāni (1) ..... 11 4 (4) Gia Chủ Hāliddakāni (2) ..... 15 5 (5) Sự Định Tâm ..... 16 6 (6) Sự Ẩn Dật (sự tách ly, ẩn cư, ẩn tu) ..... 18 7 (7) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1) ..... 19 8 (8) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2) ..... 21 9 (9) Vô -Thường Trong Ba Thời..... 22 10 (10) Khổ Trong Ba Thời ..... 22 11 (11) Vô -Ngã Trong Ba Thời 23

NHÓM 2. NHÓM 'VÔ THƯỜNG' (Anicca-vagga) 24

12 (1) Vô -Thường ..... 24 13 (2) Khổ ..... 24 14 (3) Vô -Ngã ..... 24 15 (4) Thứ Gì Vô-Thường ..... 25 16 (5) Thứ Gì Khổ

..... 25 17 (6) Thứ Gì Vô -Ngã ..... 26 18 (7) Vô -Thường Là Có Nguyên Nhân ..... 26 19 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân 27

20 (9) Vô -Ngã Là Có Nguyên Nhân ..... 27 21 (10) Ānanda 28

NHÓM 3. NHÓM 'GÁNH NẶNG' (Bhāra-vagga) 29

22 (1) Gánh Nặng ..... 29 23 (2) Hoàn-Toàn Hiểu ..... 30 24 (3) Trực-Tiếp Biết..... 30 25 (4) Tham Muốn và Nhục Dục ..... 31 26 (5) Sự Thỏa Thích... (1) ..... 31 27 (6) Sự Thỏa Thích... (2) ..... 33 28 (7) Sự Thỏa Thích... (3) (nếu không có) ..... 34 29 (8) Khoái-lạc (sự khoái thích) ..... 34 30 (9) Sự Khởi Sinh (của sự khổ) ..... 35 31 (10) Gốc Rễ Của Sự Thống Khổ ..... 35 32 (11) Sự Mong Manh..... 36

NHÓM 4. NHÓM 'KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA' (Natumhāka- vagga) 37

33 (1) Không Phải Là 'Của-Ta' (1)..... 37 34 (2) Không Ph ải Là 'Của-Ta' (2)..... 37 35 (3) Một Tỳ Kheo Nọ (1) ..... 38 36 (4) Một Tỳ Kheo Nọ (2) ..... 39 37 (5) Ānanda (1) ..... 41 38 (6) Ānanda (2) ..... 42 39 (7) Đúng Theo Giáo Pháp (1) ..... 43 40 (8) Đúng Theo Giáo Pháp (2) ..... 44 41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3) ..... 44 42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4) 44

NHÓM 5. NHÓM 'CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO' (Attadīpa- vagga) 45

43 (1) Lấy Chính Mình Là Hòn Đảo ..... 45 44 (2) Cách Nhìn Nhận..... 46 45 (3) Vô -Thường (1) ..... 47 46 (4) Vô -Thường (2) ..... 48 47 (5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ ..... 49 48 (6) Các Uẩn ..... 50 49 (7) Soṇa (1) ..... 51 50 (8) Soṇa (2) ..... 53 51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)

..... 54 52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2) 55

PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’ .....57 NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Upaya-vagga) 57

53 (1) Sự Dính Líu ..... 57 54 (2) Mầm Giống (chủng tử) ..... 58 55 (3) Lời Cảm Hứng Nói Ra (tự thuyết) ..... 60 56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn ..... 64 57 (5) Bảy Trường Hợp..... 68 58 (6) Bậc Toàn Giác ..... 73 59 (7) Đặc Tính Vô-Ngã (vô ngã tướng) ..... 74 60 (8) Mahāli ..... 76 61 (9) Bốc Cháy ..... 78 62 (10) Những Đường Chữ Nghĩa ..... 79 NHÓM 2. NHÓM ‘A-LA-HÁN’ (Arahanta-vagga) 81

63 (1) Khi Dính Chấp 81

64 (2) Khi Suy Tưởng..... 82 65 (3) Khi Tìm Cầu Khoái-lạc (Sự Vui Thú) ..... 83 66 (4) Vô -Thường ..... 85 67 (5) Khổ ..... 85 68 (6) Vô -Ngã ..... 86 69 (7) Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’ ..... 86 70 (8) Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi..... 86 71 (9) Rādha ..... 86 72 (10) Surādha 87

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’ (Khajjanīya-vagga) 89

73 (1) Sự Thỏa Thích... ..... 89 74 (2) Nguồn Gốc... (1) ..... 89 75 (3) Nguồn Gốc... (2) ..... 90 76 (4) Những A-la-hán (1) ..... 90 77 (5) Những A-la-hán (2) ..... 92 78 (6) Sư Tử ..... 92 79 (7) Đang Bị Nhai Nuốt ..... 94 80 (8) Người Khất Thực (xin ăn) ..... 99 81 (9) Ở Pārileyya ..... 102 82 (10) Đêm Rằm..... 107

NHÓM 4. NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’ (Thera-vagga) 113

83 (1) Ngài Ānanda ..... 113 84 (2) Ngài Tissa ..... 114 85 (3) Ngài Yamaka..... 117 86 (4) Ngài A-nậu-lâu-đà..... 124

87 (5) Ngài Vakkali ..... 126 88 (6) Ngài Assaji ..... 131 89 (7) Ngài Khemaka ..... 133 90 (8) Ngài Channa ..... 137 91 (9) Ngài Rāhula (1) ..... 140 92 (10) Ngài Rāhula (2) 141

NHÓM 5. NHÓM 'HOA' (Puppha-vagga) 142

93 (1) Dòng Sông ..... 142 94 (2) Hoa ..... 143 95 (3) Bọt Nước... ..... 144 96 (4) Phân Bò ..... 148 97 (5) Móng Tay ..... 150 98 (6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) ..... 152 99 (7) Dây Xích (1) ..... 152 100 (8) Dây Xích (2) ..... 153 101 (9) Cán Rìu (hay Con Thuyền) ..... 155 102 (10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường 158

PHẦN III. 'NĂM MƯƠI KINH CUỐI' .....161 NHÓM 1. NHÓM 'CÁC PHẦN' (Anta-vagga) 161

103 (1) Các Phần ..... 161 104 (2) Khổ ..... 162 105 (3) Danh Tính ..... 162 106 (4) Nên Được Hiểu Hoàn-Toàn ..... 163 107 (5) Các Tu Sĩ (1) ..... 163 108 (6) Các Tu Sĩ (Sa-môn) (2) ..... 164 109 (7) Người Nhập-Lưu 165

110 (8) A-la-hán ..... 165 111 (9) Dẹp Bỏ Tham Muốn (1) ..... 165 112 (10) Dẹp Bỏ Tham Muốn (2) 166

NHÓM 2. NHÓM 'NGƯỜI THUYẾT PHÁP' (Dhammakathika- vagga) 167

113 (1) Vô Minh ..... 167 114 (2) Trí Biết Đích Thực (minh) ..... 167 115 (3) Người Thuyết Pháp (1) ..... 168 116 (4) Người Thuyết Pháp (2) ..... 169 117 (5) Sự Ràng Buộc ..... 169 118 (6) Chất Vấn (1) ..... 170 119 (7) Chất Vấn (2)..... 171 120 (8) Những Thứ Gông Cùm ..... 172 121 (9) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp Vào Đó

..... 172 122 (10) Có Giới Hạnh..... 173 123 (11) Đã Được Chỉ Dạy ..... 174 124 (12) Kappa (1) ..... 174 125 (13) Kappa (2) ..... 175 NHÓM 3. NHÓM ‘VÔ MINH’ (Avijjā-vagga) 176

126 (1) Thuộc Tính Khởi Sinh (1)..... 176 127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2)..... 177 128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)..... 177 129 (4) Sự Thỏa Thích… (1) ..... 178 130 (5) Sự Thỏa Thích… (2) ..... 178 131 (6) Nguồn Gốc… (1) ..... 179 132 (7) Nguồn Gốc… (2) 179

ix

133 (8) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1) ..... 180 134 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2) ..... 180 135 (10) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3) 180

NHÓM 4. NHÓM ‘THAN CHÁY ĐỎ’ (Kukkuḷa-vagga) 182

136 (1) Than Cháy Đỏ ..... 182 137 (2) Vô -Thường (1) ..... 182 138 (3) Vô -Thường (2) ..... 182 139 (4) Vô -Thường (3) ..... 183 140 (5) Khổ (1) ..... 183 141 (6) Khổ (2) ..... 183 142 (7) Khổ (3) ..... 183 143 (8) Vô -Ngã (1)..... 183 144 (9) Vô -Ngã (2)..... 184 145 (10) Vô -Ngã (3)..... 184 146 (11) Thấm Nhuần Trong Sự Ghê-Sợ ..... 184 147 (12) Quán Xét Sự Vô-Thường ..... 184 148 (13) Quán Xét Sự Khổ..... 185 149 (14) Quán Xét Sự Vô -Ngã..... 185

NHÓM 5. NHÓM ‘CÁCH NHÌN’ (Diṭṭhi-vagga)..... 186

150 (1) Ở Bên Trong ..... 186 151 (2) Đây Là “Của-Ta” ..... 187 152 (3) Cái ‘Ta’ ..... 188 153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậy Đối Với Ta..... 189 154 (5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến) ..... 190 155 (6) Cách Nhìn Có Danh Tính (thân kiến) ..... 190 156 (7) Cách Nhìn Có Cái ‘Ta’ (ngã kiến) 191

x

157 (8) Sự Cố Chấp (1) ..... 191 158 (9) Sự Cố Chấp (2) ..... 191 159 (10) Ānanda 192

Chương 23. Liên Kết RĀDHA .....195 NHÓM 1. NHÓM ‘MA-VƯƠNG’ THỨ NHẤT (Paṭhama-Māra- vagga) 197

1 (1) Ma Vương ..... 197 2 (2) Một Chúng Sinh ..... 198 3 (3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu ..... 199 4 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu ..... 200 5 (5) Tu Sĩ (Sa-môn) (1) ..... 200 6 (6) Tu Sĩ (Sa-môn) (2) ..... 200 7 (7) Bậc Nhập-Lưu ..... 200 8 (8) Bậc A-la-hán ..... 200 9 (9) Tham-Dục (1) ..... 200 10 (10) Tham-Dục (2) - (SN 23:0423:10) 200

NHÓM 2. NHÓM ‘MA-VƯƠNG’ THỨ HAI (Dutiya-Māra- vagga) 201

11 (1) Ma Vương ..... 201 12 (2) Sẽ Bị Ma Vương ..... 201 13 (3) Vô Thường ..... 202 14 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường ..... 202 15 (5) Khổ ..... 203 16 (6) Thuộc Bản Chất Khổ ..... 203 17 (7) Vô -Ngã ..... 203 18 (8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã..... 204

19 (9) Sẽ Bị Hoại Diệt ..... 204 20 (10) Sẽ Bị Biến Mất ..... 205 21 (11) Sẽ Có Khởi Sinh..... 205 22 (12) Sẽ Bị Chấm Dứt 206

NHÓM 3. NHÓM ‘THỈNH CẦU’ (Āyācana-vagga) 207

23 (1) Ma Vương ..... 207 24 (2) Phải Bị Ma Vương..... 207 25 (3) Vô Thường ..... 207 26 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường ..... 207 27 (5) Khổ ..... 207 28 (6) Thuộc Bản Chất Khổ ..... 207 29 (7) Vô Ngã ..... 208 30 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã ..... 208 31 (9) Phải Bị Hoại Diệt..... 208 32 (10) Phải Bị Biến Mất ..... 208 33 (11) Phải Bị Khởi Sinh ..... 208 34 (12) Phải Bị Chấm Dứt - (SN 23:2423:34)

..... 208

NHÓM 4. NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’ (Upanisinna-vagga) ... 209

35 (1) Ma Vương ..... 209 36 (2) Phải Bị Ma Vương..... 209 37 (3) Vô Thường ..... 209 38 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường ..... 209 39 (5) Khổ ..... 209 40 (6) Thuộc Bản Chất Khổ ..... 209 41 (7) Vô Ngã ..... 209 42 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã 209

xii

43 (9) Phải Bị Hoại Diệt..... 209 44 (10) Phải Bị Biến Mất ..... 209 45 (11) Phải Bị Khởi Sinh ..... 209 46 (12) Phải Bị Chấm Dứt - (SN 23-3623:46) 209

Chương 24. Liên Kết CÁCH-NHÌN .....211 NHÓM 1. NHÓM ‘NHẬP-LƯU’ (Sotāpatti-vagga) 213

1 (1) Gió ... . 213 2 (2) Đây Là ‘Của-Ta’ ..... 214 3 (3) Đây Là Cái ‘Ta’ (ngã, bản ngã) ..... 215 4 (4) Điều Đó Đã Không Là Vậy Đối Với Ta ..... 216 5 (5) Không Có ..... 216 6 (6) Hành Động (nghiệp) ..... 217 7 (7) Nguyên Nhân (nhân) ..... 219 8 (8) Cách Nhìn Lớn Lao (đại tà kiến) ..... 219 9 (9) Thế Giới Là Bất Diệt ..... 221 10 (10) Thế Giới Là Không Bất Diệt ..... 222 11 (11) Thế Giới Là Hữu Hạn ..... 222 12 (12) Thế Giới Là Vô Hạn ..... 223 13 (13) Linh Hồn và Thể Xác Là Một ..... 223 14 (14) Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau ..... 223 15 (15) Như Lai Còn Hiện Hữu ..... 224 16 (16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu ..... 224 17 (17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu ..... 224 18 (18) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu 225

xiii

NHÓM 2. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’ (Dutiya- Gamana-vagga) 227

19 (1) Gió ... . 227 20 (2) Đây Là ‘Của Ta’ cho tới kinh 36 (18) ..... 228 37 (19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Sắc-Thân ..... 228 38 (20) Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc ..... 228 39 (21) Cái ‘Ta’ Vừa Có Sắc-Thân Vừa Không Có Sắc-Thân 228 40 (22) Cái ‘Ta’ Không Có Sắc-Thân Cũng Không Phải Không Có Sắc-Thân

..... 229 41 (23) Chỉ Có Sướng..... 229 42 (24) Chỉ Có Khổ ..... 229 43 (25) Có Khổ và Sướng ..... 229 44 (26) Không Sướng, Không Khổ 230

NHÓM 3. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’ (Tatiya-Gamana- vagga) 231

45 (1) Gió ... . 231 46 (2) Đây Là “Của-Ta” cho đến 70 (26) ... . 232 NHÓM 4. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BỐN’ (Catuttha-Gamana-vagga) 233

71 (1) Gió ... . 233 72 (2) Đây là ‘Của-Ta’ cho đến 96 (26) 234

Chương 25. Liên Kết NHẬP-VÀO .....235 1 Mắt... ..... 237 2 Những Hình-Sắc... ..... 237 3 Thức 238

4 Tiếp-Xúc (xúc) ..... 239 5 Cảm-Giác (thọ) ..... 239 6 Nhận-Thức (tưởng) ..... 239 7 Sự Cố-Ý (tư) ..... 240 8 Dục-Vọng (ái) ..... 240 9 Các Yếu-Tố (giới) ..... 241 10 Các Uẩn 241

Chương 26. Liên Kết KHỞI-SINH .....243 1 Mắt... ..... 245 2 Những Hình-Sắc... ..... 245 3 Thức ..... 246 4 Tiếp-Xúc (xúc) ..... 246 5 Cảm-Giác (thọ) ..... 246 6 Nhận-Thức (tưởng) ..... 247 7 Sự Cố-Ý (tư) ..... 247 8 Dục-Vọng (ái) ..... 248 9 Các Yếu-Tố (giới) ..... 248 10 Các Uẩn 248

Chương 27. Liên Kết Ô-NHIỄM .....251 1 Mắt... ..... 253 2 Những Hình -Sắc ... . 253 3 Thức ..... 253 4 Tiếp-Xúc (xúc)

..... 254 5 Cảm-Giác (thọ) ..... 254 6 Nhận-Thức (tưởng) ..... 254 7 Sự Cố-Ý (tư) 255

xv

8 Dục-Vọng (tư) ..... 255 9 Các Yếu-Tố (giới) ..... 255 10 Các Uẩn 256

Chương 28. Liên Kết XÁ-LỢI-PHẤT .....257 1 Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ... (Nhất thiền) ..... 259 2 Không Còn Ý -Nghĩ (tầm)... (Nhị thiền) ..... 260 3 Sự Hoan-Hỷ (hỷ)... (Tam thiền) ..... 260 4 Sự Buông-Xả (xả)... (Tứ thiền) ..... 261 5 Không Vô Biên Xứ ..... 261 6 Thức Vô Biên Xứ ..... 262 7 Vô Sở Hữu Xứ ..... 263 8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ..... 263 9 Diệt Thọ Tưởng (chấm dứt nhận-thức và cảm-giác) ..... 264 10 Nữ Du Sĩ Sucimukhī 264

Chương 29. Liên Kết RỒNG NĀGA .....267 1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) ..... 269 2 Tốt Hơn ..... 269 3 Uposatha (Bố-tát) (1) ..... 269 4 Uposatha (Bố-tát) (2) ..... 270 5 Uposatha (Bố-tát) (3) ..... 270 6 Uposatha (Bố-tát) (4) ..... 270 7 Người Đó Đã Nghe (1) ..... 270 8 Người Đó Đã Nghe (2) ..... 271 9 Người Đó Đã Nghe (3) ..... 271 10 Người Đó Đã Nghe (4) ..... 271 11 20 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...) 271

xvi

21 50 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)..... 272

Chương 30. Liên Kết CHIM-THẦN .....273 1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) ..... 275 2 Chúng Gấp Rồng Naga ..... 275 3 Lẫn Lộn Thiện-Ác (1) ..... 275 4 6 Lẫn Lộn Thiện-Ác (2), (3), (4) ..... 276 7 16 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...) ..... 276 17 46 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)..... 277

Chương 31. Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ .....279 1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) ..... 281 2 Hành Vi Thiện

..... 281 3 Người Bố Thí (1) ..... 282 4 12 Người Bố Thí (2)...(10) ..... 282 13 22 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...) ..... 283 23 112 Nhờ Sự Bố-Thí (2) (mà tái sinh...) 284

Chương 32. Liên Kết THIÊN THẦN MÂY .....285 1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) ..... 287 2 Hành Vi Thiện ..... 287 3 12 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...) ..... 287 13 52 Nhờ Sự Bố-Thí (2) (mà tái sinh...) ..... 287 53 Những Thiên Thần Mây-Mát ..... 288 54 Những Thiên Thần Mây-Ấm ..... 288 55 Những Thiên Thần Mây-Bão ..... 289 56 Những Thiên Thần Mây-Gió ..... 289 57 Những Thiên Thần Mây-Mưa..... 289

Chương 33. Liên Kết VACCHAGOTTA .....291 1 Do Không Biết (1) ..... 293 2 Do Không Biết (2) ..... 293 3 Do Không Biết (3) ..... 294 4 Do Không Biết (4) ..... 294 5 Do Không Biết (5) ..... 294 6 10 Do Không Nhìn -Thấy (năm uẩn) ..... 295 11 15 Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn)..... 295 16 20 Do Không Nắm-Rõ (năm uẩn) ..... 295 21 25 Do Không Thâm -Nhập Vào ..... 295 26 30 Do Không Nhận-Thấy Được ..... 295 31 35 Do Không Phân -Biệt Ra [đối xử] ..... 295 36 40 Do Không Phân -Biệt [sự khác nhau] ..... 295 41 45 Do Không Soi -Xét ..... 295 46 50 Do Không Soi -Xét Kỹ Càng ..... 296 51 55 Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết 296

Chương 34. Liên Kết THIỀN-ĐỊNH .....297 1 Chứng-Đắc tương quan với Định-Tâm ..... 299 2 Duy-Trì tương quan với Định-Tâm ..... 299 3 Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm ..... 300 4 Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm ..... 300 5 Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm ..... 301 6 Trú -Xứ tương quan với Định-Tâm ..... 301 7 Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm ..... 301 8 Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm ..... 301 9 Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm..... 301

10 Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm ..... 301 11 Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc ..... 302 12 Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc ..... 302 13 Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc 303

14 Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc ..... 303 15 Trú -Xứ tương quan với Chứng-Đắc ..... 303 16 Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc ..... 303 17 Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc ..... 303 18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc ..... 303 19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc ..... 304 20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì ..... 304 21 27 Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì ... . 304 28 Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra ..... 305 29 34 Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra... ..... 305 35 Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo ..... 305 36 40 Trú -Xứ tương quan với Mềm-Dẻo... ..... 306 41 Trú -Xứ tương quan với Đối-Tượng ..... 306 42 45 Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng... ..... 307 46 Quyết-Tâm tương quan với Trú -Xứ ..... 307 47 49 Chu-Đáo tương quan với Trú -Xứ... ..... 308 50 Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm ..... 308 51 52 Chu-Đáo tương quan với Trú -Xứ... ..... 308 53 Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo ..... 309 54 Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo..... 309 55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì 310

BẢNG VIẾT TẮT 313

xix

CHÚ THÍCH 319

xx

Kính lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

Chương 22.

Liên Kết (NĂM) UẨN (22 Khandha-saṃyutta) (22 Tương ưng Uẩn)

2 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 22 Liên Kết UẨN • 3

PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’

NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Nakulapitā-vagga)

1 (1) Gia Chủ Nakulapitā Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở vùng Suṃsumāragira, ở khu Vườn Nai, trong Khu Rừng Bhesakaḷā. Rồi gia chủ tên Nakulapitā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:1 “Thưa Thế Tôn, con nay đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã tiến xa trong tuổi đời, bước vào giai đoạn cuối, khổ đau trong thân, thường bệnh yếu. Con hiếm khi có dịp gặp được đức Thế Tôn và các Tỳ kheo đáng kính.2 Vậy thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) cho con, mong đức Thế Tôn chỉ dạy con, vì điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.” “Đúng vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Thân này của chú bị đau đớn, bị sụt cân, khó nhọc.3 Nếu có ai vác thân này đi xung quanh và nói nó khỏe mạnh được phút chốc nào, thì điều đó khác gì sự ngu xuẩn? Do vậy, này gia chủ, chú nên tu tập bản thân như

vầy: ‘Dù ta bị khổ đau trong thân, tâm ta không bị khổ đau.’ Chú nên tu tập bản thân như vậy.” Rồi gia chủ Nakulapitā, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình (và đi về); sau đó ông đến gặp Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi kính lễ thầy Xá-lợi-phất, ông ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với ông:

“Này gia chủ, các căn của chú tĩnh lặng, da mặt chú trong và sáng. Hôm nay chú đã được đích thân nghe đức Thế Tôn nói chuyện Giáo Pháp phải không?” “Tại sao không, thưa thầy? Con mới vừa được đức Thế Tôn ‘xức tẩm’ bằng loại thuốc trường sanh là bài Pháp thoại.” “Loại Pháp thoại nào là thuốc trường sanh mà đức Thế Tôn đã xức tẩm cho chú, này gia chủ?” “Ở đây, thưa thầy, con đã đến gặp đức Thế Tôn … [Gia chủ Nakulapitā đã lặp lại cuộc nói chuyện của ông và Phật như trên, và nói tiếp:]

“Thưa thầy, chính thứ thuốc trường sanh là bài Pháp thoại đó đức Thế Tôn đã xức tẩm cho con.” “Nhưng, này gia chủ, sao câu hỏi này không nảy sinh thêm với gia chủ, rằng: theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân và bị khổ đau trong tâm, và theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân nhưng không bị khổ đau trong tâm?” “Thưa thầy, thì chúng con đi đường xa đến đây là để học hiểu ý nghĩa của điều đó từ Ngài Xá-lợi-phất. Cho nên sẽ tốt lành nếu được thầy Xá- lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói” “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Nakulapitā đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: (I) (i) “Này gia chủ, theo cách nào một người bị khổ đau trong thân và trong tâm? Ở đây, này gia chủ, một người phàm phu không được chỉ dạy,4 không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (huấn luyện, rèn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân [sắc] là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc- thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.

Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc- thân là ‘của-ta’.’5 Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan- niệm đó, sắc-thân người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì [khi] (nhìn thấy) sắc-thân thay đổi và biến đổi, nên [thì] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). (ii) “Người đó cứ coi cảm-giác [thọ] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’ hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm- giác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (iii) “Người đó cứ coi nhận-thức [tưởng] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống bị ám muội bởi những

quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (iv) “Người đó cứ coi những sự tạo-tác cố ý [hành] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố ý. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố ý, những sự tạo-tác cố ý là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố ý của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì những sự tạo-tác cố ý luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (v) “Người đó cứ coi thức [thức] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta’.’

Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. “Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân và khổ đau trong tâm.6 (II) (i) “Và, này gia chủ, theo cách nào thì một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; không coi sắc- thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.7 Người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc-thân là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm đó, sắc-thân của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) sắc-thân luôn thay đổi và biến đổi, vẫn không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (ii) Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, vẫn không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (iii) Người đó không coi nhận-thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó luôn thay đổi và

biến đổi. Khi nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (iv) Người đó không coi những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu những sự tạo-tác cố ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố ý là ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong những sự tạo-tác cố ý. Người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm: 'Ta' là những sự tạo-tác cố ý, những sự tạo-tác cố ý là 'của ta'.' Trong khi người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố ý của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác cố ý luôn thay đổi và biến đổi, vẫn không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (v) Người đó không coi thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm: 'Ta' là thức, thức là 'của ta'.' Trong khi người đó sống không bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. "Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm.8 Đây là điều thầy Xá-lợi-phất đã nói. Gia chủ Nakulapitā đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Xá-lợi-phất. (SN 22:01)

2 (2) Ở Devadaha Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Devadaha; (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Rồi một số Tỳ kheo đang hướng đi miền tây đã

đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, chúng con muốn đến tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó." ([cho ba tháng An Cư mùa mưa])9 "Các thầy đã xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi này chưa?" "Dạ chưa, thưa Thế Tôn." "Vậy hãy tới xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi, này các Tỳ kheo. Xá-lợi-phất là có trí, thầy ấy là người trợ giúp các huynh đệ trong đời sống tâm linh (thiêng liêng, thánh thiện; đời sống tu hành; phạm hạnh)."10 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Bấy giờ, vào lúc đó thầy Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, trong chỗ bụi cây ba đậu.11 Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và kính lễ đức Thế Tôn. Rồi, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi ra); rồi họ đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Họ chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: "Đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi muốn đi về tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó. Chúng tôi mới xin phép Vị Thầy (tức Phật) rồi." "Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ (sa-môn) trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó—12 bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: 'Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị chỉ dạy những gì?'— Tôi hy vọng các thầy đã học- hiểu thấu đáo những giáo lý, đã nắm-bắt chúng thấu đáo, đã chú-tâm chúng thấu đáo, đã quán-chiếu (suy xét) chúng thấu đáo, và đã thâm-nhập chúng thấu đáo bằng trí-tuệ, nhờ đó khi trả lời các thầy sẽ nói ra điều đã

được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói); nhờ đó các thầy sẽ giảng giải đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình."13

"Này đạo hữu, chúng tôi đã đi đường xa tới đây là để học hiểu ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói." "Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: (i) "Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: 'Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị chỉ dạy những gì?' Khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời rằng: 'Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham- muốn và nhục-dục.' (ii) "Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn … những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: 'Thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cái gì?' Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: 'Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân (sắc) … cảm-giác (thọ) … nhận-thức (tưởng) … những sự tạo-tác cố ý (hành) … thức (thức)'. [năm uẩn] (iii) "Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn … những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: 'Sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại gì mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với sắc-thân … cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức?' Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: 'Này các bạn, nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) đối với sắc-thân,14 thì khi sắc-thân thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong

người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) đối với cảm-giác … nhận- thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân, sự trừ bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức.' (iv) "Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn … những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: 'Sau khi nhìn thấy lợi-ích gì mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức?' Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: 'Này các bạn, người không-có nhục dục, tham

muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với sắc-thân, thì khi sắc-thân thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy lợi-ích này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức.' (v) "Này các đạo hữu,15 nếu người ta chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái (tâm) bất thiện mà có thể được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và nếu, khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (được tái sinh

trong) nơi-đến tốt lành, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái bất thiện thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và bởi vì người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đày đọa (thấp xấu, đọa giới) khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy. (vi) "Này các bạn, nếu người ta chứng nhập và an trú giữa những trạng thái (tâm) thiện lành mà bị sống trong khổ-đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và nếu, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đày đọa, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự thu-nạp (tích tạo, thu nhập; sanh y) những trạng thái thiện lành đó để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và an trú trong những trạng thái thiện lành thì được sống một cách hạnh-phúc ngay trong kiếp này, không bị sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và bởi vì người đó có thể trông đợi (được tái sinh) trong nơi-đến tốt lành khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự thu- nạp những trạng thái thiện lành đó." Đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời của thầy Xá-lợi-phất. (SN 22:02)

3 (3) Gia Chủ Hāliddakāni (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara.16 Rồi gia chủ tên Hāliddakāni đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên- diên, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa thầy, đức Thế Tôn đã nói điều này trong phần "Những Câu Hỏi của Māgandiya' thuộc Chương Tám (Aṭṭhakavagga):17 'Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,

Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai, Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng, Cũng không tranh cãi gì với ai.' Thưa thầy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn; ý nghĩa của nó nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?" (1) "Này gia chủ, yếu-tố sắc-thân (sắc giới) là nhà của thức; người có thức bị

gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu-tố sắc-thân’ (sắc giới tham) thì được gọi là người đi lang thang trong-nhà.18 Yếu-tố cảm-giác (thọ giới) là nhà của thức … Yếu-tố nhận-thức (tưởng giới) là nhà của thức … Yếu-tố những sự tạo-tác cố ý (hành giới) là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu-tố thức’ (thức giới tham) thì được gọi là người đi lang thang trong-nhà. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong nhà.19 (2) “Và, này gia chủ, theo cách nào là một người đi lang thang không- nhà? Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính- chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố sắc-thân: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.20 Do vậy, Như Lai được gọi là người đi lang thang không-nhà. Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố cảm-giác … yếu-tố nhận-thức … yếu-tố những sự tạo-tác cố ý … yếu-tố thức;21 những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là người đi lang thang không-nhà. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không-nhà. (3) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người đi lang thang trong một trú-xứ? Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc (sắc tướng), nên người đó được gọi là người đi lang thang trong một trú-xứ.22 Do sự phát

rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh (thanh tướng) … dấu hiệu những mùi- hương (hương tướng) … dấu hiệu những mùi-vị (vị tướng) … dấu hiệu những đối-tượng chạm xúc (xúc tướng) … dấu hiệu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tướng), nên người đó được gọi là người đi lang thang trong một trú-xứ. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong một trú-xứ. (4) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người đi lang thang không trú- xứ? Sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là người đi lang thang không trú-xứ. Sự phát rộng và sự trói buộc trong trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi vị … những đối-tượng chạm xúc … những hiện-tượng thuộc tâm: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là người đi lang thang không trú-xứ. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không trú-xứ.23 (5) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người có thân tình (với người khác) ở trong làng? Ở đây, này gia chủ, có người tu sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.24 Chính theo cách như vậy là một người có thân tình trong làng. (6) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người không thân tình (với ai) trong làng? Ở đây, này gia chủ, một Tỳ kheo sống không có liên

hệ (thân tình) với những người tại gia. Người đó không vui chung với họ hay sầu chung với họ, người đó không vui khi họ vui hay buồn khi họ buồn, và người đó không dính líu bản thân vào những chuyện riêng và phận sự của họ. Chính theo cách như vậy là một người không thân tình trong làng.

(7) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người chưa hết những khoái-lạc giác quan (dục lạc)? Ở đây, này gia chủ, có người tu không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục- vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là một người chưa hết khoái-lạc giác quan. (8) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người đã trừ bỏ những khoái- lạc giác quan? Ở đây, này gia chủ, có người tu đã không còn nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là người đã trừ bỏ hết khoái-lạc giác quan. (9) “Và, này gia chủ, làm thế nào là người nuôi dưỡng những cầu vọng?25 Ở đây, có người cứ nghĩ: ‘Cầu cho ta có được sắc-thân như vầy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được cảm-giác như vầy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được nhận-thức như vầy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được những sự tạo-tác cố ý như vầy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được thức như vầy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người nuôi dưỡng những cầu vọng. (10) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người không có những cầu vọng? Ở đây, này gia chủ, người không nghĩ: ‘Cầu cho ta có được sắc- thân như vầy như vậy trong tương lai! … Cầu cho ta có thức như vầy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người không có cầu vọng. (11) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người dính vào tranh cãi với người ta? Ở đây, này gia chủ, có người dính vào kiểu nói chuyện như vầy:26 ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn phải nghĩ rất lâu mới ra cũng bị lộn ngược (tức sai). Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự đi mà gỡ rối

cho mình nếu mình có thể.’ Chính theo cách như vậy là một người dính vào sự tranh cãi với người khác. (12) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người không dính vào tranh cãi với người ta? Ở đây, này gia chủ, có người không dính vào kiểu nói chuyện như vầy: [y hệt như đoạn kế trên] hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’ Chính theo cách như vậy là người không dính vào sự tranh cãi với người khác. “Như vậy đó, này gia chủ, khi đức Thế Tôn nói điều này trong phần “Những Câu Hỏi của Māgandiya’ thuộc Chương Tám (Aṭṭhakavagga): ‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư, Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai, Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng, Cũng không tranh cãi gì với ai.’ , thì ý nghĩa của điều này, đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy” (SN 22:03)

4 (4) Gia Chủ Hāliddakāni (2) Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara. Rồi gia chủ Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa thầy, điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích (Sakka)’:27 ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải-thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tột cùng, sự an-toàn tột cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, đời- sống thánh-thiện tột cùng, mục-tiêu tột cùng, và họ là bậc nhất trong những thiên thần và loài người.’ Thưa thầy, ý nghĩa của điều này, đã được

nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?” “Này gia chủ, thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố sắc-thân, thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách khéo léo. “Thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính- chấp, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh- hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố cảm-giác … yếu-tố nhận-thức … yếu-tố những sự tạo-tác cố ý … yếu-tố thức, thì tâm được cho là đã được giải- thoát một cách khéo léo. “Như vậy đó, này gia chủ, khi điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích’: ‘Những tu sĩ và bà- la-môn nào được giải thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tột cùng, sự an-toàn tột cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, đời-sống thánh-thiện tột cùng, mục-tiêu tột cùng, và họ là bậc nhất trong những thiên thần và loài người’,28 thì ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết như vậy” (SN 22:04)

5 (5) Sự Định Tâm Tôi nghe như vầy. Ở Sāvatthī … Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là. “Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của sắc-thân; nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác; nguồn gốc và

sự phai biến của nhận-thức; nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo- tác cố ý; nguồn gốc và sự phai biến của thức. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của sắc-thân? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của nhận-thức? Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố ý? Cái gì là nguồn gốc của thức? “Ở đây, này các Tỳ kheo, người tìm kiếm khoái-lạc, người đón tiếp, người ôm giữ. Và người tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người đón tiếp cái gì, người ôm giữ cái gì? (Đó là) người tìm kiếm khoái-lạc trong sắc- thân, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh. Khoái-lạc trong sắc-thân là sự dính-chấp. Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự sinh-ra

(sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. 29 “Người tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác … trong nhận-thức … trong những sự tạo-tác cố ý … trong thức, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc của sắc-thân; đây là nguồn gốc của cảm-giác; đây là nguồn gốc của nhận-thức; đây là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố ý; đây là nguồn gốc của thức.30 (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai biến của sắc-thân? Cái gì là sự phai biến của cảm-giác? Cái gì là sự phai biến của nhận-thức? Cái gì là sự phai biến của những sự tạo-tác cố ý? Cái gì là sự phai biến của thức? “Ở đây, này các Tỳ kheo, người không tìm kiếm khoái-lạc, người không đón tiếp, người không ôm giữ. Và người không tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người không đón tiếp cái gì, người không ôm giữ cái gì? (Đó là) người không tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc không khởi sinh. Khoái-lạc trong sắc-thân chấm dứt. Do có sự chấm dứt khoái-lạc nên chấm dứt sự

dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi dính-chấp sự hiện-hữu thì sự-sinh (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. “Người không tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác … trong nhận-thức … trong những sự tạo-tác cố ý … trong thức, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc chấm dứt … Đó là chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phai biến của sắc-thân; đây là sự phai biến của cảm-giác; đây là sự phai biến của nhận-thức; đây là sự phai biến của những sự tạo-tác cố ý; đây là sự phai biến của thức.” (SN 22:05)

6 (6) Sự Tách Ly (ẩn dật, ẩn cư, ẩn tu) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) ở nơi tách-ly (ẩn dật; để thiền tập).31 Một Tỳ kheo sống tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là. “Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của sắc-thân (sắc); nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác (thọ); nguồn gốc và sự phai biến của nhận-thức (tưởng); nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác cố ý (hành); nguồn gốc và sự phai biến của thức (thức). “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của sắc-thân? …” … [Tiếp tục phần còn lại giống hệt lời trong kinh 22:05 kế trên] …

(SN 22:06)

7 (7) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích-động] do có dính-chấp, và sự không âu-lo [và không khích-động] nhờ sự không dính-chấp (thủ diệt).32 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu-lo do có dính- chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp

của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc- thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân. Mà sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [chiếm ngự] bởi sự thay đổi của sắc-thân. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi của sắc-thân' cứ ám muội trong tâm trí người đó.33 Bởi vì tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích-động. "Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức' cứ ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích-động.

20 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

"Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là có sự âu-lo [và khích-động] do có dính-chấp. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là không có sự âu-lo nhờ không có sự dính-chấp? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hay nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong sắc- thân. Sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó không bị bận tâm bởi sự thay đổi và biến đổi của sắc-thân. Không có sự âu-lo và không có một mớ trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của sắc- thân' ám muội tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị âu-lo và khích-động. "Người đó không coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu thức, hay nghĩ thức ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong thức. Thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó không bị bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức. Không có sự âu-lo và không có một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức' ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị âu-lo và khích-động. "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là không có sự âu-lo [và khích- động] nhờ sự không dính-chấp. (SN 22:07)

Chương 22 Liên Kết UẨN • 21

8 (8) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích-động] do có dính-chấp, và sự không âu-lo [và không khích-động] nhờ sự không dính-chấp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng … (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu-lo [và khích- động] do có dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy cứ coi sắc-thân như vầy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”.34 Mà sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. “Người đó cứ coi cảm-giác như vầy: … nhận-thức như vầy: … những sự tạo-tác cố ý như vầy: … thức như vầy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên có sự âu-lo [và khích- động] do có dính-chấp. (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là không có sự âu-lo [và không khích-động] do không còn dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không coi sắc-thân như vầy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thì không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. “Người đó không coi cảm-giác như vầy: … nhận-thức như vầy: … những sự tạo-tác cố ý như vầy: … thức như vầy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên không có sự âu-lo [và khích-động] nhờ sự không dính-chấp.” (SN 22:08)

9 (9) Vô -Thường Trong Ba Thời Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với sắc-thân của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong sắc-thân của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với sắc-thân của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó. “Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo- tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường … cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 22:09)

10 (10) Khổ Trong Ba Thời Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với sắc-thân của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong sắc-thân

của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó. “Cảm-giác là khổ … Nhận-thức là khổ … Những sự tạo-tác cố ý là khổ … Thức là khổ … cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 22:10)

11 (11) Vô -Ngã Trong Ba Thời Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã (không phải là ‘bản ngã’), cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng- quan (vô tư, buông xả) đối với sắc-thân của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong sắc-thân của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó. “Cảm-giác là vô ngã … Nhận-thức là vô ngã … Những sự tạo-tác cố ý là vô ngã … Thức là vô ngã … cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 22:11)

NHÓM 2. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga)

12 (1) Vô -Thường Tôi nghe như vầy. Ở Sāvatthī … Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, sắc-thân (sắc) là vô thường, cảm-giác (thọ) là vô thường, nhận-thức (tưởng) là vô thường, những sự tạo-tác cố ý (hành) là vô thường, thức (thức) là vô thường. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:12)

13 (2) Khổ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ, cảm-giác là khổ, nhận-thức là khổ, những sự tạo-tác cố ý là khổ, thức là khổ. Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:13)

14 (3) Vô -Ngã

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố ý là vô ngã, thức là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy …

Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:14)

15 (4) Thứ Gì Vô Thường Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo- tác cố ý … Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí- tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:15)

16 (5) Thứ Gì Khổ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng,

như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’ ta. “Cảm-giác là khổ … Nhận-thức là khổ … Những sự tạo-tác cố ý là khổ … Thức là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’ ta. Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:16)

17 (6) Thứ Gì Vô Ngã Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Cảm-giác là vô ngã … Nhận-thức vô ngã … Những sự tạo-tác cố ý vô ngã … Thức vô ngã … Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:17)

18 (7) Vô Thường Là Có Nguyên Nhân Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là vô thường. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo- tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô thường. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:18)

19 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân- duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là khổ. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng? “Cảm-giác là khổ … Nhận-thức là khổ … Những sự tạo-tác cố ý là khổ … Thức là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là khổ. Khi thức bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng? Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:19)

20 (9) Vô Ngã Là Có Nguyên Nhân Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh sắc-thân cũng là vô ngã. Khi sắc-thân bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã? “Cảm-giác là vô ngã … Nhận-thức là vô ngã … Những sự tạo-tác cố ý là vô ngã … Thức là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô ngã. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã? Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:20)

21 (10) Ānanda Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chấm-dứt, sự chấm-dứt’. Do chấm dứt những thứ gì mà nói tới sự chấm-dứt?” “Này Ānanda, sắc-thân là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi- sinh tùy thuộc (duyên khởi), là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, nên nói tới sự chấm-dứt. “Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo- tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường, là khởi-sinh tùy thuộc, là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, nên nói tới sự chấm-dứt. “Này Ānanda, chính do có sự chấm-dứt của những thứ đó, nên nói tới sự chấm-dứt.” (SN 22:21)

NHÓM 3. NHÓM ‘GÁNH NẶNG’ (Bhāra-vagga)

22 (1) Gánh Nặng Ở Sāvatthī … Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về gánh nặng, người mang gánh nặng,35 sự mang gánh nặng, và sự đặt xuống gánh nặng. Hãy lắng nghe điều đó … (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gánh nặng? Nên nói nó là: năm uẩn (tập hợp, đống) bị dính chấp (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp (sắc thủ uẩn), uẩn cảm-giác bị dính chấp (thọ thủ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính chấp (tưởng thủ uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp (hành thủ uẩn), uẩn thức bị dính chấp (thức thủ uẩn). Đây được gọi là gánh nặng.36 (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người mang gánh nặng? Nên nói đó là: một cá nhân, là người [vị] có họ có tên là vầy là vậy. Đây được gọi là người mang gánh nặng.37 (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mang gánh nặng? Đó là dục- vọng này (ái) dẫn tới sự tái hiện-hữu (hữu), có đi kèm với sự khoái-thích (khoái lạc) và nhục dục, tìm kiếm sự khoái-thích chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng

muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây được gọi là sự mang gánh nặng.38 (4) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đặt xuống gánh nặng? Đó là sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của dục-vọng đó (ái tận, ái diệt), là sự buông bỏ và sự từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không còn lệ thuộc nó. Đây được gọi là sự đặt xuống gánh nặng.”39

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành,
Vị Thầy, đã nói thêm như vầy:
“Năm-uẩn đích thực là gánh nặng,
Kẻ mang năm-uẩn là ‘người’.
Sự mang gánh nặng là ‘khổ đau’ trong thế giới,
Đặt xuống gánh nặng là ‘chân hạnh phúc’.
Sau khi đã đặt xuống gánh nặng,
Không mang thêm gánh nặng nào nữa,
Sau khi đã bứng sạch gốc rễ dục-vọng,
Người được tự do khỏi cơn đói thèm,
Đã giải xong cơn khát.”40
(SN 22:22)

23 (2) Hoàn-Toàn Hiểu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ nên được hoàntoàn hiểu (liễu ngộ) và cả sự hoàn-toàn hiểu. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là thứ nên được hoàn-toàn hiểu; cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Đó là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoàn-toàn hiểu? (đó là) Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si. Đây được gọi là sự hoàn-toàn hiểu.”41 (SN 22:23)

24 (3) Trực-Tiếp biết Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và không hoàn- toàn hiểu (liễu ngộ) sắc-thân, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ. Nếu không trực- tiếp biết và không hoàn-toàn hiểu cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ. “Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu sắc- thân, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau. Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau.”42 (SN 22:24)

25 (4) Tham Muốn và Nhục Dục Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc- thân. Như vậy sắc-thân đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm

thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai. “Hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức. Như vậy thì thức đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.” (SN 22:25)

26 (5) Sự Thỏa Thích … (1) Ở Sāvatthī.

32 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

(i) “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức?’43 “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi-sinh tùy thuộc vào sắc-thân: đây là sự thỏa-thích trong sắc-thân. Mà sắc-thân đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy- hại trong sắc-thân. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân: đây chính là sự thoát-khỏi sắc-thân. ‘Sự sướng và vui khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác … tùy thuộc vào nhận-thức … tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố ý … tùy thuộc vào thức: đây là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là chính sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.’ (ii) Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm- uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), đúng như chúng thực là, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần … và loài người. “Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.’” (SN 22:26)

Chương 22 Liên Kết UẨN • 33

27 (6) Sự Thỏa Thích … (2) Ở Sāvatthī. (i) “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong sắc- thân. Mọi sự thỏa-thích trong sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong sắc-thân với xa tới mức nào. “Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong sắc-thân. Mọi sự nguy-hại trong sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong sắc-thân với xa tới mức nào. “Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi khỏi sắc-thân. Mọi sự thoát- khỏi khỏi sắc-thân— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi khỏi sắc-thân với xa tới mức nào.” “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong … sự nguy-hại trong … sự thoát-khỏi khỏi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức. Mọi

sự giải thoát-khỏi khỏi thức— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi khỏi thức với xa tới mức nào. (ii) Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la- môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần … và loài người. "Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.'" (SN 22:27)

28 (7) Sự Thỏa Thích … (3) (nếu không có) Ở Sāvatthī. (i) "Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong sắc-thân, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong sắc-thân, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi khỏi sắc-thân, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi nó, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó. "Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thức, nên chúng sinh bị say-mê với nó … nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi thức, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó. (ii) Chừng nào, này các Tỳ kheo, chúng sinh đã không trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp, đúng như chúng thực là, cho nên họ đã chưa thoát- khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa thoát-ly được khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm 'không-còn những rào-cản'. Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế giới này … có những thiên thần và loài người; họ đã được thoát-ly được khỏi nó, được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm 'không-còn những rào-cản'." (giống cuối kinh SN 14:33) (SN 22:28)

29 (8) Khoái-lạc (sự khoái thích) Ở Sāvatthī.

(i) "Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái- lạc trong cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. (ii) "Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân … trong thức là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai

không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy." (SN 22:29)

30 (9) Sự Khởi Sinh (của sự khổ) Ở Sāvatthī. (i) "Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sắc-thân là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự giàchết. (ii) "Sự chấm dứt, sự lắng lặn, và sự phai biến của sắc-thân … thức là sự chấm dứt của khổ đau, sự lặn mất của căn bệnh, sự biến mất của sự giàchết." (SN 22:30)

31 (10) Gốc Rễ Của Sự Thống Khổ Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự thống-khổ44 và gốc rễ của sự thống-khổ. Hãy lắng nghe điều đó …

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thống khổ? Sắc-thân là sự thống khổ; cảm-giác là sự thống khổ; nhận-thức là sự thống khổ; những sự tạo- tác cố ý là sự thống khổ; thức là sự thống khổ. Đây được gọi là sự thống khổ. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gốc rễ của sự thống khổ? Chính là dục-vọng (ái) này dẫn tới sự tái-sinh (sinh), đi kèm với khoái-lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng không muốn hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây là gốc rễ của sự thống khổ." (SN 22:31)

32 (11) Sự Mong Manh Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ mong manh ([sẽ tan rã, vô thường])45 và những thứ không mong manh. Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ mong manh, và cái gì là thứ không mong manh? Sắc-thân là thứ mong manh; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ (sự) không mong manh. Cảm-giác là thứ mong manh … Nhận-thức là thứ mong manh … Những sự tạo-tác cố ý là thứ mong manh … Thức là thứ mong manh …; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ không mong manh." (SN 22:32)

NHÓM 4. NHÓM 'KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA' (Natumhāka-vagga)

33 (1) Không Phải Là 'Của-Ta' (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là 'của-ta' [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc cho các thầy.46 Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là 'của- ta'? Sắc-thân không phải là 'của-ta': hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc của các thầy. Cảm-giác không phải là 'của-ta' … Nhận-thức không phải là 'của-ta' … Những sự tạo-tác cố ý không phải là 'của-ta' … Thức không phải là 'của-ta': hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc cho các thầy. "Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của Thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó có đồng nghĩa rằng): 'Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ'?" "Không, thưa

Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là 'chúng ta' hay 'của chúng ta'." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là 'của-ta' … thức không phải là 'của-ta': hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc của các thầy." (SN 22:33)

34 (2) Không Phải Là 'Của-Ta' (2)

38 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

[Giống hệt kinh 22:33 kế trên, chỉ khác là không có phần ví dụ.]

(SN 22:34)

35 (3) Một Tỳ Kheo Nọ (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên)47 đối với thứ gì, thì người đó được quy theo nó (tức theo khuynh-hướng tiềm ẩn đó). Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được quy theo nó. "Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!" "Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?" (1) "Thưa Thế Tôn, nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm ẩn đối với nhận-thức, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh- hướng tiềm ẩn đối với những sự tạo-tác cố ý, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thức, thì người đó được quy theo nó. (2) "Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân, thì người đó không được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với

Chương 22 Liên Kết UẨN • 39

những sự tạo-tác cố ý … đối với thức, thì người đó không được quy theo nó. "Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn." "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân … [Phật lặp lại giống hệt như hai đoạn (1) và (2) ở trên] … Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy." Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ, giữ hướng đức Thế Tôn bên phải mình, và đi ra. Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: "Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong,

không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.48 (SN 22:35)

36 (4) Một Tỳ Kheo Nọ (2) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó được đo lường theo nó;49 nếu ai được đo lường theo thứ gì, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo thứ gì, thì người đó không được quy theo nó.” “Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!” “Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?” (1) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc- thân, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó. (2) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác … đối với nhận- thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó. “Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.” “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với sắc-thân … [Phật lặp lại giống hệt

như hai đoạn (1) và (2) ở trên] … Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:36)

37 (5) Ānanda (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên: “Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, một sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) được nhận thấy?’— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?”50 “Thưa Thế Tôn, nếu người ta hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vầy: ‘Này các bạn, đó là sắc-thân, sự khởi-sinh của nó

được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, một sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt [đang trụ, đang hiện hành] được nhận thấy. Đó là cảm-giác … nhận- thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy.' Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy." "Tốt, tốt, này Ānanda! Đó là sắc-thân, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy. Đó là cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi đang có mặt được nhận thấy. Này

Ānanda, đó là những thứ mà sự khởi-sinh của chúng được nhận thấy, sự biến-mất của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt được nhận thấy. Khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy." (SN 22:37)

38 (6) Ānanda (2) Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên: "Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy: 'Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) được nhận thấy?' 'Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-mất của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang có mặt sẽ được nhận thấy?' 'Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng đã được nhận thấy, sự biến-mất của chúng đã được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang có mặt đã được nhận thấy?' sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" "Thưa Thế Tôn, nếu người ta hỏi con điều này, con sẽ trả lời như vầy: 'Này các bạn, đó là sắc-thân, mọi sắc-thân đã biến qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt đã được nhận thấy. Mọi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, đã qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại đã được nhận thấy. Đó là những thứ (= năm uẩn) mà đối với chúng sự

khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt đã được nhận thấy. - 'Mọi sắc-thân chưa được sinh ra và chưa xuất hiện, (thì) sự biến- mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt sẽ được nhận thấy. Mọi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức chưa được sinh ra và chưa xuất hiện, (thì) sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt sẽ được nhận thấy. Đó là những thứ (= năm uẩn) mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi của nó khi (chúng) đang có mặt sẽ được nhận thấy. - 'Mọi sắc-thân đã được sinh ra và đã xuất hiện, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy. Mọi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức đã được sinh ra và đã xuất hiện, sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự

biến-đổi của nó khi (nó) đang có mặt được nhận thấy. Đó là những thứ (= năm uẩn) mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang có mặt được nhận thấy.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo theo cách như vậy.” “Tốt, tốt, này Ānanda. [Phật lặp lại toàn bộ câu trả lời như trên của thầy Ānanda]. Này Ānanda, khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.” (SN 22:38)

39 (7) Đúng Theo Giáo Pháp (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp,51 thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống thấm nhuần (miên man, miên mật) trong sự ghê-sợ đối với sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức.52 Người đó sống thấm nhuần trong sự ghê- sợ đối với sắc-thân … thức, hoàn-toàn hiểu sắc-thân … thức. Ai hoàn-toàn

hiểu sắc-thân … thức thì được thoát khỏi chúng. Người đó thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.” (SN 22:39)

40 (8) Đúng Theo Giáo Pháp (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống suy xét (quán niệm, thiền quán) tính vô-thường trong sắc-thân … thức. Người đó sống suy xét tính vô-thường trong sắc-thân … thức, hoàn-toàn hiểu sắc-thân thì được thoát khỏi chúng … (như trên) … thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.” (SN 22:40)

41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3) … : người đó nên sống suy xét (quán niệm, thiền quán) sự khổ-đau trong sắc-thân … thức. Người đó sống suy xét sự khổ-đau trong sắc-thân … thức, hoàn-toàn hiểu sắc-thân … thức thì được thoát khỏi chúng … (như trên) … thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.” (SN 22:41)

42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4) … : người đó nên sống suy xét (quán niệm, thiền quán) tính vô-ngã trong sắc-thân … thức. Người đó sống suy xét tính vô-ngã trong sắc-thân … thức, hoàn-toàn hiểu sắc-thân thì được thoát khỏi chúng. Người đó thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.” (SN 22:42)

NHÓM 5. NHÓM ‘CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’ (Attadīpa-vagga)

43 (1) Lấy Chính Mình Là Hòn Đảo Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, hãy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác.53 Khi các thầy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác, thì căn-bản chính nó nên được điều tra (một cách kỹ càng) như vầy:54 ‘Từ cái gì mà sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra?’ (i) “Và, này các Tỳ kheo, từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo

ra?’ Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Mà sắc- thân đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi [vì] sắc-thân thay đổi và biến đổi, thì [nên] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. “Người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là ‘ta’ … thức là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức đó luôn thay

đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (ii) “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi ai đã hiểu được tính vô-thường của sắc-thân, sự thay đổi của nó, sự phai biến, và sự chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Trong quá khứ cũng như bây giờ, tất cả mọi sắc-thân đều là vô- thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động ([âu lo, bận tâm]).55 Khi không còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục [hết thèm khát, tắt lửa dục] về phương diện đó.56 “Khi ai đã hiểu được tính vô-thường của cảm-giác … của nhận-thức … của những sự tạo-tác cố ý … của thức, sự thay đổi của nó, sự phai biến và chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, tất cả mọi cảm-giác … thức đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động. Khi không còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục về phương diện đó.” (SN 22:43)

44 (2) Con Đường Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính (thân kiến) và con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Hãy lắng nghe điều đó …

(i) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới sự phát-sinh danh-tính? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy … cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’ … cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … … hoặc nghĩ cái ‘ta’ là ở trong thức. Này các Tỳ kheo, điều này được gọi là con đường dẫn tới sự phát- sinh của danh-tính. Khi nói ‘con đường dẫn tới sự phát-sinh của danh- tính’ thì nó có nghĩa: đó là một con đường nhìn-nhận các thứ (những hiện- tượng, mọi sự, mọi

pháp…) làm dẫn đến sự phát-sinh khổ đau.57 (ii) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính? Ở đây, người đệ tử thánh thiện … không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … hay cảm-giác là cái ‘ta’ … hay nhận-thức là cái ‘ta’ … hay những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … hay thức là cái ‘ta’ … … hay cái ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Khi nói ‘con đường dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính’ thì nó có nghĩa: đó là một con đường nhìn-nhận các thứ làm/giúp dẫn đến sự chấm-dứt khổ đau.” (SN 22:44)

45 (3) Vô -Thường (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp (vô thủ).58 “Cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy:

‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải- thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, nếu tâm một người đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố sắc-thân, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không dính- chấp. Nếu tâm đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố cảm-giác … đối với yếu tố nhận-thức … đối với yếu tố những sự tạo-tác cố ý … đối với yếu tố thức, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. “Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”59 (SN 22:45)

46 (4) Vô -Thường (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường … Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo-tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn dính-chấp những quan-điểm này nọ (tà kiến) liên quan quá khứ. Khi một người không còn dính chấp những quan-điểm này nọ liên quan quá khứ, thì người đó không còn dính

chấp những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai. Khi một người không còn dính chấp những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai, thì người đó không còn sự dính-chấp dai dẳng (= sự cố chấp, sự cứng đầu, sự chấp thủ dai dẳng, tà-kiến nặng đô khó bỏ) nào nữa.60 Khi người đó không còn sự dính-chấp dai dẳng nào nữa, thì tâm trở nên chán-bỏ đối với sắc- thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, và nó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. "Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 22:46)

47 (5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (nhìn nhận) [bất cứ thứ gì là] cái 'ta' theo những cách khác nhau, thì tất cả họ đều coi năm- uẩn bị dính-chấp, hay một uẩn nào trong đó, là cái 'ta'. Năm đó là gì? (i) "Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, người không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những; không phải là người nhìn thấy những bậc thiện nhân, không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong 'ta' hay cái 'ta' ở trong sắc-thân. Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta' hay 'ta' ở trong thức.

"Như vậy, cách nhìn-nhận các thứ như vậy và [quan niệm] cái 'ta-là' (ngã mạn) chưa biến mất khỏi/trong (tâm) người đó.61 Khi cái 'ta-là' chưa biến mất, thì chỗ đó tạo ra gốc-gác của năm căn—của căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.62 Này các Tỳ kheo, có tâm, có các hiện-tượng thuộc tâm (các pháp), có yếu tố vô-minh. Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì cái sự 'ta-là' xảy ra với người đó; cái sự 'ta là này là nọ' xảy ra với người đó, và sự 'ta sẽ gồm có sắc-thân' và sự 'ta sẽ không có sắc-thân (vô sắc)' và sự 'ta sẽ là có nhận-thức' (tưởng) và sự 'ta sẽ là không-có nhận-thức' và sự 'ta sẽ là không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)'— những sự đó xảy ra với người đó.63 (ii) "Này các Tỳ kheo, năm căn vẫn còn có ngay đó, nhưng đối với chúng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy dẹp bỏ sự vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (chân trí, minh). Với sự phai biến vô-minh và sự khởi sinh trí-biết đích thực, thì cái sự 'ta là' không xảy ra với người đó; cái sự 'ta là này là nọ' không xảy ra với người đó; và sự 'ta sẽ gồm có sắc- thân' và sự 'ta sẽ không có sắc-thân (vô sắc)' và sự 'ta sẽ là có nhận-thức' và sự 'ta sẽ là không-có nhận-thức' và sự 'ta sẽ là không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng)'— những sự đó không xảy ra với người đó." (SN 22:47)

48 (6) Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về năm-uẩn và năm-uẩn bị dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn? Mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đống (tập hợp) sắc-thân (sắc

uẩn).64 Mọi cảm-giác … được gọi là đống cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận- thức … được gọi là đống nhận-thức (tưởng uẩn). Mọi sự-tạo tác cố-ý … được gọi là đống những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn). Mọi thức … được gọi là đống thức (thức uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm-uẩn. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn)? Mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại … xa hay gần, nó bị ô-nhiễm, (ta, tâm) có thể bị dính-chấp (thủ) theo: đây được gọi là đống sắc bị dính-chấp (sắc thủ uẩn). Mọi cảm-giác dù là loại gì … nó bị ô- nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đống cảm-giác bị dính chấp (thọ thủ uẩn). Mọi nhận-thức dù là loại gì … nó bị ô-nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đống nhận-thức bị dính chấp (tưởng thủ uẩn). Những sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … nó bị ô-nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đống những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp (hành thủ uẩn). Mọi thức dù là loại gì … nó bị ô-nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đống thức bị dính chấp (thức thủ uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn).”65 (SN 22:48)

49 (7) Soṇa (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn … Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau: (1) “Này Soṇa, khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc- thân—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—cứ coi chính mình là này nọ như: ‘Ta tốt hơn’ (người khác), hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’,66 như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác … dựa trên cơ sở nhận-thức … dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố ý … dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—cứ coi chính mình là này nọ như vầy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc “Ta bằng’, hoặc “Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là? (2) “Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc-thân—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—không coi chính mình là này nọ như vầy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc “Ta bằng’, hoặc “Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là? “Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác … dựa trên cơ sở nhận-thức … dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố ý … dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—không coi chính mình là này nọ như vầy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc “Ta bằng’, hoặc “Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là? (3) “Này Soṇa, anh nghĩ sắc-thân

là vô thường hay thường hằng?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Khổ, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta' hay không?" – "Không, thưa Thế Tôn." "Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta' hay không?" – "Không, thưa Thế Tôn." - "Do vậy, này Soṇa, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi sắc-thân đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng

trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'. "Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo tác cố ý ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thức đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'. - "Này Soṇa, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi (tâm) được giải-thoát thì có sự biết: 'Tâm được giải thoát.' Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 22:49)

50 (8) Soṇa (2) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau: (1) "Này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được sắc- thân [khổ đế], nguồn-gốc của nó [tập đế], sự chấm-dứt của nó [diệt đế], và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó [đạo đế]; ai không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-

môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.67 (2) "Nhưng, này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được sắc- thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; ai hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức,

nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà- la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 22:50)

51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy sắc-thân vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Với sự tiêu diệt khoái-lạc [sự thích thú, sự khoái thích, sự vui thú] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.68 "Một Tỳ kheo nhìn thấy cảm-giác vô thường … nhận-thức vô thường … những sự tạo-tác cố ý vô thường … thức vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của người đó … Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo." (SN 22:51)

Chương 22 Liên Kết UẨN • 55

52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới sắc-thân. Hãy nhận thấy tính vô thường của sắc-thân đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm kỹ càng tới sắc-thân và nhận thấy tính vô thường của sắc-thân đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê- sợ đối với sắc-thân. Với sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục- dục; với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo. "Này các Tỳ kheo, hãy chú tâm kỹ càng tới cảm-giác … tới nhận-thức … tới những sự tạo-tác cố ý … tới thức … Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo." (SN 22:52)

56 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 22 Liên Kết UẨN • 57

PHẦN II. 'NĂM MƯƠI KINH GIỮA'

NHÓM 1. NHÓM 'SỰ DÍNH LÍU' (Upaya-vagga)

53 (1) Sự Dính Líu Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, người còn dính líu69 ([tức còn dính năm-uẩn theo cách của dục-vọng, sự tự-ta, tà-kiến]) thì không được giải thoát; người không còn dính líu thì được giải thoát. Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) có thể có mặt dính líu với sắc-thân, được dựa trên sắc-thân, được thiết lập trên sắc-thân, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang có mặt có thể có mặt [dính líu với cảm-giác … dính líu với nhận-thức …] dính líu với những sự tạo-tác cố ý; được dựa trên những sự tạo-tác cố ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố ý, được rưới thêm ít

nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.70 “Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’— thì điều đó là không thể. “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố sắc-thân, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.71 Nếu người đó đã

dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác … yếu tố nhận-thức … yếu tố những sự tạo-tác cố ý … đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức. “Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát.72 Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:53)

54 (2) Mầm Giống (chủng tử) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có năm loại mầm-giống. Năm đó là gì? Giống rễ, giống cành, giống ghép, giống chiết, và giống mầm là thứ năm.73 Nếu năm loại giống không bị sứt mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó không có đất hay nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Nếu năm loại giống không bị sứt mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), nhưng không được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nếu năm loại giống không bị sứt mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), và ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Này các Tỳ kheo, bốn ‘trạm-trú cho thức’ nên được nhìn thấy như yếu-tố đất. Còn sự khoái-lạc và nhục-dục nên được nhìn thấy như yếu-tố nước. Thức cùng với những dưỡng-chất của nó nên được nhìn thấy giống như năm loại mầm giống đó.74 “Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) có thể có mặt dính líu với sắc-thân; được dựa trên sắc-thân, được thiết lập trên sắc-thân, được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang có mặt, có thể có mặt dính líu với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý; được dựa trên những sự tạo-tác cố ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố ý, được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì có

thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. “Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’— thì điều đó là không thể. “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố sắc-thân, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức. Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác … yếu tố nhận-thức … yếu tố những sự tạo-tác cố ý … đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát. Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:54)

55 (3) Lời Cảm Hứng Nói Ra (tự thuyết) Ở Sāvatthī. Lúc đó đức Thế Tôn đã tự mình nói ra điều này: “Lẽ ra nó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] nó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’: một Tỳ kheo thiết lập (chủ tâm, quyết tâm, giải quyết) như vậy thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử).”75 Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một Tỳ kheo có thể thiết lập như vầy: ‘Lẽ ra nó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] nó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn?” [1] “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân … cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’ … hay ‘ta’ ở trong thức’. (i) “Người đó không hiểu được sắc-thân vô thường là ‘sắc-thân vô thường’ … cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ … nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ … những sự tạo-tác cố ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố ý vô thường’ … thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

(ii) “Người đó không hiểu được sắc-thân khổ là ‘sắc-thân khổ … cảm- giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ … nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ … những sự tạo-tác cố ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố ý khổ’ … thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là. (iii) “Người đó không hiểu được sắc-thân vô ngã là ‘sắc-thân vô ngã … cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ … nhận-thức vô ngã là ‘nhận- thức vô ngã’ … những sự tạo-tác cố ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố ý vô ngã’ … thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là. (iv) “Người đó không hiểu được sắc-thân là có điều-kiện (hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện … cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều- kiện’ … nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ … những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố ý

có điều-kiện’ … thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là. (v) “Người đó không hiểu được sắc-thân là sẽ bị hủy diệt là ‘sắc-thân sẽ bị hủy diệt’ … cảm-giác là sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ … nhận-thức là sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ … những sự tạo- tác cố ý là sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố ý sẽ bị hủy diệt’ … thức là sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.76 [2] “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân … thì không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … hay ‘ta’ ở trong thức. (i) “Người đó hiểu được sắc-thân vô thường là ‘sắc-thân vô thường’ … cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ … nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ … những sự tạo-tác cố ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố ý vô thường’ … thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là. (ii) “Người đó hiểu được sắc-thân khổ là ‘sắc-thân khổ … cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ … nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ … những sự tạo-tác cố ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố ý khổ’ … thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là.

(iii) “Người đó hiểu được sắc-thân vô ngã là ‘sắc-thân vô ngã … cảm- giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ … nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ … những sự tạo-tác cố ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố ý vô ngã’ … thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là. (iv) “Người đó hiểu được sắc-thân là có điều-kiện (hữu-vi) là ‘sắc- thân có điều-kiện … cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ … nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ … những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện’ … thức có điều- kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là. (v) “Người đó hiểu được sắc-thân là sẽ bị hủy diệt là ‘sắc-thân sẽ bị hủy diệt’ … cảm-giác là sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ … nhận-thức là sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ … những sự tạo- tác cố ý là sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố ý sẽ bị hủy diệt’ … thức là sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là. - “Với sự hủy diệt (chấm-dứt hoàn toàn) của sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, vị Tỳ kheo đó, sau khi thiết lập như vầy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ năm gông-cùm thấp hơn.”77 [3] “Thưa Thế Tôn, khi thiết lập như vậy, thì một Tỳ kheo có thể cắt bỏ năm gông-cùm thấp hơn. Nhưng, theo cách nào người tu thấy, theo cách nào người tu biết, để có thể xảy ra ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’?”78 (i) “Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy bị sợ- hãi với một vấn đề không có lý làm sợ-hãi. Vì điều đó làm sợ-hãi người phàm phu không được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’. Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì không bị sợ-hãi với một vấn đề không có lý làm sợ hãi. Vì nó không làm sợ-hãi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy (khi người đó nghĩ

rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, [và] điều đó sẽ không xảy ra; nó không xảy ra với ta’. 79 (ii) “Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành) có thể có mặt dính líu với sắc-thân … dính líu với cảm-giác … dính

líu với nhận-thức … dính líu với những sự tạo-tác cố ý … dính líu với thức; được dựa trên những sự tạo-tác cố ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố ý, khi được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. (iii) “Này các Tỳ kheo, dù ai có nói: ‘Ngoài sắc-thân, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’— thì điều đó là không thể. (iv) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố sắc-thân, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức. (coi chú thích 71). Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác … yếu tố nhận-thức … yếu tố những sự tạo-tác cố ý … đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ-sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức. (v) “Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát. (coi chú thích 79). Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” “Này Tỳ kheo, theo cách như vậy một người tu biết, theo cách như vậy người tu thấy, thì có thể xảy ra ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’.” (SN 22:55)

64 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. “Chừng nào ta chưa trực-tiếp biết năm uẩn bị dính-chấp theo bốn giai đoạn,80 đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực- tiếp biết tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có … những thiên thần và loài người. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có bốn giai đoạn đó? Ta trực-tiếp biết sắc-thân (sắc), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Ta trực-tiếp biết cảm-giác (thọ) … nhận-thức (tưởng) … những sự tạo-tác cố ý (hành) … thức (thức), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. (1) “Và này các Tỳ kheo, cái gì là sắc-thân? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Khi có khởi sinh ‘dưỡng-chất’ là khởi sinh sắc-thân. Khi chấm dứt ‘dưỡng- chất’ là chấm dứt sắc-thân. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt sắc-thân; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định [cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn].81 (a)

“Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự

chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ-đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.82 (b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp, họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn-vẹn (hoàn thiện, hoàn thành). Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh, không còn hiện thị trong thế gian nữa).83 (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cảm-giác? Cảm giác có sáu dạng như vầy: (a) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (b) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (c) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (e) cảm giác có từ thân chạm xúc, (f) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp xúc’ (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ).84 Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách- nhìn đúng đắn … và sự định-tâm đúng đắn. (a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn

dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhận-thức? Nhận thức có sáu dạng như vầy: (a) nhận thức về những hình-sắc, (b) nhận thức về những âm- thanh, (c) nhận thức về những mùi-hương, (d) nhận thức về những mùi-vị, (e) nhận thức về những đối-tượng chạm xúc, (f) nhận thức về những hiện- tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp xúc’ là có khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập):chánh-kiến … chánh-định. (a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong

Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với nhận-thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những sự tạo-tác cố ý? Sự cố-ý (tư) có sáu dạng:85 (i) sự cố-ý đối với những hình-sắc, (ii) sự cố-ý đối với những âm-thanh, (iii) sự cố-ý đối với những mùi-hương, (iv) sự cố-ý đối với những mùi-vị, (v) sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc, (vi) sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Những sự này được gọi là những sự tạo-tác cố ý (các hành). Khi có ‘sự tiếp-xúc’ (xúc) là có khởi sinh ‘những sự tạo-tác cố ý’ (hành). Khi chấm dứt ‘sự tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt ‘những sự tạo-tác cố ý’ (hành diệt). Bát Thánh Đạo là

đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định. (a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thức? Thức có sáu dạng như vầy: (i) thức mắt, (ii) thức tai, (iii) thức mũi, (iv) thức lưỡi, (v) thức thân, (vi) thức tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-sắc’ (danh sắc) là có khởi sinh thức (thức). Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ (danh sắc diệt) là chấm dứt thức (thức diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định.86 (a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp …

Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (SN 22:56)

57 (5) Bảy Trường Hợp Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy (07) trường hợp và là người điều-tra tìm hiểu theo ba (03) cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người toàn-vẹn (toàn thiện), người đã sống đời sống tâm linh một cách tròn đầy, là loại người cao nhất”.87 (I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy trường hợp? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân. “Người đó hiểu được cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với [trong trường hợp] thức. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sắc-thân? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là sắc-thân. Khi khởi sinh ‘dưỡng-chất’ thì có khởi sinh sắc-thân. Khi chấm dứt ‘dưỡng-chất’ là chấm dứt sắc-thân. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt sắc-thân; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh- định. “Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào sắc-thân: đây chính là sự thỏa-thích trong sắc-thân. Mà sắc-thân đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong sắc-thân. Sự loại bỏ và

dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với sắc-thân: đây chính là sự thoát- khỏi sắc-thân. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy- hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. - “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó (nên) được giải thoát nhờ sự không dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những ai được giải thoát một cách thiện khéo là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh nữa). (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cảm-giác? Có sáu dạng cảm-giác: cảm-giác có từ mắt tiếp xúc … [tương tự đoạn này trong kinh kế trên] … cảm-giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp-xúc’ (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định. “Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Mà cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát- khỏi cảm-giác.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác … đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác … là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có- được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác … thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân … (nên) được giải thoát nhờ sự không dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo … là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhận-thức? Có sáu dạng nhận- thức: nhận thức về sắc-thân … nhận thức về các hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp-xúc’ (xúc) thì khởi sinh nhận-thức (tưởng). Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ (xúc diệt) là chấm dứt nhận-thức (tưởng diệt). Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định. “Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào nhận-thức: đây chính là sự thỏa-thích trong nhận-thức. Mà nhận-thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong nhận-thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nhận-thức: đây chính là sự thoát-khỏi nhận-thức. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức … đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức … là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức … thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân … (nên) được giải thoát nhờ sự không

dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo … là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những sự tạo-tác cố ý? Sự cố-ý có sáu dạng: sự cố-ý đối với sắc-thân … sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là những sự tạo-tác cố ý. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh những sự tạo-tác cố ý. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt những sự tạo-tác cố ý. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh- định. “Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố ý: đây chính là sự thỏa-thích trong những sự tạo-tác cố ý. Mà những sự tạo-tác cố ý đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong những sự tạo-tác cố ý. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với những sự tạo-tác cố ý: đây chính là sự thoát-khỏi những sự tạo-tác cố ý. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố ý … đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý … là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách

thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố ý … thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân … (nên) được giải thoát nhờ sự không dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo … là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thức? Có sáu dạng thức: thức mắt … thức-tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-sắc’ thì khởi sinh thức. Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ là chấm dứt thức. Bát Thánh Đạo là

con đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh- kiến … chánh-định. “Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức … đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức … là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. - “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức … sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức … thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân … (nên) được giải thoát nhờ sự không dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo … là những người toàn-vẹn. Đối với những người toàn-vẹn thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy (07) trường hợp. (II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người điều- tra tìm hiểu ba cách? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều-tra tìm hiểu (1) theo cách các yếu-tố (giới) [như toàn chương SN 14], (2) theo cách sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) [như toàn chương SN 35], và (3) theo cách của ‘sự khởi-sinh tùy-thuộc’ (lý duyên khởi) [như toàn chương SN 12]. Theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là người điều-tra tìm hiểu ba cách.88 “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy trường hợp và là người điều-tra tìm hiểu theo ba cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người toàn-vẹn, người đã sống đời sống tâm linh một cách tròn đầy, là loại người cao nhất.” (SN 22:57)

58 (6) Bậc Toàn Giác Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [giác ngộ toàn thiện], được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê- sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí- tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một người được giải-thoát nhờ trí-tuệ.89 “Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ

kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác … thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ. “Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, cái gì sự khác biệt, cái gì là sự khác nhau giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người phát khởi con-đường (đạo) chưa được khởi sinh trước đó, là người tạo ra con-đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên bố con-đường chưa được tuyên bố trước đó. Bậc ấy là người hiểu-biết con-đường, là người

khám-phá ra con-đường, là người thiện-khéo trong con-đường. Và những người đệ tử của bậc ấy giờ đang đi theo con-đường đó và sau đó sẽ có- được con-đường đó. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ.” (SN 22:58)

59 (7) Đặc Tính Vô Ngã (vô ngã tướng) 90 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy: “Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là ‘ta’. Bởi nếu sắc-thân là ta, này các Tỳ kheo, thì sắc-thân này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vầy; sắc-thân của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì sắc-thân không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vầy; sắc-thân của ta không được như vậy.’91 “Cảm-giác không phải là ‘ta’ … Nhận-thức không phải là ‘ta’ … Những sự tạo-tác cố ý không phải là ‘ta’ … Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”. “Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? … Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? … Những sự tạo-tác cố ý là thường hằng hay vô thường? … Thức là thường

hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”. “Do vậy, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. “Mọi cảm-giác dù là loại gì … mọi nhận-thức dù là loại gì … mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả cảm-giác … thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống,

những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. (SN 22:59)

60 (8) Mahāli Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Rồi ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, (giáo sĩ) Pūraṇa Kassapa nói như vầy: ‘Không có nguyên-nhân (nhân) hay điều-kiện (duyên) nào tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm không phải do nguyên-nhân hay điều- kiện nào cả. Không có nguyên-nhân hay điều-kiện nào làm nên sự trong- sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc không phải do nguyên- nhân và điều-kiện nào cả.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”92 “Này Mahāli, có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm là (do) có nguyên-nhân và điều-kiện (tạo ra). Có nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc là (do) có nguyên-nhân và điều-kiện (làm nên).” (1) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện?” “Này Mahāli, nếu sắc-thân này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự

sướng, thì chúng sinh đâu bị đam mê với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đam mê với nó.93 Do bị đam mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Này Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện. "Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn khổ … Nếu nhận-thức này … những sự tạo-tác cố ý này … thức này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đam mê với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác … thức là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đam mê với nó. Do bị đam mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Này Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện. (2) "Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện?" "Này Mahāli, nếu sắc-thân này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có Nguyên-nhân và điều-kiện.

"Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn sướng … Nếu nhận-thức này … Nếu những sự tạo-tác cố ý này … Nếu thức này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác … thức là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện." (SN 22:60)

61 (9) Bốc Cháy 94 Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, sắc-thân đang bốc cháy, cảm-giác đang bốc cháy, nhận-thức đang bốc cháy, những sự tạo-tác cố ý đang bốc cháy, thức đang bốc cháy. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với

thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê- sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: 'Nó được giải thoát'. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'". (SN 22:61)

62 (10) Những Đường Chữ Nghĩa Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, này có ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả,95 nó không bị pha tạp, đã chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, và sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Ba đó là gì? "Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân đã biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "đã" được dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đang' hay chữ 'sẽ'. "Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố ý ... Mọi thức đã biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "đã" được dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đang' hay chữ 'sẽ'. "Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân chưa được sinh ra, chưa hiện thành (chưa thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "sẽ" được dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đang' hay chữ 'đã'. "Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố ý ... chưa được sinh ra, chưa hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "sẽ" được dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đang' hay chữ 'đã'. "Này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân đã được sinh ra, đã hiện thành (thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "đang" (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đã' hay chữ 'sẽ'. "Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố ý ... đã được sinh ra, đã hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả "đang" (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ 'đã' hay chữ 'sẽ'. "Này các Tỳ kheo, đây là ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả, chúng không bị pha tạp, chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

"Này các Tỳ kheo, ngay cả Vassa và Bañña ở xứ Ukkalā, là những người nắm giữ thuyết phi nhân-duyên, thuyết phi hành-động (phi tác nghiệp), và thuyết tự-diệt (diệt vong), cũng đã không nghĩ ba đường chữ- nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả này, nên bị khinh miệt hay chỉ trích. Vì lý do gì? Vì họ sợ bị chê trách, bị công kích, và bị lên án."96 (SN 22:62)

NHÓM 2. NHÓM 'NHỮNG A-LA-HÁN' (Arahanta-vagga)

63 (1) Khi Dính Chấp Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Này Tỳ kheo, khi dính-chấp

[trong sự dính-chấp], người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp, người ta tự do khỏi Ác Ma đó."97 "Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa Thế Tôn!" "Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy?" "Thưa Thế Tôn, khi dính-chấp theo sắc-thân, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi dính-chấp theo cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo- tác cố ý ... thức, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. "Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn." "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi dính- chấp theo sắc-thân, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [Phật lặp lại

giống hệt như trên] ... bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy." Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục- tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp hiểu rằng: "Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa. Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:63)

64 (2) Khi Suy Tưởng Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn ... (giống tương tự kinh trên) "Này Tỳ kheo, khi suy-tưởng, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. "Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!" "Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?"

"Thưa Thế Tôn, khi suy tưởng sắc-thân, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi suy tưởng cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không bị suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. "Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn." "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi suy tưởng sắc-thân, người

ta bị trói buộc bởi Ma-vương … [Phật lặp lại giống hệt như trên] … bằng cách không suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:64)

65 (3) Khi Tìm Cầu Khoái-lạc (Sự Vui Thú)

Ở Sāvatthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế

Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn … (giống tương tự kinh trên)

“Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc, người ta bị trói buộc bởi Ma- vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. “Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!” “Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?” “Thưa Thế Tôn, khi tìm cầu khoái-lạc trong sắc-thân, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi tìm cầu khoái-lạc trong cảm-giác … trong nhận-thức … trong những sự tạo-tác cố ý … trong thức, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. “Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.” “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc trong sắc-thân, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương … [Phật lặp lại giống hệt như trên] … bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:65)

66 (4) Vô -Thường Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn … (giống tương tự kinh trên) “Này Tỳ kheo, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với mọi thứ là vô thường.” “Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!” “Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?” “Thưa Thế Tôn, sắc-thân là vô

thường; con nên dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nó. Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo-tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường; con nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. “Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.” “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Sắc-thân là vô thường … Thức là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.” Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:66)

67 (5) Khổ

[Giống kinh 22:66 kế trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “khổ”.] (SN 22:67)

68 (6) Vô -Ngã [Giống kinh 22:66 kế trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “vô ngã”.] (SN 22:68)

69 (7) Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’ [Giống kinh SN 22:66 kế trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “không thuộc về ‘ta’”.] (SN 22:69)

70 (8) Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi [Giống kinh 22:66 kế trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “có vẻ khiêu gợi”.] (SN 22:70)

71 (9) Rādha Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:98 “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu- hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Rādha, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Mọi cảm-giác … Mọi nhận-thức … Mọi sự tạo-tác cố ý … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác … mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Này Rādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự ‘tự-ta’ không còn xảy ra ở bên trong.” Sau đó thầy Rādha sống tu một mình … Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:71)

72 (10) Surādha Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Surādha đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấuhiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm không còn [đã loại bỏ hết] cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”

“Này Surādha, mọi sắc-thân dù là loại gì, thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Mọi cảm-giác … Mọi nhận-thức … Mọi sự tạo-tác cố ý … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác … mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’, thì tâm được giải thoát nhờ sự không dính-chấp. “Này Surādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: tâm hết-sạch cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.” Sau đó thầy Surādha sống tu một mình … Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 22:72)

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’ (Khajjanīya-vagga)

73 (1) Sự Thỏa Thích … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, đúng như nó thực là. “Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, đúng như nó thực là.” (SN 22:73)

74 (2) Nguồn Gốc … (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, đúng như nó thực là. “Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, đúng như nó thực là.” (SN 22:74)

75 (3) Nguồn Gốc … (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự

thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạotác cố ý, và thức, đúng như nó thực là.” (SN 22:75)

76 (4) Những A-la-hán (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Cảm-giác là vô thường … Nhận-thức là vô thường … Những sự tạo- tác cố ý là vô thường … Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Sau khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống,

những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’
“Này các Tỳ kheo, dù tới tận đâu có các cõi của chúng sinh, ngay cả tới đỉnh cao nhất của sự hiện-hữu,99 thì những bậc này là đứng đầu trong thế gian, những bậc này là tốt nhất trong thế gian, đó là những bậc A-lahán.”
Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành,
Vị Thầy, nói thêm như vầy:
“Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!
Không còn dục-vọng bên trong họ.
Sự ‘tự-ta’ (ngã mạn) đã bị cắt bỏ’,
Lưới vô-minh đã bị phá bung.
“Họ đã đạt tới trạng thái bất-động,100
Tâm trí họ rõ ràng minh mẫn;
Họ không còn bị dính nhiễm trong thế gian—
Những bậc thánh thiện, không-còn ô nhiễm.
“Sau khi đã hiểu được năm-uẩn,
Dựa vào bảy phẩm-hạnh,101
Những bậc thượng nhân đáng tôn vinh đó,
Là những người Phật tử đích thực.
“Được trao cho bảy châu-báu,
Đã tu xong ba-phần tu-tập,102
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Với sự sợ hãi và run sợ đã dẹp bỏ.
“Được phú đủ mười yếu-tố,103

Những con-rồng lớn đó, tâm đạt định,
Là những chúng sinh tốt nhất trong thế gian:
Dục-vọng đã không còn bên trong họ.
“Sự-biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:”
92 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

‘Thân này là thân cuối cùng ta mang.’
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.
“Không còn bị lay động với ba sự phân-biệt,104
Họ đã thoát khỏi sự tái-sinh.
Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành (A-la-hán),
Họ là những người chiến thắng trong thế gian.
“Trên, dưới, dọc, ngang,
Sự khoái-thích không còn bên trong họ.
Họ hiên ngang cất lên tiếng gầm sư tử:
‘Những bậc giác-ngộ là tối thượng trong thế gian.’”
(SN 22:76)
77 (5) Những A-la-hán (2) [Giống hệt bài kinh kế trên, chỉ bỏ đi phần thi kệ.]

(SN 22:77)

78 (6) Sư Tử Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của các loài thú, ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. “Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ-hãi, một sự cảm thấy sự cấp-bách và sự khiếp-sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì bỏ chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đực lớn của hoàng gia, đang bị cột bởi

Chương 22 Liên Kết UẨN • 93

những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuống chạy khắp nơi. Này các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật uy dũng và hùng mạnh. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo,105 khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn; Như Lai giảng dạy Giáo Pháp như vầy: ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi sinh của sắc-thân, này là sự biến diệt của sắc-thân; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’106 “Rồi, này các Tỳ kheo, những thiên

thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung tiên bồng, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ cảm thấy đầy sự sợ-hãi, sự cảm nhận cấp-bách, và sự khiếp-sợ, [nên họ nói rằng]: 'Coi chừng chúng ta là vô-thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc-chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta sẽ bị hoại-diệt, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa các ngài, coi chừng chúng ta là vô-thường, không chắc-chắn, sẽ bị hoại-diệt, bị nằm trong cái danh-tính này.'107 Này các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là uy dũng và uy lực." Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, đức Thế Tôn, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vầy: "Khi Đức Phật, từ trí-biết đích thực (chân trí), Thiết lập chuyển động bánh xe Giáo Pháp, Trong thế giới này có những thiên thần, Vị Thầy vô song đã tuyên thuyết [điều này]:

"Sự chấm dứt danh-tính
Và nguồn gốc của danh-tính,
Và con đường Bát Thánh Đạo
Dẫn tới sự lắng lặn khổ đau.
"Rồi những thiên thần có tuổi siêu đại thọ,
Đẹp đẽ, chói lọi trong hào quang,
Đều cảm thấy sợ hãi, đầy kinh sợ,
Giống như những loài thú khi nghe tiếng gầm sư tử.
"'Chúng ta chưa thoát khỏi danh-tính;
Ôi thưa quý ngài, dường như chúng ta cũng vô-thường',
[Họ thốt lên như vậy] sau khi nghe lời tuyên thuyết của bậc A-la-hán, bậc An Định đã được giải thoát."
(SN 22:78)
79 (7) Đang Bị Nhai Nuốt Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào nhớ lại nhiều cõi sống trong quá khứ của họ thì tất cả đều nhớ lại năm-uẩn bị dính chấp, hoặc một trong năm uẩn đó.108 Năm đó là gì? "Này các Tỳ kheo, khi nhớ lại như vầy: 'Mình đã có sắc-thân như vậy trong quá khứ', đó chính là sắc-thân mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: 'Mình đã có cảm-giác như vậy trong quá khứ', đó chính là cảm-giác mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: 'Mình có nhận-thức như vậy trong quá khứ', đó chính là nhận-thức mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: 'Mình có những sự tạo-tác cố ý như vậy trong quá khứ', đó chính là những sự tạo- tác cố ý mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: 'Mình có thức như vậy trong quá khứ', đó chính là thức mà người đó nhớ lại. (1) "Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là sắc-thân (sắc; hình dạng, thể sắc)?109 Này các Tỳ kheo, nó bị biến dạng ([biến sắc, biến thể,

biến tướng]) nên nó được gọi là dạng sắc-thân.110 Biến dạng bởi gì? Bị biến dạng bởi lạnh, bị biến dạng bởi nóng, bị biến dạng bởi đói, bị biến dạng bởi khát, bị biến dạng

bởi tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít. 'Nó bị biến dạng', này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là sắc-thân. (2) "Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là cảm-giác (thọ)? Này các Tỳ kheo, 'nó cảm nhận' nên nó được gọi là cảm-giác.111 (chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải 'ai' hay 'chủ thể' nào cảm nhận). Và nó cảm nhận cái gì? Nó cảm nhận sướng, nó cảm nhận khổ, nó cảm nhận không sướng không khổ. 'Nó cảm nhận', này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là cảm-giác. (3) "Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là nhận-thức (tưởng)? Này các Tỳ kheo, 'nó nhận thức', nên nó được gọi là sự nhận- thức. Và nó nhận thức cái gì? Nó nhận thức màu xanh, nó nhận thức màu vàng, nó nhận thức màu đỏ, nó nhận thức màu trắng. 'Nó nhận thức', này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là nhận-thức. (4) "Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là những sự tạo-tác cố ý (hành)? Này các Tỳ kheo, 'chúng tự tạo tác những thứ/sự có điều- kiện (hữu vi) nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố ý.112 Và chúng tạo tác những gì có điều-kiện? Chúng tạo tác sắc-thân có điều-kiện là sắc- thân;113 chúng tạo tác cảm-giác có điều-kiện là cảm-giác; chúng tạo tác những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là những sự tạo-tác cố ý; chúng tạo tác thức có điều-kiện là thức. 'Chúng tạo tác những thứ/sự có điều-kiện', này các Tỳ kheo, nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố ý. (5) "Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là thức? Này các Tỳ kheo, 'nó nhận biết' nên nó được gọi là thức. Và nó nhận biết cái gì? Nó nhận biết chua, nó nhận biết đắng, nó nhận biết cay, nó nhận biết ngọt, nó nhận biết vị nặng, nó nhận biết vị nhẹ, nó nhận biết mặn, nó nhận biết nhạt; (tám vị). 'Nó nhận biết', này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là thức.114

- "Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán xét, quán niệm) như vầy: 'Giờ ta đang bị nhai nuốt (bị dày vò, bị làm khổ) bởi sắc-thân.115 Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi sắc-thân theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi sắc-thân hiện tại. Nếu ta tìm khoái-lạc trong sắc-thân tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi sắc-thân theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi sắc-thân hiện tại.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đối với sắc-thân quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong sắc-thân tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó. - "[Người đó suy xét như vầy:] 'Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi cảm-giác … 'Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi nhận-thức … 'Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi những sự tạo-tác cố ý … 'Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi thức. Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi cảm-giác … thức theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi cảm-giác … thức hiện tại. Nếu ta tìm khoái- lạc trong cảm-giác … thức tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi cảm-giác … thức theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi cảm-giác … thức hiện tại.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đến cảm-giác … thức quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong cảm-giác … thức tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác … thức hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó. - "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là vô thường hay thường hằng? … Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? … Nhận-thức là vô thường hay thường hằng?

… Những sự tạo-tác cố ý là vô thường hay thường hằng? … Thức là vô thường hay thường hằng?”116 – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì … mọi cảm- giác dù là loại gì … mọi nhận-thức dù là loại gì … mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: tất cả sắc- thân … tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. (i) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người (đang) phá-bỏ (vòng luân-hồi) chứ không tạo-dựng (nó); là người dẹp-bỏ chứ không dính-chấp; là người giải-tán chứ không tích-đống; là người dập-tắt chứ không mồi-lửa. (chỉ bậc học-nhân)117 - “Và người đó phá-bỏ chứ không tạo-dựng cái gì? Người đó phá bỏ sắc-thân chứ không tạo dựng nó. Người đó phá bỏ cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức chứ không tạo dựng nó. - “Và người đó dẹp-bỏ chứ không dính-chấp vào cái gì? Người đó dẹp bỏ sắc-thân chứ không dính chấp vào nó. Người đó dẹp bỏ cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức chứ không dính chấp vào nó. - “Và người đó giải-tán chứ không tích-đống cái gì? Người đó giải tán sắc-thân chứ không tích đống nó. Người đó giải tán cảm-giác … nhận- thức … những sự tạo-tác cố ý … thức chứ không tích đống nó. - “Và người đó dập-tắt chứ không mồi-lửa cái gì? Người đó dập tắt sắc-thân chứ không mồi lửa nó. Người đó dập tắt cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức chứ không mồi lửa nó. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm như vậy, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống,

những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’. (ii) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người không còn phá-bỏ hay tạo-dựng (vòng luân-hồi), mà người đó chỉ an trú sau khi đã phá-bỏ (nó); là người không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dẹp-bỏ; là người không còn giải-tán hay tích-đống, mà người đó chỉ an trú sau khi đã giải-tán; là người không còn dập-tắt hay mồi-lửa, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dập-tắt. (chỉ bậc A- la-hán)118 - “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ nó? Người đó không còn phá bỏ hay tạo dựng sắc-thân mà chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó. Người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức mà chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ

nó. - “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dẹp-bỏ nó? Người đó không còn dẹp bỏ hay dính chấp sắc-thân mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó. Người đó không còn dẹp bỏ hay dính chấp cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó. - “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn giải-tán hay tích-đống cái gì mà giờ được an-trú sau khi đã giải-tán nó? Người đó không còn giải tán hay tích đống sắc-thân mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó. Người đó không còn giải tán hay tích đống cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó. - “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dập-tắt hay mồi-lửa cho cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dập-tắt nó? Người đó không còn dập tắt hay mồi lửa cho sắc-thân mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó. Người đó không còn dập tắt hay mồi lửa cho cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm như vậy, thì những thiên thần cùng với vị trời Indra, là vua của các vị trời, và vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati cũng kính lễ từ xa (như vầy): ‘Kính lễ ngài, hỡi người đã được thuần phục toàn thiện! Kính lễ ngài, hỡi người cao nhất giữa loài người! Bản thân chúng tôi không trực-tiếp biết được Theo như những gì ngài đã thiền tập (để đạt như vậy).’”119 (SN 22:79)

80 (8) Người Khất Thực (xin ăn) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Rồi đức Thế Tôn, sau thời gian đã giải tán (đuổi) các Tỳ kheo vì một lý do rõ ràng,120 sáng hôm đó mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khất thực, và trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn (Đại Lâm) để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vô khu Rừng Lớn đó, đức Thế Tôn ngồi xuống dưới gốc một cây beluva nhỏ để an trú qua ngày. Lúc đó, trong khi đang ở một mình ở chỗ tách-ly, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vầy: “Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị ta giải tán (hổm rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Giống như giống như một con bò non khi không gặp được mẹ nó thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong nó (như lạc đường, gặp nguy hiểm); cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra

thay đổi hay biến đổi này nọ. Giống như những cây chồi non nếu không gặp nước thì có thể xảy ra sự thay đổi hay biến đổi trong chúng (như khô héo, chết đi); cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Vậy giờ ta nên hộ giúp Tăng Đoàn các Tỳ kheo, như ta đã từng hộ giúp (độ) họ trước giờ.” 121 Rồi vị Trời Sahampati, với tâm của mình sau khi biết được

điều suy xét trong tâm của đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi phắt cái tay đang co hay co cái tay đang duỗi, liền biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chỉnh xếp y trên một bên vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Đúng nên như vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng nên như vậy, thưa bậc Phúc Lành! Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn giải tán (hổm rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới … [như đoạn trên, gồm cả ví dụ] … Nếu họ không gặp được đức Thế Tôn có thể trong tâm ý họ xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy vui lòng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo! Mong Đức Thế Tôn hãy chào đón Tăng Đoàn trở lại! Đức Thế Tôn hãy hộ giúp Tăng Đoàn như đức Thế Tôn đã hộ giúp họ trước giờ.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi vị Trời Sahampati, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn bên hướng phải của mình, vị Trời biến mất ngay tại đó. Rồi vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư trong ngày và đi về Tịnh Xá Nigrodha. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và thực hiện một chiêu thức thần thông để các Tỳ kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, (họ) đi đến một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lẽn (nhút nhát, xấu hổ).122 Rồi các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, họ đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lẽn. Sau khi đã đến, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

(i) “Này các Tỳ kheo, đây là hình thức kiếm sống thấp hèn nhất, đó là, việc đi xin ăn. Trong thế gian đây là một chữ mang tính sĩ nhục:123 ‘Đồ ăn mày; đồ vất vưởng lang thang tay cầm bát ăn xin!’ Và, nhưng mà, này các Tỳ kheo, những người họ tộc quyết định chọn cách sống đó là có lý do chính đáng. Họ chọn (cách sống khất thực) như vậy không phải do vua chúa bắt ép, không phải do phường trộm cướp bắt ép, cũng không phải do bị nợ nần, không phải do sợ hãi, cũng không phải làm vậy như một nghề kiếm sống. Nhưng họ làm vậy với ý nghĩ rằng: ‘Mình đang chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Mình đang chìm đắm trong sự khổ đau, đang bị áp bức trong sự khổ đau. Mong rằng sẽ có ngày chấm dứt được toàn bộ đống khổ này!’. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy mà một người họ tộc đã xuất gia tu hành. (ii) “Nhưng, này các Tỳ kheo, giờ người đó vẫn còn thèm khát, còn bị cháy bởi tham-muốn khoái-lạc giác quan (tham dục), với cái tâm đầy sự ác-ý, với những ý định (tư duy) bị lụn bại bởi sự thù-ghét, với cái tâm lăng-xăng rối mù (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), tâm không đạt-định, đầu óc phân tán, lơi lỏng trong các căn cảm-nhận (giác quan). Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đã bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng; cũng theo cách như vậy ta nói về loại người này là: người đó đã bỏ mất những sự hưởng lạc của đời sống tại gia nhưng cũng chẳng tu thành tới mục-tiêu của đời tu sĩ. (tức: uổng một đời tu!) (ii) “Này các Tỳ kheo, có ba loại ý-nghĩ bất thiện: Ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại. Và, này các Tỳ kheo, ở đâu ba loại ý-nghĩ bất thiện này chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]? (Ở bên trong) một người thiền an trú với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh niệm’ (tứ niệm xứ), hoặc (ở bên trong) người thiền tu tập ‘sự định-tâm vô dấu-hiệu’ (vô-tướng

định). Này các Tỳ kheo, bấy nhiêu cũng đủ lý do để tu tập 'sự định-tâm vô dấu-hiệu'.124 Này các Tỳ kheo, khi 'sự định-tâm vô

dấu-hiệu' được tu tập và tu dưỡng, điều đó dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao. (iii) "Này các Tỳ kheo, có hai loại cách-nhìn (quan điểm): cách-nhìn (luôn) hiện-hữu ([tư tưởng bất-diệt]) và cách-nhìn (sẽ) không hiện-hữu ([tư tưởng diệt-vong]).125 Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì biết suy xét như vầy: 'Có thứ gì trong thế gian ta có thể bám víu vào nó mà không bị chê trách (bị tội lỗi)?' Người đó hiểu được như vầy: 'Chẳng có thứ gì trong thế gian để ta bám víu vào nó mà không bị chê trách. Bởi vì nếu ta có bám víu thì ta chỉ có sắc-thân để bám víu vào, ta chỉ có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức để bám víu vào. (sự bám víu hay nắm giữ là sự dính-chấp). Do có sự dính- chấp đó (thủ) của ta là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.'126 (iii) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là vô thường hay thường hằng? … Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? … Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? … Những sự tạo-tác cố ý là vô thường hay thường hằng? … Thức là vô thường hay thường hằng?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Khổ, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta' hay không?" – "Không, thưa Thế Tôn." "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'"127 (SN 22:80)

81 (9) Ở Pārileyya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambī để khất thực. Sau khi đức Thế Tôn đã đi khất thực trong thành Kosambī và trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận (thị giả) của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.128 Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn bỏ đi, một Tỳ kheo nọ đã đến gặp Ngài Ānanda và nói với thầy ấy rằng: "Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng." "Này đạo hữu, mỗi lần đức Thế Tôn làm như vậy là đức Thế Tôn muốn ở (an trú) một mình. Trong mỗi lần như vậy đức Thế Tôn không muốn có bất cứ ai đi theo." Rồi đức Thế Tôn, sau khi đi bộ từng chặng, cuối cùng đã tới vùng Pārileyyaka. Ở Pārileyyaka đức Thế Tôn đã an trú dưới gốc cây được gọi là cây sa-la

điềm lành [bhadda].129 Rồi một nhóm Tỳ kheo đã đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy.130 Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, đã lâu kể từ lúc chúng tôi nghe được một bài Giáo Pháp khi có mặt đức Thế Tôn (tức: bài Giáo Pháp do chính đức Thế Tôn nói ra). Chúng tôi muốn nghe một bài như vậy, này đạo hữu Ānanda.”

Rồi thầy Ānanda cùng với số Tỳ kheo đó đã đi đến gặp đức Thế Tôn ở Pārileyyaka, đang trú dưới gốc cây sa-la điềm lành. Sau khi đến, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo đó bằng một bài Giáo Pháp. Bấy giờ, vào lúc đó, một sự quán chiếu đã khởi sinh trong (tâm) của một Tỳ kheo như vầy: “Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra?”131 Đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo đó như vầy: “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này đã được ta chỉ dạy một cách phân- giải (phân biệt).132 Bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) đã được ta chỉ dạy một cách phân-giải. Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần) … bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông (tứ thần túc) … năm căn tâm linh (ngũ căn) … năm năng-lực (ngũ lực) … bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) … Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát Thánh Đạo) đã được ta chỉ dạy một cách phân giải. Này các Tỳ kheo, đối với Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy một cách phân giải như vậy, có một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm của một Tỳ kheo ở đây như vầy: ‘Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra?’ “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ xảy ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; (i) cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác (hành).133 Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phàm phu không được chỉ

dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô- minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra. “Như vậy đó, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó (hành) là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó (ái) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; cảm-giác đó (thọ) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc (xúc) đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó (vô minh) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (ii) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, nhưng người đó cứ coi cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một người tu

biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (iii) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, nhưng người đó cứ coi sắc-thân là ở trong cái ‘ta’. Sự nhìn- nhận đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (iv) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, nhưng người đó cứ coi cái ‘ta’ là ở trong sắc-thân. Sự nhìn-nhận đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (v) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ là ở trong sắc-thân, nhưng người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … (ix) nhận-thức là cái ‘ta’ … (xiii) những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … (xvii) thức là cái ‘ta’ … … (xx) cái ‘ta’ là ở trong thức. [Mỗi uẩn đều lặp lại 04 trường hợp giống tương tự uẩn sắc-thân nói trên, tổng cộng là 20 trường hợp] … … Sự nhìn- nhận đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] …

Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (xxi) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … … hay cái ‘ta’ là ở trong thức (giống như từ (i)(v) ở trên), nhưng người đó nắm giữ một quan-điểm (cách nhìn, kiến chấp) như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’134 Cái quan-điểm trường tồn bất-diệt đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (xxii) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … cũng không nắm giữ quan-điểm trường tồn bất-diệt như vậy (giống như từ (i)(vi) ở trên), nhưng người đó nắm giữ quan-điểm như vầy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’.135 Quan-điểm diệt-vong đó là một sự tạo-tác … [tiếp tục giống y lời đoạn trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì ‘sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm’ sẽ xảy ra. (xxiii) “Người đó có thể không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … cũng không nắm giữ quan điểm diệt-vong như vậy (giống như từ (i)(v) ở trên), nhưng người đó cứ phân vân, nghi ngờ, không nhất định (không dứt khoát, thiếu tin tưởng) đối với Giáo Pháp. Sự phân vân, sự nghi ngờ, sự không nhất định đó đối với Giáo Pháp là một sự tạo-tác. Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.136 “Như vậy đó, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó (hành) là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó (ái) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; cảm-giác đó (thọ) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc (xúc) đó là vô

thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó (vô minh) là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì 'sự lập tức tiêu diệt ô-nhiễm' sẽ xảy ra.137 (Như vậy bài kinh này giải thích về sự thiền quán, với 23 [xxiii] trường hợp, dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán)

(SN 22:81)

82 (10) Đêm Trăng Rằm Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra, cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó— là ngày rằm Bố-tát [Uposatha], vào đêm trăng tròn—đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.138 [I]- Rồi có một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh xếp y trên một vai, chấp hai tay hướng về đức Thế Tôn kính lễ, và nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một điều, mong đức Thế Tôn ban cho sự trả lời cho câu hỏi của con." "Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống chỗ ngồi của mình và hỏi điều thầy muốn hỏi." "Dạ, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó ngồi xuống chỗ ngồi của mình và thưa với đức Thế Tôn: (1) "Thưa Thế Tôn, những thứ này có phải là năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn) hay không; đó là: uẩn sắc-thân (sắc uẩn) bị dính-chấp, uẩn cảm-giác (thọ uẩn) bị dính-chấp, uẩn nhận-thức (tưởng uẩn) bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn) bị dính-chấp, và uẩn thức (thức uẩn) bị dính-chấp?" "Này các Tỳ kheo, đây chính là năm uẩn bị dính-chấp này; đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp … uẩn thức bị dính-chấp."

"Thật tốt lành, thưa Thế Tôn", sau khi nói vậy, vị Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn. Rồi vị đó hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi: (2) "Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ đâu?" "Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ sự tham- muốn."139 (3) "Thưa Thế Tôn, có phải sự dính-chấp (thủ) là một với năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) này, hay sự dính-chấp là một thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp?" "Này Tỳ kheo, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính-chấp, cũng không phải là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp. Chính sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp mới là sự dính- chấp ở đó."140 (4) "Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể có sự đa dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp này hay không?" "Có thể có, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Ở đây, này Tỳ kheo, có người nghĩ như vầy: 'Ta mong có được sắc-thân như vậy trong tương lai! Ta mong có được cảm-giác như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố ý cố-ý như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức như vậy trong tương lai!' Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp." (5) "Thưa Thế Tôn, theo cách nào, sự chỉ danh (sự gọi tên) 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn?" ""Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— đây là uẩn sắc-thân. Mọi cảm-giác dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn cảm-giác. Mọi nhận-thức dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn nhận-

thức. Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn những sự tạo-tác cố ý. Mọi thức dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn thức. Chính theo cách này sự chỉ danh 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn." (6) "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) cho sự thể hiện (sự mô tả) của uẩn sắc-thân?141 Cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác … uẩn nhận-thức … uẩn những sự tạo-tác cố ý … uẩn thức?" "Này Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn sắc-thân (tứ đại sinh sắc-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác (xúc sinh thọ uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức (xúc sinh tưởng-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố ý (xúc sinh hành-uẩn). Phần 'tâm thần-vật chất' (danh sắc) là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn thức (danh-sắc sinh thức-uẩn)." (7) "Thưa Thế Tôn, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) được hình thành?"" "Ở đây, này Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân. "Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý cố-ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành." (8) "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) không đi đến hình thành?"

"Ở đây, này Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân. "Người đó không coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý cố-ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) không đi đến hình thành." (9) "Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với sắc-thân? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với cảm-giác … đối với cảm-giác … dục-vọng nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức?" "Này Tỳ kheo, sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào sắc-thân—đây được gọi là sự thỏa-thích đối với sắc-thân. Mà sắc-thân là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với sắc-thân. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ

tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân—đây là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân. “Sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào cảm- giác … tùy thuộc vào nhận-thức … tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố ý … tùy thuộc vào thức—đây là sự thỏa-thích đối với thức. Mà thức là vô- thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với thức. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức—đây là sự thoát-khỏi đối với thức. (10) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến),

sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?” “Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ “Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì … một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của- ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Chính khi một người biết và thấy như vậy thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong. [II]- Lúc đó, trong tâm của một Tỳ kheo ý nghĩ (sự suy xét) này đã khởi sinh: “Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo- tác cố ý không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào nhận lãnh hành-động được làm bởi sự tác động vô ngã?” (ý hỏi: vậy cái ngã hay cái ‘Ta’ nào nhận lãnh những nghiệp được tạo ra bởi tác động vô ngã?)142 Rồi, đức Thế Tôn, bằng tâm mình biết được ý nghĩ trong tâm Tỳ kheo đó, nên đức Thế Tôn nói luôn với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có thể rằng một số người lầm lạc ở đây, u mê và vô minh, với cái tâm bị chi phối bởi dục-vọng, nghĩ rằng mình có thể qua mặt Giáo Lý của Vị Thầy như vầy: ‘Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo-tác cố ý không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào nhận lãnh hành-động được làm bởi sự tác động vô ngã?’

Bây giờ, này các Tỳ kheo, lâu nay các thầy đã được huấn luyện bởi ta thông qua ‘sự vấn-đáp’ với nhiều lần khác nhau, ở những nơi khác nhau, về những vấn đề giáo lý khác nhau.143 [một ví dụ về phương pháp chỉ dạy thông qua vấn-đáp như sau đây:])

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Sắc-thân là vô thường hay thường hằng?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn” … Cảm-giác … Nhậnthức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là vô thường hay thường hằng?”— “Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”— “Là khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường, khổ, và bị biến đổi thì có

đúng để coi nó như vầy: "Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'', hay không'?"—"Không, thưa Thế Tôn". - "Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê thích] với sắc-thân, tỉnh-ngộ với cảm-giác, tỉnh-ngộ với nhận-thức, tỉnh-ngộ với những sự tạo-tác, tỉnh-ngộ với thức. - "Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chánbỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'"144 Đây là mười câu hỏi, Vị Tỳ kheo đã hỏi: Hai câu về năm-uẩn; Có phải (năm-uẩn) là một (với sự dính-chấp), Có khả năng có (sự đa dạng); Sự chỉ danh và nguyên nhân; Hai câu về danh-tính; [Mỗi câu về] sự thỏa-thích, Và về [thân này] có-thức. (SN 22:82)

NHÓM 4. NHÓM 'CÁC TRƯỞNG LÃO' (Thera-vagga)

83 (1) Ngài Ānanda Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!". "Dạ, đạo hữu!", các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này: "Này các đạo hữu, Ngài Puṇṇa Mantāniputta (Phú-lâu-na; được Phật cho là bậc đệ nhất về thuyết pháp) là rất hữu ích đối với chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới.145 Thầy ấy đã khởi xướng (giáo giới) cho chúng ta bằng sự khởi xướng sau đây: "Này Ānanda, chính do sự dính-chấp (thủ) nên có [quan niệm] cái 'ta' (ngã kiến), không dính chấp thì không có. Và do dính chấp vào cái gì mà có [quan niệm] cái 'ta', không dính chấp thì không có?146 Chính do dính chấp vào sắc-thân nên có [quan niệm] cái 'ta', không dính chấp thì không có. Chính do dính chấp vào cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức nên có [quan niệm] cái 'ta', không dính chấp thì không có. "Này đạo hữu Ānanda, giả sử có một người nữ [hay nam]—trẻ trung và thích đồ trang sức, soi nhìn mặt mình trong gương hay trong một chậu nước sạch, trong, tinh khiết: cô ấy soi nhìn vào đó với một sự dính-chấp, không dính chấp thì không soi nhìn. Cũng giống như vậy, chính do sự dính-chấp vào sắc-thân nên có [quan niệm] cái 'ta', không dính chấp thì không có. Do sự dính-chấp vào cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức nên có [quan niệm] cái 'ta', không dính chấp thì không có. "Này đạo hữu Ānanda, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường" … [tiếp tục tương tự phần hỏi-đáp này ở gần cuối kinh kế trên] …

- "Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (giống đoạn kết đã được ghi đầy đủ ở kinh kết trên)

"Này các đạo hữu, thầy Puṇṇa Mantāniputta là rất hữu ích cho chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới. Thầy ấy đã khởi xướng cho chúng ta bằng sự khởi xướng đó. Và khi tôi nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp của thầy ấy, tôi đã làm-được sự đột-phá (= chứng ngộ) vào Giáo Pháp." (tức chứng quả Nhập-lưu)147 (SN 22:83)

84 (2) Ngài Tissa Ở Sāvatthī. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Tissa, người em họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật),148 đã thông báo cho một số Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, thân của tôi cứ như đã bị dính thuốc độc, tôi trở nên mất phương hướng, các thứ (các pháp, mọi thứ mọi sự) không còn rõ ràng đối với tôi.149 Sự đờ-đẫn và buôn-ngủ (hôn trầm thụy miên) cứ ám muội tâm trí tôi. Tôi đang sống đời sống tâm linh không được viên mãn, và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý.” Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vầy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Tissa rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại và thầy đó đi tới chỗ Ngài Tissa và nói: “Sư Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu Tissa.” “Được, này đạo hữu”, thầy Tissa đáp lại, và thầy đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói

với thầy ấy: “Có đúng thật không, này Tissa, rằng thầy mới báo cho các Tỳ kheo như vầy: ‘Này các đạo hữu, thân tôi dường như bị dính thuốc độc … và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý’?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Này Tissa, thầy nghĩ sao, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với sắc-thân, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái (cảm tình), sự thèm- khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi sắc-thân thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?” “Dạ phải, thưa Thế Tôn.” “Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với sắc-thân. Rồi, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác … thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?” “Dạ phải, thưa Thế Tôn.” “Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với cảm giác … thức. (nhưng) Nếu người ta tránh bỏ nhục-dục đối với sắc-thân, tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi sắc-thân thay đổi và biến đổi có còn khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với sắc-thân. (và) Nếu người ta tránh bỏ nhục dục đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức, tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê,

và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác … thức thay đổi và biến đổi có khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với cảm-giác … thức. Này Tissa, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Vì vậy: sau khi đã nhìn thấy như

vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: "Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'. "Này Tissa, giả sử có hai người đàn ông: một người không thiện thạo trong con đường và một người thiện thạo trong con đường. Người không thiện thạo sẽ hỏi người thiện thạo một câu hỏi về con đường, và người thiện thạo sẽ nói: 'Này, bạn tốt, đây là con đường. Cứ bước đi một chút, bạn sẽ thấy một ngã-ba trên đường. Tránh bỏ đường rẽ trái và chọn đường rẽ phải. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đám cây-cối dày-đặc. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đầm-lầy lớn. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vách-núi chặn-đứng. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vùng bình-nguyên tuyệt-vời.' "Này Tissa, ta đã đưa ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa của nó: 'Người không thiện thạo trong con đường (đạo)': là ví cho người phàm phu không được chỉ dạy. 'Người thiện thạo trong con đường': là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. 'Ngã-ba đường': là ví cho sự (chướng ngại) nghi-ngờ. 'Đường rẽ-trái': là ví cho con-đường tám phần sai lạc (bát tà đạo), đó gồm: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). 'Đường rẽ-phải': là ví cho con-đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). 'Đám cây-cối dày-đặc': là ví cho sự vô-minh. 'Đầm-lầy lớn': là ví cho những khoái-lạc giác quan (dục lạc,

sự sa lầy). 'Vách-núi chặn-đứng': là ví cho sự bế tắc [tuyệt vọng] do tâm sân-hận. 'Vùng bình-nguyên tuyệt-vời': là ví cho Niết-bàn. "Giờ hãy vui lên, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Có ta ở đây là để khởi xướng (giáo huấn), ta ở đây là để hộ giúp, ta ở đây là để chỉ dạy!" Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Thầy Tissa hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.150 (SN 22:84)

85 (3) Ngài Yamaka Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một quan-điểm độc hại (nguy hại, tai hại, tệ hại, tà hại) như sau đã khởi sinh trong tâm của một Tỳ kheo tên là Yamaka: "Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì ('bản thân mình') cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết."151 Một số Tỳ kheo nghe được quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm Tỳ kheo Yamaka. Nên sau đó họ đến gặp Ngài Yamaka và chào hỏi thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: "Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vầy đã khởi sinh trong tâm của thầy: 'Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.'?" "Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo chỗ tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện- hữu sau khi chết."

“Này đạo hữu Yamaka, xin đừng nói như vậy. Đừng nói thay lời của đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Không tốt lành nếu nói thay lời của đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Đức Thế Tôn không nói rằng: ‘Một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’” Nhưng, mặc dù đã được các Tỳ kheo khuyên can theo cách như vậy, thầy Yamaka vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó, cố chấp nó, và cứ tuyên bố rằng: “Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.” Do các Tỳ kheo không thể nào gỡ bỏ được cái quan-điểm độc hại đó ra khỏi tâm trí thầy Yamaka, nên họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến gặp thầy Xá-lợi-phất và kể lại toàn bộ chuyện đó cho thầy ấy nghe, và họ nói thêm rằng: “Sẽ tốt lành nếu Ngài Xá-lợi-phất đến gặp Tỳ kheo Yamaka vì sự bi- mẫn đối với thầy ấy.” Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn cư. Thầy đến gặp thầy Yamaka và chào hỏi qua lại, sau đó thầy ngồi xuống một bên và nói với thầy Yamaka: “Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vầy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?” “Chính xác là vậy, này đạo hữu. “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.” … “Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.” - “Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’152

Chương 22 Liên Kết UẨN • 119

(1) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi sắc-thân là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu.” (2) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ở trong sắc-thân hay không?” – “Không, đạo hữu” – (3) “Thầy có coi Như Lai là khác với sắc-thân hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi Như Lai là ở trong cảm-giác hay không? Như Lai là khác với cảm-giác hay không? Như Lai là ở trong nhận-thức hay không? Như Lai là khác với nhận-thức hay không? Như Lai là ở trong những sự tạo-tác cố ý hay không? Như Lai là khác với những sự tạo-tác cố ý hay không? Như Lai là ở trong thức hay không? Như Lai là khác với thức hay không?” – “Không, đạo hữu”. (4) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức [hợp lại với nhau = năm- uẩn] là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu”. (5) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ‘người’ không có sắc-thân, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác cố ý, và không có thức, hay không?” – “Không, đạo hữu”.153 “Nhưng, này đạo hữu Yamaka, trong khi Như Lai không được thầy coi là thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này,154 (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô- nhiễm đã tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy

khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.'?" "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trước giờ tôi ngu dại, tôi đã chấp thủ cái quan-điểm độc hại đó; nhưng giờ sau khi đã nghe lời dạy Giáo Pháp này của Thầy Xá-lợi-phất, tôi mới dẹp bỏ được cái quan-điểm độc hại đó, và

tôi đã làm-được sự đột-phá (chứng ngộ) vào Giáo Pháp." (tức = chứng ngộ Nhập-lưu)155 (6) "Này đạo hữu Yamaka, nếu người ta hỏi thầy như vầy: 'Này bạn Yamaka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm, thì điều gì sẽ xảy ra với người đó khi thân tan rã, sau khi chết?'— khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời ra sao?" "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi tôi điều này, tôi sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, sắc-thân là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ khổ đã chấm dứt và phai biến. Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ khổ đã chấm dứt và phai biến.' Khi được hỏi như vậy, này đạo hữu, tôi sẽ trả lời theo cách như vậy."156 (7) "Tốt, tốt, đạo hữu Yamaka! Bây giờ, này đạo hữu Yamaka, ta sẽ làm một ví dụ cho thầy để chuyển tải ý nghĩa như vậy một cách rõ ràng hơn. Này đạo hữu Yamaka, giả sử có một gia chủ [hay con trai của ông ta] là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Rồi, có người xuất hiện muốn phá hoại ông ta, hãm hại ông ta, làm hại ông ta, lấy mạng ông ta. Kẻ đó có thể nghĩ: 'Ông gia chủ này là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Không dễ gì lấy mạng ông ta ngay bằng vũ lực. Vậy ta phải tiếp cận (thân cận) với ông ta và lấy mạng ông ta.' "Rồi người đó đến gặp ông gia chủ, và nói: 'Tôi muốn phục vụ cho ngài.' Rồi ông gia chủ chọn người đó làm một người hầu cận. Người đó phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến. Ông gia chủ tin coi người đó như bạn hữu,157 như bạn chí thân, và đặt niềm tin tưởng vào người đó. Nhưng, tới lúc người đó biết chắc ông gia chủ đã đặt niềm tin tưởng vào mình nên sau đó đã tìm cơ hội khi ông chủ ở một mình, người đó đã dùng dao bén lấy mạng ông chủ.

"Thầy nghĩ sao, này đạo hữu Yamaka, khi người đó đã đến gặp ông gia chủ và nói: 'Tôi muốn phục vụ ngài', có phải hắn đã là 'kẻ sát nhân' cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hắn là 'kẻ sát nhân của mình'? Và trong khi người đó đang phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến, có phải hắn đã là 'kẻ sát nhân' cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hắn là 'kẻ sát nhân của mình'? Và tới khi kẻ đó tấn công ông chủ khi ông đang ở một mình và dùng dao bén lấy mạng ông chủ, có phải hắn cũng đã là 'kẻ sát nhân' cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hắn là 'kẻ sát nhân của mình'? "Đúng là vậy, này đạo hữu". "Cũng giống như vậy, này đạo hữu Yamaka,158 người phàm phu không được chỉ dạy (được ví như 'ông gia chủ' trong ví dụ trên), không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng

nhân: (I) a- cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. (tức: không nhận ra mà nhận lầm năm-uẩn, ví như ông gia chủ hay con trai ông không nhận ra mà nhận lầm ‘kẻ sát hại mình’ là người thân của mình). “Người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. b- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) vô thường là ‘sắc-thân vô thường’ … cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ … nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ … những sự tạo-tác cố ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố ý vô thường’ … thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.159

c- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) khổ là ‘sắc- thân khổ … cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ … nhận-thức khổ là ‘nhận- thức khổ’ … những sự tạo-tác cố ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố ý khổ’ … thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là. d- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) vô ngã là ‘sắc-thân vô ngã … cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ … nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ … những sự tạo-tác cố ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố ý vô ngã’ … thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là. e- “Người đó không hiểu được sắc-thân là có điều-kiện (mang bản chất hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện’ … cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm- giác có điều-kiện’ … nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ … những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố ý có điều- kiện’ … thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là. f- “Người đó không hiểu được sắc-thân (mang bản chất) sát hại là ‘sắc-thân sát hại … cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ … nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ … những sự tạo-tác cố ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố ý sát hại’ … thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên). g- “Người đó bị dính líu với sắc-thân, dính chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’.160 Người đó bị dính líu với cảm-giác … với nhận-thức … với những sự tạo-tác cố ý … với thức, dính-chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Chính năm-uẩn bị dính-chấp này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó, bởi người đó bị dính líu với chúng và dính chấp vào chúng. (II) a- “Nhưng, (ngược lại), này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân … thì không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.

“Người đó cũng không coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. b- “Người đó hiểu được sắc-thân (mang bản chất) vô thường là ‘sắc- thân vô thường’ … cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ … nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ … những sự tạo-tác cố ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố ý vô thường’ … thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là. c- “Người đó hiểu được sắc-thân khổ là ‘sắc-thân khổ … cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ …

nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ … những sự tạo-tác cố ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố ý khổ’ … thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là. d- “Người đó hiểu được sắc-thân vô ngã là ‘sắc-thân vô ngã … cảm- giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ … nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ … những sự tạo-tác cố ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố ý vô ngã’ … thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là. e- “Người đó hiểu được sắc-thân là có điều-kiện (hữu-vi) là ‘sắc-thân có điều-kiện … cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ … nhận- thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ … những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện’ … thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là. f- “Người đó hiểu được sắc-thân sát hại là ‘sắc-thân sát hại’ … cảm- giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ … nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ … những sự tạo-tác cố ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố ý sát hại’ … thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên). g- “Người đó không bị dính líu với sắc-thân, không dính chấp vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Người đó không bị dính líu với cảm-giác … với nhận-thức … với những sự tạo-tác cố ý … với thức, không dính chấp vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của

ta’. Chính năm-uẩn bị dính-chấp này không dẫn tới sự nguy-hại và khổ- đau dài lâu cho người đó, do người đó không dính líu với chúng và không dính chấp vào chúng. “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, quả thật là những quý thầy ở đây có được những sư huynh (như thầy Xá-lợi-phất) đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống tâm linh để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và giờ tôi đã được nghe ‘sự chỉ dạy Giáo Pháp’ này của Thầy Xá-lợi-phất, tâm tôi được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp.” Trên đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Thầy Yamaka hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất.161 (SN 22:85)

86 (4) Ngài Anurādha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sảnh Đường Mái Nhọn.162 Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Anurādha (A-nu-ra-đa) đang trú trong một chòi trong rừng cách không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi một số du sĩ giáo phái khác đến gặp thầy Anurādha, và chào hỏi với thầy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: “Này các bạn Anurādha, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai— loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—163 thì Như Lai có mô tả về Như Lai theo bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.” Sau khi điều này được nói ra, thầy Anurādha đã nói với các du sĩ đó như vầy: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—

thì Như Lai mô tả về Như Lai khác với bốn trường hợp này: 'Như Lai còn hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết'."164 Sau khi điều này được nói ra, các du sĩ đã nói với thầy Anurādha rằng: 'Vị Tỳ kheo này chắc mới được thụ giới, chưa xuất gia lâu; hoặc nếu vị này có là một trưởng lão lâu năm thì chắc ông chỉ là một người ngu đần thiểu năng." Rồi những du sĩ giáo phái khác đó, sau khi đã lăng mạ thầy Anurādha bằng những từ ngữ như "mới được thụ giới" và "ngu đần", đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi. Rồi, không lâu sau khi những du sĩ đó bỏ đi, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Anurādha: "Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi ta thêm nữa, thì ta sẽ trả lời theo cách nào để nói đúng điều đã được đức Thế Tôn nói ra và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói)? Và theo cách nào ta giảng giải cho đúng theo Giáo Pháp, và để sau đó không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?" Rồi, thầy Anurādha đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra với các du sĩ, và hỏi rằng: "Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi con thêm nữa, thì con sẽ trả lời theo cách nào … để sau đó không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?" (1) "Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi sắc-thân là Như Lai hay không?" – "Dạ Dạ không, thưa Thế Tôn" – "Thầy có coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là Như Lai hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn." (2) "Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ở trong sắc- thân hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn" – (3) "Thầy có coi Như Lai là khác với sắc-thân hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn" – "Thầy có coi Như Lai là ở trong cảm-giác hay không? Như Lai là khác với cảm-giác hay không? Như Lai là ở trong nhận-thức hay không? Như

Lai là khác với nhận-thức hay không? Như Lai là ở trong những sự tạo- tác cố ý hay không? Như Lai là khác với những sự tạo-tác cố ý hay không? Như Lai là ở trong thức hay không? Như Lai là khác với thức hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn". (4) "Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức [kết hợp nhau = năm-uẩn] là Như Lai hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn". (5) "Này Anurādha, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là 'người' không có sắc-thân, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác cố ý, và không có thức hay không?" – "Dạ không, thưa Thế Tôn". "Nhưng, này Anurādha, trong khi Như Lai không được thầy coi là thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này, (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: 'Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng— thì Như Lai có mô tả về Như Lai khác với bốn trường hợp này: 'Như Lai còn hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết'?" "Dạ không (hợp lý), thưa Thế Tôn". "Tốt, tốt, này Anurādha! Này Anurādha, trước đây và bây giờ cũng vậy, ta chỉ tuyên bố (chỉ dạy, cho thấy, tuyên tuyết) về sự khổ và sự chấm- dứt khổ."165 (SN 22:86)

87 (5) Ngài Vakkali Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy

Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Vakkali đang trú

trong chái kho của một lò gốm; thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.166 Rồi thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình: “Này các đạo hữu, hãy nhân danh ta đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy chuyển lời xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân Đức Thế Tôn.’ Rồi thưa: ‘Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến gặp (thăm) thầy Vakkali vì lòng bi-mẫn.’” “Được, này đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của thầy Vakkali. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi gặp thầy Vakkali. Thầy Vakkali nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Vakkali, thầy đừng cử động trên giường nữa.167 Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.” Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với thầy Vakkali: - “Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Vakkali, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.” - “Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.” “Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

- “Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách mình về mặt giới-hạnh.” “Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt giới- hạnh.” “Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?” “Thưa Thế Tôn, bởi từ lâu con đã muốn đến gặp đức Thế Tôn, nhưng con không đủ khỏe mạnh để làm được việc đó.” - “Đủ rồi, này Vakkali! Tại sao thầy lại muốn nhìn thấy cái thân ô uế này làm gì? Ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; ai nhìn thấy ta (năm uẩn này) là nhìn thấy Giáo Pháp.168 Bởi vì, này Vakkali, khi nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; và khi nhìn thấy ta, là nhìn thấy Giáo Pháp. - “Này Vakkali, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’. Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã ban sự khởi xướng (giáo huấn) cho thầy Vakkali, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và quay về Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình như vầy: “Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi trên tấm giường này và đưa tôi tới chỗ (được gọi tên là) Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili; (đó cũng là nơi Ngài Godhika đã tự kết liễu thân mình).169 Làm sao người như tôi có thể ưa nằm chết giữa khu nhà cửa đông đúc như vầy?” “Được, đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và sau

khi họ khiêng thầy Vakkali trên tấm giường đó, họ đã đưa thầy ấy tới chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili.

Chương 22 Liên Kết UẨN • 129

Đức Thế Tôn trải qua phần còn lại của ngày và đêm hôm đó trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn, chiếu hào quang sáng rực cả vùng Núi Kền Kền … Sau khi đứng qua một bên, một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng.”170 Thiên thần thứ hai thì nói: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo.”171 Đây là điều hai thiên thần đó đã nói. Sau khi nói xong, họ kính lễ đức Thế Tôn, và giữ hướng đức Thế Tôn phía bên phải, họ biến mất tại đó. Rồi khi đêm đã trôi qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, hãy đến gặp Tỳ kheo Vakkali và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời của đức Thế Tôn và hai thiên thần. Này đạo hữu, tối qua, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng”. Thiên thần kia thì nói: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và, này Vakkali, đức Thế Tôn đã (chuyển lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, này Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là một sự tồi tệ.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp thầy Vakkali, và nói lại với thầy ấy: “Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời nói của đức Thế Tôn và hai thiên thần …” Rồi, (ngay khi đó) thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình: “Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi xuống khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ mình lắng nghe lời dạy của đức Thế Tôn khi mình đang nằm [ngồi] ở trên [giường, chỗ] cao như vầy.”

130 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ khiêng thầy xuống khỏi giường. “Này đạo hữu Vakkali, tối qua có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải-phóng”. Thiên thần kia thì nói: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải-thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyển lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, này Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là sự tồi tệ.” “Được rồi, này các đạo hữu, hãy nhân danh tôi đến cúi đầu xuống chân của đức Thế Tôn để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’ Rồi (chuyển lời) thưa rằng: ‘Sắc-thân là vô thường’: con không còn lờ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ về điều: ‘mọi thứ vô thường đều là khổ’. Con không còn nghi-ngờ rằng: ‘đối với ‘thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, con đã không còn tham-muốn, nhục-dục, hay luyến-ái (đối với nó). ‘Cảm-giác là vô thường … ‘Nhận-thức là vô thường … ‘Những sự tạo-tác cố ý là vô thường … ‘Thức là vô thường’:

con không còn lờ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ về điều: 'mọi thứ vô thường đều là khổ'. Con không còn nghi-ngờ rằng: 'đối với 'thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi', con đã không còn tham-muốn, nhục- dục, hay luyến ái (đối với nó)'." "Được, này đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ ra về. Rồi, không lâu sau khi họ ra về, thầy Vakkali đã dùng dao. (tức: tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình)172 Rồi các Tỳ kheo đã về đến gặp đức Thế Tôn ... và chuyển lại lời của thầy Vikkali. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, chúng ta hãy đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili, nơi có người họ tộc Vakkali vừa mới dùng dao." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với một số Tỳ kheo, đã đi đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili. Từ xa đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Vakkali đang nằm trên giường với vai quắp lại. Bấy giờ, vào lúc đó có một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang phóng vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng?" "Dạ có, thưa Thế Tôn" "Này các Tỳ kheo, đó là Ma Vương Ác Ma đang tìm kiếm thức của người họ tộc Vakkali, (hắn) đang thắc mắc: 'Thức của người họ tộc Vakkali đã được lập thành ở đâu?'. Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, với thức không được lập thành (để còn tái sinh), người họ tộc Vakkali đã chứng ngộ niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn)." (SN 22:87)

88 (6) Ngài Assaji Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Assaji đang trú tại Khu Vườn (của Ngài) Ca-Diếp (Kassapa), thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết ... [tiếp tục lời kinh giống hệt như bài kinh 22:87 kế trên, cho đến:]

- "Này Assaji, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?"

"Thưa Thế Tôn, trước đây khi con bị bệnh con liên tục làm lắng lặn 'những sự tạo-tác của thân' (thân hành), nhưng [bây giờ] con không đạt định được.173 Khi con không đạt định được, điều này xảy đến với con: 'Ta sẽ (cố) không bị rớt ra!'" (tức: cố gắng để khỏi bị rớt khỏi định) (1) "Này Assaji, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (đề cao) sự định- tâm là cốt lõi, và đồng hóa sự định-tâm với đời sống sa-môn, thì khi không đạt định được họ cứ lo nghĩ: 'Chúng ta sẽ cố không bị rớt ra!'174 (2) "Này Assaji, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" ... "Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: "Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'.175 (3) "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó

cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' (4) "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly. (5) "Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.' Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.'

- "Này Assaji, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân … đang kết liễu cùng với mạng-sống … Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'" (SN 22:88)

89 (7) Ngài Khemaka Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống tại Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Khemaka đang sống trong Vườn Cây Táo Ta, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết. Rồi, vào buổi chiều, những Tỳ kheo trưởng lão đó ra khỏi chỗ ẩn cư, và nói với Ngài Dāsaka như vầy: (1) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, chúng tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, chúng tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Chúng tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.'" "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - "Này các đạo hữu, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang càng lúc càng thấy rõ."

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (2) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp, đã từng được đức Thế Tôn chỉ dạy; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự

tạo-tác cố ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, thầy Khemaka có coi (nhìn nhận) cái nào là cái 'ta', hoặc nghĩ nó thuộc cái 'ta' hay không?'" "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - "Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, tôi không coi cái nào là cái 'ta' hay thuộc cái 'ta' nào cả." Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (3) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp đã được nói bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Nếu thầy Khemaka không coi cái nào trong số năm uẩn bị dính-chấp đó là cái 'ta' hay thuộc cái 'ta', vậy thì thầy là đã một bậc thánh A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô- nhiễm.'" "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - "Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Tôi không coi cái nào trong năm uẩn bị dính-chấp đó là cái 'ta' hay thuộc cái 'ta', nhưng tôi không phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm. Này các đạo hữu, [cái quan niệm] cái 'ta' [ta là] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối

liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi không coi [bất kỳ uẩn nào] là 'Đây là ta'.'"176 Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (4) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái 'ta' như vậy— thì đó là cái-gì mà thầy nói về nó là cái 'ta'? Có phải ý thầy nói về sắc-thân là cái 'ta' hay ý thầy nói về một cái 'ta' khác với sắc-thân? Có phải ý thầy nói cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái 'ta' hay ý thầy nói về một cái 'ta' khác với thức? Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về một cái 'ta' như vậy, cái gì là cái mà thầy nói là cái 'ta'? "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - "Đủ rồi, này đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ phải chạy đi chạy về như vậy? Hãy gọi người chăm sóc (hầu cận) của ta đến đây, này đạo hữu. Ta sẽ tự thân đi đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó." Rồi thầy Khemaka, nương dựa vào (sự dìu dắt của) người chăm sóc của mình, đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, chào hỏi qua lại với họ, và ngồi xuống một bên. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: "Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái 'ta' như vậy … … cái gì là cái mà thầy nói là cái 'ta'?" - "Này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái 'ta', tôi cũng không nói cái 'ta' là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái 'ta', tôi cũng không nói cái 'ta' là khác với thức. Này các đạo hữu [quan niệm] cái 'ta' vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là 'Đây là ta'."

- “Này các đạo hữu, ví dụ có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng. Liệu có ai nói đúng mà nói rằng: ‘Mùi hương thuộc cánh hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc cuống hoa’,177 hay ‘Mùi hương thuộc nhụy hoa’?” “Không thuộc cái nào cả, này đạo hữu”. - “Này các đạo hữu, vậy nếu ai trả lời đúng là trả lời theo cách nào?” “Này đạo hữu, nếu trả lời đúng thì người đó nên trả lời rằng: ‘Mùi hương thuộc bông hoa.’” - “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm- giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thức. Này các đạo hữu, mặc dù [cái quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, nhưng, tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta’. - “Này các đạo hữu, ngay cả khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một chút tham-muốn cái ‘ta’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của cái ‘ta’ chưa được bứng sạch. Nhiều lúc sau đó người đó an trú quán xét (quán niệm, thiền quán) về sự lên và xuống (hiện và lặn, sinh và diệt) trong năm-uẩn bị dính-chấp, như vầy: ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.’ Khi người đó an trú quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn bị dính-chấp, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, chút tham-muốn cái ‘ta’, chút khuynh- hướng tiềm ẩn cái ‘ta’ trước giờ chưa được bứng sạch— rồi sẽ được bứng sạch. - “Này các đạo hữu, ví dụ một tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng thuốc giặt, hoặc bằng phân bò, và sau đó xổ sạch nó trong nước sạch.

Mặc dù tấm vải đó đã được tinh tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư hơi hướng của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cất vào một học tủ đầy mùi thơm (chẳng hạn: có để hương thơm, nước hoa, long não…), thì chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò trước đó chưa biến mất— rồi sẽ biến mất hoàn toàn.178 - “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, ngay cả khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một chút tham-muốn cái ‘ta’, một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của cái ‘ta’ chưa được bứng sạch … Khi người đó an trú quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn bị dính-chấp, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, chút tham-muốn cái ‘ta’, chút khuynh-hướng tiềm ẩn cái ‘ta’ trước giờ chưa được bứng sạch— rồi sẽ được bứng sạch. Khi lời này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy Khemaka: “Chúng tôi không (có ý) hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, mà (thực lòng) chúng tôi nghĩ rằng Thầy Khemaka có khả năng giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý của đức Thế Tôn một cách chi tiết. Và (thực vậy) Thầy Khemaka đã giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết,

thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý." Trên đây là điều mà Ngài Khemaka đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Ngài Khemaka. Và trong khi bài thuyết giảng đang được nói ra như vậy, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp. (SN 22:89)

90 (8) Ngài Channa

Trong một lần có một số Tỳ kheo đang sống ở xứ Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi chiều, Ngài Channa ra khỏi chỗ ẩn cư, và mang theo chìa khóa của mình, đi tới từng chỗ trú của các Tỳ kheo và nói với họ như vầy: "Các bậc trưởng lão hãy khởi xướng cho tôi, các bậc trưởng lão hãy chỉ dạy cho tôi, các bậc trưởng lão hãy nói Giáo Pháp cho tôi theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp."179 Khi điều này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy Channa: "Này đạo hữu Channa, sắc-thân là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố ý là vô thường, thức là vô thường. Sắc-thân là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố ý là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác (mọi hành) đều là vô thường; tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp) đều là vô ngã."180 Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: "Ta cũng nghĩ theo cách này: 'Sắc-thân là vô thường … thức là vô thường. Sắc-thân là vô ngã … thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô thường. Tất cả mọi hiện- tượng đều là vô ngã.' Nhưng tâm của ta không phát huy tới sự làm lắng- lặn tất cả mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu- diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn; nó cũng không có được niềm tin, không an bài, và không nhất quyết theo hướng đó. Thay vì vậy, (hễ khi có) sự khích-động (do lo sợ này nọ…) và sự dính-chấp (những quan-điểm này nọ…) khởi sinh và (thì) tâm quay lưng lại, nghĩ ngợi rằng: 'Nhưng ai là cái 'ta' (ngã) của ta?'181 Nhưng điều (ý nghĩ, ý niệm) như vậy thì không xảy ra đối với người nhìn thấy Giáo Pháp. Vậy ai có thể chỉ dạy cho ta Giáo Pháp theo cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp?" Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: "Ngài Ānanda này đang sống tại Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita, và thầy ấy đã được khen ngợi

bởi đức Thế Tôn và được kính trọng bởi những đạo hữu huynh đệ của mình trong đời sống tâm linh. Thầy Ānanda có khả năng chỉ dạy Giáo Pháp cho ta theo một cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp. Bởi ta đã có nhiều sự tin tưởng vào thầy Ānanda, vậy ta nên đi gặp thầy ấy." Rồi thầy Channa thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, và đi đến Tịnh Xá Ghosita ở Kosambī, ở đó thầy ấy đã gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và kể cho thầy Ānanda về mọi chuyện đã xảy ra với mình, và nói thêm: "Mong thầy Ānanda khởi xướng (giáo huấn) cho tôi, thầy hãy chỉ dạy tôi, thầy hãy nói cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp." - "Cho đến nước này (tình trạng này) tôi vẫn rất vui lòng với thầy Channa. Có lẽ thầy Channa đã khai mở bản thân mình

và đã phá vỡ sự cằn-cỗi (sự hoang-dại, không phát triển) của mình.182 Này đạo hữu Channa, hãy lóng tai nghe, thầy có khả năng hiểu được Giáo Pháp đó mà." Rồi ngay lập tức một niềm khoan-khoái cao độ và sự hoan-hỷ đã khởi sinh trong tâm thầy Channa khi thầy ấy nghĩ rằng: "Hình như mình cũng có khả năng hiểu được Giáo Pháp." [Rồi thầy Ānanda nói:] "Khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này, này đạo hữu Channa, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe nhận được lời khởi xướng mà đức Thế Tôn đã nói cho Tỳ kheo Kaccānagotta như vầy:183 "Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan điểm ... [tiếp tục toàn bộ lời bài kinh SN 12:15 được thầy Ānanda đọc lại ở đây] ... Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này đạo hữu Ānanda, quả thật là những quý thầy ở đây có được những sư huynh (như thầy Ānanda) đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống tâm linh để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và giờ tôi đã được nghe 'sự chỉ

dạy Giáo Pháp' này từ Ngài Ānanda, tôi đã làm-được sự đột-phá (chứng ngộ) vào Giáo Pháp." (tức = chứng ngộ Nhập-lưu) (SN 22:90)

91 (9) Ngài Rāhula (1) Ở Sāvatthī.184 Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với 'thân có-thức' này và đối với tất cả những dấu- hiệu (hình tướng) bên ngoài, cái sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của- ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tự ngã, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong (tâm)?" "Này Rāhula, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. "Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. "Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với 'thân có- thức' này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong." (SN 22:91)

92 (10) Ngài Rāhula (2) Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với 'thân có-thức' này và đối với tất cả những dấu- hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm không còn [đã loại bỏ hết] sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự 'tự-ta' (tự ngã, ta-đây), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?" "Này Rāhula, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần— sau khi đã nhìn

thấy mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta', người tu được giải thoát nhờ sự không dính-chấp. "Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần—sau khi nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta', người tu được giải thoát nhờ sự không dính-chấp. "Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì đối với 'thân có- thức' này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, tâm không còn [đã loại bỏ hết] cái sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và sự 'tự-ta', (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo." (SN 22:92)

NHÓM 5. NHÓM 'HOA' (Puppha-vagga)

93 (1) Dòng Sông Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ví dụ một dòng sông chảy xuống từ trên núi, chảy xa với một dòng chảy xiết. Nếu hai bên bờ sông có cỏ kāsa hay cỏ kusa mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ; nếu có những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ. Nếu một người đang bị cuốn trôi bởi dòng chảy đó cố (chụp, bám) nắm lấy cỏ kāsa, thì cỏ sẽ bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa; nếu người đó nắm lấy những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác, thì chúng cũng bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa; "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy ... cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ cái 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân là ở trong cái 'ta', hoặc 'ta' ở trong sắc-thân. Rồi sắc-thân đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa. "Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ cái 'ta' sở hữu thức, hoặc thức là ở trong cái 'ta', hoặc 'ta' ở trong thức. Rồi thức đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa. "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" ... "Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'". (SN 22:93)

94 (2) Hoa Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [= thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này. Những gì trong thế gian người có trí đồng ý là không-có (không tồn tại, không phải, không đúng, không thực), thì ta cũng nói đó là không-có. Và những gì người có trí đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.185 [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là không- có, và ta cũng nói đó là không-có? 'Sắc-thân là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi': điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó không-có. 'Cảm-giác ... 'Nhận-thức ... 'Những sự tạo-tác cố ý ... 'Thức là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi': điều này

người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có. “Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là không-có, ta cũng nói đó là không-có. [2] Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có (có xảy ra, phải, đúng, có thực)? ‘Sắc-thân là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có. ‘Cảm-giác … ‘Nhận-thức … ‘Những sự tạo-tác cố ý … ‘Thức là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có. “Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là có, ta cũng nói đó là có. [3] “Này các Tỳ kheo, có một hiện-tượng thế giới (pháp thế gian) trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá (chứng ngộ). Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó.186

“Và cái gì là hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy … làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu biết làm gì hơn đối với những người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy? “Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy … làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu biết làm gì hơn đối với những người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy? “Này các Tỳ kheo, giống như một bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nhưng sau khi vượt khỏi mặt nước, nó không còn bị dính nhiễm bởi nước (bùn, dơ, ô nhiễm); cũng giống như vậy, Như Lai đã được sinh ra trong thế gian [tức: thế giới địa lý, địa cầu này, trần gian này] và lớn lên trong thế gian, nhưng sau khi đã vượt trên thế gian, Như Lai sống không còn bị dính-nhiễm bởi thế-gian [tức: bởi thế giới của những sự tạo-tác]”187 (SN 22:94)

95 (3) Bọt Nước … Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ayojjhā bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:188

(1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ sông Hằng này đang chảy mang theo một đống bọt-nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra đống bọt-nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng đống bọt-nước đó chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong đống bọt-nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một

Tỳ kheo kiểm tra sắc-thân, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng sắc-thân chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong sắc-thân đó đâu?189 (2) “Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong-bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một bong-bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng bong- bóng nước chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong bong-bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi cảm-giác dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra cảm-giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm-giác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì chắc chắn bên trong cảm-giác đó đâu?190 (3) “Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo-ảnh lung linh xuất hiện (đằng xa, trên mặt đường…). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo-ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng ảo-ảnh chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong ảo-ảnh đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi nhận-thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra nhận-thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận-thức chỉ là trống

không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong nhận-thức đó đâu?191 (4) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối.192 Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân- cây-chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thân-cây-chuối chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo-tác cố ý, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo-tác cố ý chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong những sự tạo-tác cố ý đó đâu?193 (5) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà ảo thuật [hay người thợ phó của ông] có thể biểu diễn một trò ảo-thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo-thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng màn ảo-thuật chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong màn ảo-thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức chỉ là

trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thức đó đâu?194 “Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ,

người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’.
Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”
Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc
Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vầy:
“Sắc-thân (sắc) chỉ như đống bọt-nước,
Cảm-giác (thọ) chỉ như bong-bóng nước;
Nhận-thức (tưởng) chỉ như ảo-ảnh,
Những sự tạo-tác (hành) chỉ như thân-cây-chuối,
Và thức (thức) chỉ như màn ảo-thuật,
Bậc Hậu Duệ của Thái Dương (tức Phật)
Đã thuyết giảng như vậy.
“Tuy vậy, người nên suy-xét nó,
Và điều-tra nó kỹ càng,
Khi nhìn nó kỹ càng sẽ thấy:
Nó hiện như vậy, nhưng trống-rỗng trống-không.
“Khi nói về thân này,
Bậc Trí Rộng (tức Phật) đã dạy,
Nếu dẹp-bỏ được ba điều,
Sẽ thấy sắc-thân chỉ là đồ bỏ đi.
“Khi sức-sống, nhiệt, và thức
Rời bỏ thân thể này,
Nó chỉ còn như đồ bỏ đi:
Chỉ làm được thức ăn cho loài khác,
Đâu còn sự cố-ý (tư) nào ở đó.195
“Sự liên-tục này chỉ là vậy,
Là sự ảo-tưởng này, là kẻ lừa bịp những người ngu dại.
Nó được dạy là một kẻ sát hại;

Chứ đâu tìm thấy có thực-chất gì trong đó.196
“Một Tỳ kheo với sự nỗ-lực được phát khởi
Nên (thiền tập) quán-xét về năm-uẩn như vậy,

Dù là ngày hay đêm,197
Luôn rõ-biết, luôn có chánh-niệm như vậy.
“Vị đó nên phá bỏ mọi gông-cùm
Và tạo nên một chỗ nương-tựa cho chính mình;
Sống (tu liên tục cho kịp) như lửa đang cháy trên đầu,
Tâm nguyện đạt tới đến trạng thái bất-diệt (Niết-bàn).”
(SN 22:95)
96 (4) Phân Bò Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp … Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có thứ sắc-thân (thể sắc, vật chất) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ mãi (giữ nguyên) như sự bất diệt, hay không? Thưa Thế Tôn, có thứ cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ mãi như sự bất diệt, hay không?” “Này Tỳ kheo, không có sắc-thân nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt. Không có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt.” Rồi đức Thế Tôn nhặt lên một chút xíu phân bò trong tay và nói với Tỳ kheo đó: “Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay

đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì “sự sống của đời- sống tâm linh (tu hành; phạm hạnh) để hoàn toàn diệt-khổ” đâu được nhận thấy (tức đâu có công dụng gì, đâu có nghĩa lý gì).198 Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu hữu thể nào cỡ này là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên “sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ mới được nhận thấy (tức có nghĩa lý, mới có công dụng). (Vì mọi thứ đều vô-thường và khổ nên mới có đời-sống tu hành để làm lặn mất những sự tạo-tác và diệt khổ) “Này Tỳ kheo, trong quá khứ ta đã từng là một vị vua giai cấp chiến- sĩ [khattiya] được phong vương.199 Ta có 84.000 đô thành, kinh thành chính là kinh đô Kusāvatī. Ta có 84.000 cung điện, cung điện chính là cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Ta có 84.000 sảnh đường có mái nhọn, sảnh đường chính [có tên] là sảnh đường Đại Tràng (nghĩa: hàng, dãy, đoàn lớn; Mahā-vyuuha). Ta có 84.000 ghế dài làm bằng ngà voi, bằng gỗ lõi, bằng vàng và bạc, được phủ bằng tấm trải bằng len dày, bằng tấm trải được thêu những bông hoa, bằng tấm trải làm bằng da sơn dương, có dù che màu đỏ ở trên và hai gối màu đỏ ở hai đầu. “Ta có 84.000 voi đực với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là voi đực hoàng gia [có tên là] Bố-tát [Uposatha].200 Ta có 84.000 ngựa chiến với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Ta có 84.000 cỗ xe với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, dẫn đầu là xe ngựa [có tên] Vejayanta. “Ta có 84.000 châu báu, đứng đầu là đá

bảo-báu. Ta có 84.000 phụ nữ, đứng đầu là Hoàng hậu Subhaddā. Ta có 84.000 quan thần thuộc giai cấp chiến-sĩ, đứng đầu là tướng-quân báu. Ta có 84.000 con bò với dây thừng cột chúng làm bằng sợi đay mịn và những thùng đựng sữa làm bằng đồng thau. Ta có 84.000 thứ [koṭi] quần áo được làm từ vải đay mịn, lụa

mịn, len mịn, bông vải mịn. Ta có 84.000 dĩa đựng thức ăn được dọn ra cho bữa ăn sáng và bữa ăn chiều. “Này Tỳ kheo, trong 84.000 đô thành đó,201 chỉ có một kinh thành ta ở vào thời đó: kinh đô Kusāvatī. Trong 84.000 cung điện đó, chỉ có một cung điện ta ở vào thời đó: cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Trong 84.000 sảnh đường có mái nhọn đó, chỉ có một sảnh đường ta ở vào thời đó: sảnh đường [có tên] Đại Tràng. Trong 84.000 ghế dài đó, chỉ có một ghế dài ta dùng vào thời đó, ghế được làm từ ngà voi, hay gỗ lõi, hay vàng, hay bạc. “Trong 84.000 con voi đó, chỉ có một con voi ta cỡi đi vào thời đó, đó là voi đực hoàng gia [có tên] Bố-tát [Uposatha]. Trong 84.000 ngựa chiến đó, chỉ có một ngựa chiến ta cỡi đi vào thời đó, đó là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Trong 84.000 cỗ xe đó, chỉ có một cỗ xe ta đi vào thời đó, đó là cỗ xe [có tên] Vejayanta. “Trong 84.000 phụ nữ đó, chỉ có một người phụ nữ hầu cận ta vào thời đó, đó là một hầu nữ thuộc giai cấp chiến-sĩ hoặc hầu nữ thuộc lưỡng giai cấp velāmika.202 Trong 84.000 thứ [koṭi] quần áo, chỉ có một bộ quần- áo ta mặc vào thời đó, đó là bộ được làm từ vải đay mịn, hoặc lụa mịn, hoặc len mịn, hoặc bông vải mịn. Trong 84.000 dĩa đựng thức ăn, chỉ có một dĩa ta ăn trong đó chủ yếu là cơm và một món cà ri thích hợp. “Vậy đó, này Tỳ kheo, tất cả những sự tạo-tác đó đều đã phai biến, chấm dứt, và thay đổi. Tất cả mọi sự tạo-tác đều thật là vô thường, thật là không chắc chắn, thật là không đáng dựa vào. Này Tỳ kheo, điều đó là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác, quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ (để nỗ lực tu hành) để giải-thoát khỏi chúng.” (SN 22:96)

97 (5) Móng Tay

Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có thứ sắc-thân nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự sự bất diệt? Thưa Thế Tôn, có thứ cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt?” “Này Tỳ kheo, không có thứ sắc-thân nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự sự bất diệt. Không có cảm- giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự sự bất diệt.” Rồi đức Thế Tôn khươi ra một chút xíu đất trong móng tay và nói với Tỳ kheo đó: “Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì “sự sống của đời- sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ” đâu được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút

xíu hữu thể nào cỡ này là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên "sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ mới được nhận thấy. "Thậm chí không có được chút cảm-giác nào … nhận-thức nào … những sự tạo-tác cố ý nào … thức nào như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ nguyên như sự bất diệt. Nếu có chút hữu thể nào cỡ như vầy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì "sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ" đâu được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu hữu thể nào cỡ này là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên "sự sống của đời-sống tâm linh để hoàn toàn diệt-khổ mới được nhận thấy. "Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" …

"Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 22:97)

98 (6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có thứ sắc-thân, cảm-giác nào, nhận-thức nào, những sự tạo-tác cố ý nào, hay thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt, hay không?" "Này Tỳ kheo, không có sắc-thân nào, không có cảm-giác nào, không có nhận-thức nào, không có những sự tạo-tác cố ý nào, và không có thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và trụ mãi như sự bất diệt cả." (SN 22:98)

99 (7) Dây Xích (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.203 - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa;204 ta nói, (cho dù có chấm dứt đại dương kia) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những

chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; ta nói, (cho dù có chấm dứt núi vua kia) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời đại địa cầu này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; ta nói, (cho dù chấm dứt trái đất này) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng." "Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng giống như vậy, người phàm phu không được chỉ dạy cứ coi sắc-thân là 'ta' … cảm-giác là 'ta' … nhận- thức là 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là 'ta' … thức là 'ta'

… Người đó cứ chạy vòng quanh sắc-thân, chạy vòng quanh cảm-giác, chạy vòng quanh nhận-thức, chạy vòng quanh những sự tạo-tác cố ý, vòng quanh thức.205 Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi sắc-thân, không giải thoát khỏi cảm-giác, không giải thoát khỏi nhận-thức, không giải thoát khỏi những sự tạo-tác cố ý, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy." (SN 22:99)

100 (8) Dây Xích (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng

sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. "Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Nếu nó đi, nó cũng đi quanh quẩn bên trụ hay cột đó. Nếu nó đứng, nó cũng đứng quanh quẩn trụ hay cột đó. Nếu nó ngồi, nó ngồi quanh quẩn bên trụ hay cột đó. Nếu nó nằm, nó nằm cũng quanh quẩn bên trụ hay cột đó. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy cứ coi sắc-thân như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'. Người đó cứ coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'. Nếu đi, người đó đi quanh quẩn bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu đứng, người đó đứng quanh quẩn bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu ngồi, người đó ngồi quanh quẩn bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu nằm, người đó nằm quanh quẩn bên năm-uẩn bị dính-chấp. "Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vầy: 'Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si'. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc. "Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy một bức họa được gọi là 'Sự Trả Giá' hay không?" (nghĩa như: trả nghiệp, giá phải trả)206 "Có, thưa Thế Tôn" "Ngay cả bức họa có tên 'Sự Trả Giá' đó được thiết kế trong sự đa dạng của nó bởi cái tâm, nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả bức tranh được gọi là 'Sự Trả Giá' đó'.207 "Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu trong tâm mình như vầy: 'Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si'. Bởi có những sự ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc.

"Này các Tỳ kheo, ta không thấy có trật tự hệ chúng sinh nào mà đa dạng khác biệt như hệ chúng sinh trong cõi súc sinh. Ngay cả những chúng sinh trong cõi súc sinh đó đã được phân biệt đa dạng bởi cái tâm,208 nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả (số) chúng sinh trong cõi súc sinh. "Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán trong tâm mình như vầy: 'Đã từ lâu tâm này đã bị ô-nhiễm bởi tham, sân, si'. Bởi có những ô- nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô-nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh-lọc. "Này các Tỳ kheo, ví dụ một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước

màu hoặc màu sơn cánh kiến hoặc màu nghệ vàng hoặc màu chàm hoặc màu đỏ thắm, để vẽ thành hình một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên nền vải bạt.209 Cũng giống như vậy, khi một người phàm phu không được chỉ dạy tạo-tác ra thứ gì thì đó chỉ là sắc-thân người đó tạo ra; chỉ là cảm-giác người đó tạo ra; chỉ là nhận-thức người đó tạo ra; chỉ là những sự tạo-tác cố ý người đó tạo ra; chỉ là thức người đó tạo ra. "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" … "Vì vậy, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 22:100)

101 (9) Cán Rìu (hay Con Thuyền) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người biết cái gì, cho người thấy cái gì, để sự tiêu diệt ô-nhiễm có xảy ra? (Đó là biết:) 'Này là sắc-thân (sắc), này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự

biến diệt của thân-sắc; này là cảm-giác (thọ) … này là nhận-thức (tưởng) … này là những sự tạo-tác cố ý (hành) … này là thức (thức), này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức': đó là cho người biết như vậy, cho người thấy (sự sinh-diệt của năm uẩn) như vậy để sự tiêu diệt ô- nhiễm xảy ra.210 (I) "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện: 'Cầu cho tâm ta 'được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt)!' thì tâm người đó cũng đâu có 'được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp'. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), (2) bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), (3) bốn cơ-sở (tạo nên) thần thông (tứ thần túc), (4) năm căn tâm linh (ngũ căn), (5) năm năng-lực (ngũ lực), (6) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), và (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). [= 37 phần tu]211 - "Ví dụ có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà không ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Thì cho dù nó có phát khởi 'ước nguyện' trong đầu như vầy: 'Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!' thì những con gà con cũng đâu có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng không chịu ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát thành ước nguyện: 'Cầu cho tâm ta 'được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!' thì tâm người đó cũng đâu 'được giải thoát khỏi những ô- nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp'. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu- tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo).

(II) “Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo). - “Ví dụ có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà có ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. Cho dù nó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vầy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con có thể dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng có ấp, ủ và nuôi dưỡng trứng đúng cách. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo,212 khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không có ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính- chấp!’ thì tâm người đó cũng ‘được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … (7) con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo).

(III) “Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc213 [hay người phụ việc của ông ta] nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn vì những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: ‘Bữa nay cán rìu đã mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’ (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó mòn-rõ đi thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng cán búa đã mòn-đi nhiều. “Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu- tập, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: ‘Bữa nay ô-

nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’, nhưng khi chúng đã bớt-rõ nhiều thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt-đi nhiều. - “Ví dụ có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm…) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc (kiết sử) của người đó sẽ dễ dàng tàn rụi và gãy rớt.”214 (SN 22:101)

102 (10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường Ở Sāvatthī. [1] a- “Này các Tỳ kheo, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh (vô minh), nó sẽ bứng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn).215 b- “Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu người cày ruộng cày xới bằng một lưỡi cày cắt đứt tất cả gốc của rạ khi cày; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … c-

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như một người chặt phát cây cối chặt hạ một cây, túm ngọn của nó, quật nó xuống và quật ra và chỏng gốc lên quơ tới quơ lui (cho rễ sạch đất và chết tiệt); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) …

Chương 22 Liên Kết UẨN • 159

d- “Này các Tỳ kheo, giống như cuống của một chùm xoài đã bị cắt đứt, thì tất cả trái xoài dính vào cuống đó sẽ một-phát rớt hết; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … e- “Này các Tỳ kheo, giống như những thanh xà dọc của một căn nhà có mái nhọn đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ tại đỉnh chóp; tất cả sẽ bị dỡ bung một-phát khi cái đỉnh chóp bị gỡ đi; cũng giống như vậy, khi ‘nhận- thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham- muốn giác quan (tham dục) …216 f- “Này các Tỳ kheo, giống như trong số những rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … g- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những gỗ lõi có hương thơm, thì gỗ chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … h- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những bông hoa có hương thơm, thì hoa lài được cho là thơm đứng đầu; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … k- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạng chư thần của vị vua quay chuyển bánh xe (giáo pháp), thì vị vua quay chuyển bánh xe là người đứng đầu của họ; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … l- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như: đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được cho là đứng đầu trong số đó; cũng giống như vậy, khi

160 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục) … m- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng; cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh, nó sẽ bứng sạch tất cả sự ‘tự ta’ (ngã mạn). [2] - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì ‘nhận-thức về sự vô- thường’ được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục), loại bỏ tất cả tham muốn được hiện-hữu (hữu dục), loại bỏ loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bứng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn)? (Đó là:) ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi sinh của sắc-thân, này là sự biến diệt của sắc-thân; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự

khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức': đó là cách mà 'nhận-thức về sự vô-thường' được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-muốn giác quan (tham dục), loại bỏ tất cả tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), loại bỏ loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bứng sạch tất cả sự 'tự-ta' (tự ngã)." (SN 22:102)

PHẦN III. 'NĂM MƯƠI KINH CUỐI'

NHÓM 1. NHÓM 'CÁC PHẦN' (Anta-vagga)

103 (1) Các Phần Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có bốn phần này.217 Bốn đó là gì? Phần danh-tính, phần nguồn gốc danh-tính, phần chấm dứt danh-tính, phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần danh-tính? Nên nói: đó là năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn). Uẩn sắc-thân bị dính-chấp, uẩn cảm-giác bị dính-chấp, uẩn nhận-thức bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp, uẩn thức bị dính-chấp. Đây được gọi là phần danh-tính. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần nguồn-gốc của danh-tính? Chính là dục-vọng (ái) này dẫn tới tái hiện-hữu (tái sinh), có đi kèm bởi sự khoái-lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng không muốn hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây được gọi là phần nguồn-gốc của danh-tính. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần sự chấm-dứt danh-tính? Đó là sự phai biến sạch sẽ (không còn dấu vết) của chính dục-vọng đó, sự dẹp bỏ và từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là phần sự chấm-dứt của danh-tính. (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần con-đường dẫn tới sự chấm- dứt danh-tính? Đó là con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), đó

gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là phần con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn phần." (SN 22:103)

104 (2) Khổ Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là khổ? Nên nói: đó là năm-uẩn bị dính-chấp. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính-chấp … (như kinh kế trên) … Đây được gọi là sự khổ. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc khổ? Chính là dục-vọng (ái) này dẫn tới sự tái hiện-hữu (tái sinh) … Đây được gọi là nguồn-gốc khổ. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt khổ. Đó là sự phai biến sạch sẽ và sự chấmdứt chính dục-vọng đó … Đây được gọi là sự chấm-dứt khổ. (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ? Đó là con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự chấmdứt khổ." (SN 22:104)

105 (3) Danh Tính Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về danh-tính, nguồn-gốc của danh-tính, sự chấm-dứt danh-tính, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính."

[Phần còn lại giống kinh kế trên, chỉ thay chữ ‘khổ’ bằng ‘danh tính’.] (SN 22:105)

106 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều nên được hoàn- toàn hiểu, sự hoàn-toàn hiểu, và người đã hoàn-toàn hiểu.218 Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu (hiểu một cách đầy đủ, toàn diện, rốt ráo; liễu ngộ)? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Đây được gọi là những điều nên được hoàn-toàn hiểu. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoàn-toàn hiểu? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự hoàn-toàn hiểu. (sự tiêu diệt ba thứ này là niết-bàn)219 “Và, này các Tỳ kheo, ai là người đã hoàn-toàn hiểu? Nên nói rằng: đó là bậc A-la-hán, bậc được gọi bằng danh từ đó và tên họ tộc của mình (tức được xưng chữ A-la-hán trước tên họ, ví dụ: A-la-hán Xá-lợi-phất …). Đây được gọi là người đã hoàn-toàn hiểu.” (SN 22:106)

107 (5) Các Tu Sĩ (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính-chấp … uẩn thức bị dính-chấp.

- “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn nào không hiểu được [đúng thực như chúng là] sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ điều đó (sự thật đó) bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn. - “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực tiếp, nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.” (SN 22:107)

108 (6) Các Tu Sĩ (2) Ở Sāvatthī.220 “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được [đúng thực như chúng là] nguồn-gốc, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguyhại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bàla-môn trong những bà-la-môn … “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là … nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-lamôn.” (SN 22:108)

109 (7) Người Nhập-Lưu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính-chấp … uẩn thức bị dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được [đúng thực như chúng là] nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính-chấp này, thì người đó được gọi là một người Nhập-lưu (Dự Lưu,

Tu-đà-hoàn, bậc thánh Nhập-lưu), không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình." (SN 22:109)

110 (8) A-la-hán ... "Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được [đúng như chúng thực là] nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính-chấp này, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã hoàn toàn tiêu diệt những gông-cùm trói buộc vào sự hiện-hữu (tái sinh), người đã hoàn toàn giải-thoát nhờ (thông qua) trí-biết cuối cùng."221 (SN 22:110)

111 (9) Dẹp Bỏ Tham Muốn (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với sắc-thân, bất luận có nhục-dục nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào (đối với sắc-thân)— hãy dẹp bỏ nó. Làm như vậy thì sắc-thân sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận

gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm như vậy đối với [trong tường hợp] cảm- giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức." (SN 22:111)

112 (10) Dẹp Bỏ Tham Muốn (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với sắc-thân, bất luận có nhục-dục nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào, sự dính-líu và dính- chấp nào, những quan-điểm thuộc tâm ý nào, những cố-chấp nào, những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nào (đối với sắc-thân)— hãy dẹp bỏ nó. Làm như vậy thì sắc-thân sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm giống như vậy đối với [trong tường hợp] cảm-giác, nhận- thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức." (SN 22:112)

NHÓM 2. NHÓM 'NGƯỜI THUYẾT PHÁP' (Dhammakathika-vagga)

113 (1) Vô Minh Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô- minh?" "Này Tỳ kheo, ở đây, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó không hiểu được cảm-giác ... nhận- thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Đây được gọi là sự vô- minh, và theo cách như vậy là người ta bị chìm đắm trong vô-minh." (SN 22:113)

114 (2) Trí Biết Đích Thực (minh) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực (chân trí, minh), và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?" "Này Tỳ kheo, ở đây, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn

tới sự chấm-dứt nó. Người đó hiểu được cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con- đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là người đã đạt tới trí-biết đích thực.” (SN 22:114)

115 (3) Người Thuyết Pháp (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo … và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp?”222 “Này Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với sắc- thân, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải- thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này. “Này các Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác … thức, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác … thức, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-

thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này. (SN 22:115)

116 (4) Người Thuyết Pháp (2) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo … và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp? Theo cách nào là một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp? Theo cách nào là một người đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?” [Phần còn lại như kinh kế trên.]

(SN 22:116)

117 (5) Sự Ràng Buộc Ở Sāvatthī. (i) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy … cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong sắc-thân. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm phu không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng- buộc vào sắc-thân, người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người không nhìn thấy bờ gần và bờ xa (thử ngạn và bỉ ngạn), là người già đi trong sự ràng-buộc,223 người chết đi trong sự ràng-buộc, người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác (tức luôn bị tái sinh trong luân-hồi). “Người đó cứ coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái

‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm phu

không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thức … người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác. (ii) “Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc- thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong sắc-thân. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào sắc-thân, người không bị trói buộc bởi sự ràng- buộc bên trong và bên ngoài, người nhìn thấy bờ gần và bờ xa, là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy. “Người đó không coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thức … là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.” (SN 22:117)

118 (6) Chất Vấn (1)224 Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi sắc-thân như vầy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?” “Dạ không, thưa Thế Tôn” “Tốt, các Tỳ kheo! Sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Các thầy có coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức như vầy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Cảm-giác … Thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 22:118)

119 (7) Chất Vấn (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi sắc-thân như vầy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’?” “Dạ có, thưa Thế Tôn” “Tốt, các Tỳ kheo! Sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Các thầy có coi cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức như vầy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Dạ có, thưa Thế Tôn” “Tốt, các Tỳ kheo! Cảm-giác … Thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 22:119)

120 (8) Những Thứ Gông Cùm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc), và sự gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông-cùm? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó. Cảm-giác … Nhậnthức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó. “Những (năm) thứ này được gọi là những thứ gông cùm, và đây chính là sự gông-cùm.” (SN 22:120)

121 (9) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp Vào Đó Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào chúng), và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào chúng), và cái gì là sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, sắc-thân là thứ mình có thể bị dính chấp (vào nó); tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là thứ mình có thể bị dính chấp (vào nó); tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. “Những (năm) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và đây chính là sự dính-chấp.” (SN 22:121)

122 (10) Có Giới Hạnh Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn cư, đến gặp thầy Xá-lợi-phất, chào hỏi qua lại, và nói: (1) “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo có giới-hạnh (đức hạnh) nên chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý)?” - “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo có giới-hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng tới năm uẩn bị dính-chấp là vô thường, là khổ, như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, là sự thống khổ, là tai họa, như người dưng kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã (không phải là ngã, không phải là ‘ta’ hay ‘của-ta’).225 Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính- chấp, uẩn cảm-giác bị dính-chấp, uẩn nhận-thức bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp, uẩn thức bị dính-chấp. Một Tỳ kheo có giới hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này là vô thường … là trống không, là vô ngã. Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo có giới-hạnh chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.” (2) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu nên chú-tâm một cách kỹ càng?” - “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu … (cũng làm như vậy) … Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhất-lai.” (3) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai nên chú-tâm một cách kỹ càng?” - “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai … (cũng làm như vậy) … Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai chú-

tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Bất-lai." (4) "Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai nên chú-tâm một cách kỹ càng?" - "Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai ... (cũng làm như vậy) ... Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai chú- tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả A-la-hán." (5) "Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán nên chú-tâm một cách kỹ càng?" - "Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh A-la-hán ... (cũng làm như vậy) ... Này đạo hữu, đối với một bậc thánh A-la-hán thì không còn gì để làm thêm nữa và cũng không cần lặp lại những gì đã làm xong. Tuy nhiên, khi những điều đó vẫn được tu tập và tu dưỡng như vậy, thì chúng sẽ dẫn tới một sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này và sự chánh- niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác)."226 (SN 22:122)

123 (11) Đã Được Chỉ Dạy [Giống kinh kế trên, chỉ khác là "một Tỳ kheo có giới-hạnh" được thay bằng "một Tỳ kheo đã được chỉ dạy".]

(SN 22:123)

124 (12) Kappa (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với 'thân có-thức' này và đối với tất cả những dấu- hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo nên sự 'tự-ta' (ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?" [Phần còn lại giống hệt kinh SN 22:71, chỉ khác là người nghe giờ là thầy Kappa.]

(SN 22:124)

125 (13) Kappa (2) Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với 'thân có-thức' này và đối với tất cả những dấu- hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm không còn [loại bỏ hết] cái sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo nên sự 'tự-ta' (ngã mạn), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?" [Phần còn lại giống hệt kinh SN 22:72, chỉ khác là người nghe giờ là thầy Kappa.]

(SN 22:125)

NHÓM 3. NHÓM 'VÔ MINH' (Avijjā-vagga)

126 (1) Thuộc Tính Khởi Sinh (1) Ở Sāvatthī. (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong

vô-minh?" - "Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được sắc-thân là thuộc tính (bị, tùy thuộc, phải chịu, luôn có) khởi- sinh, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh' (hữu sinh). Người đó không hiểu được sắc-thân là luôn biến diệt, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính biến-diệt' (hữu diệt). Người đó không hiểu được sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt' (hữu sinh hữu diệt, sinh và diệt). "Người đó không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo- tác cố ý ... thức là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vầy: 'Thức là thuộc tính khởi-sinh' ... là thuộc tính biến-diệt ... là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt'. - "Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh." (2) Sau khi điều này được nói ra, vị Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực' (chân trí, minh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?"

Chương 22 Liên Kết UẨN • 177

- "Ở đây, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh' (hữu sinh). Người đó hiểu được sắc- thân là luôn biến diệt, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính biến-diệt' (hữu diệt). Người đó hiểu được sắc-thân là thuộc tính khởi- sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là như vầy: 'Sắc-thân là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt' (hữu sinh hữu diệt, sinh và diệt). "Người đó hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vầy: 'Thức là thuộc tính khởi-sinh' ... là thuộc tính biến-diệt ... là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt'. - "Này Tỳ kheo, đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực." (SN 22:126)

127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2) Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn cư, đến gặp thầy Xá-lợi-phất ... và nói: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh'. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?" [Phần còn lại giống hệt nội dung đoạn (1) của kinh 22:126 kế trên.]

(SN 22:127)

128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)

178 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực' (chân trí, minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?" [Phần còn lại giống hệt nội dung đoạn (2) của

kinh 22:126 kế trên.]

(SN 22:128)

129 (4) Sự Thỏa Thích… (1) Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh'. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?" - "Ở đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh." (SN 22:129)

130 (5) Sự Thỏa Thích… (2) Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực' (chân trí, minh).

Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?" - "Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực." (SN 22:130)

131 (6) Nguồn Gốc … (1) Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai … "Này đạo hữu Xá-lợi- phất, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh', và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?" - "Ở đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được, đúng như nó thực là, nguồn-gốc và sự biến-qua, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sắc-thân, cảm- giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh." (SN 22:131)

132 (7) Nguồn Gốc… (2) Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai … "Này đạo hữu Xá-lợi- phất, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực' (chân trí, minh), và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?" - "Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, nguồn-gốc và sự biến-qua, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-

thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực." (SN 22:132)

133 (8) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1) [Kinh này là bằng kinh 22:129 và 22:130 kế trên cộng lại, chỉ khác là bây giờ thầy Xá-lợi-phất hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:133)

134 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2) [Kinh này là bằng kinh 22:131 và 22:132 kế trên cộng lại, chỉ khác là bây giờ thầy Xá-lợi-phất hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:134)

135 (10) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3) [Tình huống cũng giống kinh trên]. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: "Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói 'vô-minh, vô-minh'. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?" - "Ở đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được, đúng như nó thực là, sắc-thân, sự khởi-sinh của nó, sự chấm- dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh."

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Câu-hi-la: "Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói 'trí-biết đích thực, trí-biết đích thực' (chân trí, minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới trí-biết đích thực?" - "Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, sắc-thân, sự khởi-sinh của nó, sự chấm- dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Người đó hiểu được, đúng như nó thực là, cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, sự khởi-sinh của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là trí-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới trí-biết đích thực." (SN 22:135)

NHÓM 4. NHÓM 'THAN CHÁY ĐỎ' (Kukkuḷa-vagga)

136 (1) Than Cháy Đỏ Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, sắc-thân là than cháy đỏ227 cảm-giác là than cháy đỏ, nhận-thức là than cháy đỏ, những sự tạo-tác cố ý là than cháy đỏ, thức là than cháy đỏ. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân … sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 22:136)

137 (2) Vô -Thường (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-thường. Và thứ gì là vô thường? Sắc-thân là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với nó. Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý

… Thức là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 22:137)

138 (3) Vô -Thường (2) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường …

Chương 22 Liên Kết UẨN • 183

[Phần còn lại giống kinh kế trên, ngoại trừ “tham-muốn” được thay bằng “nhục-dục”.] (SN 22:138)

139 (4) Vô -Thường (3) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường … [Phần còn lại giống kinh 22:137 ở trên, ngoại trừ “tham-muốn” được thay bằng “tham-muốn và nhục-dục”.] (SN 22:139)

140 (5) Khổ (1) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ … (lời kinh tương tự như kinh 137 ở trên) … (SN 22:140)

141 (6) Khổ (2) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ … (lời kinh tương tự như kinh 138 ở trên) … (SN 22:141)

142 (7) Khổ (3) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ … (lời kinh tương tự như kinh 139 ở trên) … (SN 22:142)

143 (8) Vô -Ngã (1)

184 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

… “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … (lời kinh tương tự như kinh 137 ở trên) … (SN 22:143)

144 (9) Vô -Ngã (2) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … (lời kinh tương tự như kinh 138 ở trên) … (SN 22:144)

145 (10) Vô -Ngã (3) … “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … (lời kinh tương tự kinh 139 ở trên) … (SN 22:145)

146 (11) Thấm Nhuần Trong Sự Ghê-Sợ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì điều này là đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống thấm nhuần (miên man, miên mật) trong sự ghê-sợ đối với sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức.228 Người đó sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối với sắc-thân … đối với thức, hoàn toàn hiểu được sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức. Người hoàn toàn hiểu được sắc-thân … thức thì được tự do khỏi sắc-thân … thức. Người đó thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.” (SN 22:146)

147 (12) Quán Xét Sự Vô-Thường 229

Chương 22 Liên Kết UẨN • 185

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó an trú quán xét (quán niệm, thiền quán) sự

vô-thường trong sắc-thân … thức … [Tiếp tục như lời kinh kế trên, ngoại trừ "sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối với …" được thay bằng "an trú quán xét sự vô-thường trong …"] … người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy." (SN 22:147)

148 (13) Quán Xét Sự Khổ … "người đó an trú quán xét sự khổ trong sắc-thân … thức … [Tiếp tục như lời kinh kế trên, ngoại trừ "sự vô thường trong …" được thay bằng "sự khổ trong …"] … người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy."

(SN 22:148)

149 (14) Quán Xét Sự Vô -Ngã … "người đó an trú quán xét sự vô-ngã trong sắc-thân … thức … [Tiếp tục như lời kinh kế trên, ngoại trừ "sự khổ trong…" được thay bằng "sự vô ngã trong…"] … người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy."

(SN 22:149)

NHÓM 5. NHÓM 'CÁCH NHÌN' (Diṭṭhi-vagga)

150 (1) Ở Bên Trong Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp (thủ) vào cái gì, nên có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong?"230 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." - "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, nên có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong. Khi có cảm-giác … nhận- thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào thức, nên có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong. (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn" - "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" "Khổ, thưa Thế Tôn" - "Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì sự sướng và sự khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn" - "Cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là thường hằng hay vô thường? … Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì sự sướng và sự khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn" - "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 22:150)

151 (2) Đây Là "Của-Ta" Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, và do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì,231 nên người ta coi các thứ là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …" - "Khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc- thân, nên người ta cứ coi các thứ là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'. Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do

dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên người ta cứ coi các thứ là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì người ta có thể coi thứ gì là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:151)

152 (3) Cái ‘Ta’ Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi’?”232 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’. Khi có … do dính chấp vào … do cố chấp vào cảm- giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, nên khởi sinh cách- nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:152)

153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậy Đối Với Ta Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta’?”233 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta’. Khi có … do dính chấp vào … do cố chấp vào cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và nếu điều đó không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta’. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

190 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:153)

154 (5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc (tà kiến)?”234 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc. Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn (sai lạc) như vậy có thể khởi sinh, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn” - “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:154)

155 (6) Cách Nhìn Có Danh Tính (thân kiến)

Chương 22 Liên Kết UẨN • 191

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn có danh-tính (thân kiến)?”235 [Tiếp tục giống kinh kế trên, ngoại trừ “cách-nhìn sai lạc” được thay bằng chữ “cách-nhìn có danh tính”.]

(SN 22:155)

156 (7) Cách Nhìn Có Cái ‘Ta’ (ngã kiến) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn có cái ‘ta’ (ngã kiến)?”236 [Tiếp tục giống kinh kế trên, ngoại trừ “cách-nhìn có danh-tính” được thay bằng chữ “cách-nhìn có cái ‘ta’”.]

(SN 22:156)

157 (8) Sự Cố Chấp (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc?”237 [Tiếp tục giống kinh kế trên, ngoại trừ “cách-nhìn cái ‘ta’” được thay bằng “những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc”.]

(SN 22:157)

158 (9) Sự Cố Chấp (2)

192 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những còng-xích trói buộc, và sự nắm-giữ?”

[Giống kinh kế trên, chỉ thêm chữ “sự nắm-giữ”.]

(SN 22:158)

159 (10) Ānanda Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu hành) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”238 - “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn”. “Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” … Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” … Những sự tạo-tác cố ý là thường hằng hay vô thường?” … Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn”. - “Do vậy, này Ānanda, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại …

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 22:159)

Chương 23.

Liên Kết RĀDHA (23 Rādha-saṃyutta) (23 Tương ưng Rādha)

NHÓM 1. NHÓM ‘MA VƯƠNG’ THỨ NHẤT (Paṭhama-Māra-vagga)

1 (1) Ma Vương Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn,239 kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa đức Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là như có Ma Vương?”240 - “Này Rādha, khi có sắc-thân là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết.241 Do vậy, này Rādha, hãy nhìn sắc-thân là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn. “Này Rādha, khi có cảm-giác … Khi có nhận-thức … Khi có những sự tạo-tác cố ý … Khi có thức, là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādha, hãy nhìn cảm-giác … thức là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.” “Thưa Thế

Tôn, cái gì là mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn đó? - “Mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn là (để dẫn tới) sự ghê-sợ.” “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự ghê-sợ?” - “Mục đích của sự ghê-sợ là (để dẫn tới) sự chán-bỏ.” “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự chán-bỏ?”

- “Mục đích của sự chán-bỏ là (để dẫn tới) sự giải-thoát.” “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự giải-thoát?” - “Mục đích của sự giải-thoát là (để dẫn tới) Niết-bàn.”242 “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của Niết-bàn?” - “Này Rādha, thầy đã đi [đẩy] quá xa hạn mức đối với sự hỏi. Thầy đã không nắm được giới hạn đối với sự hỏi.243 Bởi vì, này Rādha, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng của nó, Niết-bàn là đích-đến của nó, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.” (SN 23:01)

2 (2) Một Chúng Sinh Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một chúng sinh?” - “Này Rādha, người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng đối với sắc-thân; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.244 Người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham- muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh. - “Này Rādha, ví dụ có mấy đứa con trai [hay con gái] đang chơi đùa với lâu đài cát. Chừng nào chúng chưa dẹp bỏ tham-dục, tham-muốn, cảm-tình (luyến ái), sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng vẫn còn yêu thích chúng, còn chơi với chúng, còn trân quý,245 và đối xử với chúng như là của-mình [theo một cách sở hữu]. Nhưng tới khi chúng đã hết [không còn] tham-dục, tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì

chúng sẽ phá tan chúng bằng tay và chân, phá hủy chúng, phá vỡ chúng, và dẹp bỏ chúng ra khỏi trò chơi. “Cũng giống như vậy, này Rādha, hãy phá tan sắc-thân, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập để dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Hãy phá tan cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập để dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Bởi vì, này Rādha, sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt) là Niết-bàn.” (SN 23:02)

3 (3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đường dẫn tới sự hiện-hữu, đường dẫn tới sự hiện-hữu’ (tức: nguyên nhân của luân-hồi).246 Thưa Thế Tôn, cái gì là đường dẫn tới sự hiện-hữu, và cái gì là sự chấm-dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu?” - “Này Rādha, sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ (tà kiến) của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với sắc-thân:247 đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm-dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu. “Sự tham-muốn,

nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính- chấp, những quan-điểm này nọ của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo- tác cố ý … thức: đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm-dứt dường dẫn tới sự hiện-hữu. (SN 23:03)

4 (4) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu
5 (5) Tu Sĩ (Sa-môn) (1)
6 (6) Tu Sĩ (Sa-môn) (2)
7 (7) Bậc Nhập-Lưu
8 (8) Bậc A-la-hán
9 (9) Tham-Dục (1)
10 (10) Tham-Dục (2) [07 bài kinh này là giống hệt 07 kinh SN 22:106112, chỉ khác là người nghe bây giờ là thầy Rādha.]
(SN 23:0423:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘MA-VƯƠNG’ THỨ HAI (Dutiya-Māra-vagga)

11 (1) Ma Vương
Ở Sāvatthī.
Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:
“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Giờ, thưa
Thế Tôn, cái gì là Ma Vương?”
“Này Rādha, sắc-thân là Ma Vương. Cảm-giác … Nhận-thức …
Những sự tạo-tác cố ý … Thức là Ma Vương.”
“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt …
không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”
(SN 23:11)
12 (2) Sẽ Bị Ma Vương Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘phải bị Ma Vương, phải bị Ma Vương’ (tức: có thuộc tính chết, phải bị chết).248 Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì phải bị Ma Vương?” “Này Rādha, sắc-thân là phải bị Ma Vương. Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là phải bị Ma Vương. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”

(SN 23:12)

13 (3) Vô Thường Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô thường, vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì

là vô thường?" "Này Rādha, sắc-thân là vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là vô thường. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:13)

14 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'thuộc bản chất vô thường, thuộc bản chất vô thường'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô thường?" "Này Rādha, sắc-thân là thuộc bản chất vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là thuộc bản chất vô thường. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:14)

15 (5) Khổ Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'khổ, khổ'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là khổ?" "Này Rādha, sắc-thân là khổ ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là khổ. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:15)

16 (6) Thuộc Bản Chất Khổ Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'thuộc bản chất khổ, thuộc bản chất khổ'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất khổ?" "Này Rādha, sắc-thân là thuộc bản chất khổ ... Cảm-giác ... Nhận- thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là thuộc bản chất khổ. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:16)

17 (7) Vô -Ngã

Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'vô ngã, vô ngã'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô ngã?" "Này Rādha, sắc-thân là vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là vô ngã. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:17)

18 (8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'thuộc bản chất vô ngã, thuộc bản chất vô ngã'. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô ngã?" "Này Rādha, sắc-thân là thuộc bản chất vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận- thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là thuộc bản chất vô ngã. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không

còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:18)

19 (9) Phải Bị Hoại Diệt Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'phải bị hoại diệt, phải bị hoại diệt' (tức: có thuộc tính bị hoại diệt; hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị hoại diệt?" "Này Rādha, sắc-thân là phải bị hoại diệt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là sẽ bị hoại diệt. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:19)

20 (10) Phải Bị Biến Mất Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'phải bị biến mất, phải bị biến mất' (tức: thuộc tính bị biến mất). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị biến mất?" "Này Rādha, sắc-thân là sẽ bị biến mất ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là sẽ bị biến mất. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:20)

21 (11) Phải Bị Khởi Sinh Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'phải bị khởi sinh, phải bị khởi sinh' (tức: có thuộc tính khởi sinh, có sinh; hữu sinh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ có khởi sinh?" "Này Rādha, sắc-thân là phải bị khởi sinh ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là sẽ có khởi sinh. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:21)

22 (12) Phải Bị Chấm Dứt Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'phải bị chấm dứt, phải bị chấm dứt' (tức: có thuộc tính chấm dứt, có diệt; hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là phải bị chấm dứt?" "Này Rādha, sắc-thân là phải bị chấm dứt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố ý ... Thức là phải bị chấm dứt. "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt ... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 23:22)

NHÓM 3. NHÓM 'THỈNH CẦU' (Āyācana-vagga)

23 (1) Ma Vương Ở Sāvatthī. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một

mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương (tức: là phải bị chết, có thuộc tính chết). Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương? Sắc-thân là Ma Vương. Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là Ma Vương.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 23:23)

24 (2) Phải Bị Ma Vương

25 (3) Vô Thường

26 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

27 (5) Khổ

28 (6) Thuộc Bản Chất Khổ

29 (7) Vô Ngã 30 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã 31 (9) Phải Bị Hoại Diệt 32 (10) Phải Bị Biến Mất 33 (11) Phải Bị Khởi Sinh 34 (12) Phải Bị Chấm Dứt [11 kinh này có lời giống hệt kinh kế trên, ngoại trừ chữ “là Ma Vương” sẽ được lần lượt thay bởi 11 tính từ: “phải bị Ma Vương” … “phải bị chấm dứt”, như sau:]

Ở Sāvatthī. “ … nhiệt thành, và kiên định.”… “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là phải bị Ma Vương … bất cứ thứ gì là vô thường … thuộc bản chất vô thường … khổ … thuộc bản chất khổ … vô ngã … thuộc bản chất vô ngã … phải bị hoại diệt … phải bị biến mất … phải bị khởi sinh … phải bị chấm dứt. Và, này Rādha, cái gì là phải bị chấm dứt. Sắc-thân là phải bị Ma Vương … … phải bị chấm dứt. “Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là phải bị Ma Vương … … phải bị chấm dứt.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”

(SN 23:2423:34)

NHÓM 4. NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’ (Upanisinna-vagga)

35 (1) Ma Vương Ở Sāvatthī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh: “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương. Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương?” … [tiếp tục như y hệt như kinh SN 23:23 ở trên.]

(SN 23:35)

36 (2) Phải Bị Ma Vương

37 (3) Vô Thường

38 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

39 (5) Khổ
40 (6) Thuộc Bản Chất Khổ
41 (7) Vô Ngã
42 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã
43 (9) Phải Bị Hoại Diệt
44 (10) Phải Bị Biến Mất
45 (11) Phải Bị Khởi Sinh
46 (12) Phải Bị Chấm Dứt
210 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

[11 bài kinh này có lời giống hệt 11 bài kinh (SN 23:2423:34) ở trên; chỉ khác ở chỗ trong 11 bài kinh này, câu mở đầu đều giống bài kinh dẫn đầu NHÓM này (SN 23:35): "Ở Sāvatthī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh."]

(SN 23-3623:46)

Chương 24.

Liên Kết CÁCH-NHÌN (24 Diṭṭhi-saṃyutta) (24 Tương ưng Kiến)

212 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 24 Liên Kết CÁCH-NHÌN • 213

NHÓM 1. NHÓM 'NHẬP-LƯU' (Sotāpatti-vagga)

1 (1) Gió … Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà- kiến) như vầy: 'Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà'?" (tức: như bất động, bất biến)249 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." - "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.' Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào cảm-giác … thức, do cố chấp vào cảm-giác … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.' (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường … Thức là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn" … - "Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn".

214 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

- "Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?"250 "Vô thường, thưa Thế Tôn". - "Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?" "Khổ, thưa Thế Tôn". -

“Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ (không biết chắc) trong sáu trường hợp này,251 và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:01)

2 (2) Đây Là ‘Của-Ta’ Ở Sāvatthī. - “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?’” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào

thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờmờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:02)

3 (3) Đây Là Cái ‘Ta’ (ngã) Ở Sāvatthī. - “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’?”252 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’ Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào cảm-giác … thức, do cố chấp vào cảm-giác … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’ - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:03)

4 (4) Điều Đó Lẽ Ra Không Là Vậy Đối Với Ta Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra đối với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’?”253 “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra đối với ta, [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’ Khi có cảm-giác … nhận-thức … những

sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào cảm-giác … thức, do cố chấp vào cảm-giác … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra đối với ta, [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.' "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó." (SN 24:04)

5 (5) Không Có Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy:254 (đối với họ) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một

cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác. Cá-nhân này chỉ gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại). Sau khi người đó chết, (yếu-tố) đất trở về và nhập lại với thể [thân]-đất; nước trở về và nhập lại với thể-nước; nhiệt (lửa) trở về và nhập lại với thể-nhiệt; khí (gió) trở về và nhập lại với thể-khí; các căn (thuộc phần tâm thần, để cảm nhận, nhận biết, ý định, ý thức…) thì được chuyển qua hư-không. [Bốn] người đàn ông khiêng cái giá quan tài với một người chết nằm trong đó là năm. Lời tụng cúng chẳng bay tới đâu xa hơn nghĩa địa; chỉ còn lại xương trắng; lễ thiêu xác kết thúc bằng tro tàn. Bố thí (cho đi) là triết lý của kẻ ngu. Khi có ai khẳng định triết lý là-có [sự cho đi, bố thí, cúng dường…] thì đó là lời sáo rỗng, giả dối. Kẻ ngu và người khôn gì rồi cũng đều bị cắt bỏ và diệt vong với thân tan rã; sau khi chết họ chẳng còn hiện- hữu.']?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …" "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân … khi có cảm-giác … có nhận- thức … có những sự tạo-tác cố ý … có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: (đối với họ) ['Không có gì phải cho đi … … sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.']" "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó." (SN 23:05)

6 (6) Hành Động (nghiệp) Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy:255 (đối với họ) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc

khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.']?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ ..." "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân ... khi có cảm-giác ... có nhận- thức ... có những sự tạo-tác cố ý ... có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: (đối với họ) ['Khi người ta làm hay khiến người khác làm ... ... cũng không có công đức hay đức quả phước quả gì cả.']" "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó." (SN 24:06)

Chương 24 Liên Kết CÁCH-NHÌN • 219

7 (7) Nguyên Nhân (nhân) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy:256 (đối với họ) ['Không có nhân [nguyên-nhân] hay duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm không phải có nhân hay duyên. Không có nhân hay duyên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh- lọc không phải có nhân hay duyên. {Không có nghiệp do mình, không có nghiệp do người khác, không có nghiệp của con người}. Không có năng- lực, không có sự nỗ-lực (tinh tấn), không có sức-mạnh của con người, không có sự chịu-khó của con người. Tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng- lực, và sự nỗ-lực; tất cả đều đã được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên; họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.']?"257 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ..." "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân ... khi có cảm-giác ... có nhận- thức ... có những sự tạo-tác cố ý ... có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: (đối với họ) ['Không có nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) nào tạo nến sự ô-nhiễm của chúng sinh ... ... họ nếm trải sướng và khổ trong sáu giai cấp.']" "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó." (SN 24:07)

8 (8) Cách Nhìn Lớn Lao (đại tà kiến)

220 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy:258 (đối với họ) [‘Có bảy thân này là không được làm ra, không được tạo ra, không được sáng tạo ra, không có đấng sáng tạo, là cằn trơ, đứng yên như những đỉnh núi, đứng yên như những cột đá. Chúng không chuyển động hay thay đổi hay cản trở lẫn nhau. Chẳng cái nào có khả năng gây ra sướng hay khổ hoặc sướng và khổ cho những thân khác. Bảy đó là gì? Đó là thân-đất, thân-nước, thân-nhiệt, thân-khí, sự sướng, sự khổ, và thứ bảy là linh-hồn. Bảy thân này là không được làm ra … {Trong đó, không có người giết, không người tàn sát, không người nghe, không người nói, không người nhận biết, không người thân thiết.}259 Cho dù ai có cắt đầu người khác bằng kiếm sắc cũng không thực sự là lấy mạng ai; đơn giản chỉ là lưỡi kiếm cắt qua không gian giữa bảy thân này mà thôi. Có 1.400.000 chủng loài chính trong hệ chúng sinh,260 và thêm 6.000, và 600; có 500 loại nghiệp, và thêm 05 loại nghiệp, và 03 loại nghiệp, và toàn nghiệp và bán nghiệp; có 62 đường lối, 62 tiểu kiếp, 6 giai cấp, 8 giai đoạn trong kiếp người, 4.900 loại khổ sĩ Ājīvaka,261 49 loại du sĩ, 4.900 cõi (rồng, rắn) na-ga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 cõi bụi trần, 07 cảnh xứ của chúng sinh có nhận thức, 7 cảnh xứ chúng sinh không có nhận thức, 07 cảnh xứ chúng sinh không có máu, 07 loại thiên thần, 07 loại con người, 07 loại quỷ thần, 07 loại hồ lớn, 07 loại có máu, thêm 700 loại có máu [khác], 07 vực núi, thêm 700 vực núi [khác], 7 loại mộng mơ, thêm 700 loại mộng mơ khác, 84 trăm ngàn đại kiếp trong (suốt thời gian) đó những kẻ ngu và người trí lang thang và trôi giạt qua hết, sau đó tất cả đều chấm dứt hết khổ đau. Không có chuyện kiểu như vầy: “Với đức-hạnh này hay tâm-nguyện này hay sự kiềm-chế này hay đời sống thánh-thiện này, tôi sẽ làm chín muồi nghiệp chưa chín muồi hoặc xóa bỏ nghiệp đã chín muồi bằng sự trải-nghiệm nó một cách tái tục”—chuyện đó là không có! Sự sướng và khổ đã được định lượng; những giới-hạn của vòng luân-hồi đã được ấn định; không có chuyện làm ngắn lại hay kéo dài thêm nó, không có chuyện tiến thêm hay lùi lại. Giống như một trái chỉ cuộn (như trái len) khi quăng được quăng

đi, thì nó chạy tháo bung chỉ ra; cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) sẽ thoát khỏi sự sướng và khổ.’]?”262 (tức là, cho dù có tu hành gì gì cũng không thể giải thoát sớm hơn vòng luân-hồi đã được định hạn) “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: (đối với họ) [‘Có bảy thân này là không được làm ra … … cũng giống như vậy, kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) sẽ thoát khỏi sự sướng và khổ.’]” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:08)

[10 kinh tiếp theo này (24:0918) lần lượt nói về “những quan-điểm đã không được tuyên bố” (bởi Phật), và chúng được nói theo những góc độ khác so với góc độ trong các

kinh thuộc Chương 33 và Chương 44.]

9 (9) Thế Giới Là Bất Diệt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Thế giới là bất-diệt’?”263 “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …”

“Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt.’… “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ trong sáu trường hợp này … thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:10)

10 (10) Thế Giới Là Không Bất Diệt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Thế giới là không bấtdiệt’?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:10)

11 (11) Thế Giới Là Hữu Hạn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Thế giới là hữu-hạn’ (hữu biên)?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:11)

12 (12) Thế Giới Là Vô Hạn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Thế giới là vô-hạn’ (vô biên)?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:12)

13 (13) Linh Hồn và Thể Xác Là Một Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Linh hồn và thể xác là một?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:13)

14 (14) Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:14)

15 (15) Như Lai Còn Hiện Hữu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:15)

16 (16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:16)

17 (17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ …” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 24:17)

18 (18) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’ Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’ (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường” “Vô thường, thưa Thế Tôn” …

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì cách-nhìn đó có khởi sinh, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn” - “Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn”. - “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” “Khổ, thưa Thế Tôn”. - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ- mờ (không biết chắc) trong sáu trường hợp này, và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận

mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó." (SN 24:18)

Chương 24 Liên Kết CÁCH-NHÌN • 227

NHÓM 2. NHÓM 'THUYẾT LẠI VÒNG HAI'264 (Dutiya-Gamana-vagga)

19 (1) Gió … Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà- kiến) như vầy: 'Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà'?" (tức: như bất động, bất biến) "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …" - "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.' Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào cảm-giác … thức, do cố chấp vào cảm-giác … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.' (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn" … - (a) "Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn". - ("Như vậy, này các Tỳ kheo, khi có khổ, chính do dính chấp vào sự khổ, do cố chấp vào sự khổ (= năm-uẩn),265 nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.'"

228 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

(SN 24:19)

20 (2) Đây Là 'Của Ta' cho tới kinh 36 (18) [Những kinh này lần lượt nói về những cách-nhìn (tà kiến) giống như các kinh từ 24:0224:18 ở trên; ngoại trừ "khuôn mẫu" các kinh trong NHÓM này là giống theo kinh dẫn đầu (24:19) kế trên.]

37 (19) Một Cái 'Ta' Gồm Có Sắc-thân Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt) … nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' (ngã) gồm có sắc-thân và không bị hư biến sau khi chết.'?" … …266 (tức không bị hư tổn, không bị biến đổi, không hư kém đi, vẫn như vậy) (SN 24:37)

38 (20) Cái 'Ta' Là Vô Sắc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có … nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' là không có sắc-thân (vô sắc) và không bị hư biến sau khi chết'?" … … (SN 24:38)

39 (21) Cái 'Ta' Vừa Có Sắc-Thân Vừa Không Có Sắc-Thân Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có … nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' vừa có sắc-thân vừa không có sắc-thân và không bị hư biến sau khi chết'?" … …

Chương 24 Liên Kết CÁCH-NHÌN • 229

(SN 24:39)

40 (22) Cái 'Ta' Không Có Sắc-Thân Cũng Không Phải Không Có Sắc-Thân Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có … nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta'

không có sắc-thân cũng không phải không có sắc-thân và không bị hư biến sau khi chết'?" ... ... (SN 24:40)

41 (23) Chỉ Có Sướng

Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' chỉ toàn sướng và không bị hư biến sau khi chết'?" ...

...

(SN 24:41)

42 (24) Chỉ Có Khổ

Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' chỉ toàn khổ, và không bị hư biến sau khi chết'?" ... ...

(SN 24:37)

43 (25) Có Khổ và Sướng Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' có khổ và sướng, và không bị hư biến sau khi chết'?" ..... (SN 24:43)

44 (26) Không Sướng, Không Khổ Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Cái 'ta' là không sướng không khổ và không bị hư biến sau khi chết'?" ... (SN 24:44)

NHÓM 3. NHÓM 'THUYẾT LẠI VÒNG BA' (Tatiya-Gamana-vagga)

45 (1) Gió ... Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà- kiến) như vầy: 'Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà'?" (tức: như bất động, bất biến) "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ..." - "Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn (tà kiến) như vầy: 'Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.' Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: 'Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.'" (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân ... thức là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn" ... - "Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn". - (b) "Như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì vô thường là khổ. Khi nó có (có mặt), chính do dính chấp vào nó, do cố chấp vào nó, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy:267 'Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cột nhà.'"

(SN 24:45)

[Lưu ý: Các kinh được thuyết lại trong NHÓM 3 (‘Thuyết Lại Vòng Ba’) này chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong NHÓM 2 (‘Thuyết Lại Vòng Hai’) ở chỗ đoạn cuối (b) này.]

46 (2) Đây Là “Của-Ta” cho đến 70 (26) … [Như lưu ý trên: các kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của NHÓM 2 (‘Thuyết Lại Vòng Hai’); chỉ khác ở chỗ kinh trong NHÓM 3 này giống theo “khuôn mẫu” của kinh dẫn đầu (24:45) kế trên; tức chỉ khác nhau chỗ đoạn cuối (b) so với đoạn cuối (a) của NHÓM 2.]

NHÓM 4. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BỐN’ (Catuttha-Gamana-vagga)

71 (1) Gió … (1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà- kiến) như vầy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cột nhà’?” (tức: như bất động, bất biến) “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” - “Này các Tỳ kheo, khi có sắc-thân, do dính chấp vào sắc-thân, do cố chấp vào sắc-thân, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ Khi có cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, do dính chấp vào cảm-giác … thức, do cố chấp vào cảm-giác … thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vầy: ‘Gió không thổi … mà chỉ đứng-yên như cột nhà.’ (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân … thức là thường hằng hay vô thường?” “Vô thường, thưa Thế Tôn” … - “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”. - (c) “Như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì … Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại,

bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xấu hay tốt, xa hay gần— tất cả mọi sắc-thân … thức nên được nhìn thấy đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. - (d) “Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê- sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiệ đã được sống, những gì cần

làm đã làm xong, không còn trở lại sự hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 24:71)

[Lưu ý: Các kinh trong NHÓM 4 ('Thuyết Lại Vòng Bốn') cũng chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong NHÓM 2 ở chỗ 02 đoạn cuối (c) và (d) mà thôi.]

72 (2) Đây là 'Của-Ta' cho đến 96 (26) ... [Như lưu ý trên: các kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của NHÓM 2 ('Thuyết Lại Vòng Hai'); chỉ khác ở chỗ lời kinh trong NHÓM 4 này giống theo "khuôn-mẫu" của bài kinh dẫn đầu (24:71) kế trên; tức 02 đoạn cuối (c) và (d) khác so với đoạn cuối (a) ở NHÓM 2 và đoạn cuối (b) NHÓM 3 ở trên.]

Chương 25.

Liên Kết NHẬP-VÀO (25 Okkanti-saṃyutta) (25 Tương ưng Nhập Vào)

236 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 25 Liên Kết NHẬP-VÀO • 237

1 Mắt ... Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. (1) "Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào 'đạo lộ (lộ trình) chân chính đã được định xong' ['đạo lộ đã được định xong của sự chân chính'], đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (tức: chắc chắn chứng ngộ nó khi còn sống hay ngay khi chết).268 (2) "Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí),269 là người đã nhập-vào 'đạo lộ chân chính đã được định xong', đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. "Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó."270 (SN 25:01)

2 Những Hình-Sắc ... Ở Sāvatthī.

238 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

"Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Những âm-thanh ... Những mùi-hương ... Những mùi-vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. (1) "Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người

đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’ … người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’ … người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.” (SN 25:02)

3 Thức Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Thức-tai … Thức-mũi … Thức-lưỡi … Thức-thân … Thứctâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:03)

4 Tiếp-Xúc (xúc) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Tiếp-xúc tai … Tiếp-xúc mũi … Tiếp-xúc lưỡi … Tiếp-xúc thân … Tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:04)

5 Cảm-Giác (thọ) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai … Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi … Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi … Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân … Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:05)

6 Nhận-Thức (tưởng) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, nhận-thức về những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Nhận-thức về những âm-thanh … Nhậnthức về những mùi-hương … Nhận-thức về những mùi-vị … Nhận-thức

về những đối-tượng chạm-xúc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:06)

7 Sự Cố-Ý (tư) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự cố-ý đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Sự cố-ý đối với những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những đối-tượng chạm xúc … những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … (‘tư’ ở đây có lẽ đại diện ‘hành’, sự tạo-tác cố ý) “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:07)

8 Dục-Vọng (ái) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, dục-vọng đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Dục-vọng đối với âm-thanh … Dục-vọng đối với những mùi-hương … Dục-vọng đối với những mùi-vị … Dục-vọng đối với những

đối-tượng chạm-xúc … Dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

Chương 25 Liên Kết NHẬP-VÀO • 241

(SN 25:08)

9 Các Yếu-Tố (giới) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo yếu-tố đất là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Yếu-tố nước … Yếu-tố nhiệt … Yếu-tố khí … Yếu-tố không gian … Yếu-tố thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.271 … … “Người mà biết và thấy như vậy … với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.” (SN 25:09)

10 Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Cảm-giác … Nhận-thức … Những sự tạo-tác cố ý … Thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. (1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ (lộ trình) chân chính đã được định xong’ [‘đạo lộ đã được định xong của sự chân chính’], đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (tức: chắc chắn chứng ngộ nó khi còn sống hay ngay khi chết).

242 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.” (SN 25:10)

Chương 26.

Liên Kết KHỞI-SINH (26 Uppāda-saṃyutta) (26 Tương Ưng Sinh)

244 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 26 Liên Kết KHỞI-SINH • 245

1 Mắt … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện (hiện thị, có mặt) của mắt là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. (*) “Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai … của mũi … của lưỡi … của thân … của tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của

căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của mắt … của tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:01)

[Trong các kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kế trên sẽ được lần lượt lặp lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong Chương 25 kế trên. Nhân tiện, kinh 26:09 hầu như giống kinh 14:36, chỉ có thêm “yếu-tố không gian” và “yếu-tố thức”. Còn kinh 26:10 thì giống y kinh 22:30.] 272

2 Những Hình-Sắc … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của những hình-sắc … những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những đối-tượng chạm xúc … những hiện-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:02)

3 Thức Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thức-mắt … thức-tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của thức-mắt … thức-tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:03)

4 Tiếp-Xúc (xúc) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tiếp-xúc mắt … tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của tiếp-xúc mắt … tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:04)

5 Cảm-Giác (thọ) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt … cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt … cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:05)

6 Nhận-Thức (tưởng) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của nhận-thức về những hình-sắc … nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của nhận-thức về những hìnhsắc … nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:06)

7 Sự Cố-Ý (tư) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sự cố-ý đối với những hình-sắc … sự cố-ý đối với những đốitượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của sự cố-ý đối với những hình-sắc … sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:07)

8 Dục-Vọng (ái) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của dục-vọng đối với những hình-sắc … dục-vọng đối với những đốitượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của dục-vọng đối với những hình-sắc … dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:08)

9 Các Yếu-Tố (giới) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất … yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí … yếu-tố không gian … yếu-tố thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của yếu-tố đất … yếu-tố thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự giàchết.” (SN 26:09)

10 Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sắc-thân … của cảm-giác … của nhận-thức … của những sự tạo-

tác cố ý … của thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Sự chấm dứt, sự lặn mất, sự biến mất của sắc-thân … thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn mất của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.” (SN 26:10)

Chương 27.

Liên Kết Ô-NHIỄM (27 Kilesa-saṃyutta) (27 Tương Ưng Phiền Não)

1 Mắt … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với mắt là một sự ố-nhiễm của tâm.273 Sự tham-muốn và nhục-dục đối với tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ- dụng (dễ dùng, dễ uốn nắn, dễ tu dưỡng) đối với (cho, để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (nghĩa là: tâm như vậy dễ dụng tu để chứng ngộ những điều (sự thật, chân lý, trạng thái) bằng sự- biết trực tiếp)274 (SN 27:01)

2 Những Hình-Sắc … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với những hìnhsắc là một sự ố-nhiễm của tâm. Sự tham-muốn và nhục-dục đối với những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những đối-tượng chạm-xúc … những hiện-tượng thuộc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:02)

3 Thức Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với thức-mắt … thức-tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ốnhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:03)

4 Tiếp-Xúc (xúc) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với tiếp-xúc mắt … tiếp-xúc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:04)

5 Cảm-Giác (thọ) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt … cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:05)

6 Nhận-Thức (tưởng) Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với nhận-thức về những hình-sắc … đối với nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:06)

7 Sự Cố-Ý (tư) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với sự cố-ý đối với những hình-sắc … đối với những hiện-tượng thuộc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:07)

8 Dục-Vọng (ái) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với dục-vọng đối với những hình-sắc … dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được

chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:08)

9 Các Yếu-Tố (giới) Ở Sāvatthī.

256 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với yếu-tố đất … yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí … yếu-tố không gian … yếu-tố thức là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó … sẽ trở nên dễ- dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:09)

10 Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân … đối với cảm-giác … đối với nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức là sự ố-nhiễm của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự ố-nhiễm của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễdụng đối với (cho, để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” (SN 27:10)

Chương 28.

Liên Kết XÁ-LỢI-PHẤT (28 Sāriputta-saṃyutta) (28 Tương Ưng Xá-Lợi-Phất)

258 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 28 Liên Kết XÁ-LỢI-PHẤT • 259

1 Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly … (Nhất thiền) Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khất thực trong thành Sāvatthī và đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ (được gọi là) Khu Vườn (của) Người Mù để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vào Khu Vườn Người Mù, thầy ấy ngồi xuống một gốc cây để an trú ban ngày. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn trú đó và trở về Khu Vườn của thái tử Jeta, Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”275 “Ở đây, này đạo hữu: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của- ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã được bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.”276 (SN 28:01)

2 Khô ng Còn Ý -Nghĩ (tầm) … (Nhị thiền) Ở Sāvatthī. … [như kinh kế trên] … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của- ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (SN 28:02)

3 Sự Hoan-Hỷ (hỷ) … (Tam thiền) Ở Sāvatthī. … [như kinh trên] … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc) cùng với thân; tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các

bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ ba’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:03)

4 Sự Buông-Xả (xả) … (Tứ thiền) Ở Sāvatthī. … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh-lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ (tức: sự chánh-niệm lúc này đã được thanh-lọc tới mức tinh-khiết nhờ có sự buông-xả siêu vời trong Tứ thiền). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ tư’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:03)

5 Không Vô Biên Xứ Ở Sāvatthī.

… Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi không vô biên xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:05)

6 Thức Vô Biên Xứ Ở Sāvatthī. … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi thức vô biên xứ’.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:05)

7 Vô Sở Hữu Xứ Ở Sāvatthī. … Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất nhý vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, tôi đã chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi vô sở hữu xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:07)

8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Ở Sāvatthī. … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi phi tưởng phi phi tưởng xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” “Chắc hẳn là do … không còn xảy đến với thầy ấy.” (SN 28:07)

9 Diệt Thọ Tưởng (chấm dứt nhận-thức và cảm-giác) Ở Sāvatthī. … Ngài Ānanda nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và nói với thầy ấy như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất … trong sự an trú nào?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong sự (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Nhưng, này đạo hữu, nhưng ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc sự diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã chứng đắc sự chấm-dứt sự diệt thọ

tưởng', hay 'Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng' đã không còn xảy đến với tôi." "Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái 'ta' (ngã kiến), sự tạo-nên cái 'của- ta' (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự 'tự-ta' (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy." (SN 28:09)

10 Nữ Du Sĩ Sucimukhī Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khất thực liên tục một vòng trong thành Rājagaha,277 thầy ấy ngồi ăn thức ăn khất thực, lưng dựa vào tường. Lúc đó có một nữ du sĩ tên Sucimukhī đến gặp thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy ấy: "Này tu sĩ [sa-môn], ông ăn với mặt úp (xuống đất) phải không?"278 "Thưa chị, tôi không ăn với mặt úp (xuống đất)"

"Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn với mặt ngửa (lên trời) phải không?" "Thưa chị, tôi không ăn với mặt ngửa (lên trời)" "Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng phải không?"279 "Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng." "Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa (bốn hướng) phải không?" "Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa." "Khi ông được hỏi 'Này tu sĩ, ông ăn với mặt úp phải không? … 'Ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa phải không?' thì ông cứ trả lời: 'Thưa chị, tôi không ăn như vậy'. Này tu sĩ, vậy ông ăn kiểu sao?" "Thưa chị, (i) những tu sĩ và bà-la-môn kiếm sống bằng nghề bói đất bói hướng tầm phào280—một cách kiếm sống sai trái (tà hạnh, đối với tu sĩ)— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn úp mặt (xuống đất). (ii) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói sao bói trời tầm phào281—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn ngửa mặt (lên trời). (iii) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng cách đi làm công việc người ta sai vặt hoặc đưa tin báo tin282—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn đủ các [bốn] hướng. (iv) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói chỉ tay tầm phào283—một cách kiếm sống sai trái— thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn những hướng xen giữa. "Thưa chị, tôi không kiếm sống bằng nghề bói đất tầm phào, hay nghề bói sao tầm phào, hay bằng cách làm những việc sai vặt và đưa tin báo tin, hay bằng nghề bói chỉ tay tầm phào. Tôi tìm kiếm thức ăn bố thí một cách chân chính, và sau khi kiếm được thức ăn đó, tôi ăn nó một cách chân chính."

Rồi nữ du sĩ tên Sucimukhī đó đã đi từ đường này tới đường kia và từ khu này tới khu kia trong thành Rājagaha tuyên bố rằng: "Những tu sĩ đi tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật) ăn thức ăn chân chính; họ ăn thức ăn không tội lỗi. Hãy cúng dường thức ăn cho những tu sĩ đi theo người con của dân tộc Thích-Ca." (SN 28:10)

Chương 29.

Liên Kết RỒNG NĀGA (29 Nāga-saṃyutta) (29 Tương Ưng Loài Rồng)

268 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 29 Liên Kết RỒNG NĀGA • 269

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng [nāga].284 Bốn đó là gì? (1) Rồng sinh ra từ trứng, (2) rồng sinh ra từ bào thai, (3) rồng sinh ra từ hơi ẩm, (4) rồng sinh ra tự nhiên tự phát (theo nghiệp).” (noãn sinh, thai sinh, ẩm sinh, và hóa sinh) (SN 29:01)

2 Tốt Hơn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng … “Này các Tỳ kheo, trong đó (2), (3), và (4) là ưu việt hơn (tốt hơn, cao hơn) (1). Rồi (3) và (4) là ưu việt hơn (1) và (2). Rồi (4) là ưu việt (nhất) hơn (1), (2), và (3). “Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài rồng.” (SN 29:02)

3 Uposatha (Bố-tát) (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa đức Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bố-tát [Uposatha] và (đến mức) từ bỏ [sự quan tâm đối với] thân thể của chúng?”285 “Ở đây, này các Tỳ kheo, một số rồng naga được sinh từ trứng nghĩ như vầy: ‘Trong quá khứ chúng tôi hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn

270 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm.286 Sau khi đã làm như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi đã bị tái sinh trong chủng loài rồng naga được sinh từ trứng. Nếu ngày nay chúng tôi tu tập hành-vi tốt thiện (thiện hành) trong thân, lời-nói, và tâm, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến hạnh phúc, trong một cõi trời. Nào bây giờ, chúng ta hãy tu tập hành-vi tốt thiện trong thân, lời-nói, và tâm.’ “Này Tỳ kheo, điều này chính là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bố-tát và từ bỏ [sự quan tâm về] thân thể của chúng.” (SN 29:03)

4 Uposatha (Bố-tát) (2)

5 Uposatha (Bố-tát) (3)

6 Uposatha (Bố-tát) (4)

[Giống hệt bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loài rồng naga còn lại cho 03 kinh này.]

7 Người Đó Đã Nghe (1) Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga được sinh từ trứng?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong

chủng loài

rồng naga sinh từ trứng!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng. “Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.” (SN 29:07)

8 Người Đó Đã Nghe (2)

9 Người Đó Đã Nghe (3)

10 Người Đó Đã Nghe (4)

[Giống hệt bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loài rồng naga còn lại cho 03 kinh này.]

11 20 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh…) Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn … Người đó bố thí thức uống … Người đó bố thí quần áo … Người đó bố thí một cỗ xe … Người đó bố thí một vòng hoa … Người đó bố thí một dầu thơm … Người đó bố thí một thuốc cao … Người đó bố thí một chỗ nằm … Người đó bố thí

một chỗ ở … Người đó bố thí một đèn thắp.287 [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 11-20.] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng. “Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.” (SN 29:1120)

21 50 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh …) [Nhóm (1): (kinh 11-20) ở trên là nói về ‘chủng loại rồng naga sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (từ kinh 21-50) có lời kinh giống hệt như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại rồng naga còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]

(SN 29:2150)

Chương 30.

Liên Kết CHIM-THẦN (30 Supaṇṇa-saṃyutta) (30 Tương Ưng Thần Điểu)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần [supaṇṇa] (chim ganuda, kim xí điểu). Bốn đó là gì? (1) Loài chim-thần được sinh từ trứng, (2) loài chim-thần được sinh từ bào thai, (3) loài chim-thần được sinh từ hơi ẩm, (4) loài chim-thần được sinh một cách tự nhiên tự phát. Đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim thần.” (SN 30:01)

2 Chúng Gấp Rồng Naga Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần … “Này các Tỳ kheo, trong số này, chim-thần loại (1) chỉ gấp đi được rồng naga loại (1), nhưng không gấp được ba chủng loại còn lại. Chim- thần loại (2) chỉ gấp được rồng naga loại (1) và (2), nhưng không gấp được hai chủng loại còn lại. Chim-thần loại (3) gấp được rồng naga loại (1), (2), và (3), nhưng không gấp được chủng loại còn lại. Chim-thần loại (4) thì gấp được rồng naga thuộc cả bốn chủng loại. (Tức là: một chủng loài chim-thần chỉ gấp rồng naga thuộc chủng loài thấp hơn hoặc bằng chủng loài mình, chứ không thể gấp rồng naga thuộc chủng loài cao hơn chủng loài mình) 288

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim- thần.” (SN 30:02)

3 Lẫn Lộn Thiện Ác (1) Ở Sāvatthī.

… ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào chủng loài chim-thần sinh từ trứng?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim- thần sinh từ trứng.’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng. “Này các Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.” (SN 30:03)

4 6 Lẫn Lộn Thiện Ác (2), (3), (4) [Giống hệt bài kinh trên, chỉ lần lượt thay bằng 03 chủng loài chim-thần còn lại cho 03 kinh này.]

(SN 30:0406)

7 16 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh …) Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn …

Người đó bố thí thức uống … Người đó bố thí quần áo … Người đó bố thí một cỗ xe … Người đó bố thí một vòng hoa … Người đó bố thí một dầu thơm … Người đó bố thí một thuốc cao … Người đó bố thí một chỗ nằm … Người đó bố thí một chỗ ở … Người đó bố thí một đèn thắp. [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 7-16.] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng. “Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.” (SN 30:0716)

17 46 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh…) [Nhóm (1): (kinh 7-16) ở trên là nói về ‘chủng loại chim-thần sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (kinh 17-46) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại chim-thần còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]

(SN 30:1746)

278 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 31.

Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ (31 Gandhabba-saṃyutta) (31 Tương Ưng Càn-thát-bà)

280 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 31 Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ • 281

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần (chư thiên) thuộc loại Càn-thát-bà [gandhabba]. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại Càn-thát- bà? Này các Tỳ kheo, có những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lớp gỗ mềm cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong vỏ cây hương thơm,289 những thiên thần sống trú trong chồi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lá cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong trái cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong nhựa cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm. “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.” (SN 31:01)

2 Hành Vi Thiện Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm.290 Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần thuộc loại Càn- thát-bà sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần

282 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

thuộc loại Càn-thát-bà!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà. “Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do

có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.” (SN 31:02)

3 Người Bố Thí (1) Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm!’ Người đó trở thành người bố thí rễ cây hương thơm. Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm. “Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.” (SN 31:03)

4 12 Người Bố Thí (2) … (10)

Chương 31 Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ • 283

[Giống hệt bài kinh kế trên, chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại thiên-thần: ‘những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm’ … ‘những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm (theo thứ tự ghi trong bài kinh 31:01). Mỗi loại người bố thí tương ứng với thứ người đó bố thí.]

(SN 31:0412)

13 22 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh …) Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?” “Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm! Người đó bố thí thức ăn … Người đó bố thí thức uống … Người đó bố thí quần áo … Người đó bố thí một cỗ xe … Người đó bố thí một vòng hoa … Người đó bố thí một dầu thơm … Người đó bố thí một thuốc cao … Người đó bố thí một chỗ nằm … Người đó bố thí một chỗ ở … Người đó bố thí một đèn thắp. [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 13-22.] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm. “Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.” (SN 31:1322)

284 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

23 112 Nhờ Sự Bố-Thí (2) (mà tái sinh …) [Nhóm (1) kế trên (kinh 13-22) là nói về loại ‘những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm; nhóm (2) này (kinh 23112) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại Càn-thát-bà còn lại là: ‘những thiên

thần sống trú trong gỗ lõi hương thơm’ … ‘những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm’.]

(SN 31:23112)

Chương 32.

Liên Kết THIÊN THẦN MÂY (32 Valāhaka-saṃyutta) (32 Tương Ưng Thiên Thần Mây)

286 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 32 Liên Kết THIÊN THẦN MÂY • 287

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại sống-trên- mây?291 Này các Tỳ kheo, có những thiên thần mây-mát, những thiên thần mây-ấm, những thiên thần mây-bão, và những thiên thần mây-mưa. “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại sống- trên-mây (thiên thần mây).”

(SN 32:01)

2 Hành Vi Thiện [Giống hệt bài kinh SN 31:02, chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số những thiên thần mây”.]

(SN 32:02)

3 12 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh…) [Những kinh này được đúc theo “khuôn-mẫu” các kinh tương ứng từ SN 31:13SN 31:22; chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số những thiên thần mây-mát”.]292

(SN 32:0312)

13 52 Nhờ Sự Bố-Thí (2) (mà tái sinh…) [“Khuôn-mẫu” kinh của nhóm (1) (kinh 312) kế trên là nói về sự “tái sinh trong số những thiên thần mây-mát”. Các kinh của nhóm (2) này (kinh 1352) này lặp lại giống hệt như vậy cho từng loại thiên-thần còn lại, lần

288 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

lượt là: “tái sinh trong số thiên thần mây-ấm”, “tái sinh trong số thiên thần mây-bão”, “tái sinh trong số thiên thần mây-mưa”.]

(SN 32:1352)

53 Những thiên thần Mây-Mát Ở Sāvatthī. … ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên mát-mẻ?” “Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây- mát. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’,293 rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên mát-mẻ. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên mát- mẻ.”

(SN 32:53)

54 Những thiên thần Mây-Ấm Ở Sāvatthī. … “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên ấm-áp?” “Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây- ấm. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên ấm-áp. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên ấm-áp.”

(SN 32:54)

Chương 32 Liên Kết THIÊN THẦN MÂY • 289

55 Những thiên thần Mây-Bão Ở Sāvatthī. … “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên bão-bùng?” “Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mâybão. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên bão-bùng. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên bãobùng.”

(SN 32:55)

56 Những thiên thần Mây-Gió Ở Sāvatthī. … “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên nổi-gió?” “Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là những thiên thần mây- gió. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên nổi-gió. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên nổi-gió.”

(SN 32:56)

57 Những thiên thần Mây-Mưa Ở Sāvatthī. …

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) mưa?”

290 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

“Này Tỳ kheo, có những cái được gọi là những thiên thần mây-mưa. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời mưa. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời mưa.”

(SN 32:57)

Chương 33.

Liên Kết VACCHAGOTTA (33 Vacchagotta-saṃyutta) (33 Tương Ưng Vacchagotta)

292 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Chương 33 Liên Kết VACCHAGOTTA • 293

1 Do Không Biết (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.294 Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-Đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do

làm phát sinh những quan-điểm (cách-nhìn, quan-niệm) mang tính suy đoán (võ đoán, đoán mò) khác nhau như vầy trong thế gian: 'Thế giới là bất diệt'; hoặc 'Thế giới là không bất diệt'; hoặc 'Thế giới là hữu biên'; hoặc 'Thế giới là vô biên'; hoặc 'Linh hồn và thân thể là một'; hoặc 'Linh hồn và thân thể là khác nhau'; hoặc 'Như Lai hiện hữu sau khi chết'; hoặc 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết'; hoặc 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết'; hoặc 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết'?" "Này Vaccha, do không biết sắc-thân (sắc uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian: 'Thế giới là bất diệt' ... hoặc 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết'. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian." 295

(SN 33:01)

2 Do Không Biết (2) Ở Sāvatthī ... "Này Vaccha, do không biết cảm-giác (thọ uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát

sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian: 'Thế giới là bất diệt' ... hoặc 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết'. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian." (SN 33:02)

3 Do Không Biết (3) ... "Này Vaccha, do không biết nhận-thức (tưởng uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian ..." (SN 33:03)

4 Do Không Biết (4) ... "Này Vaccha, do không biết những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian ..." (SN 33:04)

5 Do Không Biết (5) ... "Này Vaccha, do không biết thức (thức uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian ..." (SN 33:05)

6 10 Do Không Nhìn -Thấy (năm uẩn) ... "Này Vaccha, do không nhìn-thấy sắc-thân ... cảm-giác ... nhận- thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian ..."296 (SN 33:0610)

11 15 Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn) ... "Này Vaccha, do không đột-phá vào (nhìn thấu) sắc-thân ... cảmgiác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của

nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian ...” (SN 33:1115)

16 20 Do Không Nắm-Rõ (năm uẩn) [Giống y hệt các kinh 1115 kế trên; chỉ lần lượt thay “do không nhìn- thấy” bằng “do không nắm-rõ”.]

(SN 33:1620)

21 25 Do Không Thâm -Nhập Vào

26 30 Do Không Nhận-Thấy Được

31 35 Do Không Phân -Biệt Ra [đối xử]

36 40 Do Không Phân -Biệt [sự khác nhau]

41 45 Do Không Soi -Xét

46 50 Do Không Soi -Xét Kỹ Càng

51 55 Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết ... “Này Vaccha, do không thâm-nhập vào ... ... do không trực tiếp nhận-biết sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vầy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu biên’; hoặc ‘Thế giới là vô biên’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là một’; hoặc ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.” (SN 33:2155)

Chương 34.

Liên Kết THIỀN-ĐỊNH (34 Jhāna-Saṁyutta) (34 Tương Ưng Thiền Định)297

[“Liên-kết Thiền Định” (Jhāna-saṁyutta) là tên Chương 34 này (Quyển 3), nhưng nó cũng là tên của Chương 53 (Quyển 5). Chương 53 thì nói về của 04 tầng thiền-định sắc giới [jhāna] như “những sự chứng-đắc”. Còn Chương 34 này thì nói về “tiến-trình thiền tập” chứ không chủ ý nói về “những sự chứng đắc” hay “những tầng chứng đắc” đó; tuy nhiên tôi vẫn dịch tên chương giống nhau như vậy. Chương 34 này đã được tạo ra như một cỗ xe (cakka) chỉ ra tất cả những sự hoán-đổi có thể giữa 11 kỹ-năng thiền-tập. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh thêm theo 04 trường hợp: (i) có-được kỹ năng này nhưng thiếu kỹ năng kia; (ii) có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này; (iii) không-có cả hai; và (iv) có-được cả hai. Và trường hợp cuối cùng (iv) là tốt nhất!] (297)

1 Chứng-Đắc tương quan với Định-Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) định-tâm298 trong tu thiền định [đối với sự định-tâm],299 nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) chứng-đắc (chứng nhập tầng thiền định) trong tu thiền định. (2) “Ở đây, một người thiền là thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định, nhưng không thiện khéo về định-tâm trong tu thiền định. (3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm trong tu thiền định, cũng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định. (4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm, vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó. “Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiền (4) vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:01)

2 Duy-Trì tương quan với Định-Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về định-tâm … nhưng không thiện khéo về duy-trì300 … (duy trì: là kỹ năng nhập định bao lâu các tầng thiền định theo ý mình muốn và đã quyết định trước khi nhập thiền). (2) “Ở đây, một người thiền là thiện khéo về duy-trì … nhưng không thiện khéo về định-tâm … (3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm … cũng không thiện khéo về duy-trì … (4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì … “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về định- tâm vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó. “Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa … từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiền vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:02)

3 Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay cụm chữ “thiện khéo về duy-trì” bằng “thiện khéo về thoát-ra”.]301

(SN 34:03)

4 Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về sự mềm-dẻo”.]302 (SN 34:04)

5 Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về đối-tượng”.]303

(SN 34:05)

6 Trú -Xứ tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về trú-xứ”.]304

(SN 34:06)

7 Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về quyết-tâm”.]305 (SN 34:07)

8 Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “là một người làm chu-đáo” (trong tu thiền định).]306 (SN 34:08)

9 Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “là một người làm kiên-trì”.]307 (SN 34:09)

10 Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng “là một người làm điều thích- hợp”.]308

302 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

(SN 34:10)

11 Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiền định [đối với sự định-tâm], nhưng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định. (2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền thiện khéo về duy-trì … nhưng không thiện khéo về chứng-đắc … (3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền không thiện khéo về duy-trì … cũng không thiện khéo về chứng-đắc … (4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiền thiện vừa thiện khéo về duy- trì vừa thiện khéo về chứng-đắc … “Trong đó, người thiền (4) vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người đó. “Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa … từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiền vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:11)

12 Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay cụm chữ “thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định” bằng “thiện khéo về thoát-ra trong tu thiền định”] (SN 34:12)

Chương 34 Liên Kết THIỀN-ĐỊNH • 303

13 Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định”] (SN 34:13)

14 Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về đối-tượng”] (SN 34:14)

15 Trú -Xứ tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ "thiện khéo về trú-xứ"] (SN 34:15)

16 Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ "thiện khéo về quyết-tâm"] (SN 34:16)

17 Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ "là một người làm chu-đáo"] (SN 34:17)

18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ "là một người làm kiên-trì"] (SN 34:18)

304 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc [Giống kinh kế trên, chỉ thay bằng cụm chữ "là một người làm điều thích-hợp"] (SN 34:19)

20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiền định [đối với sự định-tâm], nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra trong tu thiền định. (2) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về thoát-ra … nhưng không thiện khéo về duy-trì … (3) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền không thiện khéo về duy-trì … cũng không thiện khéo về thoát-ra … (4) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền vừa thiện khéo về duy- trì vừa thiện khéo về thoát-ra … "Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về thoát-ra trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó." (SN 34:20)

21 27 Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì … [07 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ "thoát-ra" được lần lượt thay bằng các 7 chữ "mềm-dẻo" … "là một người

Chương 34 Liên Kết THIỀN-ĐỊNH • 305

làm điều thích-hợp trong tu thiền định", một cách tương ứng giống như nhóm kinh 1319.] (SN 2127)

28 Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo … (2) … thiện khéo về sự mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về thoát-ra … (3) … không thiện khéo về thoát-ra, cũng không thiện khéo về mềmdẻo … (4) … vừa thiện khéo về thoát-ra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định. "Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về thoátra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó." (SN 34:28)

29 34 Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra … [06 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ "mềm-dẻo" được lần lượt thay bằng 6 chữ "đối-tượng" … "là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định".] (SN 2934)

35 Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về đối-tượng … (2) … thiện khéo về đối-tượng, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo … (3) … không thiện khéo về mềm-dẻo, cũng không thiện khéo về đốitượng … (4) … vừa thiện khéo về mềm-dẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về mềmdẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:35)

36 40 Trú -Xứ tương quan với Mềm-Dẻo… [05 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ “đối-tượng” được lần lượt thay bằng 5 chữ “trú-xứ” … “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.] (SN 3640)

41 Trú -xứ tương quan với Đối-Tượng Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) đối-tượng, nhưng không thiện khéo về trú-xứ … (2) … thiện khéo về trú-xứ, nhưng không thiện khéo về đối-tượng …

(3) không thiện khéo về đối-tượng, cũng không thiện khéo về trú-xứ … (4) … vừa thiện khéo về đối-tượng vừa thiện khéo về trú-xứ trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về đốitượng vừa thiện khéo về trú-xứ trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:35)

42 45 Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng … [04 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ “trúxứ” được lần lượt thay bằng 4 chữ “quyết-tâm” … “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.] (SN 4245)

46 Quyết-Tâm tương quan với Trú -Xứ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) trú-xứ, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm … (2) … thiện khéo về quyết-tâm, nhưng không thiện khéo về trú-xứ … (3) … không thiện khéo về trú-xứ, cũng không thiện khéo về quyếttâm … (3) … vừa thiện khéo về trú-xứ vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về trú-xứ vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:46)

47 49 Chu-Đáo tương quan với Trú -Xứ … [03 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ “quyết-tâm” được lần lượt thay bằng 3 chữ “là một người làm chu-đáo trong tu thiền định”, “là một người làm kiên-trì trong tu thiền định”, và “là

một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.] (SN 4749)

50 Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) quyết-tâm, nhưng không phải là một người làm chu-đáo … (2) … là một người làm chu-đáo, nhưng không thiện khéo về quyếttâm … (3) … không thiện khéo về quyết-tâm, cũng không là một người làm chu-đáo … (4) … vừa thiện khéo về quyết-tâm vừa là một người làm chu-đáo trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về quyếttâm vừa là một người làm chu-đáo trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:50)

51 52 Chu-Đáo tương quan với Trú -Xứ …

[02 kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kế trên; chỉ có chữ “là một người làm chu-đáo trong tu thiền định” được lần lượt thay bằng 2 chữ “là một người làm kiên-trì trong tu thiền định”, “người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.] (SN 5152)

53 Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm chuđáo, nhưng không phải là một người làm kiên-trì … (2) … là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm chu-đáo … (3) … không phải là một người làm chu-đáo, cũng không phải là một người làm kiên-trì … (4) … vừa là một người làm chu-đáo vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa là một người làm chu-đáo vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định … là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:53)

54 Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm chu- đáo, nhưng không phải là người làm điều thích-hợp trong tu thiền định.

(2) … (3) … (4)…” (SN 34:54)

55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm điều thích-hợp, nhưng không phải là một người làm kiên-trì … (2) … là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm điều thích-hợp … (3) … không phải là một người làm điều thích-hợp, cũng không phải là một người làm kiên-trì … (4) … vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định. “Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” “Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, người thiền vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền

định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.” (SN 34:55)

Chương 34 Liên Kết THIỀN-ĐỊNH • 311

HẾT QUYỂN 3 (QUYỂN NĂM-UẨN)

312 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH: Be: phiên bản Miến Điện của SN Ee: phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)

Se: phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN ∗ SN= Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện) Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).

Spk-pṭ = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala) CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato. Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBĐ, các chú giải Spk thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (Be). Chỗ nào ghi Spk (Be) và Spk (Se) chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC: Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

314 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN)

Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Trung (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN)

Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN)

Bảng Viết Tắt • 315

Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh
Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện)
Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật)
Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

316 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman) Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto)

DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan

Bảng Viết Tắt • 317

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pāli Text Society (Hội Kinh Điển Pāli)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Còn các số hiệu kinh DN, MN, và Ja kèm theo số kinh sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn của Ppn. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo số quyển và số trang của ấn bản PTS, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ Be hay Ce thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables)

318 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

CHÚ THÍCH

1 [Nakulapitā có nghĩa là 'cha của Nakula', vợ ông là Nakulamātā nghĩa là

'mẹ của Nakula'. Phật tuyên bố vợ chồng ông là đệ nhất về sự tin-tưởng trong những đệ tử tại gia; (coi thêm kinh AN 1:157 và chú thích ở đó)] (1)

2 [Tất cả 03 phiên bản của bộ kinh SN, và cả những phiên bản của Spk, đều

ghi là aniccadassā vı (không luôn luôn là một người nhìn-thấy), nhưng SS thì ghi là adhiccadassā vı (một người nhìn thấy cơ hội): có lẽ là đúng chữ nguyên thủy; CPD cũng chọn chữ này. Spk giải nghĩa là: "Bởi do sự khổ đau của con nên con không thể đi đến nơi nào mình muốn; tôi chỉ thỉnh thoảng gặp được [đức Thế Tôn], không thường xuyên gặp được."

- Chữ manobhāvanıyā, thường được gán cho Tỳ kheo, thường bị dịch sai là 'với một cái tâm được tu tập'. Tuy nhiên cụm chữ này có nghĩa của một động-tính từ có nghĩa chữ là "người nên được đưa tới tâm (mình)", tức là người đó là người đáng được kính trọng, bậc đáng kính. Spk: "Những vị đại trưởng lão như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được gọi là người (bậc) 'đáng kính trọng' [= được đưa tới tâm] bởi vì tâm (citta) sẽ tăng trưởng về những phẩm-chất thiện mỗi khi nhìn thấy những vị đó.".] (2)

3 [Be và Se ghi chữ mô tả thứ hai là aṇḍabhūto, nghĩ chữ là "trở thành trứng",

và Spk đã đưa chữ này vào chú giải như sau: "Aṇḍabhūto: trở một người không nên yếu ớt (dubbala) như một cái trứng. Vì một người không thể chơi đùa quăng ném cái trứng, nó sẽ bị bể ngay—cũng giống như vậy thân này 'giống như trứng' bởi vì nó sẽ tan vỡ ngay cả khi một người đâm sầm vào một gai nhọn hay một gốc cây." Mặc dù lời kinh và chú giải của Spk, phiên bản Ee ghi chữ này là addhabhūto, có vẻ đúng hơn; coi thêm kinh SN 35:29 (Quyển 4) và chú thích 14 ở đó.] (3)

4 [Về nguyên từ học theo luận giảng của chữ puthujjana, mời coi lại chú thích

số153 trong Quyển 2. Spk đã phân tích dài về đoạn này; về bản dịch đoạn luận giỉ song hành ở Ps I 20–25, coi thêm tham luận có tên "Kinh Gốc Rễ Củ Sự Hiện-Hữu"see Bodhi, trang 33–38, bởi TKBĐ. Những giảng lụận phân

biệt "người phàm phu không được chỉ dạy" (assutavā puthujjana) và người phàm phu thiện tốt" (kalyāṇa puthujjana). Trong khi cả 02 loại người phàm phu đều có chung nghĩa là người chưa đạt tới thánh đạo Nhập-lưu, loại đầu là chưa có sự hiểu biết giáo lý về Giáo Pháp và chưa có sự tu tập nào cả; loại sau thì có cả hai và đang phấn đấu tu tập để đạt tới thánh đạo.] (4)

5 [Đoạn kinh ở đây nêu ra 20 loại cách-nhìn hay quan-điểm có một danh-

tính (thân kiến, sakkāyadiṭṭhi); 20 quan-điểm này là do đặt cái 'ta' (ngã) theo 04 cách trong liên quan với 05 uẩn cấu thành nên một danh tính 'con người' [về danh-tính: sakkāya; coi thêm kinh SN 22:105]. Quan điểm thân- kiến là một trong 03 gông-cùm (kiết sử) cần phải được bứng bỏ trước khi chứng nhập vào dòng thánh đạo (Nhập-lưu).

- Spk: Người đó cứ coi sắc-thân là 'ta' (rūpaṃ attato samanupassati): bằng cách coi sắc-thân và cái 'ta' là một, như coi ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một vậy. Người đó coi cái 'ta' là sở hữu sắc-thân (rūpavantaṃ attānaṃ): người đó lấy thứ vô sắc [như tâm hay những yếu tố thuộc tâm] là cái 'ta' sở hữu sắc-thân, giống như kiểu một cái cây sở hữu bóng cây vậy; sắc-thân nằm trong cái 'ta' (attani rūpaṃ): người đó lấy thứ vô

sắc [tâm] là cái 'ta' mà sắc- thân nằm trong đó, kiểu như mùi hương nằm trong một bông hoa vậy; cái 'ta' ở trong sắc-thân (rūpasmiṃ attānaṃ): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái 'ta' nằm trong sắc-thân, kiểu như một viên ngọc nằm trong cái hộp vậy. Người đó bị ám muội bởi những quan-niệm "Ta là sắc-thân, sắc-thân là của- ta": người đó nuốt những ý tưởng đó với dục-vọng và những quan-điểm (tà- kiến), người đó đứng dựa trên chúng, và nắm giữ chấp thủ theo chúng.

- Spk ghi rằng việc nhận lấy mỗi uẩn là cái 'ta' chính là cách-nhìn của tư tưởng tự diệt-vong (ucchedadiṭṭhi, đoạn kiến), còn những cách-nhìn khác là những biến tấu của tư tưởng bất-diệt (sassatadiṭṭhi, thường kiến); như vậy có 05 loại tư tưởng tự-diệt và 15 loại tư tưởng bất-diệt. Theo tôi [TKBĐ] điều này không thể chấp nhận được, vì những quan điểm bất-diệt rõ ràng có được bằng cách lấy mỗi uẩn thuộc tâm (cảm-giác, nhận-thức …) là cái 'ta'. Tôi cũng nghi vấn tại sao phải bắt buộc quan-điểm cái 'ta' (thân kiến) là phải lấy một uẩn hay nhiều uẩn làm cái 'ta'; bởi vì nếu quan-điểm cái 'ta' có ý nghĩa hay nội dung gì thì nó chỉ cần có một mối quan hệ giữa một cái 'ta' giả định đó và các uẩn mà thôi, chứ nó đâu cần phải nhận lấy uẩn nào là cái 'ta'. Theo

Đức Phật, tất cả những giả định (về thân kiến) như vậy đều sụp đổ khi phân tích ra. Coi thêm phần "những suy-xét về cái 'ta'" trong kinh Đại Duyên (Mahānidāna Sutta) (DN 16) được dịch và giảng luận bởi TKBĐ trong quyển "Đại Duyên", trang 53–55, 92–98.] (5)

6 [Spk: Ngay cả những vị Phật cũng bị khổ đau về thân, nhưng tâm thì chỉ bị

khổ đau khi nó có đi kèm bởi tham, sânm si.] (6)

7 [Đây là đoạn kinh "mẫu" hay "công thức" chung dùng để diễn tả một đệ tử

với sự chứng ngộ tối thiểu cũng là Nhập-lưu (sotāpatti). Thánh đạo Nhập-lưu bứng bỏ 03 gông-cùm đầu tiên là: quan điểm có 'danh tánh' (thân kiến), sự nghi-ngờ (nghi), và 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ).] (7)

8 [Spk: Ở đây, sự không khổ đau của tâm đã được chỉ ra là 'sự vắng mặt

những ô-nhiễm' (vô nhiễm). Như vậy trong kinh này số đông phàm tục được cho thấy bị khổ đau cả về thân và tâm, còn A-la-hán chỉ bị khổ đau về thân nhưng không bị khổ đau về tâm. Còn 07 hạng học-nhân [sekha: 04 trên thánh đạo và 03 với thánh quả] thì không phải [hoàn toàn] bị khổ đau trong tâm cũng không phải [hoàn toàn] không bị khổ đau trong tâm, mà họ đang theo đuổi mục tiêu là 'sự không còn khổ đau trong tâm' (anāturacittataṃ yeva bhajanti).] (8)

9 [Spk: Họ muốn đi đến chỗ để trú trong 03 tháng An Cư mù mưa (kiết hạ).]

(9)

10 [Spk đã chú giải rất dài về cách thầy Xá-lợi-phất trợ giúp những người

đồng đạo về nhu cầu vật chất (āmisānuggaha) của họ và về Giáo Pháp (dhammānuggaha). Coi thêm quyển "Xá-lợi-phất: Vị Thống Soái của Giáo Pháp" bởi trưởng lão Nyanaponika, và quyển "Những Vị Đệ tử Của Đức Phật" bởi Nyanaponika và Hecker, trang 21–22.] (10)

11 [Theo luận giảng, bụi cây này được người dân uốn mọc thành vòm che mát

như một cái lều để ngồi dưới đó cho khỏi nắng …] (11)

12 [Xuất ngoại (nānāverajjagataṃ) ở đây nghĩa là: từ xứ này qua xứ khác,

bang này qua bang khác (ngay cả trong cùng một vương quốc).] (12)

322 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

13 [Mẫu lời kinh này có xuất hiện nhiều chỗ trong bộ kinh SN này, gần giống nhau hoặc khác nhau chút ít, như trong SN 12:24, 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:5.]

14 [Spk nói rằng tất cả những chữ này nên được hiểu là đồng nghĩa với chữ

dục-vọng (ái; taṇhā). Tôi cố ý dịch chữ pariḷāha theo 02 cách: (i) là sự đam- mê khi nó được dùng là đồng nghĩa với dục-vọng (như ngay chỗ này), và (ii) là sự sốt não như khi nó được dùng để mức độ khắc nghiệt của sự khổ đau (như bên dưới).] (14)

15 [Spk: Đoạn này được đưa vào thêm để cho thấy sự nguy-hại đối với người

không tránh bỏ tham-dục đối với năm uẩn, và những ích-lợi của người trừ bỏ tham-dục đó.] (15)

16 [Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) là đệ nhất trong số những Tỳ

kheo giỏi phân giải chi tiết điều được nói ra một cách ngắn gọn, là một kỹ năng thầy ấy sẽ thể hiện trong kinh này và trong những kinh khác như SN 35:130, 132. Về cuộc đời và sự chỉ dạy của thầy ấy, mời đọc thêm quyển của TKBD có tên "Đại Ca-chiên-diên: Bậc Thầy về Giảng Giải Giáo Lý", coi thêm quyển "Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật" của nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 213–244. Avantı là quê nhà của thầy ấy, nằm ở miền xa tây nam của thung lũng sông Hằng. Toàn bộ bài kinh này đã được trích nguyên văn trong Nidd I 197–200 trong chỗ một luận giảng về bài thi kệ bên dưới.] (16)

17 [Coi kinh Sn 844.] (17)

18 [Chữ "yếu-tố" (dhatu, giới) ở đây = "uẩn" (khandha): cách dùng này rất

hiếm, chỉ thấy có trong một số kinh như kinh này và các kinh SN 22:45, 53, 54 …] (18)

19 [Yếu-tố thức không được nói ra ở đây để tránh nhầm lẫn với những thức

nghiệp và thức quả … Spk chú giải: Tại sao yếu-tố thức không được đề cập ở đây [như là "nhà cho thức"? Vì để tránh sự bối rối, vì "nhà" được nói đến ở đây theo nghĩa là điều-kiện (duyên; paccaya). Thức (do) nghiệp trước là một điều-kiện cho cả thức do

nghiệp và thức do quả, và một thức (do) quả (trước) là điều-kiện cho cả thức quả (sau) và thức nghiệp (sau). Do vậy sự bối rối có

Chú Thích • 323

thể khởi sinh như vầy: "Loại thức nào đang được nói ở đây?" Để tránh sự bối rối đó, thức không được đưa vào câu này, và giáo lý được diễn đạt không bị rối loạn. Thêm nữa, 04 uẩn kia, là những đối-tượng [hay những cơ-sở: ārammaṇavasena], được cho là những "trạm dừng cho loại thức được tạo ra từ nghiệp" (abhisaṅkhāraviññāṇaṭṭhitiyo), và để chỉ cho họ thấy thức không được đề cập ở đây như vậy.] (19)

20 [Sự dính-líu và dính-chấp (upay' upādāna) … vân vân. Coi kinh 12:15

(Quyển 2) và chú thích số 31 ở đó.] (20)

21 [Lưu ý: ở đây có lại 'yếu-tố thức là nhà của thức': mục đích để chỉ 'sự

dẹp-bỏ ô-nhiễm', bởi sự loại bỏ hết ô-nhiễm là không chỉ đối với 4 uẩn kia, mà đối với tất cả năm uẩn] (21)

22 [Tôi đọc cụm chữ ghép dài theo cách ghi của Be và Se là rūpanimittaniketavisā ravinibandha. Ee thì ghi chữ -sāra- thay chỗ đuôi chữ -visāra-. Sự dịch nghĩa chỗ này là khó khăn như đã nhìn thấy. Tôi đã làm rõ nghĩa chỗ này với sự trợ giúp của Spk, nó giải thích rằng: "Bản thân sắc là dấu-hiệu (nimitta) theo cái nghĩa nó là một điều-kiện (duyên) làm khởi sinh những ô-nhiễm, và nó cũng là trú xứ [gồm có] 'dấu-hiệu của những hình- sắc', là trú xứ theo cái nghĩa là chỗ trú ở cho cái hành động đối-tượng hóa. Hai chữ sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) (visāra-vinibandha) có nghĩa là sự mở rộng những ô-nhiễm và tính chất giam cầm hay trói bược của chúng. [Do vậy toàn bộ cụm chữ ghép nên được hiểu là:) 'sự phát rộng và sự giam cầm trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc.' Do vậy, nghĩa câu kinh ở đây là: 'bằng sự phát rộng của những ô-nhiễm, và bằng sự giam cầm trói buộc của những ô-nhiễm khởi sinh trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc.' Một người đó được gọi là người đi lang thang trong một trú-xứ: là 'người đi lang thang trong một nơi trú ở' bằng cách lấy những hình-sắc là một đối-tượng."] (22)

23 [Spk: Tại sao năm-uẩn ở đây được gọi là "nhà"(oka), trong khi sáu đối-

tượng được gọi là một "trú xứ" (niketa)? Một cách tương ứng, đó là do sự mạnh và yếu của tham-muốn và nhục-dục. Mặc dù chúng đều có nghĩa là nơi ở, nhưng "nhà" có nghĩa là nhà của một người, một nơi thường trú, trong khi đó "trú xứ" là một nơi một người ở vì mục đích đặc biệt nào đó, ví dụ như

324 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

tịnh xá (để tu) … Giống như tham-muốn và nhục-dục là mạnh trong liên hệ với "nhà" của một người, trong đó có vợ, con, của cải, thì tham-muốn và nhục-dục là mạnh trong liên hệ với năm-uẩn bên trong. Nhưng, giống như tham-muốn và nhục-dục là yếu hơn trong liên hệ với những nơi như tịnh xá, tu viện …, thì tham-muốn và nhục-dục cũng

yếu hơn trong liên hệ với những đối-tượng bên ngoài.] (23)

24 [Sự thân tình và dính líu như vậy với người tại gia được cho là không phù

hợp với một Tỳ kheo; coi thêm SN 9:07 và SN 35:241.] (24)

25 [Se ghi là: purekkharāno; Be và Ee: purakkharāno. Sn ghi giống Se. Chữ

này thường có nghĩa "tôn vinh, kính trọng" nhưng lời kinh ở đây là nói theo nghĩa gốc của nó là "đưa ra trước, đặt ra trước", được dịch nghĩa là sự phóng tâm tới tương lai thông qua sự tham-muốn.

Spk giải nghĩa nó = cụm chữ vaṭṭaṃ purato kurumāno (đặt vòng hiện-hữu ra trước). Chữ phủ định apurekkharāno ở đây được giải nghĩa là = vaṭṭaṃ pura- to akurumāno, và trong Pj II 547,6–7 giải nghĩa là = āyatiṃ attabhāvaṃ anabhinibbattento (không sản sinh sự hiện-hữu cơ-sở thể trong tương lai).

- Sự giảng nghĩa của thầy Đại Ca-chiên-diên làm gợi nhớ lời giảng nghĩa của Phật về những dòng thi kệ trong kinh Bhaddekaratta (Một Đêm Xuất Sắc), tức MN 131.] (25)

26 [Đoạn này cũng có trong kinh SN 56:09 (Quyển 5), cũng có trong kinh

DNI 8,9–16 (?), và một số chỗ khác.] (26)

(Trong phần chú thích có dẫn chiếu lời kinh trong DN và MN, nhưng một vài trong số đó người dịch Việt không thể tra ra hoặc thấy không khớp, thì sẽ để nguyên cách đánh số trang kinh theo ấn bản đó và ghi dấu (?).).

27 [Lời sau được trích từ kinh dài DN 21 "Những Câu Hỏi Của Vua Trời Đế-

Thích", nhưng những chữ seṭṭhā devamanussā naṃ không thấy có ở kinh đó. Tuy nhiên, chúng được gắn vào câu song hành một phần, và cũng được nói cho Sakka trong kinh MN 37, từ mục 2.] (27)

28 [Spk: "Được giải thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng (taṇhāsaṅkhayavimuttā): là được giải thoát trong Niết-bàn=sự tắt ngấm dục- vọng, bằng sự giải thoát của thánh quả, (đó) lấy Niết-bàn là đối-tượng." Sự giải thích này hình như được ủng hộ bởi lời kinh.] (28)

29 [Coi chú thích số 58 trong Quyển 2.] (29)

30 ["Tìm kiếm khoái-lạc trong sắc-thân, đón tiếp nó, và ôm giữ nó là công

việc của dục-vọng (ái; taṇhā). Khoái-lạc (nandi) có được là sự dính-chấp (thủ; upādāna), từ đó tạo ra những mắc-xích của dòng nhân-duyên. Đoạn kinh do vậy đã chứng tỏ cách 'dục-vọng đối với năm-uẩn hiện tại' chính là nguyên nhân tác động làm khởi sinh một 'mẻ' năm-uẩn mới trong sự hiện- hữu kiếp sau.] (30)

31 [Sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu, lánh trần) chữ gốc là: paṭisallāna. Spk: Đức Thế

Tôn nhìn thấy những Tỳ kheo đó đã rớt khỏi sự tách-ly về thân (kāyaviveka) nên đã nói với họ như vậy, bởi vì Phật biết sự thiền tập của họ chỉ thành công nếu họ có được sự

tách-ly về thân (tức ẩn dật, sự ẩn tu, tránh giao lưu, lánh trần, tránh gieo duyên). (Còn sự tách-ly về tâm là sự tách ly khỏi những ý- nghĩ tham, sân, si ...).] (31)

32 [Trong kinh MN 138, mục 20, đoạn (3) là hầu như giống hệt với đoạn (1)

này trong kinh SN 22:07 này; ngoại trừ rằng trong kinh MN 138 thì ghi các cụm chữ là anupādā paritassanā và anupādāya paritassati. Đó thực ra là cách ghi bị lỗi sai đã được ghi trong kinh từ trước, trước khi có những luận giảng và chú giải về nó, bởi vậy sau đó mới có những chú giải sai và không đúng so với nghĩa thực nghĩa gốc của lời kinh. Những chữ này trong kinh MN 138 do vậy nên được sửa lại cho đúng như trong kinh SN 22:07 này.] (32)

33 [Spk giải nghĩa cụm chữ paritassanādhammasamuppādā là một mệnh đề

cặp đồng-đẳng (dvanda): taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca (sự khích-động của dục-vọng và một đống/mớ/nhiều trạng thái bất thiện). Cụm kết hợp dài này cũng có thể được hiểu là một chữ kết hợp theo nghĩa chính-phụ (tappurisa) nên được dịch là (một đống/mớ/ nhiều/ những trạng thái của tâm [đã khởi sinh từ, có kết nối với] sự lo-âu). Cả Spk và Spk-pṭ đều hiểu chữ paritassanā theo nghĩa của dục-vọng, nhưng đối với tôi

(TKBĐ) thì lời kinh nhấn mạnh nghĩa bhaya-paritassanā (sự âu-lo do sợ- hãi). Về cách mà chữ paritassanā đã mang hai nghĩa, mời coi chú thích 137 ở kinh SN 12:51 (Quyển 2), sau đoạn (2)-(11).] (33)

34 [Trong khi bài kinh kế trên chỉ đóng khung trong những khoản nói về

quan-điểm có danh-tính (thân kiến), thì kinh này được nói trong những khoản nói về "ba sự nắm giữ" (tam chấp) (gāha): "đây là của-ta" (etaṃ mama) là sự nắm giữ cuả dục-vọng (ái); "đây là cái 'ta'" (eso 'ham asmi) là sự nắm giữ của sự tự-ta (ngã mạn), và "đây là bản ngã của ta" (eso me attā) là sự nắm giữ những quan-điểm này nọ (tà kiến). Ở đây cũng xảy ra sự biến đổi trong hàm nghĩa của chữ paritassanā, từ dục-vọng và sự sợ-hãi thành sự buồn sầu và ưu phiền.] (34)

35 [Học giả Collins dịch chữ bhārahāra là "sự mang gánh nặng" vì cho rằng

chữ hāra ở đây nên được hiểu là một danh từ chỉ hành-động chứ không phải danh từ chỉ tác-nhân (trong phần Những Người Vô-ngã (Selfless Persons), trang 165). Tuy nhiên, MW liệt kê "người mang, người khuân vác" là nghĩa của chữ hāra, và nghĩa này có vẻ đúng với ngữ cảnh bài kinh ở đây.] (35)

36 [Spk: Theo nghĩa nào 'năm uẩn bị dính-chấp' (năm thủ uẩn) được gọi là

gánh nặng? Theo cái nghĩa phải 'mang nó' để duy trì (sự sống của nó). Để duy trì nó, phải nâng nó lên (đứng), di chuyển nó (đi), đặt nó xuống (ngồi, nằm, nghỉ), làm vệ sinh cho nó (tắm, rửa), và nuôi dưỡng nó (cho ăn)...—đó là thứ phải được cưu mang như vậy; do vậy chúng được gọi là gánh nặng theo nghĩa phải được cưu mang để duy trì.] (36)

37 [Những trường phái duy-nhân (puggalavāda) chủ trương có sự tồn tại của

'cá nhân' hay 'người'(puggala) đã lấy đoạn kinh này để làm bằng chứng về sự tồn tại của 'cá nhân' hay 'người' như một thực thể thực chất (có tự tính), 'người' đó không phải là năm-uẩn cũng không khác năm-uẩn. Họ tuyên bố đó chính là cái 'người' (puggala) luôn tồn tại qua những thay đổi, qua những tái sinh, và cuối cùng chứng đắc Niết-bàn. Lý lẽ này đã bị bác bỏ bởi những trường phái Phật giáo khác là những người nhìn thấy lý lẽ đó là chỉ một phiên bản ngụy trang một cái ngã (ātman), là cái ngã được chủ trương bởi những triết lý phi Phật giáo. Để coi thêm những tranh luận, mời đọc quyển "Những Nhánh Phái Phật Giáo Ở Ấn Độ" (Buddhist Sects in India), trang 184–206,

bởi học giả Dutt. Còn những trường phái chính của Phật giáo đều cho một 'người' chỉ là cách gọi quy ước (vohāra) hay khái niệm (paññatti) phát sinh từ (upādāya) năm-uẩn, chứ cái 'người' đó không phải là một thực-thể thực chất.

- Spk: Do vậy, sự diễn tả 'người mang gánh nặng' Phật chỉ ra đó chỉ là cái 'người' do quy ước (của thế gian đã gọi). Được gọi là cái 'người' mang gánh nặng' vì nó 'nhận mang' gánh nặng năm-uẩn ngay lúc tái sinh, duy trì (sự sống của) gánh nặng đó bằng những việc tắm, cho ăn, cho ngồi, cho nằm … suốt tiến trình sự sống, rồi thải bỏ nó lúc chết; chỉ 'nhận mang' gánh nặng năm-uẩn khác vào lúc tái sinh.] (37)

38 [Sự mang gánh nặng (bhārādāna). Công thức mô tả này giống hệt với định

nghĩa của diệu-đế thứ hai (nguồn-gốc khổ) [coi kinh 56:11 (Quyển 5)]. Cũng giống như vậy, sự đặt xuống gánh nặng (bhāranikkhepa) thì giống định nghĩa của diệu-đế thứ ba (sự chấm-dứt khổ).

- Spk giải thích: "Tìm kiếm sự khoái-thích chỗ này chỗ nọ (tatratatrābhinandinı): nghĩa là có thói quen (tập khí, quán tính) tìm kiếm khoái-lạc ở nơi tái sinh hoặc trong đủ loại đối-tượng, chẳng hạn trong những hình-sắc … Dục-vọng khoái-lạc giác quan (kāmataṇhā, dục ái) là nhục-dục muốn có được năm dây khoái-lạc giác quan. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (bhavataṇhā, hữu ái) là tham muốn được (tái sinh trong) cõi sắc-giới và cõi vô-sắc giới (muốn được tái sinh lên cõi trời), đó là sự dính tham các tầng thiền định, và dục-vọng muốn không hiện-hữu (vibhavataṇhā, phi hữu ái) là sự không muốn hiện-hữu, mong muốn bị diệt vong."

- Cách giải thích 2 loại dục-vọng sau dường như hơi hẹp nghĩa. Đúng hơn là, dục-vọng muốn được hiện-hữu được hiểu là tham muốn được tiếp tục hiện hữu (bất kể vì quan-điểm nào); dục-vọng muốn bị hủy-diệt là mong muốn kết thúc hoàn toàn sự hiện-hữu (không nhất thiết đây là một quan-điểm) để kết thúc cái 'Ta' người đó cho là có thực.] (38)

39 [Spk: tất cả những 'sự' này đều là những cách để chỉ Niết-bàn. Vì nó (niết-

bàn) là phụ thuộc vào điều này (taṃ hi āgamma) đó là dục-vọng phai biến sạch sẽ, chấm dứt, được buông bỏ, được từ bỏ, và được tự do khỏi nó; và ở đây không còn sự lệ

thuộc vào những những khoái-lạc giác quan (nhục dục)

hay những cách-nhìn này nọ (kiến chấp). Vì lý do đó nên Niết-bàn được gọi với những 'sự' như vậy.] (39)

40 (Bậc Phúc Lành là dịch chữ Pali "sugata" theo một cách của thầy TKBĐ;

nghĩa đen của chữ này là "đi qua (bờ giải thoát) một cách thiện khéo", hay "đã đi tới trạng thái thiện lành"] nên còn được dịch (HV) là bậc Thiện Thệ (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua).).

[Spk: Gốc rễ của dục-vọng là vô-minh. Người tu bứng nhổ dục-vọng cùng với gốc rễ vô-minh ở chặng thánh đạo A-la-hán. (Cơn đói thèm, cơn khát, hay sự thèm khát đều là những chữ chỉ dục-vọng).] (40)

41 [Cách giải thích về sự hoàn-toàn hiểu (pariññā) theo những sự tiêu diệt (dẹp bỏ, trừ bỏ) tham (rāga kkhaya) ... ban đầu có vẻ hơi khó hiểu, nhưng coi kinh MN 11, mục 10 và kinh MN 1, mục 3, trong đó chữ pariññā đã được dùng như một từ đồng nghĩa mô phỏng của chữ pahāna. Spk đặc tả chữ pariññā ở đây là accantapariññā (sự dẹp-bỏ tột cùng), chữ này lại được giải nghĩa là samatikkama (sự vượt trên, sự siêu thoát), và nhận định đó là Niết- bàn. Rõ ràng chữ ghép accantapariññā là khác biệt so với cách dùng thông thường của chữ pariññā, để thấy điều đó mời coi chú thích kế tiếp] (41)

42 [Các chữ anabhijānaṃ ... là những phân từ hiện tại, được giải nghĩa lần lượt là = anabhijā nanto ...

- Spk chú giải rằng: bằng sự "trực-tiếp biết" (abhijānaṃ) cho thấy sự hoàn- toàn hiểu điều đã biết (ñātapariññā); bằng sự "hoàn-toàn hiểu" (parijānaṃ) cho thấy sự hoàn-toàn hiểu nhờ xem-xét kỹ càng (tīraṇapariññā); bằng sự "trở nên chán-bỏ" và sự "dẹp-bỏ" chỉ ra sự hoàn-toàn hiểu là = sự dẹp-bỏ (pahānapariññā). Về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu này, mời coi thêm chú thích số 36 trong Quyển 1 của SN.

- Trong kinh này, sự khác biệt giữa chữ abhijānāti (trực-tiếp biết, liễu tri) và parijānāti (hoàn-toàn hiểu, liễu ngộ) được chỉ ra một cách rõ rệt sắc nét hơn trong những luận giảng. Trong các kinh, chữ abhijānāti [và những chữ đồng loại phái sinh của nó] là chỉ sự biết trực-tiếp về những hiện-tượng (các pháp) theo khuôn mẫu "04-điều" của Bốn Diệu Đế. Sự trực-tiếp biết (liễu tri) này là có được (được có chung) bởi cả bậc học-nhân (sekha) và bậc A-la-hán.

Nhưng ngược lại, sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) thì thường chỉ được dùng khi liên hệ tới một A-la-hán, và nó biểu thị cho sự hoàn-tựu của trí-biết vốn được khởi phát bởi sự biết trực-tiếp (abhijānāti). Ví dụ, kinh Mūlapariyāya Sutta (Gốc Rễ Của Tất Cả) [MN 1, mục 27-74, mời đọc lại!] đã nhấn mạnh rằng bậc học-nhân (sekha) là "đã trực-tiếp biết" (abhiññāya) từng cơ-sở trong 24 "cơ-sở tạo ra sự nhìn-nhận", nhưng vẫn phải tu tập thêm nữa để có thể hoàn- toàn hiểu (parijānāti) chúng (pariññeyyaṃ tassa). Chỉ khi

nào nói về một A- la-hán thì lời kinh mới nói “người đó đã hoàn-toàn hiểu” (pariññātaṃ tassa).

- (Mời coi lại ở kinh MN 1, mục 27, cuối chú thích 23 cũng nói rõ: sự biết trực-tiếp là được có chung bởi bậc học-nhân và A-la-hán, còn sự hoàn-toàn hiểu là có riêng bởi A-la-hán, theo nghĩa nó là sự trừ-bỏ hoàn toàn mọi ô- nhiễm.).] (42)

43 [03 bài kinh kế tiếp được ghi theo mẫu kinh của các kinh SN 14:31–33.

Ngay dưới đây, các kinh SN 22:29–30 là tương ứng với các kinh SN 14:35– 36. Spk giải thích 03 bài kinh trước là nói về Bốn Diệu Đế; còn 02 kinh sau đó là nói về vòng luân-hồi và sự chấm dứt luân-hồi. Phiên bản song hành với kinh SN 14:34 đã được gắn vào trong kinh SN 22:60.] (43)

44[Sự thống-khổ là tạm dịch chữ agha. Spk nói chữ này là đồng nghĩa dukkha (sự khổ, khổ đau).] (44)

45 [Chữ pabhaṅga được giải nghĩa là pabhijjanasabhāva (phải bị tan rã).

Spk: Đây là chỉ đặc tính của vô-thường.] (45)

46 [Đoạn song hành tương tự trong kinh MN 22, mục 40 có thêm chữ dīgharattaṃ (trong một thời gian dài, dài lâu); kinh song hành SN 35:101 (Quyển 4) cũng bỏ đi chữ này. Spk nói rằng sắc uẩn và những uẩn khác được dẹp bỏ bằng cách dẹp bỏ tham và sân; điều này cũng được xác nhận bởi kinh SN 22:25 and 22:111 (Quyển 3).] (46)

47 [Nguyên văn câu này: Yaṃ kho bhikkhu anuseti tena saṅkhaṃ gacchati.

Động từ anuseti (có khuynh hướng, có tiềm tàng) hàm chỉ những khuynh- hướng tiềm ẩn (anusaya, tùy miên), gồm 07 loại [coi kinh SN 45:175 (Quyển 5)], hoặc, nói cho gọn đó 03 khuynh-hướng tiềm ẩn tham, sân, si [coi kinh SN 36:03 (Quyển 4)]. Spk: Nếu người có một khuynh-hướng tiềm ẩn đối với

sắc-thân thể hiện bằng cách của nhục-dục … thì người đó được ‘được coi, được quy theo’ tính chất của khuynh-hướng tiềm ẩn đó như có tham dục … Nhưng khi khuynh-hướng tiềm ẩn đó không có, người đó ‘được quy theo’ là không tham dục …] (47)

48 [Mời coi lại chú thích số 376 trong Quyển 1.] (48)

49 [Spk luận giải chữ anumıyati cứ như nó là tương đương chữ tiếng Phạn

anumṛyate (chết cùng với, chết theo), như vầy: “Khi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đang chết, sắc-thân mà nó khuynh hướng theo cũng chết theo nó (anumarati!); bởi vì khi đối-tượng đang tan rã, thì những yếu-tố thuộc tâm (tâm sở) lấy nó là đối-tượng không thể còn trụ được.” Dĩ nhiên cách giải thích này là ngớ ngẩn, bởi vì chữ anumıyati rõ ràng là từ anu + mā; CPD định nghĩa động từ này có nghĩa là “được đo lường sau đó; được đo lường theo đó”, như tôi đã dịch theo.

- Câu này đã soi rọi thêm ánh sáng vào đoạn kinh nổi tiếng trong kinh 44:01 (Quyển 4) tuyên bố rằng: "Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt sắc-thân (rūpasaṅkhāvimutto); Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia".] (49)

50 - (Sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại (đang trụ, đang có mặt) = sự

biến-đổi liên tục của mọi sự mọi thứ (mọi pháp hữu-vi), bởi vì mọi sự mọi thứ đều 'tồn tại' dưới dạng "đang biến đổi", cho nên có thể hiểu đó là sự biến-đổi khi nó đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành, đang tồn tại). Tức sự có mặt hay trụ hay hiện hành của nó là dựa trên sự biến-đổi; hay nói cách khác, sự có mặt (trụ, hiện hành) của nó chính là sự biến-đổi liên tục. Vì không có một sự nào, thể nào, hay pháp nào tồn tại dưới dạng 'thường trụ bất biến' cả.)

- [Sự khởi-sinh, sự biến-mất, sự biến-đổi (uppāda, vaya, ṭhitassa aññathattaṃ). Trong kinh AN (?) chúng được gọi là 03 đặc tính hữu-vi (có điều-kiện, do điều-kiện) của những thứ hữu-vi (tiṇi saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni). Những giảng luận nhận dạng đây là 03 tiểu khoảng- khắc (sát-na) trong khoảng-khắc sống của một pháp (dhamma) đó là: khởi sinh (uppāda), có mặt hay trụ (ṭhiti), và tan rã (bhaṅga). [Đọc thêm vấn đề

này ở CMA 4:6]. Spk giải thích cụm chữ ṭhitassa aññathatta là sự già-đi (hay tàn hoại) của một danh-thể đang tồn tại sống (dharamānassa jīvamānassa jarā), đó là, sự già-đi của các căn mạng sống. Nhà luận giải này cũng đề cập ý kiến của những sư thầy rằng: không thể nào xác định một khoảng-khắc tàn-hoại (sát-na hoại) trong trường hợp những hiện-tượng (như cảm-giác ...). [Spk-pṭ nói thêm: do tính 'biến-nhanh cực kỳ' của khoảng- khắc đó, nên sự tàn-hoại cũng nhanh chóng bị choáng chỗ bởi sự tan-rã (nên không thể kịp nhận biết)], nhưng nhà luận giải đã bác bỏ quan-điểm này dựa trên cơ sở chính bài kinh. Spk-pṭ đưa ra một luận điểm hợp lý cho tiểu khoảng-khắc có-mặt (sát-na trụ): "Như một giai-đoạn tan-rã khác biệt với giai-đoạn khởi-sinh đã được công nhận, vì nếu không là một danh-thể tan-rã (diệt) ngay lúc khởi-sinh, do vậy chúng ta phải công nhận rằng, khác với giai- đoạn tan-rã (sát-na diệt), có một giai-đoạn một danh-thể 'đối đầu với sự tan- rã của chính nó' (bhaṅgābhimukhāvatthā); bởi vì một thứ không thể tan-rã nếu nó không đối đầu với sự tan-rã của chính nó.".] (50)

51 [Nguyên văn câu này: Dhammānudhammapaṭipanna. Spk chú giải là: Navannaṃ lokuttaradhammānaṃ anulomadhammaṃ pubbabhāgapaṭipadaṃ paṭipannassa (khi người đó đang tu tập phần sơ cấp của sự tu-tập vốn đúng theo Giáo Pháp 09 phần siêu thế) [gồm 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết- bàn]. So sánh chú thích số 34 ở Quyển 2.] (51)

52 [Rūpe nibbidābahulaṃ vihareyya (sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối

với). Chữ nibbidā (sự ghê-sợ, sự kinh-tởm) thường được dùng để diễn tả một mức độ minh-sát bậc cao, theo sau đó là sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là [coi thêm kinh 12:23 (Quyển 2) và chú thích số 69 ở đó].

- Spk giải thích "hoàn-toàn hiểu" (liễu ngộ) theo cách diễn đạt của 03 sự hoàn-toàn hiểu [coi lại chú thích số 42 ở trên của Quyển này] và chữ "được tự do" (parimuccati) có nghĩa là "được tự do thông qua sự hoàn-toàn hiểu về sự dẹp-bỏ đã khởi sinh vào khoảnh khắc của thánh đạo." Nói cách khác, chúng ta có thể coi điều thứ nhất là sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) của A-la-hán về Diệu Đế 1, điều thứ hai là sự giải-thoát khỏi sự tái-sinh tương lai được bảo đảm bằng sự tẩy sạch những ô-nhiễm.] (52)

53 [Những lời kinh này là giống hệt trong lời chỉ thị cuối cùng nổi tiếng của

Phật được nói cho Ngài Ānanda trong Đại Kinh Bát Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta, DN 16), và cũng có ghi trong các kinh SN 47:09, 13, 14 (Quyển 5).] (53)

54 [Câu này có lẽ ghi như trong Se là đúng nhất: yoni yeva upaparikkhitabbā. Be ghi bỏ chữ yeva và Ee ghi chữ yoni như một danh từ giống đực. Spk giải nghĩa chữ yoni là kāraṇa (nguyên nhân) và đề cập tới kinh MN 126 ghi là: yoni h' esā Bhūmija phalassa adhigamāya (Này Bhūmija … vì điều này là phương pháp phù hợp để thành tựu thánh quả). Mời coi thêm kinh SN 35:239 (Quyển 4). Spk-pṭ thì đưa ra nguyên từ học là: yavati etasmā phalaṃ pasavatī ti yoni.

- Ở kinh SN 22:95 bên dưới chúng ta lại thấy cụm chữ yoniso upaparikkhati (điều tra một cách kỹ càng, như lý trạch pháp) và điều đó hoàn toàn có khả năng rằng chữ yoniso là chữ ghi nguyên gốc nguyên thủy của lời kinh.] (54)

55 [Na paritassati (không còn bị khích-động). Coi thêm chú thích số 33 ở trên

trong quyển này và chú thích số 137 trong Quyển 2.] (55)

56 [TKBĐ: "về phương diện đó" tức là chỉ về phần đó, nghĩa là: hết-dục về

phần sắc-thân. Trạng thái hết-dục này có thể gần như Niết-bàn, nhưng vẫn chưa hẳn đồng nghĩa với 'Niết-bàn', tức chưa thể đồng nghĩa là 'người đó đã niết-bàn về phương diện đó'.] (56)

57 [Nguyên văn cả câu này: Dukkhasamudayagāminı samanupassanā. Quan-

điểm có danh-tính hay thân kiến (sakkāyadiṭṭhi) được gọi là như vậy bởi do năm uẩn bị dính-chấp (5 thủ uẩn) (chúng) kết hợp thành danh-tính cá thể (sakkāya), đó cũng là sự thể hiện căn cơ nhất của sự khổ (dukkha), như đã được Phật tuyên bố trong Diệu Đế 1: saṅkhittena pañc' upādānakkhandhā dukkhā (nói ngắn gọn: năm-uẩn bị dính chấp là khổ); [coi kinh SN 56:11 (Quyển 5)].

- Theo Spk, chữ samanupassanā ở đây là đồng nghĩa với những quan-điểm (diṭṭhi, kiến), trong khi đó trong đoạn sau nói về sự chấm-dứt khổ thì nó hàm chỉ trí-biết về 04 thánh đạo đi cùng sự minh-sát.] (57)

58 [Spk: "nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng" (sammappaññāya) là trí-tuệ của

phần thánh đạo cộng với minh-sát tuệ. Tâm trở nên chán-bỏ (virajjati) trong thời thánh đạo, và được giải-thoát (vimuccati) trong thời thánh quả.] (58)

59 [Spk: Nó ổn định (ṭhitaṃ) bởi vì không còn việc phải làm thêm nữa; và hài

lòng (santussitaṃ) bởi vì điều gì cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Lưu ý rằng đoạn kinh này đã tạo nên sự chuyển đổi bất ngờ từ những danh từ chỉ định vô tính phi cá nhân [mô tả tâm của Tỳ kheo; cittaṃ] thành những động từ chỉ chủ-thể cá nhân [na paritassati, parinibbāyati, pajānāti].] (59)

60 [Hai thứ "những quan-điểm này nọ liên quan tới quá khứ" (pubbāntānudiṭṭhiyo) và "những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai" (aparāntānudiṭṭhiyo) đã được đề cập rõ ràng trong kinh dài DN 1 (kinh Lưới Trời, Phạm Võng) trong đó mô tả '62 quan-điểm do suy đoán' nổi tiếng, gồm 18 cái về quá khứ và 44 cái về tương lai. Spk xác nhận điều này, và cũng giải thích chỗ này là nói về thánh đạo Nhập-lưu [Spk-pṭ: bằng cách chỉ ra sự dẹp- bỏ những quan-điểm này nọ (tà kiến)]. Đoạn tiếp theo chỉ ra 03 thánh đạo và thánh quả cao hơn; hay, nói cách khác, đoạn đầu chỉ ra sự dẹp-bỏ những tà- kiến bằng sự minh-sát, đoạn tiếp theo chỉ ra 04 thánh đạo đi cùng với minh- sát. Còn chữ "sự dính-chấp dai dẳng", Se ghi thāmasā parāmāso có vẻ tốt hơn Be ghi là thāmaso parāmāso và Ee ghi là thāmaso parāmaso. Spk giải nghĩa chữ "sự dính-chấp dai dẳng" là sự dai dẳng (cứng đầu, khó buông, khó trị) của những tà-kiến (diṭṭhithāmaso).] (60)

61 [Chỗ này tôi đọc theo Be và Se là: asmı ti c' assa avigataṃ hoti. Ee, và

nhiều mss, ghi là adhigataṃ thay vì avigataṃ. Cách ghi sau nên được sửa lại cho đúng như đã được chúng minh trong bộ kinh AN 6:13, đoạn (6) trong đó lời khẳng định đã ghi là asmı ti kho me vigataṃ …

- Spk giải thích "cách nhìn-nhận các thứ như vậy" là cách nhìn-nhận bằng những tà-kiến này nọ (diṭṭhisamanupassanā), và [quan niệm] cái 'ta-là' là 03 sự phóng tâm (papañcattaya) của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn, và những quan-điểm này nọ (tà kiến) … Quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến) sẽ bị loại bỏ bằng thánh đạo Nhập-lưu; còn [quan niệm] cái 'Ta là' (ngã mạn) chỉ được bứng sạch bởi thánh đạo A-la-hán.] (61)

62 [Tôi coi câu nói ngắn này là mô tả tiến trình tái-sinh xảy ra dựa trên sự có-

mặt của sự si-mê về một cái 'ta' cá thể. Trong các kinh khác thì chữ gốc-gác (avakkanti)—của thức, của phần danh-sắc—là chỉ sự khởi đầu của một sự hiện-hữu mới [như trong kinh SN 12:39, 58, 59]. Spk: Khi còn có nhóm những ô-nhiễm này thì còn sự tạo ra năm căn cảm-nhận do tác động (duyên) bởi những ô-nhiễm và nghiệp.] (62)

63 [Tôi dịch cả đoạn này như một sự chứng tỏ cách 'giai đoạn hiện-hữu do nghiệp chủ động' bắt đầu thông qua sự tái phát sinh sự nhìn-nhận theo cái ý niệm 'ta-là' (ngã mạn) và những quan-điểm do suy đoán về cái 'ta' (ngã kiến).

- Spk nhận dạng chữ tâm (mano) ở đây là tâm-do-nghiệp (kammamano) và những hiện-tượng thuộc tâm (dhammā, những tâm pháp) là những đối-tượng của nó; hoặc tâm ở đây là bhavaṅga và thức theo đó. Sự tiếp-xúc (còn) vô- minh (avijjāsamphassa) là sự tiếp-xúc cùng có/ đi kèm/ câu hữu/ nối kết với sự vô-minh (avijjāsampayuttaphassa). Sự vô-minh là điều-kiện nền tảng nhất (duyên gốc) nằm bên dưới tiến trình này, và khi nó được kích hoạt bởi cảm- giác (thọ) thì nó khởi lên một ý niệm 'ta-là' [= là sự thể hiện của dục-vọng (ái) và sự tự-ta (ngã mạn)]. Cái ý tưởng "Ta là này" khởi sinh tiếp theo đó, khi cái 'ta' trống rỗng đó được đưa vào nội dung bằng cách bị nhận lầm là một uẩn này hay uẩn nọ. Rốt cuộc, những quan-điểm 'bất-diệt' (thường kiến) và quan-điểm 'diệt-vong' (đoạn kiến) đều đã khởi sinh khi có một cái 'ta' do tưởng tượng được cho là sẽ 'sống hoài' truyền kiếp (bất diệt) hay sẽ 'bị tận diệt' (diệt vong) khi chết. Do vậy đoạn này trình bày cho chúng ta một phiên bản khác của 'sự khởi-sinh tùy thuộc', trong đó "cách nhìn-nhận các thứ" và [quan niệm về] cái 'ta-là' là thuộc về phía nhân chủ động của sự hiện-hữu quá khứ; còn năm căn là phía quả của sự hiện-hữu hiện tại; và sự tái phát sinh [quan niệm về] cái 'ta-là' đối với phía nhân của sự hiện-hữu hiện tại. Đến lượt cái này lại tạo ra sự tái hiện-hữu trong tương lai.] (63)

64 [Chữ khandha (uẩn, đống, tập hợp, tổ hợp) được giải nghĩa trong các luận

giảng là = rāsi (nhóm). Mỗi uẩn gồm tất cả bao gồm tất cả những loại hiện- tượng nào đó cũng có chung đặc tính riêng biệt (ví dụ sắc uẩn là gồm những thứ thuộc về vật chất). Có 11 hạng mục trong đó mỗi uẩn được phân loại, như đã được phân tích trong Vibh 1–12.] (64)

65 [Kinh này đã được trích dẫn và thảo luận trong Vism 477–78 (Ppn 14:214–15) khi bàn về sự khác nhau giữa các uẩn và các uẩn bị dính-chấp. Hai thuật ngữ chính để phân biệt giữa pañc' upādānakkhandhā (năm thủ uẩn) và pañcakkhandhā (năm uẩn) là sāsava upādāniya (với những ô-nhiễm + bị dính-chấp theo). Năm thủ uẩn thì nằm trong năm uẩn, bởi vì tất cả những thành viên của năm thủ uẩn cũng là những thành viên của năm uẩn. Tuy nhiên, việc có sự phân biệt giữa hai chúng hàm nghĩa rằng có những uẩn (khandha) không phải là anāsava anupādāniya (không bị ô-nhiễm và không bị dính-chấp theo). Khi xem xét đầu tiên thì có lẽ "các uẩn không nhiễm" là các uẩn của A-la-hán, là người đã diệt sạch những ô-nhiễm (āsava; đã vô lậu hoặc) và sự dính-chấp (upādāna; đã diệt thủ). Tuy nhiên, trong Vi Diệu Pháp thì tất cả mọi sắc (rūpa) được xếp hạng là có ô-nhiễm (sāsava; hữu lậu) và bị dính-chấp theo (upādāniya; hữu thủ), và các uẩn thuộc tâm do quả (vipāka) và thuộc chức năng (kiriya) của A-la-hán cũng như vậy [coi thêm Dhs §§1103, 1219]. Chỉ có những uẩn được xếp loại là anāsava (không bị ô- nhiễm, vô lậu) và anupādāniya (không bị dính-chấp theo, vô thủ) là 04 uẩn thuộc tâm xảy ra rong những thời nhận-biết của 04 thánh đạo và thánh quả siêu thế [coi thêm Dhs §§1104, 1220]. Lý do có điều này là do chữ sāsava và upādāniya không có nghĩa "đi kèm bởi những ô-nhiễm và bởi sự dính-chấp", mà nó chỉ có nghĩa là "có khả năng được coi là những đối-tượng của những ô-nhiễm và sự dính-chấp" và các uẩn thế tục của A-la-hán có thể được coi là những đối-tượng của những ô-nhiễm và sự

dính-chấp bởi những người khác [coi As 347]. Để đọc chi tiết về vấn-đề này, mời coi tham luận của TKBĐ có tên là "Năm Uẩn và Năm Thủ Uẩn".

- Spk chú giải rằng: Trong số năm uẩn thì sắc-uẩn là thuộc cảnh dục giới, còn 04 uẩn kia là thuộc 04 cảnh khác [dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và siêu thế]. Với/có những ô-nhiễm (sāsava) nghĩa là: thứ trở thành một điều-kiện (duyên) cho những ô-nhiễm (lậu hoặc) theo cách của đối-tượng; cũng giống như vậy, thứ có thể bị dính-chấp theo (upādāniya) có nghĩa là thứ trở thành một điều- kiện (duyên) cho sự dính-chấp (thủ) [Spk-pṭ: bằng cách bị làm thành đối- tượng của nó]. Trong số năm thủ uẩn, được nói ra theo cách của sự tu tập minh-sát (thiền quán), thì sắc-uẩn là dục giới, các uẩn kia thuộc về 03 cảnh [tức chỉ bỏ cảnh siêu thế mà thôi]. (65)

66 [Đây là 03 phần sự tự-ta (ngã mạn): 'Ta' ưu hơn; bằng; và kém hơn.] (66)

67 [Đoạn này hàm chỉ công thức 'Bốn Diệu Đế' đối với mỗi uẩn, theo lời

tuyên thuyết của Phật trong bài kinh đầu tiên của Phật: "năm uẩn bị dính- chấp là sự khổ" [kinh SN 56:11 (Quyển 5)]. Coi thêm kinh SN 12:13 (Quyển 2) và chú thích số 27 ở đó.] (67)

68 [Spk: sự tiêu diệt tương hỗ khoái-lạc (nandi) và nhục-dục (rāga) được nói

như vậy để hàm chỉ rằng không có sự khác biệt giữa chúng. Hoặc, nói cách khác, một người dẹp bỏ khoái-lạc bằng cách trải nghiệm sự chán-bỏ (nibbidānupassanā); một người dẹp bỏ nhục-dục bằng cách trở nên không còn mê-thích thông qua sự thiền quán về sự chán-bỏ (virāgānupassanā). Đến mức độ này là, sau khi đã thiết lập sự minh-sát, [Spk-pṭ nói: bằng cụm chữ "sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục-dục" nó hoàn thành chức năng của minh-sát], bằng cụm chữ "với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc" Phật đã chỉ ra con đường đạo (cái lý tu); và bằng cụm chữ "với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục, tâm được giải-thoát" Phật chỉ ra thánh quả (kết quả của lý tu đó).] (68)

69 [Tôi đọc theo Be và Se là upayo, khác với Ee ghi là upāyo. Ở đây có vẻ

danh từ đang được dùng như một hiện tại phân từ ảo (mô phỏng). Spk: còn dính líu: người đó đã tiếp cận (upagato) năm-uẩn theo cách của dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (ái, ngã mạn, tà kiến).] (69)

70 [Tôi dịch theo cách ghi của Se. Be và Ee đã bỏ mất mấy câu trong ngoặc

[…] về cảm-giác và nhận-thức, rõ ràng là lỗi do kết tập. Tôi cũng đọc theo Be và Se chữ nandūpasecana, khác với Ee ghi là nandupasevana. Mặc dù Spk không đưa ra giải nghĩa, những cách ghi của Be–Se có thể coi là sự đồng tình từ ẩn dụ về sự tưới cây trồng, điều này càng rõ ràng trong ví dụ trong kinh tiếp theo. Trong ví dụ chữ nandirāga được so sánh là yếu-tố nước, và do vậy sẽ phù hợp khi nó được cho là được "rưới".

- Đoạn này cũng được ghi trong kinh dài DN 33, 1.10 (18) khi nói về "04 trạm-trú cho thức" (catasso viññaṇaṭṭhitiyo); coi thêm Nidd II 1. Chúng ta thấy ở đây vẫn có hàm nghĩa khác về cách thức tăng trưởng và tiến hóa tùy thuộc vào 04 uẩn kia.

- Kinh này và kinh kế tiếp nên được so sánh với các kinh SN 12:38–40, 12:64, và 22:3.

Chú Thích • 337

- Về lý do tại sao thức không "dính líu" với chính nó, mời coi lại chú thích số 19 trong kinh 22:03 ở trên, đoạn (1).] (70)

71 [Bị cắt bỏ bởi vì/thông qua sự thiếu-mất khả năng kết tủa nên sự tái-sinh.]

(71)

72 [Be, Se ghi là: Anabhisaṅkhacca vimuttaṃ; Ee ghi là : anabhisaṅkhārañca

vimuttaṃ. Thức không tạo phát là thức không tạo ra những sự tạo-tác cố ý (các hành, saṅkhāra). Spk nói nó được 'giải-thoát' vì nó không tạo ra sự tái- sinh.] (72)

73 [Spk: năm loại mầm-giống (bīja) thực ra là năm phương tiện truyền phát,

truyền bá. Spk dẫn ra năm loại từ Vin IV, 35.] (73)

74 [Về phiên bản bằng thi kệ của ví dụ tưới cây trồng, mời coi lại kinh SN

5:09 (Quyển 1); về sự lặp lại ví dụ để so sánh thức và một hạt giống, mời coi lại kinh AN 7:44 và phần kinh song hành của nó trong AN 9:24.] (74)

- (Nhân tiện: chữ 'những trạm-trú cho thức' là dịch chữ "viññāṇaṭṭhitiyo" [theo nghĩa là 'những trạm-trú dành cho thức' hoặc 'những trạm-trú của thức', có nghĩa là 'những cảnh giới (tái sinh) của (tâm) thức']. Mời quý vị coi đối chiếu với nghĩa của chữ này trong kinh AN 7:44 và chú thích của nó, trong đó chữ 'những trạm-trú cho thức' về kỹ thuật là chỉ những 'cảnh giới của thức' chứ không phải chỉ '4 uẩn' như trong kinh này.)

75 [Spk chú giải như vầy: Đức Thế Tôn đã tự thốt ra những lời này do đang

được phát khởi niềm hoan-hỷ mạnh mẽ cao độ trong khi quán chiếu lại về 'tính chất giải-thoát' (niyyānikabhāva) của Giáo Pháp.

- Năm gông-cùm thấp hơn (pañc' orambhāgiyāni saṃyojanāni; hạ phần kiết sử) là gồm: tham-dục, sự ác-ý, cách-nhìn có danh-tính (thân kiến), sự nghi- ngờ, và 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ; sīlabbatupādāna).

- Công thức của 'sự quyết-tâm' này được nói ra bởi Đức Phật đã từng được ghi trong các kinh theo 02 phiên bản: (i) một được dùng bởi những người theo tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), và (ii) phiên bản được Phật ứng dụng

338 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

(chuyển dụng, chế biến) như trong kinh này; vì 02 phiên bản này chỉ khác nhau về 02 thể động từ, đôi khi chúng đã bị nhầm lẫn trong những lần tái kết tập khác nhau. Từ

những sự giải nghĩa của luận giảng cho thấy dường như sự nhầm lẫn đã có trước thời có những luận giảng. Cùng một chỗ kinh có những cách ghi cũng khác nhau giữa những ấn bản khác nhau. Nói chung tôi ưu tiên chọn cách ghi trong Se, mặc dù đối với bài kinh này thì Se ghi theo bổ-đề và sự giải-nghĩa của Spk, (chúng) được dùng trong cụm chữ đầu tiên trong phiên bản đoạn-diệt [mặc dù không được diễn dịch như vậy]. Sự hư sai này có lẽ đã có trong lời kinh khi những nhà luận giảng đọc nó.

- Phiên bản diệt-vong—được nhận rõ là quan-điểm đoạn-diệt (ucchedadiṭṭhi; đoạn kiến) trong kinh 22:81 và được xếp loại trong số những tà-kiến trong kinh 22:152 và 24:4—thì ghi là: no c' assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati. Trong kinh AN 7:55, Đức Phật đã mô tả niềm-tin này là loại bậc nhất trong số những quan-điểm do suy đoán (etadaggaṃ bāhirakānaṃ diṭṭhigatānaṃ), lý do đó là một người chấp nhận một quan- điểm như vậy sẽ không bị hấp dẫn đối với sự hiện-hữu, cũng không phản kháng đối với sự chấm-dứt sự hiện-hữu. Điều này thật khó khăn cho cách dịch cái mệnh đề 'tâm-nguyện' này trong phiên bản tư tưởng diệt-vong; có lẽ nó có thể được hiểu như một lời khẳng định về sự hiện-hữu cá nhân, cùng với thế giới được trải nghiệm của nó ["Lẽ ra 'ta' đã không là vậy và lẽ ra nó đã không là 'của-ta'"]. Mệnh đề ở thời tương lai rõ ràng khẳng định sự hiện-hữu cá nhân và thế giới của nó sẽ kết thúc khi chết.

- Đức Phật đã chế biến công thức này thành một "chủ-đề để thiền quán" bằng giáo lý của Phật, bằng cách thay thế động từ ngôi thứ nhất bằng những động từ ngôi thứ ba của chúng: No c' assa no ca me siyā, na bhavissati na me bhavissati. Sự chuyển đổi ngôi thứ đã chuyển đổi sự nhấn-mạnh từ quan- điểm có cái 'ta' (ngã kiến) vốn hàm nghĩa trong phiên bản đoạn-diệt ["Tôi sẽ bị hủy diệt"] sang một tầm-nhìn phi chủ-thể (nó) phù hợp với giáo thuyết vô- ngã (anattā). Trong kinh này, sự quyết-tâm (adhimuccamāno) như vậy của công thức này được cho là dẫn tới đỉnh cao là sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đó là trong chặng Bất-lai (anāgāmitā). Ở trong kinh khác thì công thức này gồm có thêm một điều-khoản là "yad atthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pajahāmi" (Cái đang hiện-hữu, là cái đã ắt xảy ra; là cái ta đang dẹp bỏ). Sự thiền-quán về điều này được cho sẽ dẫn tới sự buông-xả.

Trong kinh MN 106, mục 10, thì sự tu-tập được hướng dẫn bằng công-thức đầy đủ với điều khoản bổ sung này, dẫn tới đỉnh cao là sự tái sinh trong phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức) [nếu người thiền dính chấp sự buông-xả] hoặc có thể dẫn tới Niết-bàn [nếu người thiền không còn dính chấp sự buông-xả]. Trong kinh AN 7:55 thì 'sự quyết-tâm' đã được hướng dẫn cũng bằng công-thức với điều khoản bổ sung này, sẽ dẫn tới 01 trong 05 hạng của bậc Bất-lai (thuộc 05 cõi Tịnh Cư Thiên) hoặc có thể dẫn tới thánh quả A-la-hán. Trong kinh Ud 78,2– 3 thì công thức ngắn hơn (không có điều khoản bổ sung) được áp dụng cho 'sự chánh-niệm về thân'; người tu an trú như vậy sẽ dần dần vượt qua sự ràng-buộc, tức có thể chứng A-la-hán.

- Điều đáng lưu ý là: trong các bộ kinh Nikāya thì ý nghĩa chính xác của công thức này chưa bao giờ được rõ ràng, điều này cho thấy rằng công thức này có lẽ đã có vai trò như một "một sự hướng-dẫn để mở" để quán chiếu và sẽ được giải đáp bởi những người thiền thông qua trực-giác cá nhân của họ. Như đúng theo nghĩa của chữ, các luận giảng đã coi phân từ để mở c' là đại diện cho chữ ce ("nếu"), được giải nghĩa bởi Spk là = sace và bởi Spk-pṭ là = yadi. Dựa trên cơ sở này họ diễn dịch mỗi phần của công thức là những thuộc tính điều-kiện (nhân duyên). Spk giải thích công thức trong kinh này dựa trên cơ sở của cụm chữ đáng nghi vấn là c' assaṃ, mặc dù cách chọn thứ hai này của nó cũng phù hợp với cách ghi tốt hơn ở trên là c' assa.

- Ở đây tôi dịch nguyên chữ nghĩa của luận giảng Spk như vầy: "Nếu ta đã không là vậy, thì nó đã không là vậy đối với ta: (nghĩa là) Nếu ta đã không là vậy (sace ahaṃ na bhaveyyaṃ), thì cũng đã không có cái của-ta như vậy (mama parikkhāro). Hoặc cách khác: Nếu trong quá khứ không có sự tạo- nghiệp (kammābhi-saṅkhāro, sự tạo-tác nghiệp), thì giờ đã không có (quả đối với ta) là năm-uẩn này. Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó (nghiệp quả) sẽ không là vậy đối với ta: (nghĩa là) Giờ ta sẽ phấn đấu để cho sẽ không có sự tạo-nghiệp nào của ta sinh ra năm-uẩn trong tương lai; khi (năm-uẩn) không có, thì đối với ta sẽ không có sự tái-sinh."

- Dựa trên cơ sở này tôi có thể diễn dịch công thức như vầy: "Năm-uẩn có thể được kết thúc, và thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc. Tôi sẽ chuyên-cần tu (tinh cần) như vậy để cho năm uẩn sẽ được kết thúc, [và] để

cho thế giới được thể hiện bởi chúng sẽ được kết thúc." Nói cách khác, chữ "nó" thứ nhất có thể được coi là dục-vọng (ái) và chữ "nó" thứ hai là năm- uẩn đã khởi sinh thông qua dục-vọng. Trong điều khoản bổ sung "cái đang hiện hữu, cái đã ắt có mặt" là chỉ cái bộ năm-uẩn đang hiện hữu, (chúng) đang được dẹp-bỏ thông qua sự dẹp-bỏ cái nguyên-nhân gây ra sự tái hiện- hữu của chúng; nguyên-nhân đó chính là dục-vọng hay tham-muốn và nhục- dục.

- Cách tôi hiểu nghĩa của đoạn này như vậy là nhờ phần lớn sự thảo luận với nhà sư VĀT và Tỳ kheo Ñāṇatusita. Tôi cũng biết ơn học giả Peter Skilling vì đã gửi thông tin về giảng luận Skt và phiên bản Tây Tạng của những câu bổ-đề này.] (75)

76 [Sắc-thân là sẽ bị hủy diệt (rūpaṃ vibhavissati) ... vân vân. Spk giải nghĩa là = rūpaṃ bhijjissati (sắc-thân sẽ tan rã) và Spk-pṭ giải nghĩa là = rūpaṃ vinasissati (sắc-thân sẽ diệt vong). Những nhà luận giải dường như đã hiểu chữ "sự hủy diệt, sự diệt tiêu" ở đây có nghĩa là 'sự chấm-dứt không ngừng trong từng khoảng-khắc (sát-na) của các uẩn', nhưng tôi tin rằng động từ ở đây là chỉ "sự chấm-dứt cuối cùng của các uẩn bằng sự chứng đắc trạng thái" (anupādisesanibbānadhātu). Nghĩa này sẽ hợp hơn với câu tuyên thán mở đầu, và cũng được ủng hộ bởi tập Trưởng Lão Kệ [Th 715cd] là: saṅkhārā vibhavissanti, tattha kā paridevanā ([chỉ là] những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt, thì đâu còn sự than khóc ai oán về điều gì ở đó nữa).] (76)

77 [Spk: Với sự hủy diệt của sắc-thân (rūpassa vibhavā): bằng cách nhìn thấy

sự hủy diệt, cùng với sự minh-sát [Spk-pṭ: bởi vì chữ "sự hủy diệt" trong lời kinh được nói ra với sự lược bỏ chữ "nhìn-thấy"]. Bởi vì 04 thánh đạo cộng với sự minh-sát được gọi là "sự nhìn-thấy sự hủy diệt của sắc-thân ..." Cho nên điều đó được nói ra là do chiếu theo điều này.

- Về sự diễn dịch tôi chọn [như đã được nói trong ghi chú kế trên]: "sự hủy diệt của sắc-thân ..." là chỉ cái sự chấm-dứt rốt ráo tột cùng của năm-uẩn trong Niết-bàn, và do vậy sự chứng ngộ ở đó sự chấm-dứt xảy ra có vai trò như sự thúc-giục hàm chứa trong 'công thức thiền quán' đã thôi thúc vị Tỳ kheo (phấn đấu thiền tập) để phá bỏ năm gông-cùm đó.] (77)

Chú Thích • 341

78 [Nguyên văn câu cuối: Anantarā āsavānaṃ khayo. Ở đây "sự tiêu diệt ô- nhiễm" là đã chỉ thánh quả A-la-hán, nên dường như vị Tỳ kheo này đang hỏi 'liệu một người tu có thể chứng ngộ thánh quả A-la-hán trực tiếp, mà không cần phải qua giai đoạn Bất-lai?' Spk chú giải rằng: có 02 loại sự chứng ngộ lập-tức (anantara), đó là loại 'kế cận' và loại 'xa'. Minh-sát tuệ là nguyên nhân lập-tức kế cận đối với thánh-đạo [bởi thánh đạo siêu thế khởi sinh khi tuệ minh-sát đã đạt tới đỉnh điểm của nó], và là nguyên nhân lập-tức từ xa đối với thánh-quả [bởi thánh quả trực tiếp theo sau thánh đạo]. Do vậy, Tỳ kheo này đã hỏi theo nghĩa là: "Theo cách nào một người biết và thấy, cũng với sự minh-sát là nguyên nhân lập tức, để chứng ngộ thánh quả A-la-hán được gọi là "sự tiêu diệt ô-nhiễm"?.] (78)

79 [Spk: Người phàm phu trở nên sợ-hãi với minh-sát tuệ đã khởi sinh yếu ớt

(dubbalavipassanā); bởi người đó không thể vượt qua 'sự thương hại chính mình' và do vậy bị sợ-hãi khi nghĩ rằng "Giờ ta sẽ bị hủy diệt và sẽ không hiện hữu nữa." Người đó nhìn thấy mình rớt trong vực thẳm [coi thêm chú thích 181 bên dưới]. Nhưng khi minh-sát tuệ mạnh mẽ xảy ra với đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, người đó không bị sợ-hãi mà biết nghĩ rằng "Đó chỉ là các hành khởi sinh, chỉ là các hành diệt."

- Spk-pṭ: Khi một người phàm phu thiện nhìn thấy, bằng sự-biết về 'bề ngoài là đáng sợ-hãi', rằng các hành là đáng sợ-hãi, người đó không bị sợ-hãi. Cái 'bề ngoài là sợ-hãi' (bhayat' upaṭṭhānañāṇa) là trạng thái bậc cao của sự-biết minh-sát phơi bày bản chất đáng sợ-hãi của các hành trong tất cả 03 giai đoạn của thời gian; coi thêm Vism 645–647; Ppn 21:29–34.] (79)

80 ["Catuparivaṭṭa" nghĩa gốc là: bốn lượt, bốn phiên chuyển, bốn vòng quay;

tức ứng dụng Bốn Diệu Đế cho mỗi uẩn.] (80)

81 [Lạ thay rằng những bộ kinh Nikāya đã không đưa ra sự phân-tích về sắc-

thân phái sinh từ bốn yếu-tố lớn (tứ đại) (catunnaṃ mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ). Sự phân-tích này chỉ xuất hiện đầu tiên trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka), theo đó sắc-thân như vậy gồm có 05 căn cảm-nhận, 04 đối-tượng cảm nhận [đối-tượng chạm xúc được gán cho 03 trong 04 yếu- tố tứ đại, trừ yếu-tố nước], yếu-tố

không gian, sự quyết-định về tính dục, và dưỡng-chất thuộc thân [tức = thức ăn] ... vân vân; coi them CMA 6:2–5. Về

dưỡng-chất là một điều-kiện (duyên) tạo nên thân thể, mời coi chú thích 18 trong Quyển 2. Trong kinh này cái điều-kiện kế cận tạo ra sự khởi sinh của mỗi uẩn thuộc năm uẩn đã được chỉ ra, tương phản với kinh 22:5 (kinh này) chỉ ra cái điều-kiện xa chung cho tất cả năm uẩn. Về sự phân biệt 02 loại điều-kiện, mời coi lại chú thích số 58 trong Quyển 2.] (81)

82 [Đoạn (a) này là chỉ bậc học-nhân (sekha), là người đã trực-tiếp biết Bốn Diệu Đế và đang tu tập để chứng ngộ Niết-bàn—đó là sự chấm-dứt rốt ráo của năm-uẩn. Vì lý do này những bậc học-nhân được cho là "đã có-được chỗ-đứng (gādhanti) trong Giáo Pháp và Giới-luật này", chứ chưa phải là những bậc toàn-vẹn đã hoàn thành mục tiêu A-la-hán (như được nói chú thích kế dưới).] (82)

83 [Đoạn (b) này mô tả những bậc vô-học nhân (asekha), tức những A-la-hán. Spk giải thích: Họ đã khéo được giải-thoát (suvimuttā) bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán; những người toàn-vẹn (kevalino) là họ đã hoàn thành, đã làm hết toàn bộ những bổn phận (tu) của mình. Không có vòng luân-hồi nào để mô tả họ (vaṭṭaṃ tesaṃ natthi paññāpanāya): là không còn vòng luân-hồi nào nữa [không còn sự tái hữu tái sinh nào] để mô tả về họ. Nói cách khác, "vòng luân-hồi" có nghĩa là cơ-sở (kāraṇa), vậy là không có cơ-sở nào để mô tả. Chỗ này là chỉ cảnh giới của bậc vô-học nhân (asekha-bhūmi, tức A-la- hán).

- Về "người toàn-vẹn" mời coi thêm chú thích số 446 trong Quyển 1. Về ý nghĩa "A-la-hán là vượt trên sự mô-tả hay vượt khỏi sự quy-tính", mời coi lại kinh 22:35 ở trên và chú thích số 47 của nó. Lời diễn đạt vaṭṭaṃ tesaṃ natthi paññāpanāya cũng có ghi trong kinh SN 44:06 (Quyển 4); coi thêm kinh dài DNII 63,30–64,1 (?). Cụm chữ này cũng có thể được dịch là "Không còn vòng luân-hồi cho sự hiện-thị (hiện thân, thể hiện) của họ".] (83)

84 [Sự tiếp-xúc (phassa) xảy ra với đối-tượng cảm nhận và thức thông qua

một căn cảm-nhận (giác quan). Khi điều này xảy ra, những yếu-tố thuộc tâm khác khởi sinh, nổi bật nhất là cảm-giác, nhận-thức, và sự cố-ý.] (84)

85 [Nguyên văn: Cha cetanākāyā. Ở đây chữ "sự cố-ý" (tư) đã được dùng để gọi những sự tạo-tác cố ý (hành)! Ở đây có sự khác nhau giữa tên của uẩn này [những sự tạo-tác cố ý = hành-uẩn (saṅkhāra-kkhandha)] và thuật ngữ

"sự cố-ý" (tư; cetanā). Sự cố-ý (tư) đã được dùng trong định nghĩa về hành- uẩn; điều đó cho thấy uẩn này (hành-uẩn) có tầm (phạm vi) rộng lớn hơn 04 uẩn kia. Trong phần Giáo Pháp Cao Học (Vi Diệu Pháp Tạng) và trong các luận giảng thì hành-uẩn được coi là một "phạm vi bao trùm" cho việc phân loại tất cả những yếu-tố thuộc tâm trong các

bài kinh, ngoại trừ cảm-giác (thọ) và nhận-thức (tưởng). Sự cố-ý (tư) đã được nói ra trong định nghĩa này bởi vì nó là thành-tố quan trọng nhất của uẩn này theo định nghĩa này, chứ không phải vì đó là một thành phần riêng biệt của uẩn này.] (85)

86 [Thật ý nghĩa chỗ này là: trong khi sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên)

kế cận làm sinh ra cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), và những sự tạo-tác cố ý (hành) thì chỉ một mình phần danh-sắc là điều-kiện kế cận sinh ra thức. Điều này đã gói gọn thành một ý, như đã được ghi trong kinh SN 22:03 ở trên rằng: 04 uẩn kia là "nhà" của thức. Coi thêm sự liên kết này trong kinh SN 12:65 và 12:67 (Quyển 2).] (86)

87 [07 trường hợp (sattaṭṭhānā) có được bằng cách sát nhập cái khuôn-mẫu

"4-điều" của kinh 22:56 kế trên và khuôn-mẫu "3-điều" của kinh 22:26 ở trên. Spk: Kinh này là một sự nói về những sự chúc-mừng (ussadanandiya) và cả sự khuyến-dụ (palobhanıya). Bởi vì, giống như một vị vua sau khi thắng trận trọng thưởng và tôn vinh những quân lính chiến thắng của mình để tạo cảm-hứng cho những quân lính khác trở thành những anh hùng; ở đây Phật đề cao và khen ngợi những A-la-hán để tạo niềm cảm-hứng cho những người khác chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (87)

88 [Người điều tra theo 03 cách (tividhūpaparikkhī). Theo 03 cách có thể được hiểu là (i) theo cách của những yếu-tố (giới) như đã được trình bày trong Chương SN 14 (Liên-kết Các Yếu-Tố, Dhātu-saṃyutta), (ii) theo cách của sáu cơ-sở cảm nhận (xứ) như được nói trong Chương SN 35 (Liên-kết Sáu Cơ-Sở Cảm Nhận, Saḷāyatana-saṃyutta), và (iii) theo cách của 'sự khởi sinh tùy thuộc' (lý duyên-khởi) như được nói trong Chương SN 12 (Liên-kết Nhân Duyên, Nidāna-saṃyutta).

- Coi thêm kinh MN 115, trong đó kỹ năng về những yếu-tố (giới), những cơ- sở cảm-nhận (sáu xứ), và 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) được giảng

giải một cách chi tiết, tăng cường thêm kỹ năng biết về 'điều có-thể và điều không-thể'.] (88)

89 [TKBĐ: Ở đây, chữ 'người được giải-thoát nhờ trí-tuệ' ở cuối câu này có

lẽ là nghĩa chung để chỉ tất cả những A-la-hán chứ không phải để phân biệt với những A-la-hán được giải thoát bằng 'sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm' hay 'sự giải-thoát về cả hai phương diện' (vừa sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm + sự giải-thoát nhờ trí-tuệ). Không như kinh MN 70, mục 15, chú thích số 702 thì giảng giải về sự khác-biệt của 03 loại giải-thoát đó. Coi thêm chú thích số 210 ở kinh SN 12:58 (Quyển 2).] (89)

90 ["Đặc tính vô-ngã" (vô-ngã tướng) là tên bài thuyết giảng thứ hai Phật đã

khai giảng (cho nhóm năm người bạn tu khổ hạnh với Phật trước đó, có ngài Kiều-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng Vin I 13–14 về sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp của Phật. Năm vị Tỳ kheo đó là năm người đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật, những người đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học (học-nhân; sekha). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn họ đạt tới sự giác ngộ thánh quả A-la-hán.] (90)

91 [Kinh này đưa ra những "luận cứ" của thuyết vô-ngã (anattā). (i) Luận cứ

thứ nhất là bản chất không có cái 'ta' (không có bản ngã) của năm uẩn dựa trên cơ sở chúng là không thể bị điều khiển, không thể bị ảnh hưởng để có thể thực thi sự làm-chủ (avasavattitā) đối với chúng. Nếu thứ gì bản tính là cái 'ta' thì nó phải bị điều khiển bởi chúng ta; tuy nhiên, bởi vì, chúng ta đâu thể nào uốn ép năm uẩn theo ý muốn của chúng ta, nên chúng cứ bị dính theo sự khổ đau và do vậy chúng không thể nào là cái 'ta' (ngã) của chúng ta. (ii) Luận cứ thứ hai là sự lý giải của Phật bắt đầu từ những câu "Các thầy nghĩ sao? …" Luận cứ này chứng minh đặc tính vô-ngã dựa trên 02 đặc tính khác là vô-thường và khổ, một cách liên hoàn với nhau.] (91)

92 [Trong kinh "Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ" (Sāmaññaphala Sutta, Kinh

Sa-môn Quả, DN 2) thì quan-điểm "phi nhân duyên" (ahetukavāda) này được gán cho vị thầy của Kỳ-na giáo là Makkhali Gosāla. Cũng trong kinh trên, thuyết "phi nghiệp quả" (akiriyavāda) được cho là của Pūraṇa Kassapa; [kinh SN 24:06 (Quyển 3) cũng có nói, nhưng không nói thuyết là của ai]. Còn

trong kinh SN 46:56 (Quyển 5) thì một thuyết "phi nhân duyên" khác cũng được cho là của đạo sư Pūraṇa Kassapa.] (92)

93 [Coi thêm kinh SN 14:34 (Quyển 2).] (93)

94 [Kinh này là như một phiên bản 'rút gọn' của bài Kinh Lửa nổi tiếng (SN

35:28, Quyển 4) dùng chữ ẩn dụ 'bốc cháy' đối với 12 cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ; sáu giác-quan và sáu đối- tượng giác quan). Có lẽ kinh SN 22:61 này đã được 'đúc' ra từ "khuôn" của Kinh Lửa đó rồi thay vào bằng năm-uẩn, và rồi 'nén' cho thật ngắn lại để làm cho nó không giống hay không quan trọng ngang bằng bài Kinh Lửa rất nổi tiếng kia là bài thuyết giảng thứ ba của Đức Phật.] (94)

95 [Spk: ở đây cả ba đều đồng nghĩa; bản thân chữ nghĩa hay ngôn ngữ là

đường lối, vì nó là phương tiện để giao tiếp, biểu nghĩa.] (95)

96 [Spk chú giải chữ "ukkalā" có nghĩa là người xứ Ukkala [còn được gọi là

Okkala; theo CPD thì xứ này là xứ Orissa ngày nay]. Spk ghép tên của hai người này thành tên như một cặp-đôi (vasabhaññā như một chữ ghép đồng- đẳng (dvanda); vasso ca bhaññho ca) và giải thích cả 02 người này đều nắm giữ 03 tà-kiến như được nói trong các kinh SN 24:05–07.] (96)

97 [Spk: sự dính-chấp hay sự chấp-thủ (upādiyamāno; thủ): sự nắm giữ, nắm

chặt, bám chặt, chấp giữ (điều gì) bởi do dục-vọng, sự tự-ta, và những quan- điểm sai lạc (ái, ngã mạn, tà kiến). Trong 02 kinh kế tiếp, sự nhìn-nhận (maññamāno) và sự tìm-kiếm khoái-lạc (abhinandamāno) cũng được giải thích bởi 03 lý do chính này.] (97)

98 [Kinh 22:71 này giống hệt kinh SN 18:21 (và SN 22:91). Còn kinh kế tiếp 22:72 là giống hệt kinh SN 18:22 (và SN 22:92), chỉ khác nhau tên Tỳ kheo. - Toàn bộ Chương SN 23 là các kinh nói về Ngài Rādha.] (98)

99 [09 cõi trú của chúng sinh (sattāvāsa) được liệt kê trong kinh AN 9:24 (= DN 33, mục 3.2 (3). Đỉnh cao của sự hiện-hữu (bhavagga) được cho là phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], là cõi cao nhất của sự hiện-hữu hữu tình. Chữ này được dùng

theo nghĩa này cũng có trong Vibh 426,8 và thường thấy trong các luận giảng.] (99)

100 [Sự quấy-động = dục-vọng, vì vậy "bất-động" ở đây = không còn bị quấy

động bởi dục-vọng.] (100)

101 [Bảy phẩm-hạnh, gồm: niềm-tin, sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự biết

sợ-hãi việc làm sai trái, sự học-hiểu, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm, và trí-tuệ. Coi thêm kinh MN 53, mục 11-17.] (101)

102 [Bảy châu-báu: bảy chi giác-ngộ (thất giác chi); coi thêm SN 46:42. Ba-

phần tu-tập gồm: phần giới-hạnh bậc cao, phần (định-)tâm bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao [giới, định, tuệ].] (102)

103 [Mười yếu-tố: gồm tám phần Bát Thánh Đạo đã hoàn thiện cộng với sự

hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đặc biệt chúng được gọi là "mười" (phẩm chất) của một người tu đã vượt trên sự tu-học và đã thành bậc vô-học nhân [asekha]. Lời kinh mô tả như vầy cũng có ghi trong các kinh MN 65, mục 34, MN 78, mục 14. Về chữ 'con rồng' [nāga], coi chú thích chi tiết ở kinh SN 1:37, thi kệ 122.] (103)

104 [Spk: ba sự phân-biệt đối đãi: ba ý niệm này nọ về cái 'ta' như: "Tôi tốt

hơn", "Tôi bằng", "Tôi kém hơn".] (104)

105 [Spk chú giải: sư tử ra khỏi hang và gầm lên được ví dụ với hình ảnh Phật

xuất hiện trong thế gian và tuyên dạy Giáo Pháp vậy. Tiếng gầm của sư tử được ví dụ với "sự thiết lập sự quay chuyển" Bánh Xe Giáo Pháp của Phật trong khu Vườn Nai, và sự sợ hãi của những con thú nhỏ giống như "sự khởi sinh sự sợ-hãi của sự-biết" (ñāṇasantāsassa uppatti) trong những thiên thần sống đại thọ sau khi họ nghe Đức Phật tuyên thuyết về Bốn Diệu Đế; (tức sau khi họ nghe được Bốn Diệu Đế, họ thấy sợ hãi vì biết rằng sự sống của họ cũng là vô thường và sẽ bị biến diệt, chứ không phải thường hằng mãi mãi như họ đã tưởng).] (105)

106 [Đoạn này cũng có ở kinh SN 12:21 (Quyển 1), coi thêm chú thích trong

đó. Spk tham chiếu theo kinh SN 22:56 để chú giải về sự sinh và diệt của năm-uẩn.] (106)

107 [Spk: “hầu hết họ” (yebhuyyena) nghĩa là tất cả họ ngoại trừ những thiên

thần là những thánh đệ tử (như Nhất-lai, Bất-lai) … “Bị nằm trong cái danh- tính này” (sakkāyapariyāpannā): tức nằm trong năm-uẩn này. Như vậy Đức Phật đã dạy cho họ Giáo Pháp được ấn chứng bởi ba đặc-tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra cho thấy những nhược điểm của vòng luân-hồi hiện-hữu, và sự sợ-hãi và khiếp-sợ khi biết rằng mình đang ở trong cái vòng đó.] (107)

108 [Spk nói rằng chỗ này không phải chỉ “sự hồi-nhớ bằng trí-biết trực tiếp”

[tức như sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh)] mà chỉ sự hồi- nhớ lại cõi sống quá khứ của một người bằng cách sự minh-sát. Spk dường như hiểu được chủ ý của câu này của Phật có nghĩa là họ cố ý hồi nhớ lại quá khứ theo cách của năm uẩn. Tôi thì hiểu chỗ này khác, tức là, mặc dù những tu sĩ tưởng tượng họ đang nhớ lại trải nghiệm quá khứ về một cái ‘ta’ thường hằng, nhưng thực ra họ chỉ đang nhớ lại những cấu hình của năm uẩn mà thôi. Cách diễn dịch này có lẽ cũng được xác nhận trong đoạn kinh kế tiếp, từ cách nói về những ký ức của chủ-thể thứ nhất (evaṃrūpo ahosiṃ) về những trải nghiệm giờ chỉ nói theo cách đóng khung trong những thuật ngữ của các uẩn (rūpaṃyeva) mà thôi. Điều này cũng có thể được ủng hộ bởi đoạn kinh song hành ở đầu kinh 22:47. Spk đã đặt tên cho đoạn này là “phần tánh- không” (suññatāpabba). Ở trong Vibh-a 3–6 có đoạn luận giảng song hành như vầy nhưng chi tiết hơn một chút.] (108)

109 [Spk diễn dịch: Mặc dù chỗ này nói về sự trống-không, nhưng chưa nói

tới đặc tính trống-không hay tính-không (suññatālakkhaṇa). Đoạn kinh này bắt đầu được đưa vào để chỉ cái tính-không đó. Spk-pṭ: Bởi vì sắc, cảm-giác … không phải là cái ‘ta’ hay ‘thuộc về cái ta’ nào cả, nó không có tự-tính và chủ-thể nào cả, nó là trống không, tức không có cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào cả. Bản chất của nó là sự trống-không, đặc tính của nó là “luôn bị biến dạng, biến sắc, biến thể, biến đổi…”.] (109)

110 [Nguyên văn câu này: Ruppatı ti kho bhikkhave tasmā rūpan ti vuccati.

Tôi đã cố gắng, mặc dù rất lượm thượm, để bắt cho được nghĩa của sự chơi chữ tinh tế trong tiếng Pāli, (nó) lợi dụng sự tương ứng rõ rệt giữa động từ ruppati và danh từ rūpa. Về nguyên từ học thì 02 chữ này không liên hệ gì nhau. Chữ ruppati là động từ thụ động từ gốc từ rup [= (Phạn) lup] có nghĩa là “làm gảy, làm hư, làm tổn hại, phá”. MW liệt kê chữ rupyate [s.v. rup] có

nghĩa là “chịu đau đớn dữ dội, thấu tận”. Cũng coi thêm chữ ruppati trong PED, s.v. Spk giải nghĩa là: Ruppatı ti kuppati ghaṭṭıyati pılıyati, bhijjatı ti attho (Nó bị biến dạng: nó bị quấy phá, bị đánh, bị áp bức, nghĩa là ‘nó bị hư gảy, bị bể gảy’). Spk còn nói thêm rằng: sự bị “biến dạng, biến sắc” là đặc tính riêng biệt (paccattalakkhaṇa) của sắc, nó phân biệt với sắc với cảm-giác và những uẩn khác; nhưng những cái đặc tính chung

(sāmaññalakkhaṇa) của chúng đều là ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’.] (110)

111 [Spk: Chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải có ‘ai’ hay ‘người

nào’ hay một ‘chủ thể’ nào cảm nhận.] (111)

112 [Nguyên văn câu này: Saṅkhataṃ abhisaṅkharontī ti bhikkhave tasmā saṅkhārā ti vuccanti. Không may tiếng Anh là phương tiện nghèo nàn không đủ để ‘bắt’ được sự tương quan nối kết của câu này trong tiếng Pāli, với vị ngữ (saṅkhataṃ), động từ (abhisaṅkharonti), và chủ ngữ (saṅkhārā) đều xuất thân từ cùng một gốc từ. [Coi thêm phần thảo luận của tôi về chữ saṅkhārā trong phần Giới Thiệu Chung (của bản dịch Pāli-Anh, CDB, trang 44-47).]. Để cho giống tiếng Pāli chúng ta có thể dịch nghĩa câu này là: ‘Chúng tạo tác thứ được tạo tác, do vậy chúng được gọi là những sự tạo-tác cố ý”, mặc dù cách dịch này có những hàm nghĩa hơi xa lạ so với câu chữ gốc. Cũng là sự trùng hợp không may rằng “những sự tạo-tác cố ý” [đây là cách tôi đã dịch chữ saṅkhārā = hành] lại liên quan tới chữ “sắc, thể-sắc” [cách tôi dịch chữ rūpa]. Trong tiếng In Pāli không có sự nối kết về mặt từ-nguyên giữa 02 chữ rūpa và saṅkhārā. Để ‘bắt’ được mấy hàm nghĩa của động từ abhisaṅkharoti có lẽ chúng ta phải tự cho mình sự tự do để dịch nó, trong đoạn này, bằng 02 động từ là: (i) “tạo ra, phát sinh” để chuyển tải cái nghĩa rằng những sự tạo- tác cố ý thực sự sản sinh ra các uẩn khác [coi chú thích kế dưới], và (ii) “tạo thành, tạo lập, tạo tác” để chuyển tải ý nghĩa tương ứng với danh từ “những sự tạo-tác”.

- Đoạn này cho thấy vai trò chủ động của cetanā (sự cố-ý, tư) trong việc tạo lập ra thực-tại được trải nghiệm. Sự cố-ý ảnh hưởng nội dung khách quan của sự trải nghiệm, mà nó còn định hình cho cơ chế tâm-vật lý mà nó đã khởi sinh trong đó, và, thông qua vai trò của nó là nghiệp (kamma), nó định hình những “cấu-hình tương lai của năm-uẩn” được sản sinh bởi nghiệp. Sự kết nối giữ chúng như đã được thấy trong kinh SN 35:146 (Quyển 4): “sáu cơ-sở

cảm-nhận” là “nghiệp cũ” và “mọi hành-động ta làm trong hiện tại” (bằng thân, miệng, tâm) chính là “nghiệp mới”] (112)

113 [Tất cả 03 phiên bản của SN đều ghi câu này là: rūpaṃ rūpattāya saṅkhataṃ abhisaṅkharonti, và tương tự như vậy đối với các uẩn khác, ngoại trừ uẩn thức (viññāṇa) thì Ee ghi là viññāṇatthāya; tuy nhiên, do Ee không có chú giải về chỗ này, nên hầu như chắc chắc đây chỉ là lỗi do ghi chép. Spk [của Se và Ee] ghi là rūpatthāya trong bổ đề của nó, hàm ý rằng đuôi chữ - atthāya đều được áp dụng cho mỗi uẩn, và rõ ràng phiên bản chữ Sinhala cổ mss của SN đã ghi như vầy. Tuy nhiên, Spk [của Be] lại ghi là rūpattāya. Sự chú giải trong luận giảng Spk đều có lý trong cả 02 cách ghi này của SN.

- Ở đây tôi làm theo Spk của Be ghi là: “Giống như một người nói là nấu cháo là cháo, làm bánh là bánh, nó [Spk-pṭ: một đống những trạng thái dẫn đầu bởi sự cố-ý] xây dựng, xây lên, tạo thành đống, tạo thành uẩn (abhisaṅkharoti āyūhati sampiṇḍati)

sắc-thân—được gọi là "có điều-kiện" (hữu vi) bởi vì nó được làm bởi một sự kết hợp những điều-kiện— nên nó trở thành "sắc-thân có điều-kiện" đúng theo bản chất đích thực của nó, do cái thể sắc của nó (tathattāya rūpabhāvāya); ý nghĩa là nó sản sinh ra nó (nipphādetı ti attho). Nghĩa vắn tắt là vầy: Nó tạo dựng, sản sinh sự tạo-nên thể sắc cùng với chính nó và đi kèm với cảm-giác … Ở đây Phật cũng chỉ ra đặc tính riêng biệt của những sự tạo-tác cố ý, đặc tính của nó chính là sự cố-ý (tư). [Spk-pṭ: Điều này được nói bởi vì sự cố-ý là thứ dẫn đầu của những trạng thái thuộc tổ hợp những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn).]".] (113)

114 [Nguyên văn của 08 vị là: ambila, tittaka, kaṭuka, madhuka, khārika, akhārika, loṇaka, aloṇaka; mời coi thêm kinh SN 47:8 (Quyển 5).

- Sự chú giải về chữ viññāṇa (thức) ở đây rất giống sự chú giải về chữ saññā (nhận-thức, tưởng), chỉ khác nhau về loại đối-tượng cảm nhận mà chúng nhận biết. Spk giải thích rằng sự khác nhau về đối-tượng chỉ ra sự khác nhau của những chức năng nhận-biết của chúng: (i) "Nhận-thức được phân tích theo cách của cửa-mắt bởi vì điều đó rõ ràng là sự nắm giữ hình tướng và hình dạng của đối-tượng của; thức thì được phân tích theo cách của cửa-lưỡi bởi vì nó nắm giữ những nét khác-biệt riêng trong một đối-tượng, ngay cả khi không có hình tướng và hình dạng."

- Spk tiếp tục bằng sự giải thích [cũng thấy có ghi trong Vism 437; Ppn 14:3–5] theo đó saññā, viññāṇa, và paññā lần lượt là những chức năng nhận- biết về chiều sâu đang gia tăng, sự nhanh nhạy về phân-biệt, và sức mạnh của trí-biết; tuy nhiên điều này khó mà hòa hợp với cách diễn tả về những yếu tố này như đã được thấy trong các bộ kinh. Thường thì trong các kinh chữ viññāṇa đơn giản là sự ý thức căn bản về một đối-tượng thông qua một cơ-sở cảm-nhận (giác quan) … tức chỉ thuần túy là "thức của" hơn là dạng "một năng lực phân biệt". Một cách diễn đạt như vậy về chữ viññāṇa trong kinh MN 150, mục 4, 5 đã định nghĩa nó thông qua khả năng của nó nhận biết 03 loại cảm-giác [sướng, khổ, trung tính]; điều này đã chuyển đổi vấn đề khó khăn sang vấn đề phân biệt giữa viññāṇa và vedanā.

- Nữ học giả Hamilton đã thảo luận vấn đề được đưa ra bởi những đoạn này [trong bài luận Danh Tính & Trải Nghiệm, trang 53–55, 92–93]. Cô đã đưa ra gợi ý hữu ích rằng: mặc dù chữ viññāṇa ở đây được định nghĩa theo một cách xâm phạm vào lãnh địa của chữ saññā, nhưng chúng ta nên hiểu rằng saññā "thực sự làm sự phân-biệt" [về những đối-tượng ở tất cả 05 giác quan] trong khi đó viññāṇa "là sự ý thức nhờ đó chúng ta trải nghiệm từng mỗi giai đoạn của tiến trình nhận-thức trong đó có chứa tiến trình phân biệt" [trang 92]. Từ luận điểm của luận giảng, chữ saññā được thảo luận một cách đầy đủ trong As 110–11 và chữ viññāṇa [dưới tên citta] ở As 63–64.] (114)

115 [Spk: 02 phần đầu—phần sự trống-không và phần tánh-không—đã thảo

luận đặc tính vô-ngã. Giờ Phật sẽ thảo luận đặc tính khổ. Trong đó, không phải sắc nhai nuốt một người như kiểu một con chó nhai một miếng thịt, cắn xé người đó ra, mà theo kiểu một cái áo dính dơ gây khó chịu khổ sở, như người ta hay nói "Cái áo này đang

nhai nuốt tôi”.

- Những dòng chữ bên dưới “Sau khi đã suy xét như vậy …” tương thích giống với những đoạn kết trong các kinh kinh SN 22:09–11 ở trên.] (115)

116 [Spk: Đoạn này được nói ra để cho thấy đặc tính vô-thường, và cho thấy

bằng cách đưa ra cả 03 đặc tính.] (116)

117 [Tôi dịch đoạn này với sự trợ giúp của Spk. Spk giải nghĩa 02 cặp chữ sau

như vầy: Visineti na ussinetī ti vikirati na sampiṇḍeti; vidhūpeti na sandhūpetī ti nibbāpeti na jālāpeti [một số kinh ghi là viseneti, usseneti); so

sánh AN 4:200, ở đoạn (a) và (b) có cặp động từ “lấy-vào” và “đẩy-ra”. Đoạn này mô tả bậc học-nhân, người vẫn còn trong tiến trình tu để phá bỏ vòng luân-hồi.] (117)

118 [Spk: Đoạn này chỉ bậc A-la-hán (vô-học nhân), người an trú sau khi đã

phá bỏ vòng luân-hồi.] (118)

119 [Hai câu kệ (pāda) cuối c-d nên đọc là: yassa te nābhijānāma, yampi

nissāya jhāyati. Spk nói rằng sau khi bài kinh này được nói ra, có 500 Tỳ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán.] (119)

120 (Lưu ý trong đoạn mở đầu: Thích-ca [Sakya] là một xứ (nước, vương

quốc) của dân tộc Thích-ca; dân tộc Thích-ca gồm có nhiều dòng họ, họ tộc khác sống trong xứ Thích-ca đó. Ví dụ: Phật thuộc dân tộc Thích-ca, dòng họ gia đình của Phật là Cồ-đàm [Gotama]. Chữ phiên âm Thích-Ca thường được viết hoa cả hai âm là Thích-Ca theo cách quen thuộc để tỏ lòng tôn kính dành cho Đức Phật.)

[‘Lý do rõ ràng’ nghĩa là: khi Phật dẫn đoàn Tỳ kheo tới thành Kapilavattu, những người họ tộc Thích-Ca đã cúng dường nhiều thứ cho Đoàn Tăng, rồi các Tỳ kheo đã tranh cãi việc phân chia những vật phẩm cúng dường…, cho nên Phật đã bỏ họ đi, như muốn dạy cho họ một bài học về mục-tiêu đích- thực của sự tu-hành và sự buông-bỏ nghĩa là gì …] (120)

121 [Lời đoạn kinh này cũng có ghi tương tự trong kinh MN 67, mục 7, nhưng

trong kinh đó thì trước tiên những người họ Thích-Ca đã xin Phật tha thứ lỗi cho các Tỳ kheo đã cãi nhau, tiếp theo là vua trời Brahmā Sahampati cũng đã hiện ra thỉnh cầu Phật tha lỗi và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ. Trong bản kinh MN thì thứ tự của hai ví dụ được đảo ngược lại.] (121)

122 [Spk giải thích: nếu đi thành đoàn hay nhóm lớn thì có vẻ không kính

trọng Phật hoặc không thể chú tâm nghe nhận Giáo Pháp; họ đi riêng lẽ và từng cặp là thể hiện sự kính trọng và có thể nghe nhận lời dạy Giáo Pháp]. (122)

123 (Ví dụ như người ta thường chửi nhục người khác là “Đồ ăn mày”. [Spk

người thời đó thường chửi nhục đối thủ hay người mình khinh ghét bằng câu

như “Ông chỉ còn cách kiếm cái áo cà sa mặc rồi đi lang thang mà xin ăn thôi.”]) (123)

124 [Spk nói rằng đoạn này được đưa vào để cho thấy rằng người này đã trở

thành như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác bởi do những ý nghĩ xấu ác của mình.

- Sự định-tâm vô dấu-hiệu hay vô-tướng định (animitta-samādhi). Spk: tức là chỉ sự định-tâm minh-sát (vipassanā-samādhi); nó được gọi là vô dấu-hiệu vì trạng thái đó đã loại bỏ những dấu-hiệu (hình tướng) của sự (nhận lầm là) ‘thường-hằng, sướng, hữu-ngã, đẹp đẽ’ (thường, lạc, ngã, tịnh). Để đọc thêm những chú giải về sự định-tâm vô dấu-hiệu, mời coi thêm các chú thích ở Quyển 4: số 280 kinh SN 40:09 (Quyển 4), số 312 kinh SN 35:18, và số 368 kinh SN 43:04.] (124)

125 [Spk: cách-nhìn luôn hiện-hữu (bhavadiṭṭhi, hữu kiến) là giống tư tưởng

bất-diệt (sassatadiṭṭhi, thường kiến); cách-nhìn sẽ không (vibhavadiṭṭhi) là giống tư tưởng (sẽ bị) diệt-vong (ucchedadiṭṭhi, đoạn kiến). Đoạn này được đưa vào ở đây để chỉ rằng sự đinh-tâm vô dấu-hiệu không chỉ loại bỏ 03 loại ý-nghĩ bất thiện nói trên mà cũng loại bỏ tư tưởng bất-diệt và tư tưởng diệt- vong.] (125)

126 [Ở đây Phật nối kết sự dính-chấp (thủ) [nó khởi sinh dựa trên cơ sở của

‘năm-uẩn’ vốn được coi là cái ‘ta’] với phần cuối của công thức ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (duyên khởi), như vậy cho thấy sự dính-chấp hiện tại chính là nhân duy trì sự liên-tục của vòng luân-hồi. Có nguyên đoạn kinh song hành giống vầy ở kinh MN, coi MN 75, từ mục 24.] (126)

127 [Spk nói rằng: sau khi bài kinh được nói xong, 500 Tỳ kheo đã chứng

thánh quả A-la-hán cùng với những trí-biết mang tính phân tích (paṭisambhidā, vô ngại giải trí).] (127)

128 [Spk cho rằng: kinh này là lúc xảy ra vụ tranh cãi của các Tỳ kheo ở Tịnh

Xá Ghosita. Và sau ba lần cố hòa giải các bên tranh cãi không xong, Phật đã bỏ đi. Toàn bộ câu chuyện này, coi thêm Vin I 337–357; quyển ‘Cuộc Đời của Đức Phật’ của nhà sư Ñāṇamoli, trang 109–119.] (Coi thêm quyển “Giáo

Trình Phật Học” của Chan Khoon San biên tập, chương cuối “Cuộc Đời Đức Phật”). (128)

129 [Spk: Những cư dân ở Pārileyyaka đã xây một túp lều bằng lá cây cho đức

Thế Tôn trong một khu rừng được bảo vệ gần thị trấn của họ. Một cây sa-la điềm lành (bhadda) đã mọc ở đây. Trong thời gian sống nhờ vào thị trấn đó, đức Thế Tôn an trú dưới một gốc cây gần túp lều bằng lá đó. Spk đã liên hệ chỗ này với câu chuyện con voi đực đã đến để chờ hầu Đức Phật; coi kinh Ud 41–42 và trong Luật Tạng Vin I 352–53.]

(129)

130 [Spk: 'nhóm Tỳ kheo' này không phải là các Tỳ kheo tranh cãi đó. Mà

đoàn này gồm tới 500 Tỳ kheo đến từ nhiều vùng khác nhau, sau kỳ An Cư mùa mưa (kiết hạ).] (130)

131 [Coi lại kinh SN 22:55 ở trên và chú thích số 78 trong đó. Spk chú giải

rằng câu này là đề cập tới "thánh quả A-la-hán lập tức sau thánh đạo" (maggānantaraṃ arahattaphalaṃ). Tuy nhiên, theo hệ thống các luận giảng thì thánh quả là chắc chắn sẽ xảy ra lập tức ngay sau thánh đạo. Tôi nghĩ rằng Tỳ kheo này thực sự chỉ đang hỏi làm cách nào để chứng A-la-hán một cách nhanh chóng và trực tiếp, mà không cần phải trải qua [ở lại trong] những chặng giác-ngộ thấp hơn.] (131)

132 [Vicayaso (một cách phân-giải). Spk đã giải nghĩa là = vicayena và đã

diễn giải là: "Sau khi (Phật) đã phân định bằng trí-biết (nó) có khả năng phân-biệt bản-chất thực của những hiện-tượng khác nhau." Và theo sau là những phần tu-tập mà Phật đã giảng dạy, đó là: 37 phần trợ-giúp dẫn tới giác-ngộ (bodhipakkhiyādhammā; 37 bồ-đề phần, 37 phần trợ đạo); mời đọc lại phần Giới Thiệu về Quyển 5 từ trang 1485–1487 trong bản dịch SN (CDB) của TKBĐ.] (132)

133 [Spk giải nghĩa chữ "sự nhìn-nhận đó" (sā sasamanupassanā) là "sự tạo-

tác cách nhìn" (diṭṭhi-saṅkhāra; kiến hành). Tôi thì hiểu chữ saṅkhāra ở đây có nghĩa là thứ bị điều-kiện (bị duyên) chứ không phải là nguồn lực chủ động của sự tạo-tác, chẳng hạn kiểu như là saṅkhata-saṅkhāra của các luận giảng chứ không phải là abhisaṅkharaṇa-saṅkhāra (hành-động của sự tạo-tác cố ý). Có lẽ ý ở đây là, bằng cách gọi cái 'hành-vi nhìn nhận' một "sự tạo-tác", Đức Phật đã nhấn mạnh sự khởi-sinh có điều-kiện của nó. Đến phiên điều

này lại làm rõ tính vô-thường của nó, sự ngộ ra điều đó đã đập tan sự cố-chấp vào chính ý niệm có cái 'Ta' (ngã kiến thủ), và nhờ đó dẫn tới đỉnh cao là chứng A-la-hán.

- Về chữ "sự tiếp-xúc (còn) vô-minh" (avijjāsamphassa) ở bên dưới, mời coi lại chú thích số 63 ở cuối của kinh SN 22:47 ở trên.] (133)

134 [Quan-điểm này, vốn đặt ra danh-tính của cái 'ta' và thế giới (so attā so

loko), dường như xuất phát từ Upaniṣads (Áo Nghĩa Thư) của bà-la-môn giáo. Lạ thay là luận giảng Spk đã im lặng bỏ qua cái quan-điểm này, và luận giảng Ps [khi chú giải kinh MN 22, mục 15 về quan-điểm này] chỉ giải nghĩa bằng một từ tối nghĩa. Để thảo luận thêm về chỗ này, mời đọc quyển "An Aspect of Upaniṣadic fitman and Buddhist 'Anattā'" của học giả Wijesekera, phần Nghiên Cứu Phật Giáo và Vệ-đà, trang 261–63.] (134)

135 [(Tức nghĩa là: Nếu ta đã không tạo tác nghiệp, thì đã không có năm-uẩn

hiện tại này của ta. (Giờ) Nếu ta sẽ không tạo tác nghiệp tạo ra năm-uẩn, thì sẽ không có năm uẩn tương lai (không còn tái sinh)…)

- [Ở đây tôi (TKBĐ) đọc theo Se và Ee là: no c' assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati. Be ghi động từ thứ ba bị phủ định là nābhavis- saṃ. Spk giải nghĩa câu này là: "Nếu ta đã không là vậy, thì đã không có cái 'của-ta'; nếu ta sẽ không là vậy trong tương lai, thì sẽ không có cái 'của-ta'. Để coi thảo luận chỗ này đầy đủ hơn, mời coi lại chú thích số 75 ở trên ở đầu kinh 22:55 ở trên.] (135)

136 [Spk: Ngay cả khi sự nghi-ngờ (vicikicchā) không tồn tại trong các tâm

(citta) dính với dục-vọng, thì 'sự tạo-tác sự nghi-ngờ' vẫn khởi sinh bởi vì dục-vọng chưa được dẹp bỏ. Vì sự nghi-ngờ vẫn còn khởi sinh trong người chưa trừ bỏ dục-vọng.] (136)

137 [Như vậy, bài kinh này giải thích về sự minh-sát (thiền quán), bằng 23

trường hợp, dẫn tới đỉnh cáo là thánh quả A-la-hán.] (137)

138 [Toàn bộ lời bài kinh này cũng nằm trong kinh MN 109.] (138)

139 [Ime … pañcupādānakkhandhā chandamūlakā. Spk giải nghĩa chữ chan-

damūlakā (bắt rễ từ tham muốn) là taṇhā-chandamūlakā (bắt rễ từ tham muốn và dục vọng). Về cách năm-uẩn bắt nguồn từ dục-vọng, coi lại kinh SN 22:05 và chú thích số 30 của nó.] (139)

140 [Phần hỏi đáp này cũng có trong kinh MN 109, mục 6 và MN 44, mục 6;

coi thêm kinh SN 22:121 ở dưới.

- Spk: "Sự dính-chấp không phải là một với năm-uẩn bị dính chấp": bởi vì năm-uẩn đơn giản được quy gọn thành 'tham-muốn và nhục-dục'; "nhưng sự dính-chấp cũng không phải khác với năm-uẩn bị dính chấp": bởi vì không có sự dính-chấp nào khác ngoài các uẩn là một yếu-tố đồng sinh hay một đối- tượng. Khi một tâm (citta) có dính dục-vọng xảy ra, thì thể sắc được sinh ra bởi tâm đó là thuộc về sắc-uẩn, và những trạng thái tâm còn lại là thuộc về 4 uẩn kia: như vậy không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như những yếu-tố đồng sinh (với uẩn). [Ngoại trừ dục-vọng, bởi vì dục-vọng là cái dính chấp theo các uẩn, và một yếu-tố thuộc tâm không thể tự dính chấp vào chính nó]. Rồi, tương tự, cũng không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như một đối-tượng, bởi vì khi sự dính-chấp khởi sinh nó lấy một uẩn làm đối- tượng, chẳng hạn như sắc-uẩn.] (140)

141 ["Cho sự thể-hiện của uẩn sắc-thân" (rūpakkhandhassa paññāpanāya).

Có lẽ nên dịch câu này là "cho sự mô-tả về sắc uẩn". Chữ paññāpana nghĩa gốc là sự "làm cho biết, làm cho thấy" và thứ "được làm cho biết, được làm cho thấy" bằng cách thể hiện ra hay bằng cách được mô tả (để người ta biết hay thấy). (141)

142 [Tôi chọn cách ghi trong đoạn song hành của kinh MN 109, mục 14, là

anattakatāni kammāni kam attānaṃ phusissanti. Trong kinh SN này, phiên bản Be và Se ghi là katham attānaṃ, và Ee ghi là katam attānaṃ, có lẽ đều nên được chỉnh lại là kam attānaṃ. Spk không nói gì về chỗ này nhưng luận giảng MA thì giải thích rằng: vị Tỳ kheo này đã bị trượt rớt vào quan điểm bất-diệt (thường kiến; tức đã nghĩ rằng có một cái 'ta' hay 'bản ngã' thường hằng.] (142)

143 [Nguyên văn cả câu này: Paṭipucchā-vinītā kho me tumhe bhikkhave tatra

tatra tesu tesu dhammesu. Cách ghi trong phiên bản Ee, và trong kinh MN

(phiên bản Ee) nên được sửa lại cho đúng như vầy. Chỗ này luận giảng MA về bộ kinh MN và cả Spk đều không đưa ra sự chú giải nào, nhưng chúng ta cũng dễ thấy rằng "sự chỉ dạy thông qua vấn-đáp" là phương pháp hỏi-đáp được dùng như trong đoạn kế tiếp.] (143)

144 [(Đoạn cuối người dịch Việt ghi đầy đủ như trong kinh MN 109 để người đọc đọc đủ luôn). [Kinh MN 109 kết luận rằng, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của 60 vị Tỳ kheo đã được giải-thoát khỏi mọi ô- nhiễm. Còn Spk thì ghi rằng, vào lúc kết thúc mỗi bài kinh trong NHÓM 3 này có 500 Tỳ kheo đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Phần thi kệ cuối kinh này chỉ có trong phiên bản Be và Ee, nhưng không có trong Se và cũng không có trong kinh MN 109.] (144)

145 [Thầy Phú-lâu-na được Phật cho là bậc đệ nhất về thuyết pháp, coi kinh

AN 1:196. Về thầy Phú-lâu-na, coi thêm kinh SN 14:15.] (145)

146 [Chữ upādāya có một nghĩa kép nên rất khó 'bắt' được nghĩa khi dịch chỗ này. Khi ở thể tuyệt đối là upādiyati nó có nghĩa là "đã dính chấp vào/theo" (cái gì), nhưng nó cũng có nghĩa thành ngữ là "xuất thân từ, có từ, tùy thuộc vào" như trong cách diễn đạt của câu catunnañ ca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ (sắc xuất thân từ bốn yếu tố tứ-đại). Ngay chỗ này thì tôi dịch là "bằng sự dính-chấp vào" với giả định nghĩa đen này là nghĩa chính, nhưng Spk thì cứ nhấn mạnh nghĩa thành ngữ của nó bằng lời chú giải như vầy: Upādāyā ti āgamma ārabbha sandhāya paṭicca; trong đó "chữ upādāya: phụ thuộc vào, dựa trên, dựa trên căn bản, tùy thuộc vào (mà có)". Ví dụ cái gương có thể ủng hộ nghĩa này, và cả hai nghĩa đều có lẽ có ý nói rằng: Một người trẻ soi nhìn hình ảnh của mình (trong gương) bằng sự quan-tâm tới diện mạo của cá nhân mình ["với sự dính-chấp"] và hình ảnh trở nên hiện thị tùy thuộc vào/ dựa vào cái gương (mà có). Cũng giống như vậy, một người nhìn nhận cái 'ta-là' với sự dính-chấp vào các uẩn như những thứ đối chiếu khách quan, cho nên cái ý-niệm về cái 'ta-là' khởi sinh (tức còn chấp theo các uẩn là còn có cái 'ta' (tự ngã) khởi sinh). Coi thêm kinh 22:151, ở đó lại tiếp tục có sự chơi chữ với 2-nghĩa của chữ upādāya này.] (146)

147 [Spk giải thích: nghĩa là thầy ấy đã thâm nhập Bốn Diệu Đế bằng trí-tuệ

và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (147)

148 [Coi kinh SN 21:09.] (148)

149 [Đoạn mô tả trạng thái một Tỳ kheo như vầy cũng có trong các kinh khác, ví dụ trong kinh 47:09, chú thích 139 và 47:13, chú thích 159 (Quyển 5).

- Spk không giải thích từ-nguyên của chữ madhurakajāto, chỉ giải thích câu đầu theo nghĩa là "Thân đã trở nên khó dụng, cứ nặng nề." Madhuraka có nghĩa là "ngọt, dễ chịu, quyến rũ", nhưng tôi đã dịch theo ý chú giải của PED là "như uống nước ngọt ngào mà có tẩm độc".

- Câu "các thứ không rõ ràng đối với tôi" là dịch câu "dhammā pi maṃ na paṭibhanti". Spk coi chữ dhammā là "những giáo pháp" và nó diễn dịch nghĩa là: "Ngay cả những giáo pháp không còn rõ ràng đối với tôi; những gì tôi học và nghiên cứu giờ không hiện ra". Có thể chữ dhammā (viết thường) ở đây chỉ mang nghĩa chung là những thứ, những sự (các pháp) chứ không chỉ riêng những giáo pháp. Vì vậy ở đây dịch nghĩa chung là "các thứ không còn rõ ràng đối với tôi". (Cách dịch này cũng áp dụng cho câu này trong các kinh khác nói trên).] (149)

150 [Spk nói: Thầy ấy không chỉ hài lòng, mà sau khi có được sự yên-ủi từ

Đức Phật, thầy ấy nỗ lực và phấn đấu tu tập (tinh cần), và thời gian sau thầy cũng được thiết lập trong thánh quả A-la-hán.] (150)

151 [TKBĐ: Lập trường của thầy này không hẳn là giống tư tưởng diệt-vong

khi chết (đoạn kiến), bởi thầy ấy không cho rằng mọi chúng sinh đều bị hủy diệt sau khi chết. Dường như thầy ấy có (i) quan-điểm trường tồn bất-diệt (thường kiến) đối với những chúng sinh không giác ngộ [do họ có một bản ngã trường tồn di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác] và (ii) quan-điểm tự diệt-vong đối với A-la-hán [do A-la-hán hoàn toàn tịch diệt sau khi chết].

- Spk nói: nếu ý của thầy ấy là "Những sự tạo-tác cố ý (hành) sinh rồi diệt; đó là một tiến trình đơn giản của những sự tạo-tác đạt tới sự không-còn xảy ra", thì đó không phải là một quan-điểm (diṭṭhigata) mà là một sự-biết đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do thầy ấy nghĩ "Một chúng sinh sẽ bị tiêu diệt và hủy diệt", nên ý này là một quan-điểm.

- Phần tiếp tục của kinh là song hành tương ứng với kinh MN 22, 38.] (151)

152 [Spk chú giải: Sau phần chỉ dạy giáo lý về 03 đặc-tính chỗ này, thầy

Yamaka chứng Nhập-lưu. Thầy Xá-lợi-phất đã hỏi những câu hỏi sau đây để sát hạch thầy Yamaka và để cho thầy Yamaka chứng tỏ rằng mình đã từ bỏ cái quan-điểm sai trái đó của mình (vì phải trừ bỏ tà-kiến và có được chánh- kiến mới có thể Nhập-lưu) .

- Spk giải nghĩa chữ tathāgata ở đây là một 'chúng sinh' (satta), điều này tôi thấy không thỏa đáng. Tôi coi chủ-đề của cuộc thảo luận ở đây không phải là một 'chúng sinh' mà là về 'A-la-hán' được nhìn nhận là một chúng sinh, như một bản ngã thực chất có tự

tính. Như vậy phần vấn-đáp này đã cho thấy thầy Yamaka đã dẹp bỏ cái quan-điểm có danh-tính (thân kiến; sakkāyadiṭṭhi) của mình, và bằng cách đó quan-điểm của thầy ấy về "A-la-hán là một cái 'ta' trải qua sự diệt-vong" cũng được dẹp bỏ.

- Chúng ta tìm thấy có sự chuyển đổi tương tự từ A-la-hán (vimuttacitta

bhikkhu; Tỳ kheo có tâm giải thoát) sang Như Lai (Tathāgata) như trong kinh MN 1.] (152)

153 [03 mệnh đề khả dĩ đầu tiên (1), (2), (3)—coi từng uẩn là Như Lai, Như

Lai là ở trong các uẩn, và Như Lai là khác với các uẩn—là tương ứng với 03 kiểu nhìn-nhận trong kinh Mūlapariyāya Sutta (MN 1), và chúng được nói trong liên hệ với những cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) trong các kinh SN 35:30, 35:31 (Quyển 4). Mệnh đề thứ tư (4) thì coi sự kết hợp năm-uẩn là Như Lai; thứ năm (5) là coi Như Lai là vượt trên, không liên hệ gì các uẩn. Những kiểu nhìn-nhận này có thể cũng liên quan với 20 loại quan-điểm có danh-tính (thân kiến).] (153)

154 [Nguyên văn câu này: Diṭṭh' eva dhamme saccato thetato tathāgato anupalabbhiyamāno. So sánh với câu trong kinh MN 22, mục (?): Attani ca bhikkhave attaniye ca saccato thetato anupalabbhamāne; và trong MN 22, mục (?): Diṭṭh' evāhaṃ bhikkhave dhamme tathāgataṃ ananuvejjo ti vadāmi. (Mời qúy vị đọc lại kinh MN 22 để thấy ý so sánh).]

- (Toàn bộ chỗ đoạn này nghĩa là: cái 'năm-uẩn' không phải là 'bản thân' hay cái 'ta' (ngã). Không có 'bản thân' (bản ngã, danh tính) nào của Như Lai

hay của Tỳ kheo A-la-hán bị tiêu hủy và hủy diệt cả khi chết cả, chỉ có cái sự 'năm-uẩn' khi hợp thì có khi, hết hợp thì tan, mà thôi).] (154)

155 [Y hệt chú thích cuối kinh 22:83 ở trên: (Spk: thầy ấy đã thâm nhập Bốn

Diệu Đế bằng trí-tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu).] (155)

156 [Đoạn này có thể đọc như một sự giải nghĩa về câu cách-ngôn nổi tiếng

của Phật: "Ta chỉ cho thấy [chỉ dạy về] sự khổ và sự chấm-dứt khổ", coi câu này ở cuối kinh SN 22:86 kế dưới.] (156)

157 [Ee ghi chữ này là daheyya, có lẽ đúng hơn là saddaheyya như Be và Se

đã ghi.] (157)

158 [Spk diễn dịch ví dụ: (i) Người phàm tục không được chỉ dạy dính trong

vòng luân-hồi giống như người gia chủ cả tin trong ví dụ này, năm-uẩn mong manh vô thường giống như kẻ thù sát thủ. (ii) Khi kẻ thù tới gặp mở lời muốn phục vụ ông chủ, đó giống như lúc năm-uẩn đã được thu nạp vào lúc tái-sinh. (iii) Khi ông chủ coi kẻ thù là bạn hữu, đó giống như lúc người phàm tục nắm giữ năm-uẩn, nghĩ rằng "Chúng là của-ta". (iv) Vinh dự ông chủ ban cho kẻ thù giống như người phàm tục dung dưỡng

năm-uẩn bằng cách trân quý nó, tắm rửa nó, cho nó ăn uống, chăm sóc nó ... suốt đời. (v) Kẻ sát hại ông chủ thì giống như sự hủy diệt sự sống của người phàm tục khi năm-uẩn tan rã.] (158)

159 [04 đoạn b, c, d, e cũng có trong kinh SN 22:55 ở trên.] (159)

160 [Chỗ này mời coi lại chỗ SN 12:15 (Quyển 2) với các chú thích số 31 và

32 trong đó.] (160)

161 [Câu cuối cùng này không có trong phiên bản Be.] (161)

162 [Lời bài kinh này cũng có trong SN 44:02 có ghi đầy đủ những vấn-đáp;

kinh SN 22:86 này thì ghi tóm lược hơn]. (Lưu ý: ngài Anurādha (A-nu-ra- đa) dễ bị đọc nhầm là ngài Anurudha (A-nậu-lâu-đà).] (162)

163 [Nguyên văn câu này là: Tathāgato uttamapuriso paramapuriso parama-

pattipatto. Điều này nên xác lập rằng "Như Lai" ở đây không phải là "một chúng sinh" mà là một vị Phật hay một A-la-hán; cách diễn đạt này cũng có

trong kinh SN 44:09 (Quyển 4). Bốn trường hợp giả định này đều bắt rễ từ một khái-niệm rằng Như Lai là một 'người', một cái 'ta' hay 'tự ngã'. Những luận giảng luận giải: trường hợp 1 là tư tưởng bất-diệt (thường kiến), trường hợp 2 là tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), trường hợp 3 là tư tưởng hỗ-lốn (gộp chung; 1 phần của tư tưởng bất-diệt), và trường hợp 4 là tư tưởng hoài-nghi lảng tránh.

- Toàn bộ 02 chương trong bộ kinh SN là Vacchagotta-saṃyutta [SN 33] và chương Abyākata-saṃyutta [SN 44] là nói về những trường hợp giải định này. Coi thêm kinh 16:12.] (163)

164 [Spk diễn dịch đại ý rằng: Nên nói rằng: nếu thầy Anurādha trả lời mà còn

đề cập lại 04 trường hợp mà họ đã hỏi, thì chúng giống như những kẻ thù của Giáo Pháp. Phật không bao giờ mô tả [một Như Lai] theo cách họ đã hỏi. Phật chắc hẳn đã mô tả về một Như Lai theo cách khác.] (164)

165 [Câu cách-ngôn của Phật có thể được diễn dịch ở 02 mức độ. (1) Ở mức

độ nông cạn hơn: có thể hiểu Phật không tuyên bố để trả lời những câu hỏi siêu hình như về kiếp sau ... mà Phật chỉ giảng dạy về con-đường tu tập thiết thực để đạt tới sự chấm-dứt khổ ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]. Tuy nhiên, sự diễn dịch này lại không kết nối cách-ngôn này với lời tuyên bố trước đó của Phật rằng "Như Lai" là "không nắm bắt được" ngay trong kiếp này. (2) Để kết nối được chỗ này, chúng ta phải đưa ra sự diễn dịch thứ hai theo đó "Như Lai" chỉ đơn thuần là một danh từ quy ước được dùng để chỉ "một tổ-hợp của những sự tạo-tác vô thường", tổ hợp đó là "khổ" bởi chúng không có một bản-thể thường hằng nào cả. Chúng chỉ có mặt khi Như Lai còn sống, và chúng chỉ chấm dứt khi Như Lai qua đời. (Chứ không có cái 'Như Lai' nào trở

thành này thành nọ sau khi chết). Ngữ cảnh trong kinh MN 22, từ mục 30 cũng ủng hộ cách diễn dịch thứ hai này.] (165)

166 [Thầy Vakkali được Phật tuyên bố là đệ nhất (trong số những đệ tử) có niềm-tin bất thối chuyển (etadaggaṃ saddhādhimuttānaṃ) như trong kinh AN 1:208.] (166)

167 [Cử động, cựa mình, muốn ngồi dậy ... là để tỏ lòng kính trọng và chào

đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và lời đoạn kinh tiếp theo cũng giống lời trong kinh SN 35:74 (Quyển 4).] (167)

Chú Thích • 361

168 [Nguyên văn hai câu này là: Yo kho Vakkali dhammaṃpassati, somaṃpas-

sati. Yomaṃpassati, so dhammaṃ passati. Spk chú giải như vầy: "Ở đây Đức Thế Tôn đã cho thấy [bản thân mình là] thân Giáo Pháp (Pháp thân), như đã được ghi trong câu 'Này đại vương, Như Lai là thân Giáo Pháp.' Bởi vì 09 Giáo Pháp siêu thế là thân của Như Lai."] Tôi không thể truy ra trong Kinh tạng hay Luật tạng có câu nào giống như câu mới được Spk dẫn ra. Spk có lẽ đã trích nhầm từ kinh dài DN III 84,23–24 (?), câu đó thực ra là: "Này Vāseṭṭha, bởi vì đây là một cách để chỉ (mô tả) Như Lai, đó là, thân Giáo Pháp..." (tathāgatassa h' etaṃ Vāseṭṭha adhivacanaṃ dhammakāyo iti pi...). Về 09 Giáo Pháp siêu thế [đó là: 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết- bàn] mời coi thêm chú thích số 51 ở trên.

- Mặc dù mệnh đề thứ hai có lẽ đơn giản nói rằng 'bằng cách nhìn thấy thân của Phật là nhìn thấy Giáo Pháp', nhưng chắc chắc ý nghĩa là: 'để thực sự thấy Phật thì người tu nên nhìn thấy Giáo Pháp, (đó) là sự-thật mà người tu cần giác ngộ tới.' Vì vậy đoạn vấn-đáp kế tiếp là chủ ý hướng dẫn thầy Vak- kali đạt đến sự chứng ngộ.] (168)

169 [Chỗ đó là cùng chỗ thầy Godhika đã tự kết liễu thân mình và bát niết-

bàn, như trong kinh SN 4:23 (Quyển 1).] (169)

170 [(Nghĩa là = giải thoát khỏi thân, bằng cách tự kết liễu thân bệnh đau đớn

của mình). Ý định giải-phóng: vimokkhāya ceteti. Spk giải thích: là để đạt tới sự giải-phóng của đạo (magga-vimokkhatthāya). Mặc dù chữ vimokkha và vimutti đều có cùng có tiếp đầu ngữ (vi + muc) nhưng chúng thường xuất hiện trong những ngữ cảnh khác nhau. Để khỏi lẫn lộn, tôi (TKBĐ) dịch chữ trước là "giải-phóng" và chữ sau là "giải thoát". Thật sự trong lời kinh ở đây chúng là đồng nghĩa nhau.] (170)

171 [(Tức: giải thoát, và lập tức chứng thánh quả A-la-hán). Nguyên văn cụm

chữ: suvimutto vimuccissati. Spk: nghĩa là thầy ấy sẽ được giải thoát bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Những thiên thần đã nói như vậy bởi vì họ biết "Dù thầy ấy phát khởi sự minh-sát theo cách thức nào, thầy ấy sẽ lập tức chứng quả A-la-hán."] (171)

172 [TKBĐ: khi nhờ thưa với Phật bằng những lời như trên, thầy Vikkali đã

chứng tỏ mình đã chứng ngộ quả A-la-hán; mặc dù Spk không khẳng định

lúc đó thầy ấy đã là vậy, nhưng dựa theo lời kinh thì khó mà nói giảng luận Spk là đúng.

- Để biết thêm chuyện về các Tỳ kheo khác cũng tự kết liễu thân bệnh của mình cũng nghĩ mình đã là một A-la-hán, mời coi kinh SN 35:87 (Quyển 4) về thầy Channa.

- Thầy Godhika trong kinh SN 4:23 (Quyển 1, và coi thêm các chú thích của nó) đã tự sát những không có niềm tin mình đã là A-la-hán nhưng chỉ vì sự tuyệt vọng với sự bệnh đau quá sức chịu đựng của thân. Tuy nhiên. thấy ấy rốt cuộc cũng chứng thánh quả A-la-hán ngay khi chết. Về trình tự từ tự sát cho đến chứng quả A-la-hán của thầy Godhika, mời đọc lại kinh SN 4:23 và các chú thích số 313, 314 trong Quyển 1.] (172)

173 [TKBĐ: tôi đọc câu này theo Be ghi là: gelañña passambhetvā passambhetvā kāysaṇkhāre viharāmi, so 'haṃ samādhiṃ nappaṭilabhāmi. Ở đây 'những sự tạo-tác của thân' chính là = "sự thở-vào và thở-ra" (assāsa- passāsa); coi thêm kinh MN 44, mục 13-21 (tức = SN 41:06).

- Spk chú giải rằng: Người tu duy trì sự lắng lặn của 'sự thở vào-thở ra' khi người tu đang an trú trong tầng thiền định thứ tư, trong trạng thái đó hơi-thở đã ngưng thở [SN 36:11]. Do người tu đó bị rớt ra khỏi tất cả các trạng thái tầng thiền định mà mình đã từng chứng nhập trước đó, nên người đó cứ lo nghĩ "Ta sẽ bị không rớt khỏi Giáo Pháp này."] (173)

174 [Spk diễn dịch nghĩa chỗ này là: Như Phật đã từng nói: "Trong Giáo Pháp

của ta, đó [sự định-tâm] không phải là cốt lõi; cốt lõi là minh-sát, thánh đạo, và thánh quả." (Samādhisārakā samādhisāmaññā ti samādhiṃ yeva sārañ ca sāmaññañ ca maññanti.)] (174)

175 [Spk nói rằng, khi hết phần Đức Phật nói về "03 đặc-tính" (vô-thường,

khổ, vô-ngã) như trên, thầy Assaji đã chứng thánh quả A-la-hán. Nhưng Phật tiếp tục nói thêm đoạn kinh mẫu này là để chỉ ra "sự an-trú thường xuyên" của một A-la-hán. Đoạn kinh mẫu tiếp theo từ (3)-(5) hết kinh cũng có ghi trong kinh 12:51 (Quyển 1) chỉ khác ví dụ; và trong các kinh 22:88 (Quyển 3) và 54:08 (Quyển 4) với cùng ví dụ; và cũng có trong kinh MN 140, mục 23-24 với cùng ví dụ.] (175)

176 [Đoạn này nêu rõ sự khác-nhau cốt lõi giữa bậc học-nhân (sekha) và A-la-

hán. Bậc học-nhân đã loại bỏ cái quan-điểm có danh-tính (thân kiến) và do vậy không còn nhìn nhận bất kỳ uẩn nào là cái 'ta', nhưng họ vẫn chưa loại bỏ vô-minh, vô-minh còn duy trì tàn dư hơi hướng của sự tự-ta (ngã mạn) và sự tham muốn cái 'ta' (anusahagato asmı ti māno asmı ti chando) trong liên quan với năm-uẩn. Ngược lại, bậc A-la-hán thì đã bứng sạch vô-minh, là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do vậy

không còn dung dưỡng ý tưởng nào về cái ‘ta’ hay ‘của-ta’. Những trưởng lão kia rõ ràng chưa chứng ngộ tầng giác-ngộ nào và do vậy không hiểu được sự khác-nhau này; nhưng Ngài Khemaka chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất thánh quả Nhập-lưu [Spk-pṭ: một số người cho rằng ngài đã là bậc thánh Bất-lai, số khác cho rằng ngài là Nhất- lai] và do vậy ngài đã biết rõ sự loại bỏ quan-điểm về danh-tính chưa hẳn là đã loại bỏ hết cái cảm-nhận về ‘danh-tính cá nhân’ của mình. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì “cái mùi chủ-thể” dựa trên năm-uẩn vẫn còn phảng phất trong khắp sự trải nghiệm của mình.] (176)

177 [Chữ này tôi chọn theo cách ghi của SS là vaṇṭassa; cả 03 phiên bản kia

đều ghi là vaṇṇassa.] (177)

178 [Spk: Tiến trình tâm của người phàm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. Ba phần tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như ba loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng ba loại chất tẩy [và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán]. Toàn bộ ô-nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la- hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng giống như mùi của nước tẩy hay xà bông còn phảng phất trên tấm vải đã sạch. Còn trí-biết ở chặng thánh đạo A- la-hán thì giống như một ngăn tủ thơm tho mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô-nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch mất cái mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải; sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần dần biến sạch luôn.”. (Sự biến-sạch cái tàn dư của “cảm-nhận về cái ‘ta’” chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).] (178)

179 [Spk nhận diện thầy Channa này chính là người lái xe ngựa của Đức Phật

(lúc còn là thái tử) đã đưa Phật ra khỏi kinh thành vào cái đêm thực hiện cuộc

xuất-gia mãi mãi của Phật. Channa đã thụ giới thành Tỳ kheo, nhưng do ỷ lại vào mối quan hệ thân cận của mình với Phật, thầy ấy thường tư cao tự đại, thị uy và ăn nói gắt gỏng với các Tỳ kheo khác. Không lâu trước khi Phật bát- niết-bàn, Phật đã chỉ dụ cho Tăng Đoàn áp đặt hình phạt brahma-daṇḍa [một hình thức cảnh cáo im lặng; coi kinh DN II 154,18–23]. (Theo nhà sư W. Rahula, “brahma” là thuộc bậc Trời, cao quý; ‘-danda’ có nghĩa là cây gậy, gậy gộc, hình phạt. “Brahma-danda” có nghĩa là hình phạt dành cho các bậc cao quý). Giờ, khi Channa nhận ra mình bị Tăng Đoàn coi là thành phần bất- xứng, thầy ấy thấy run sợ bởi sự cảm-nhận cấp-bách (saṃvega) phải mau chóng tu tập mới có thể giác ngộ. Đó là hoàn cảnh của bài kinh khi thầy ấy bắt đầu đi thỉnh cầu những bậc trưởng lão chỉ giáo cho mình tu tập.] (179)

180 [Spk: Mọi sự tạo-tác trong ba cõi/cảnh giới (sabbe tebhūmakā saṅkhārā) là vô thường; mọi hiện-tượng trong bốn cõi (sabbe catubhūmakā dhammā) đều vô ngã. Vì sao các Tỳ kheo không đề cập luôn đặc tính “khổ”? Do họ nghĩ “Channa là người hay tranh cãi. Nếu nói tới “khổ” thầy ấy sẽ cãi và có thể nói ngang kiểu như: ‘Nếu sắc uẩn,

thọ uẩn… đều là khổ thì đạo và quả cũng là khổ, vậy người tu chẳng chứng đắc được gì ngoài sự khổ…' Do vậy họ chỉ nói về vô thường và vô ngã để khỏi bị bắt bẻ.

- Coi thêm kinh MN I 228,10–14, 230,5–8 (?), trong đó chỉ đề cập về tính "vô thường" và "vô ngã" trong bối cảnh mọi người rõ ràng đang tranh cãi. Luận giảng về đoạn kinh đó cũng đưa ra giải thích tương tự như trên về lý do không nhắc đến "khổ".] (180)

181 [Nguyên văn câu này: Atha ko carahi me attā. Spk diễn dịch rằng: Nghe

nói rằng vị trưởng lão này đã bắt đầu tu tập thiền minh-sát mà chưa phân biệt được những điều-kiện (các duyên tạo ra năm-uẩn). Sự minh-sát yếu ớt của thầy ấy đã không thể loại bỏ được sự nắm-giữ cái 'ta' (attagāha), và do vậy khi những sự tạo-tác xuất hiện đối với thầy ấy là trống không, thì sự khích- động đã khởi lên trong thầy ấy cùng với quan điểm diệt-vong (đoạn kiến) rằng "Tôi sẽ bị hủy diệt, tôi sẽ bị tiêu diệt". Thầy ấy thấy mình đang rớt xuống vực thẳm. [Spk-pṭ: Sự khích-động thông qua sự sợ-hãi (bhayaparitassanā) và sự dính-chấp theo những tà-kiến (diṭṭh' upādāna) đã khởi lên trong thầy ấy thông qua ý nghĩ: "Nếu những những hiện-tượng là vô-ngã, vậy thì những hành-động được làm bởi thứ vô-ngã tác động tới cái

'ngã' nào?" [coi thêm kinh 22:82 và chú thích 142 ở trên]. Sự phân-biệt hay sự nhận-biết những điều-kiện (duyên) (paccayapariggaha) là một giai đoạn tu tập sự minh-sát trong đó người thiền khám phá những điều-kiện làm khởi sinh năm-uẩn [coi thêm Vism, chương 9]. Theo trình tự đúng đắn của sự tu tập, thì giai đoạn này nên dẫn trước sự điều-tra về năm-uẩn là 'vô thường, khổ và vô-ngã'.] (181)

182 [Sự cằn-cỗi (khilaṃ pabhindi). Kinh trung MN 16, mục 3-7, có đề cập tới

05 sự cằn-cỗi của tâm = 05 sự hoang-dại của tâm (cetokhila). Vấn đề của thầy Channa ở đây có lẽ cái thứ năm, đó là "sự tức-giận và khó-chịu với những Tỳ kheo đồng đạo của mình" (bởi trước giờ thầy Channa thường hay 'cao ngạo và khinh thường' đối với các Tỳ kheo khác do nghĩ mình từng là người lái xe ngựa thân cận của Phật khi Phật còn là thái tử).] (182)

183 [Thầy Ānanda chọn kinh Kaccānagotta Sutta [SN 12:15 (Quyển 2)] là rất

thích hợp, vì kinh này dạy về cách 'sự khởi-sinh tùy thuộc' đối ngược với 02 quan-điểm cực đoan là tư tưởng bất-diệt (thường kiến) và tư tưởng diệt-vong (ngã kiến), và thay thế cách-nhìn có cái 'ta' (ngã kiến) bằng sự chứng ngộ lẽ- thực rằng 'chỉ có khổ sinh và khổ diệt' mà thôi.] (183)

184 [Kinh 22:92 này là giống nội dung kinh SN 18:21 và 18:22 (Quyển 2).

Còn kinh 22:93 kế tiếp là giống nội dung kinh SN 22:71 và 22:72 (Quyển 3 này). Nếu cần mời coi các chú thích ở trong các kinh trước.] (184)

185 [Ngay chỗ này và đoạn sau đây, bài kinh này đưa ra một luận điểm đối-

ngược với thông điệp của kinh Kaccānagotta Sutta [SN 12:15 (Quyển 2)]. Ở đây Đức Phật nhấn mạnh rằng Phật không từ chối tất cả những giả-định thuộc bản thể học, mà chỉ từ chối những giả-định vượt ra khỏi giới hạn của sự trải nghiệm khả thi. Trong khi kinh Kaccānagotta Sutta chỉ ra rằng "giáo lý trung-đạo" loại bỏ những quan-niệm cố định và mang tính thực thể về sự hiện-hữu và sự không hiện-hữu, thì bài kinh này lại cho chỉ rằng "giáo lý trung-đạo" có thể dung dưỡng những tuyên bố rõ ràng về những vấn đề bản thể học này. Ở đây sự khẳng định về sự hiện-hữu của năm-uẩn, như một tiến trình vô thường, là như một cú đáp-trả cho những thuyết hư ảo cho rằng thế giới không có những sự hiện-hữu thực.] (185)

366 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

186 [Spk: 'hiện-tượng thế giới' hay 'pháp thế gian' ở đây là chỉ: năm-uẩn;

'trong thế giới': là trong thế giới của những sự tạo-tác, trong thế giới các hành (saṇkhāra-loka). Năm uẩn chính là = hiện-tượng thế giới hay pháp thế gian. Spk chú giải: Năm-uẩn được gọi như vậy do bản chất của chúng là sẽ bị tan rã (lujjanasabhāvattā). Chữ loka xuất phát từ chữ lujjati như đã nói trong kinh SN 35:82. Về mặt từ nguyên thì không chấp nhận suy theo nghĩa đen như vậy, nhưng ở đây chỉ dùng cho mục đích sư phạm (dùng để chỉ dạy)] (186)

187 [Spk chú giải: Kinh này có 03 loại 'thế giới' hay 'thế gian' được nói đến

(bởi cùng một chữ loka). Khi nói "Ta không tranh chấp với thế gian" thì đó là thế giới của chúng sinh (sattaloka). "Một hiện-tượng thế giới": đây là chỉ thế giới của những sự tạo-tác (saṅkhāraloka). "Như Lai đã được sinh ra trong thế gian": nghĩa là trong thế giới địa lý (okāsaloka), tức địa cầu này. Ee đã bỏ chữ loke jāto, chắc hẳn là do vô ý.

- Ví dụ hoa sen sinh ra và lớn lên từ nước này để tả về Như Lai cũng có trong kinh AN 4:36, đoạn (4).] (187)

188 [Spk: lúc này Phật ra khỏi chỗ ẩn cư là 'Hương Thất' và đến ngồi bên bờ

sông Hằng. Phật nhìn thấy một đống bọt-nước trên sông và quyết định "Ta sẽ làm một bài giảng Giáo Pháp về năm-uẩn" cho những Tỳ kheo đang ngồi xung quanh Phật. Bài kinh này là một bài giảng 'triệt để tận gốc' nhất về bản chất rỗng-không của những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi); hình ảnh của bản chất rỗng-không đó [đặc biệt trong những ví dụ về ảo-ảnh và màn ảo-thuật] đã được vận dụng bởi những nhà tư duy Phật giáo thời sau Phật, nhiều nhất là những người theo Trung Quán Luận (Mādhyamika). Một số hình ảnh ví dụ cũng được thấy trong các kinh khác, chẳng hạn như trong Dhp 46, Dhp 170.

- Trong bối cảnh của Phật giáo tiền thân, những ví dụ này đã được xử trí một cách cẩn thận. Chúng không được nói ra với chủ ý như một 'quan-điểm hư ảo' về thế giới, mà chỉ để chỉ ra rằng: 'những quan-niệm của chúng ta về thế giới' và 'những quan-niệm về sự hiện-hữu của chúng ta' phần lớn là bị méo mó xuyên tạc bởi 'tiến trình nhận-biết' của chúng ta mà thôi. Giống như ảo- ảnh và màn ảo-thuật là dựa trên những thứ có thật trong đời thật—như cát có

thật trong sa mạc, những dụng cụ có thật của nhà ảo thuật—cũng tương tự vậy, những quan-niệm sai lầm phát sinh từ một cơ-sở khách quan có thật, đó là năm-uẩn; nhưng khi được nhìn thấy thông qua một cái tâm bị tùy thuộc vào sự méo mó đảo điên thuộc về khái niệm, thì năm-uẩn hiện ra theo một cách sai lệch khác hẳn với "bản chất thực" của chúng". Thay vì được thấy là vô-thường và vô-ngã (đúng như chúng thực là) thì chúng lại được (con người) nhìn thấy như một thực-thể tự tính và như một 'bản ngã' thường hằng.] (188)

189 [Spk chú giải rất dài về cách thể-sắc (sắc-thân) giống như một đống bọt-

nước (pheṇapiṇḍa). Tôi chỉ dẫn ra những câu chính: vì đống bọt-nước không có thực chất (sāra) gì, sắc-thân cũng không có thực chất nào là thường hằng, chắc chắn, ổn định, hay một thực ngã; vì đống bọt-nước có đầy lổ rỗng và nứt nẻ và làm nơi trú ẩn cho nhiều vi thứ vi sinh (ấu trùng, vi trùng nằm trong đó), thân người cũng giống vậy; vì đống bọt-nước tới lúc giãn ra cũng là tan vỡ, thân người cũng giống vậy, cũng bị nghiền nát trong miệng của thần chết. Sự chú giải của Spk cũng có trong Vibh-a 32–35.] (189)

190 [Spk: Một bong-bóng nước (bubbuḷa) là yếu ớt mong manh và không thể

nắm bắt được, vì nó sẽ vỡ tan ngay khi đụng vào; cũng giống như cảm-giác là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được như thứ gì thường hằng và chắc chắn. Khi bong-bóng nước khởi sinh là lập tức vỡ tan khi có giọt mưa rớt xuống nó, cũng giống như cảm-giác: 100,000 koṭi cảm-giác khởi sinh và chấm dứt trong khoảng khắc bằng một cái búng ngón tay [1 koṭi = 10 triệu]. Vì bong-bóng nước khởi-sinh tùy thuộc vào những điều-kiện (duyên), cảm- giác cũng khởi-sinh tùy thuộc vào một cơ-sở cảm-nhận (giác quan), một đối- tượng, những ô-nhiễm, và sự tiếp-xúc.] (190)

191 [Spk: Nhận-thức giống như ảo-ảnh (marīcikā) theo cái nghĩa nó là không

có thực chất, bởi vì không thể nắm lấy một ảo-ảnh để uống hay tắm hay đổ vào bình. Vì ảo-ảnh đánh lừa, nhận-thức cũng đánh lừa gấp bộ lần như vậy, nó dụ dỗ người ta có ý nghĩa đó là một đối tượng đầy màu sắc, đẹp đẽ, đáng thích, và thường (mà thực ra là ngược lại).] (191)

192 [Nguyên văn chữ cuối: akukkukajātaṃ. Spk: Không có lõi cứng phát triển

ở bên trong (anto asañjātaghanadaṇḍakaṃ).] (192)

193 [Ví dụ thân-cây-chuối này cũng được dùng trong kinh MN 35, mục 22,

nhưng để diễn đạt một giáo-lý khác. Spk: Vì một thân cây-chuối (kadalikkhandha) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều lớp lớp vỏ xơ mềm, mỗi lớp mỗi đặc tính, cũng giống như tập-hợp những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều hiện-tượng, mỗi hiện-tượng mỗi đặc tính.] (193)

194 [Spk: Thức giống như màn ảo thuật (māyā) theo nghĩa nó là không thực,

không thực chất, và không thể nắm bắt được. Thức thậm chí còn biến đổi và biến hóa siêu nhanh hơn cả ảo-thuật hay ảo-tưởng. Vì nó tạo cảm-tưởng rằng một người đến đi, đứng ngồi, với cùng một cái tâm, nhưng thực ra trong mỗi hành vi đến, đi, đứng, ngồi với cùng mỗi tâm khác nhau. Thức đánh lừa gấp muôn vàn lần hơn cả màn ảo-thuật.

- Mời đọc thêm một bài luận hiện đại giảng giải một cách song hành như vậy về "bản chất đánh lừa" của thức, cũng được giảng giải dựa trên ví dụ này, bởi nhà sư Ñāṇananda, trong quyển "Ảo Thuật Gia của Cái Tâm", trang 5–7.] (194)

195 [Về ý nghĩa này, mời đọc lại một cách diễn đạt của Ngài Xá-lợi-phất trong

kinh MN 35, mục 27: ["Này đạo hữu, khi thân này bị tước đi ba trạng thái— sức-sống, nhiệt, và thức—thì nó thành thứ bỏ đi và vứt đi, nằm vô tri vô giác như một khúc cây."]. Tôi không thể dò ra câu nào tương đương được nói bởi chính Phật, chỉ thấy có diễn đạt trong kinh Pháp Cú, Dhp 41.] (195)

196 [Spk chú giải rằng: câu māyāyaṃ bālalāpinı (Là sự ảo-tưởng này, là kẻ

lừa bịp những người ngu dại) là chỉ riêng về thức-uẩn. Đống các-uẩn này là một kẻ sát hại theo 02 nghĩa: (i) bởi vì các uẩn sát hại lẫn nhau; và (ii) bởi vì kẻ sát hại xuất hiện tùy thuộc vào các uẩn. Cũng giống như vậy, (i) khi yếu-tố đất tan rã nó cũng kéo theo những yếu tố khác (nước, gió, lửa), và khi sắc- uẩn tan rã nó cũng kéo theo những uẩn thuộc tâm khác (thọ, tưởng, hành, thức). Cũng giống như vậy, (ii) khi các uẩn có mặt thì những thứ là kẻ sát- hại, sự trói-buộc, sự làm hư tổn … cũng có mặt. Về sự so sánh các uẩn như những kẻ sát-hại, mời coi thêm kinh 22:85 ở trên, đoạn (I), (f).] (196)

197 [Câu này đọc đúng là: divā vā yadi vā rattiṃ.] (197)

198 Spk giải thích như vầy: "Đời-sống thiêng liêng của đạo" khởi sinh làm

lắng lặn những sự tạo-tác trong 03 cõi. Nếu có chút thứ gì là thường-hằng thì cho dù thánh đạo có khởi sinh cũng không thể nào làm lắng lặn vòng luân-hồi của những sự tạo-tác. Và do vậy đời-sống thiêng liêng (tu hành) sẽ không được nhận thấy (vì đâu có công dụng gì hay có nghĩa lý gì).] (198)

199 [Spk diễn nghĩa: Điều này được nói để chỉ ra rằng: "Nếu những sự tạo-tác

là thường hằng, thì sự thành đạt ta của ta khi là Vua Mahāsudassana đã là thường hằng". Về Vua Mahāsudassana, một kiếp tiền thân của Đức Phật, mòi coi kinh dài DN 17.] (199)

200 [Voi báu, ngựa báu, châu báu, phụ nữ đẹp, và tướng quân báu là 05 thứ

báu của một vị vua quay chuyển bánh xe (rājā cakkavattı; chuyển luân vương). Hai thứ khác mà Vua Mahāsudassana sở hữu là xe báu và người hàu báu; mời coi thêm chi tiết trong kinh DN II 172–77 (?). 07 báu cũng được nói trong kinh 46:42 (Quyển 5).] (200)

201 [Đoạn kinh từ câu “Trong 84.000 kinh thành đó…” cho tới cuối kinh cũng

được ghi trong kinh dài DN II 197–98 (?) nhưng trong kinh DN có thêm đoạn kết. Lời giảng về sự vô-thường ở đây cũng có ghi trong kinh 15:20 (Quyển 2).

- Spk diễn nghĩa: Sau khi chỉ ra sự thành đạt trong thời kiếp Phật là Vua Mahāsudassana, giờ Phật chỉ ra sự vô-thường của nó. Giống như mọt người đặt cái thang dựa vào cây to, leo lên đó, hái một bông hoa, và leo xuống; Phật đã leo lên câu chuyện về sự thành đạt của Vua Mahāsudassana, hái cái đặc tính vô-thường, và leo xuống.] (201)

202 [Tôi đọc chỗ này theo cách ghi của Se là khattiyā vā velāmikā vā. Spk giải

thích một velāmika là người được sinh ra có cha giai cấp chiến-sĩ và mẹ là bà-la-môn, hoặc đảo lại.] (202)

203 [Lời kinh thâm thúy quen thuộc này giống trong các kinh từ SN 15:01 …

trong Chương 15 “Liên Kết Vô-Thủy” (Quyển 2).] (203)

204 [Về sự hủy diệt thế giới bằng lửa, coi Vism 414–17 (Ppn 13:32–41).]

(204)

370 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

205 [Ví dụ con chó bị xích này cũng có trong kinh MN 102, mục 12. Spk:

Người phàm phu ngu tối giống như con chó bị xích; cách-nhìn của họ giống như sợi dây xích; cái ‘ta’ danh-tính (sakkāya) của họ giống như cái cột. Sự chạy quanh cái cột của con chó bởi bị xích dây cũng giống như sự chạy quanh cái ‘danh-tính’ của con người do bị trói buộc bởi dục-vọng và tà-kiến.] (205)

206 [Caraṇaṃ nāma cittaṃ. Chữ citta ở đây là tương đương chữ citra trong tiếng Phạn, nghĩa là bức họa. Ý nghĩa chính xác của cái tên của bức họa là không rõ ràng. Spk giải nghĩa đó là vicaraṇacitta = bức họa lang thang, [Spk-pṭ: bởi vì họ mang nó và lang thang trôi giạt cùng với nó], nhưng chữ caraṇa ở đây có nghĩa là ‘hành vi, cách hành xử’ như trong những ngữ cảnh khác. Spk diễn dịch: Saṅkha là một giáo phái dị giáo của những bà-la-môn. Họ dùng những tấm vải và cho vẽ những bức họa về những nơi-đến tốt và xấu để minh họa cho sự thành công và thất bại, rồi họ mang nó theo mình đi lang thang khắp nơi. Họ đưa cho người ta coi và giải thích “Nếu ai làm điều này sẽ lãnh hậu quả này; nếu ai làm việc kia sẽ lãnh hậu quả kia.”] (206)

207 [Nguyên văn cả câu: Tam pi … caraṇaṃ nāma cittaṃ citten’ eva cittitaṃ,

tena pi … caraṇena cittena cittañ̃eva cittataraṃ. Có những cách chơi chữ ở đây nên khó chuyển dịch thành công (ngay cả trong tiếng Phạn về vấn đề đó). Citta vừa là tâm (như trong tiếng Phạn) vừa là bức họa (= citra tiếng Phạn). Cittita [Ee ghi là: cintita] vừa có nghĩa là đã nghĩ ra [liên quan chữ citta, tâm] vừa có nghĩa là đa dạng [liên quan chữ citra, bức họa]. Tôi đã dùng câu cụm chữ “được thiết kế trong sự đa dạng của nó” để ‘bắt’ được’ cả 02 hàm nghĩa. Luận giảng As 64–65 đã trích dẫn đoạn này để thảo luận

cách cái tâm thiết kế thế giới (của nó).] (207)

208 [Nguyên văn cả câu này: Te pi … tīracchānagatā pāṇā citten’ eva cittitā,

tehi pi … tīracchānagatehi pāṇehi cittaññeva cittataraṃ. Đây cũng lại là một loạt những sự chơi chữ. Cái lý ở đây là: sự đa dạng của những sinh vật trong trong cảnh súc-sinh phản ảnh sự đa dạng của nghiệp quá khứ gây ra sự tái sinh thành (đa dạng, đủ loài, đủ loại…) súc-sinh, và đến lượt sự đa dạng của nghiệp xuất thân từ sự đa dạng của sự cố-ý (cetanā, tư), là một thành-tố của tâm. Luận giảng As 64–65 thảo luận rất dài về đoạn này.] (208)

Chú Thích • 371

209 [Ví dụ này cũng có ở kinh SN 12:64. Coi thêm chú thích số 173 trong

kinh đó.] (209)

210 [Đoạn thứ nhất này là giống = đoạn thứ nhất của kinh SN 12:23 (Quyển

2). Phần còn lại (I), (II), (III) đến hết kinh thì giống = kinh AN 7:71.] (210)

211 [Chỗ này liệt kê lại tổng cộng 37 phần tu trợ giúp dẫn tới sự giác-ngộ (tức

37 phần bồ-đề, hay 37 phần trợ đạo trong đạo Phật).] (211)

212 [Ví dụ con gà ấp trứng cũng có trong kinh MN 16, mục 27 và MN 53,

mục 19, nhưng được dùng cho những lý khác. Coi thêm Vin III 3–5.] (212)

213 [Đọc theo cách ghi của Be và Se là palagaṇḍassa. Spk giải nghĩa là =

vaḍḍhakissa.] (213)

214 [Ví dụ này giống ví dụ trong kinh SN 45:158 (Quyển 5).] (214)

215 [Tham-muốn giác quan hay nhục-dục (tham dục) được loại bỏ bởi thánh

đạo Bất-lai; tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), sự vô-minh (vô minh), và sự tự-ta (ngã mạn) được loại bỏ bởi thánh đạo A-la-hán.] (215)

216 [Ví dụ này và 06 ví dụ tiếp theo cũng được dùng trong các kinh 45:141–

47 (Quyển 5), nhưng cho những lý khác. Ví dụ về mặt trời mọc lên cũng có trong kinh 2:29 (Quyển 1).] (216)

217 [Spk giải nghĩa chữ antā (nghĩa gốc: đầu, đầu cuối) là = koṭṭhāsā và giải

thích rằng kinh này diễn dịch về năm uẩn theo cách diễn đạt bằng khuôn mẫu “Bốn Diệu Đế” (bốn sự thật).] (217)

218 [Spk giải nghĩa chữ pariññeyya (hoàn-toàn hiểu, liễu ngộ) là = samat-

ikkamitabba và chữ pariññā là = samatikkama; coi lại chú thích ở kinh SN 22:23 ở trên, chú thích số 41 ở đó. “Người đã hoàn-toàn hiểu” (pariññātāvī, người liễu ngộ) là cách diễn đạt theo quy ước; coi lại chú thích ở kinh ở kinh SN 22:22 ở trên, chú thích số 37,

đoạn (2) của nó.] (218)

219 [Spk nói: sự tiêu diệt tham, sân, si chính là Niết-bàn.] (219)

372 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

220 [Học giả Woodward trong KS 3:136 đã nói kinh này giống hệt kinh kế

trên, nhưng thực ra không phải, kinh này có thêm cụm chữ samudayañ ca atthaṅgamañ ca (nguồn-gốc, sự biến-diệt).] (220)

221 [Để ý: trong bài kinh kế trên (22:109) nói về bậc "Nhập-lưu", Phật đã

định nghĩa và gọi là 'một người đệ tử thánh thiện': là người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa diệt sạch những ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong bài kinh này (22:110) [và những kinh khác] thì Phật luôn gọi bậc "A-la-hán" [cũng như các danh từ "người đã giải thoát", "người đã niết- bàn"] là 'một Tỳ kheo'.] (221)

222 [Coi thêm kinh SN 12:16.] (222)

223 [Chỗ này tôi đọc theo Be ghi là baddho jıyati (người lớn già hay già đi

trong sự rang-buộc) khác với Se và Ee ghi là baddho jāyati (người được sinh ra trong sự ràng-buộc).] (223)

224 [Tên kinh trong phiên bản Ee là Parimucchita (Giải Thoát), nó nên được

sửa lại thành chữ Paripucchita (Sự Vấn Hỏi, Sự Chất Vấn)] (224)

225 [Danh sách các tính từ này cũng được thấy trong các kinh khác của các bộ

kinh MN và AN. 11 một tính từ này lại được mở rộng thành 40 trong luận giảng Paṭis II 238, và được đề cập trong Vism 611–13 (Ppn 20:19–20).

- Spk thì thu chúng lại thành 03 nhóm quán-niệm (thiền quán), trong đó "vô thường" và "tan rã" đại diện cho nhóm 'quán niệm tính vô-thường'; "trống không" và "vô ngã" đại diện cho nhóm 'quán niệm tính vô-ngã'; và số còn lại là đại diện cho nhóm 'quán niệm tính khổ'.

- Tuy nhiên, Vism 613 và Ps III 146,13 thì đưa tính từ "như kẻ lạ" (parato) vào nhóm 'quán niệm tính vô-ngã', có lẽ đúng lý hơn.] (225)

226 [Nguyên văn: Natthi … arahato uttarikaraṇıyaṃ katassa vā paṭicayo.

Spk không bình luận về chỗ này, nhưng luận giảng Mp khi chú giải về kinh AN có giải thích: "Không còn gì để làm thêm nữa, là bởi vì vị ấy đã làm xong những bốn nhiệm vụ cần phải làm theo giáo pháp của Bốn Diệu Đế. (Coi thêm kinh 56:11 (Quyển 5)). Và không cần lặp lại những gì đã làm xong, bởi

Chú Thích • 373

vì đạo đã tu tập xong không cần tu tập lại và những ô-nhiễm đã trừ bỏ xong không cần phải được trừ bỏ lại. Về "sự an trú lạc ngay trong kiếp này" ghi kế dưới, chú thích cuối kinh SN 17:30 (Quyển 2) có ghi [Spk: "những trạng thái an trú lạc trú" tức là những

trạng thái các tầng thiền định…] (332).] (226)

227 [Chữ Pali là: kukkuḷa. Mời coi thêm chú thích số 824 trong Quyển 1. Than

cháy đỏ hay sự đốt cháy là tượng trưng cho bản chất của sự khổ đau. Kinh này đang nói về sự khổ đau.] (227)

228 [Giống lời trong kinh SN 22:39] (228)

229 [03 bài kinh SN 22:147, 148, 149 này là tương ứng với 03 kinh SN 22:40,

41, 42 ở trên] (229)

230 [Spk giải nghĩa chữ kiṃ upādāya là kiṃ paṭicca, nhưng chỗ cụm chữ này

có thể có sự chơi chữ; coi thêm chú thích 146 ở trên. Do vậy nghĩa kép có thể là: (i) sự sướng và sự khổ khởi sinh vì người dính chấp theo năm uẩn bằng tham-muốn và nhục-dục, và (ii) chúng khởi sinh tùy thuộc vào năm uẩn là chỗ-dựa và đối-tượng của chúng.] (230)

231 [Chữ gốc kiṃ abhinivissa. Spk chú giải là: Kiṃ abhinivisitvā; paccayaṃ

katvā ti attho. Dường như Spk coi chữ abhinivissa không phải bổ nghĩa mà là một chữ đồng nghĩa cho upādāya; nhưng câu hỏi là tại sao nó được thêm vào trường hợp những cách-nhìn nhưng không thêm vào trường hợp sự sướng và sự khổ? Abhinivissa là một tuyệt đối từ liên quan tới danh từ abhinivesa (sự cố-chấp), ở đây hàm chỉ một yếu-tố để diễn dịch, đó là sự diễn dịch về trải nghiệm thông qua lăng kính là "tà-kiến". Khi điều này được thừa nhận, thì chúng ta có thể thấy rằng chữ abhinivissa đã gợi ý cho thấy sự áp đặt của một sự diễn dịch mang tính nhận biết về năm uẩn, đó là vượt quá sự dính-chấp thuần túy mang tính nhận biết hàm ý bởi chữ upādāya. (?)] (231)

232 [Đây hoàn toàn là tư tưởng trường tồn bất-diệt; coi thêm kinh SN 22:81 ở

trên, đoạn (vi) và chú thích số 134 của nó.] (232)

233 [Đây là tư tưởng diệt-vong; coi thêm kinh 22:81 và chú thích 135 ở đó, và

chú thích số 75 ở đoạn đầu kinh 22:55.] (233)

234 [Micchādiṭṭhi: cách-nhìn (quan điểm, kiến chấp) sai-lạc; tà kiến. Trong

các bộ kinh có chỗ cũng coi đây là quan-điểm hư-vô, ví dụ như trong kinh MN I 287,12–18 (?). Coi thêm lời kinh như vầy trong kinh SN 24:05.] (234)

235 [Sakkāyadiṭṭhi: cách-nhìn có danh-tính; thân kiến: tức quan-điểm cho rằng

có một 'danh-tính' của 'ta'. Coi chú thích số 5 ở kinh 22:01, đoạn (I), (i).] (235)

236 [Attānudiṭṭhi. Ở luận giảng Paṭis I 143 có định nghĩa công thức đối với 20

loại cách-nhìn có danh-tính (thân-kiến).] (236)

237 [Spk-pṭ giải thích những sự cố-chấp (abhinivesa) là gồm 03 thứ: dục-

vọng, sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến); và những xiềng-xích (vinibandha) là những xiềng xích thuộc tâm do không tránh bỏ nhục-dục đối với sắc-thân, cảm-giác...?) [coi thêm kinh MN I 101,28– 102,16 (?)]. Còn trong bài kinh kế tiếp có thêm sự nắm-giữ (ajjhosāna) được định nghĩa bởi Spk-pṭ là gồm 02 thứ: dục-vọng và những quan-điểm này nọ (tà kiến).] (237)

238 [Spk: tình huống ở đây là: Thầy Ananda đã thấy các Tỳ kheo khác nhận

lãnh từ Phật chủ-đề (đề-mục) thiền quán về năm-uẩn và họ đã chứng quả A- la-hán và đã tuyên bố 'trí-biết cuối cùng' của mình trước mặt Phật. Vì vậy nên thầy đã đến gặp Phật muốn nhận lãnh chủ-đề thiền quán để làm được như họ. Phật biết thầy ấy sẽ không chứng đắc 03 thánh quả cao hơn (cao hơn Nhập-lưu) trong thời gian Phật còn tại thế, nhưng Phật vẫn đưa ra những hướng dẫn thiền quán để làm thỏa lòng thầy Ananda. (Mỗi ngày) thầy Ananda sẽ chú-tâm (thiền quán) vào chủ-đề thiền của mình một hay hai lần trước khi đến hầu cận Phật, và chính đó là một yếu-tố giúp thầy ấy về sau đã dần dần chín-muồi tới sự giải-thoát.] (238)

239 [DPPN 2:730 giải thích thầy Rādha trước kia là một bà-la-môn ở thành

Rājagaha (Vương Xá), trở thành một Tỳ kheo khi tuổi đã già. Thầy Rādha được tuyên bố là người tiếp nhận được nhiều bài kinh mang tính hùng biện nhất từ Đức Phật, như trong kinh AN 1:233 đã ghi. Một cách khác, Phật

tuyên bố thầy là đệ nhất về năng-lực "phát khởi tính biện tài diễn đạt trong người khác" (etadaggaṃpaṭibhāṇakeyyāna), (chẳng hạn: thầy là người làm cho người khác (như Phật) phát khởi tính hùng biện để nói ra những bài thuyết giảng mang hùng biện nhất). Thầy Rādha cũng được tả trong 02 kinh thi kệ là Th 133–134 (= Dhp 13–14).

- Spk giải thích rằng: Hễ khi Phật nhìn thấy vị trưởng lão này thì những chủ- đề (giáo lý) vi tế khởi lên trong Phật. Vì vậy Phật đã chỉ dạy cho thầy ấy Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau. Trong Chương 23 này, có 02 NHÓM kinh (vagga) được giảng dạy theo cách 'đặt câu hỏi'; 01 NHÓM thứ ba thì theo cách 'thỉnh cầu', và 01 NHÓM thứ tư thì theo cách 'nói chuyện thân mật' (upanisinnakakathā: nghĩa gốc là "nói chuyện khi ngồi gần nhau".)] (239)

240 [Spk: ở đây Ma Vương (Māra) là chữ ẩn dụ chỉ "cái chết và năm uẩn"

(māra-khandha, khandha-māra)]. (240)

241 [Nguyên văn câu này: Māro vā assa māretā vā yo vā pana mıyati. Spk

giải nghĩa chữ māretā là = māretabbo, nhưng chữ này rõ ràng là một danh từ tác nhân với một nghĩa chủ động.] (241)

242 [Nguyên văn câu này: Vimutti kho Rādha nibbānatthā. Spk giải nghĩa:

"Sự giải-thoát của thánh quả" này là vì mục đích (dẫn tới) Niết-bàn không còn dính-chấp (phalavimutti nām' esā anupādānibbānatthā).] (242)

243 [Câu này cũng có tuong tự trong kinh SN 48:42 và MN 44, mục 29. Phiên

bản Be luôn ghi động từ là accayāsi [là thể bất định của atiyāti]; Se thì ghi là accasarā [thể bất định của atisarati]. Chữ assa ở đây và chữ ajjhaparam bên dưới chắc hẳn là do lỗi chính tả.

- Nguyên văn Pali của câu cuối là: "Nibbānogadhaṃ hi Rādha brahmacari- yaṃ vussati nibbānaparāyanaṃ nibbānapariyosānaṃ". Nhiều dịch giả đã dịch chữ nibbānogadha nghĩa là 'nhập Niết-bàn', 'nhập vào Niết-bàn', 'nhập thể Niết-bàn', 'nhập trong Niết-bàn', hoặc 'nhảy vào Niết-bàn' bởi do các luận giảng đã gợi ý kết nối chữ ogadha với ogāha: nghĩa là sự nhảy vào, nhập vào (từ động từ ogāhati: nhảy vào, nhập vào, phóng vào). Nhưng thực chất thì chữ ogadha là chữ đồng dạng biến thể của chữ ogādha là từ động từ ogādhati mà các luận giảng cho là đồng nghĩa với chữ patiṭṭhahati: có nghĩa

là "được thiết lập". Họ đã xác nhận mối liên kết này bằng cách mạnh tay giải thích ogadha = patiṭṭhā: có nghĩa là "sự hỗ trợ"; bởi vậy tôi mới diễn dịch theo nghĩa là "nền tảng, căn cứ". Để tham khảo thêm, mời coi tự điển Pali CPD, các chữ ogadha, ogādhati, ogāha, và cách dùng chữ gādha, cả về nghĩa gốc và nghĩa ẩn dụ, trong Phần I, v. 263 của nó. Còn MW thì định nghĩa chữ gādha (từ gốc từ gādh: đứng vững, trụ chắc) là một căn cứ hay nền tảng để đứng chắc chân dưới nước, ở chỗ nước cạn, chỗ sông cạn.] (243)

244 [Câu trả lời này có sự chơi chữ giữa satta (i) vừa là tương đương chữ Phạn

sattva có nghĩa là "một chúng sinh" và (ii) vừa là phân từ quá khứ của chữ sajjati [= chữ Phạn sakta] có nghĩa là "bị dính, bị dính kẹt, bị trói buộc".] (244)

245 [Tôi đọc chữ này là dhanāyanti như Be và Se đã ghi, và được Spk giải

nghĩa = dhanaṃ viya maññanti.] (245)

246 [Tôi đọc theo cách ghi của Se. Be ghi là bhavanetti-nirodho hai lần; Ee

ghi là bhavanetti bhavanetti-nirodho. Bhavanetti nghĩa gốc là: "cái dẫn tới sự hiện-hữu", được Spk diễn giải nghĩa là = bhavarajju (sợi dây của sự hiện- hữu) by Spk. Cách diễn giải này là đồng nghĩa chữ bhavataṇhā (dục-vọng muốn được hiện-hữu; hữu ái), và cách diễn giải bóng bẩy này thường có trong các thi kệ.] (246)

247 [Một dãy chữ gần giống vầy được thấy trong kinh 12:15, đoạn (2). Coi

thêm chú thích số 31 và 32 trong đoạn đó.] (247)

248 [Chữ gốc là: Māradhamma. Spk giải nghĩa là = maraṇadhamma (phải bị

chết). Trong mấy kinh tiếp theo [lần lượt nói về sự vô-thường, khổ, và vô- ngã] tôi đã dịch đuôi chữ -dhamma là "có/thuộc bản chất" hơn là nghĩa "phải bị".] (248)

249 [Quan-điểm lạ lùng này có lẽ như câu thơ ca nào đó về bản chất của sự

biến đổi chỉ là hão huyền vậy. Chữ ghép “đứng-yên như cột nhà” (esi- kaṭṭhāyiṭṭhita) đã từng được dùng trong câu nói về những quan-điểm bất diệt như trong kinh DN 28, mục 1.12 và trong giáo thuyết về ‘bảy thân’ được nói trong kinh 24:8 bên dưới. Giáo thuyết cho rằng thời gian và sự thay đổi chỉ là hão huyền hư ảo (avicalita-nityatva) đã nổi lên sau đó trong lịch sử của

trường phái ngoại đạo (Ajıvika) và có thể đã được du nhập từ giáo phái của Pakudha Kaccāyana, người sáng lập ra thuyết ‘bảy thân’. Mời coi thêm quyển Lịch Sử và Những Giáo Thuyết Ngoại Đạo (Ajıvika), trang 236. Trong Mvu III 317 có một quan điểm tương tự, với những câu chữ gần như vậy, đã được trích dẫn như một điển hình về “những đức tin sai trái và hiểm độc” vốn đã được lan truyền trong xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) trước khi Phật đến đó; coi thêm học giả Jones 3:306.

- Spk: chú giải đại ý rằng, theo quan-điểm của họ: “Cho dù gió thổi gảy những nhánh cây … nhưng (thực ra) không có gió nào; đó chỉ là bản sao của gió (vātalesā; Spk-pṭ giải nghĩa là: vātalesā ti vātasadisā). Gió đứng-yên như cột nhà và đỉnh núi. [Spk-pṭ: chữ “như cột nhà” chỉ sự bất chuyển động (niccalabhāva); “đỉnh núi” chỉ sự trường tồn bất-diệt (sassatisama).] Giải thích tương tự như nước chảy nhưng (thực ra) không phải nước chảy. Mặc dù phụ nữ có thai sinh con, nhưng (thực ra) những phôi thai không phát sinh; đó chỉ là những bản sao của phôi thai. Mặc dù mặt trời và trăng mọc và lặn, nhưng (thực ra) chúng không làm vậy; đó chỉ là những bản sao của mặt trời và trăng, chúng (thực ra) đứng-yên như cột nhà và đỉnh núi.”] (249)

250 [Đây là 04 sự phân loại tất cả các đối tượng. Theo Spk: (1) thứ được nhìn

thấy (diṭṭha) là cơ sở hình-sắc được nhìn thấy; (2) thứ được nghe thấy (suta) là cơ sở âm-thanh được nghe thấy; (3) thứ được cảm nhận (muta) là những đối tượng được ngửi thấy, nếm thấy, và chạm xúc; và (4) thứ được nhận biết (viññāta) là 07 cơ-sở khác (tức: gồm sáu cơ-sở cảm nhận bên trong (sáu giác quan, sáu nội xứ) và một cơ sở hiện-tượng thuộc tâm ở bên ngoài (pháp xứ). Spk: Những chữ “được đạt-tới, được tìm-kiếm, và được bao-quát bởi cái tâm” (pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā) chỉ là lặp lại như đồng nghĩa và làm rõ hơn cho chữ thứ tư (4) kế trên mà thôi.

- Trong những kinh kế tiếp của NHÓM này, phần lời này được bỏ đi khi giản lược, nhưng phải được hiểu là chúng có đầy đủ trong các kinh gốc.] (250)

251 [Spk không giải thích ‘sáu trường hợp’ là gì. Dường như ‘sáu’ là gồm: 05

uẩn và 01 bộ [bộ gồm: 04 đối-tượng giác quan được gộp chung thành 01 bộ). So sánh với kinh MN 22, mục 15, trong đó 01 bộ 04 đối-tượng giác quan

thực sự thay thế cho “thức” (viññāṇa) làm một cơ-sở tạo ra những cách-nhìn (diṭṭhiṭṭhāna) là sai lạc (tà kiến).

- (Bộ 04 đối-tượng giác quan được ghi trong kinh MN 22, mục 15 và chú thích 258 ở đó là: [“Thứ được nhìn thấy” là chỉ thức mắt, “thứ được nghe thấy” là chỉ thức tai, “thứ được cảm nhận” là chỉ 03 loại thức mũi, thức lưỡi, và thức thân, và những chữ còn lại là chỉ thức tâm].) (251)

252 [Đây tư tưởng bất-diệt; coi kinh SN 22:18, đoạn (vi), và chú thích 134 của

nó.]

253 [Giống đoạn này trong kinh SN 22:18, đoạn (vii), coi thêm chú thích 135

của nó.] (253)

254 [Từ chỗ này trở xuống là toàn bộ thuyết ‘hư vô’(natthika-vāda), còn gọi là

thuyết ‘sẽ bị hủy diệt’ (uccheda-vāda), nó được cho là do khổ sĩ Ajita Kesa- kambalī nói ra. (Thuyết này cũng có ghi trong bộ kinh MN, như MN 76, mục 7).] (254)

255 [Từ đây trở xuống là thuyết ‘không có hiệu lực của nghiệp’ tức thuyết ‘phi

nghiệp quả’ (akiriya-vāda), được cho là do khổ sĩ Purana Kassapa nói ra. (Thuyết này cũng được ghi trong bộ kinh MN, như trong MN 60, mục 13).] (255)

256 [Giáo thuyết phi nhân-duyên (ahetukavāda) được cho là của Makkhali

Gosāla như trong kinh DN I 53,25–33 (?), nhưng trong kinh SN 22:60 thì một phần của giáo thuyết này được cho là của Pūraṇa Kassapa; coi lại chú thích số 92 trong kinh đó. Về phần chú giải, mời coi bài tham luận “Những Kết Quả Của Đời Sống Sa-Môn” (Fruits of Recluseship, tức về Kinh Sa-môn Quả) trang 70–72. Thuyết định-mệnh nghiêm ngặt (niyativāda) được biết là luận-điểm chính của thuyết ngoại đạo của Makkhali, đã được thảo luận chi tiết bởi học giả Basham trong quyển “Lịch Sử và Những Giáo Thuyết Ngoại Đạo” (History and Doctrines of the Ājijivikas) trang 224–39. Câu trong ngoặc {…} bên dưới là được trích từ kinh dài DN I 53,28–29 (?), chứ không phải trong kinh SN hay trong MN 60, mục 21.] (256)

Chú Thích • 379

257 [Sáu giai-cấp (chaḷabhijātiyo)—đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, và trắng tột

cùng—thể hiện 06 giai đoạn tu-tập của những Ājīvika (ngoại đạo) để đi tới sự hoàn-thiện; coi thêm bài viết của TKBĐ “Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ” (Sa-môn Quả), trang 73–75. Trong kinh AN 6:57 và chú thích số 1378 của nó, thuyết này được cho là của Pūraṇa Kassapa] (257)

258 [Từ đây trở xuống là học thuyết ‘bảy-thân’ được cho là của Pakudha

Kaccāyana.] (258)

259 [Đoạn kinh trong ngoặc vuông […] này được tôi [TKBĐ] chép từ DN và

MN, vì dường như trong SN này đã bị mất đi đoạn này khi kết tập.] (259)

260 [Trong phiên bản thuyết này trong bộ kinh dài DN thì dữ liệu kỳ dị về vũ

trụ học này đã được kết nối với thuyết phi nhân duyên của Makkhali Gosāla, trong đó toàn bộ hệ thống được gọi là giáo thuyết "thanh-lọc bằng vòng luân- hồi" (saṃsārasuddhi) (tức mọi chúng sinh đều phải trải qua số lượng kiếp đã được định trong vòng luân-hồi, khi nào trải qua hết số kiếp đó sẽ tự chấm dứt khổ đau). Tuy nhiên trong kinh MN 76, mục 16, thì thuyết này cũng được gắn với thuyết 'bảy thân'. Điều này gợi ý rằng khuôn-mẫu vũ trụ học này có thể đã được chia sẻ lẫn nhau bởi cả 02 hệ thống, và thật vậy, các giáo phái của Makkhali và Pakudha sau này đã kết hợp với nhau tạo thành nhánh phái miền nam của những du sĩ ngoại đạo Āijıvika. Học giả Basham đã thảo luận những quy kết khác nhau ở trang 18–23 trong tham luận của mình, nhưng ở trang 240-254 ông đã coi vũ trụ học là một nét không thể tách rời của hệ thống giáo thuyết của Makkhali …

- Tôi đã dịch đoạn này với sự trợ giúp của Spk, nhưng chúng ta phải ghi nhớ trong tâm rằng: những luận giải đang giải thích những thuật ngữ khó hiểu: (i) từ cách nhìn từ bên ngoài cộng đồng Phật giáo [có thể đã quen với một phiên bản sai lệch của giáo thuyết đó], và (ii) rồi khoảng cách thời gian thêm nhiều thế kỷ đã tách những nhà luận giải khỏi thời kỳ mà những quan-điểm đó còn hiện hành. Thường thì sự chú-giải là dính theo sự phỏng-đoán này nọ, và có khi sự chú-giải là sai một cách rõ ràng.

- Phần dịch toàn bộ chú giải của Spk nằm ở trang 72–77 trong quyển tham luận mang tên Kinh Sa-Môn Quả của TKBĐ, và để tiếp cận thêm mời coi thảo luận của học giả Basham ở trang 240–254.] (260)

380 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

261 [Chỗ này tôi làm theo Spk, nó giải nghĩa chữ ājıvaka là = ājıvavutti

(phương tiện sống, sự mưu sinh).] (261)

262 [Nguyên văn câu cuối này là: bāle ca paṇḍite ca nibbeṭhiyamānā sukha-

dukkhaṃ paleti (kẻ ngu và người trí, bằng cách tháo hết (vòng luân-hồi) sẽ thoát khỏi sự sướng và khổ). Còn trong phiên bản trong DN và kinh MN 76, mục 16, thì nguyên văn câu này là: bāle ca paṇḍite ca sandhāvitvā saṃsaritvā dukkhass' antaṃ karissanti (kẻ ngu và người trí, sau khi đã lang thang và trôi giạt (hết vòng luân-hồi), sẽ làm được sự chấm-dứt khổ." - Lưu ý: trong cả 02 phiên bản những chữ chỉ danh số nhiều đều có đuôi chữ là -e.

263 [10 kinh tiếp theo này (24:0918) lần lượt nói về "những quan-điểm đã

không được tuyên bố" (bởi Phật), và chúng được nói theo những góc độ khác so với góc độ trong các kinh thuộc Chương 33 và Chương 44.] (263)

264 [(i) Tôi dịch tên của 03 NHÓM kế tiếp theo như Be là: Dutiyagamana-

vagga, Tatiyagamana-vagga, Catutthagamana-vagga. (ii) Trong Se, NHÓM 3 và NHÓM 4 cũng được đặt tên giống vậy nhưng NHÓM 2 thì được ghi là Gamana-vagga. (iii) Ee thì gộp tất cả 18 kinh tiếp theo (từ kinh 19-36) để làm thành NHÓM 2, rồi lại phân thành 4 PHẦN NHÓM được gọi là gamana. Ee đặt tên cho NHÓM 1 [18 kinh đầu] là

Purimagamana và NHÓM 2 [18 tiếp theo] là Dutiyagamana; còn NHÓM 3 và NHÓM 4 thì đặt tên giống như các phiên bản kia, nhưng không có chữ "-vagga" (NHÓM).

- Trong lời giới thiệu về phần này [trang ix] học giả Feer đã đề nghị tính ghi 18 kinh của NHÓM 1 "Nhập-Lưu" (Sotāpatti-vagga) thành 02 lần, và do vậy sẽ duy trì toàn bộ Chương 24 này gồm có 114 kinh [18 + 18 + (3 x 26)]. Tuy nhiên, cách này phải nhân đôi một cách không cần thiết [mà bản thân Feer cũng cho là rắc rối]. Như vậy, tốt nhất là làm theo cách sắp xếp của Chương 24 này của Be và Se.] (264)

265 [Điều này được nói như vậy bởi vì năm-uẩn chính = khổ, như Phật đã kết

luận khi giảng về sự khổ.] (265)

Chú Thích • 381

266 [8 bài kinh tiếp theo này (3744) cũng nói về quan-điểm cho rằng cái 'ta'

(ngã) là trường tồn bất-diệt sau khi chết; giống như cũng được nói trong kinh DN I 31, 6-15 (?) vậy.] (266)

267 [Các kinh được thuyết lại trong NHÓM 3 ('Thuyết Lại Vòng Ba') này chỉ

tương ứng khác nhau với các kinh trong NHÓM 2 ('Thuyết Lại Vòng Hai') ở chỗ đoạn cuối này.

- Nhân tiện, cũng tương tự như vậy, các kinh trong NHÓM 4 ('Thuyết Lại Vòng Bốn') cũng chỉ tương ứng khác nhau với các kinh trong NHÓM 2 ở chỗ đoạn cuối chỗ này mà thôi.] (267)

268 [(Okkanti là tên của Chương này, có nghĩa gốc là nhập vào, hạ nhập vào

(bào thai). Nhưng nghĩa được dùng ở đây là sự nhập-vào con đường đạo chân chính, cũng có nghĩa là nhập vào dòng thánh đạo Nhập-lưu).

- Người tu theo niềm-tin hay người căn-tín (saddhānusārī) và người tu theo Giáo Pháp hay người căn-trí (dhammānusārī) là hai loại đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Hai loại người tu này là hàng thấp nhất trong cách phân loại chính thức về 07 hàng đệ tử, như trong kinh MN 70, mục 20- 21. Tất cả 07 hàng đệ tử cũng được định nghĩa, hơi khác một chút, trong Pp 14–15 (§30–36) và trong Vism 659–60 (Ppn 21:74–78). Người căn-tín và người căn-trí thì cũng được phân biệt trong kinh SN 55:24 và SN 55:25 (Quyển 5) mặc dù không được phân biệt trong kinh này. Trong các kinh SN 48-1217 (Quyển 5) thì 02 loại người tu này đứng cuối danh sách những thánh nhân, ở hàng những đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập- lưu. Và trong đó người căn-tín xếp dưới người căn-trí vì lý do căn-tín là thấp hơn căn-trí. Nói gọn, người căn-tín và người căn-trí chỉ khác nhau ở chỗ những trọng căn (căn chính, căn trội) của họ: người căn-tín dựa vào niềm-tin (tín) làm cỗ xe tu tiến; còn người căn-trí vào sự hiểu-biết (trí). Rồi khi họ chứng ngộ Nhập-lưu, người căn-tín được gọi là "người được giải thoát nhờ niềm-tin" (saddhāvimutta; coi thêm MN 70, mục 19 và MN 65, mục 11), và người căn-trí thì được gọi là "người đã đạt tới cách-nhìn" (diṭṭhippatta); (coi thêm MN 70, mục 18 và MN 65, mục 11).

- Về cụm chữ ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’, có thể dịch nguyên văn là: ‘đạo lộ đã được định xong của sự chân chính’ (sammattaniyāma). Spk giải nghĩa sammattaniyāma đơn giản chính là thánh đạo (ariyamagga).

- Về câu “người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập- lưu”: Spk cho rằng một khi thánh đạo đã khởi sinh thì không còn trở ngại nào tới thánh quả. Trong Pp 13 (§20) có ghi câu này: “Người này phải là người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và phải đến lúc một đại kiếp cũng cháy rụi, (nhưng) một đại kiếp sẽ không cháy rụi cho đến khi người đó chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.” (Ý nói người này là đã chắc chắn sẽ chứng thánh quả Nhập-lưu!)] (268)

269 [Về người tu theo Giáo Pháp, coi lại chú thích 268 kế trên. Các luận giảng

đã không làm rõ cú pháp diễn đạt của câu ime dhammā evaṃ paññāya mat- taso nijjhānaṃ khamanti. Chữ nijjhānam là thuộc chữ đối cách (có đối tượng).] (269)

270 [Câu này làm rõ cách mà bậc Nhập-lưu khác biệt với những người tu khác

đang trên đường tới Nhập-lưu. Người căn-tín chấp nhận những giáo lý dựa theo niềm tin của mình [cộng với ít nhiều sự hiểu chúng], người căn-trí thì thông qua sự điều-tra tìm hiểu để biết; nhưng bậc Nhập-lưu thì đã biết và thấy một cách trực tiếp. Chỗ này tôi cũng đọc theo Se ghi là: evaṃ jānāti evaṃ passati.] (270)

271 [Chữ yếu-tố thức (viññāṇa-dhātu) bị mất trong phiên bản Ee, nhưng có

trong cả Be và Se.] (271)

272 [Trong các kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kế trên sẽ được lần lượt

lặp lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong Chương 25 kế trên. Nhân tiện, kinh 26:09 hầu như giống kinh 14:36, chỉ có thêm “yếu-tố không gian” và “yếu-tố thức”. Còn kinh 26:10 thì giống y kinh 22:30.] (272)

273 [Cittass’ eso upakkileso: tạm diễn dịch là những sự ố-nhiễm (= sự không-

sạch, sự bất-tịnh, sự suy-đồi) làm ô nhiễm cái tâm (cách dịch này để tương thích với kinh MN 7.3). Spk: Sự không-sạch hay sự ố-nhiễm của tâm nào? Đó là tâm thuộc bốn cõi. Công nhận đó là tính chất của tâm trong ba cõi thế- tục, nhưng cách nào có sự ố-nhiễm của tâm thuộc cõi siêu thế? Đó là bằng

cách cản trở sự khởi sinh của nó. Sở dĩ nó là một sự bất-tịnh bởi vì nó không cho cái tâm (siêu thế) khởi sinh. Mặc dù tên chủ-đề của Chương 27 này là “kilesa” tạm dịch là “ô-nhiễm” (phiền não) nhưng lời bài kinh này lại dùng chữ “upakkilesai” cho nên tôi [TKBĐ] diễn dịch là “sự ố-nhiễm” (theo nghĩa là sự không sạch, sự bất-tịnh làm ô nhiễm cái tâm). Kinh MN 7, mục 3 liệt kê 16 “sự ố-nhiễm của tâm”, trong khi kinh SN 46:33 lại gán cho thuật ngữ này là chỉ năm chướng-ngại.] (273)

- (Nhân tiện mời đọc lại chú thích số 86 ở kinh MN 7 về chữ cittassa upakkilesā này: [- Quý vị cần lưu ý rằng: chữ upakkilesā này (i) có lúc được dùng với nghĩa là những sự ố-nhiễm theo nghĩa là = sự không hoàn-thiện của/trong thiền-định [như trong kinh MN 128, mục 27-30]; (ii) có lúc được dùng với nghĩa là sự ố-nhiễm theo nghĩa là = sự không hoàn-thiện của/trong thiền-quán (minh sát) [như được ghi trong Vsm XX, 105]; và (iii) có lúc được dùng với nghĩa là những ô-nhiễm nhỏ (= sự ố-nhiễm) khởi sinh từ 03 gốc-rễ bất thiện—tham, sân, si— để chỉ cái cách-thức của chúng hay những phái-sinh của chúng. Trong đoạn kinh này thì nó đang được dùng với nghĩa thứ (iii), nhưng vẫn giữ sự nối-kết với 02 nghĩa đầu, và được tạm dịch là "những sự không-sạch (= sự ố-nhiễm) làm ô nhiễm cái tâm".])

274 (Về cụm chữ "trong sáu trường hợp này": như chú thích số 251 ở kinh

24:01 ở trên).

- [Spk giải thích rằng: "Tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ" (nekkhammaninnaṃ c'assa cittaṃ hoti): là cái tâm vắng-lặng (định) và minh- sát (tuệ) ngã hướng về 09 trạng thái siêu thế. "Những điều sẽ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp" (abhiññā sacchikaraṇīyesu dhammesu): là những điều thuộc 06 loại trí-biết trực tiếp (sáu minh). Spk không giải thích chữ khāyati, nhưng nghĩa gốc nó là 'xuất hiện, hiện ra'.] (274)

275 [Giống lời trong kinh SN 21:03 (Quyển 2). Coi thêm chú thích số 18 trong

Quyển 1.] (275)

276 [Mời quý vị coi lại chú thích 340 ở đầu kinh SN 18:21 (Quyển 2).] (276)

277 [Coi chú thích số 377 trong Quyển 1.] (277)

384 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

278 [Tên của nữ du sĩ này có nghĩa là "Khuôn Mặt Tinh Khiết". Spk giải

thích rằng cô ấy tiếp cận trưởng lão Xá-lợi-phất với ý định chế giễu thầy ấy bằng những câu hỏi của cô ta và để khích động một cuộc tranh luận. Dưới đây, mỗi câu hỏi và trả lời đều mang có nghĩa đen và nghĩa ẩn ý thâm sâu.] (278)

279 [Chữ này là disāmukha. Spk giải nghĩa là: Catasso disā olokento ti attho.]

(279)

280 [Chữ này là: vatthuvijjā. Spk giải thích nghề bói đất này là bói cuộc đất

hay khu đất có tốt hay không để trồng trọt; còn Sv I 93,14–17 thì nói đây là khoa học để coi và quyết định khu đất hay cuộc đất có tốt hay không để cất nhà và chùa chiền, tu viện …] (280)

281 [Chữ này là: nakkhattavijjā. Về nghề bói sao, coi lại bộ kinh dài DN (DN

I 10,10–31 (?)) có nói chi tiết.] (281)

282 [Cụm chữ này là: dūteyya-pahiṇagamanānuyoga. Coi bộ kinh dài (DN I

8,20–25 (?)) có ghi chi tiết. Việc đi làm những việc vặt người khác nhờ hoặc làm việc chạy đi nghe tin báo tin này nọ là không phù hợp với một Tỳ kheo, vì người ta sẽ nghĩ Tỳ kheo làm 'nghề' đưa tin báo tin cho những người khác (không phải chức phận của một tu sĩ).] (282)

283 [Chữ này là: aṅgavijjā. Nghề này cũng được nói trong bộ kinh dài (DN I

9,7 (?)). Spk giải thích đây là một môn bói đoán thời vận tương lai của một người bằng cách coi những đường nét (tướng mạo, chỉ tay… chứ không riêng chỉ tay) của người đó. (Có thể đồng nghĩa với nghề bói "tướng số" ở các nước Đông Á như Việt Nam …).] (283)

284 [Về những loài rồng (nāga) được nói trong Chương 29 này và những loài

chúng-sinh khác (chim-thần, càn-thát-bà, thiên-thần-mây) được nói trong 03 Chương 30, 31, 32 tiếp theo, mời đọc lại phần Giới Thiệu về Phần III trong CDB (bản dịch Pali-Anh của bộ kinh này bởi TKBĐ), trang 850-851. Bốn phương thức sinh sản hay bốn kiểu sinh (yoni) được nói ra ở đây là chỉ tất-cả các loài chúng sinh; coi thêm MN 12, mục 32. Theo Spk, Đức Phật nói kinh này với mục đích là để giải cứu các Tỳ kheo khỏi cái chí hướng muốn tái sinh thành những chủng loài rồng (nāgayonıhi uddharaṇatthaṃ, hay (Se):

Chú Thích • 385

ukkaṇṭhanatthaṃ) như vậy, để làm cho họ chán ngán với những kiểu sinh thành rồng và kiếp rồng như vậy.] (284)

- (Lưu ý: Trong kinh kế dưới người dịch Việt đánh số và tóm lược để người đọc dễ đọc, khỏi bị vấp khi đọc nguyên văn các loài.)

285 [Nguyên văn: Uposathaṃ upavasanti vossaṭṭhakāyā ca bhavanti. Theo

cổ tích Phật giáo, những loài rồng naga có thể tuân giữ giới-hạnh trong ngày rằm Bố-tát (Uposatha), và thậm chí có thể nhất tâm giữ giới-hạnh đó cho dù phải chết. Câu chuyện minh họa là Chuyện Tiền Thân Campeyya (Campeyya Jātaka; chuyện số 506), trong đó vị Bồ-tát được tái sinh thành vua rồng naga, long vương) đã duy trì sự giữ-giới ngay cả khi bị hành hạ tàn khốc bởi một con rắn bùa mê.

- Spk-pṭ còn giải thích thêm: "Từ bỏ thân thể chúng": khi chúng đã quyết tâm giữ-giới thì chúng từ bỏ thân thể với một cái tâm không quan tâm tới thân thể nữa, chúng chỉ nghĩ rằng: "Ai muốn da, máu, xương của ta thì cứ lấy".] (285)

286 [Spk giải nghĩa chữ dvayakārino (một cách mâu thuẫn) là = duvidhakārino, và giải thích rằng chúng làm những hành-động ác có, thiện có.] (286)

287 [Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 11-20.] (287)

288 [Tức là: một chủng loài chim-thần chỉ gấp rồng naga thuộc chủng loài

thấp hơn hoặc bằng chủng loài mình, chứ không thể gấp rồng naga thuộc chủng loài cao hơn chủng loài mình.] (288)

289 [Chữ gandhabba liên hệ với những chất hương thơm, rõ ràng là vậy vì

chữ này dựa trên gốc từ gandha, có nghĩa là mùi hương. Spk: Những càn- thát-bà trong những gốc cây hương thơm được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của một cây có gốc rễ thơm, nhưng toàn bộ cây đó đều là nơi cư trú của những càn- thát-bà đó. Tương tự đối với những loại càn-thát-bà khác được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của những bộ phận khác của cây …] (289)

386 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

290 [Sự tái sinh thành một càn-thát-bà được coi là tốt lành và đó là nghiệp quả

trực tiếp từ những hành-vi thiện (thiện hành, thiện nghiệp); khác với sự tái sinh của rồng nāga và chim thần supaṇṇa, đó là sự hỗn hợp (tốt và xấu) và là nghiệp quả trực tiếp của những hành vi mâu-thuẫn (tức nghiệp thiện và bất thiện lẫn lộn).] (290)

291 [Spk: đây là những thiên thần sống trong không trung khởi sinh trong số

những thiên thần sống-trên-mây, hay thiên thần mây.] (291)

292 [Chỗ này sự đánh số các kinh của phiên bản Ee đã bị sai rối, cả trong bản

gốc và bản dịch của phiên bản này.] (292)

293 Tôi dịch theo cách ghi của Se và Ee là: Yaṃ nūna mayaṃ sakāya ratiyā

rameyyāma. Be ghi động từ là vaseyyāma. Spk giải thích trời “mát” trong những ngày mưa hoặc mùa đông là thời tiết tự nhiên do bốn mùa tạo ra, nhưng ở đây nó trở thành ‘cực lạnh trong mùa mát’, hoặc ‘mát trong mùa hè’, điều đó là do những thiên thần dùng năng lực của họ gây ra. Cách giải thích tương tự cho những trường hợp “ấm”, “bão”, “gió”, “mưa” tiếp theo.] (293)

294 [Đây là một du sĩ nổi tiếng trong Tạng Kinh Pāli: ông xuất hiện 03 lần

trong các kinh MN 71, 71, 73, và lần thứ ba ông đã trở thành Tỳ kheo và chứng luôn A-la-hán. Riêng trong bộ kinh SN này, ngoài chỗ này ra, ông cũng còn tái hiện trong các kinh SN 44:0711.] (294)

295 [Bài kinh này và các bài kinh tiếp theo đều sử dụng cùng khuôn mẫu “Bốn

Diệu Đế” [sự-thật, nguồn-gốc, sự chấm-dứt, và con-đường dẫn tới sự chấm- dứt] cho từng uẩn của năm uẩn. Vô-minh là sự không hiểu biết Bốn Diệu Đế, và các bài kinh này chỉ ra sự vô-minh là nguyên nhân nằm bên dưới “10 quan-điểm mang tính suy đoán” như vậy.] (295)

296 [Spk cho rằng lý do “do không nhìn-thấy” cũng đồng nghĩa = “do không

biết”.] (296)

297 [“Liên-kết Thiền Định” (Jhāna-saṁyutta) là tên Chương 34 này (Quyển

3), nhưng nó cũng là tên của Chương 53 (Quyển 5). Chương 53 thì nói về của 04 tầng thiền-định sắc giới [jhāna] như "những sự chứng-đắc". Còn

Chú Thích • 387

Chương 34 này thì nói về "tiến-trình thiền tập" chứ không chủ ý nói về "những sự chứng đắc" hay "những tầng chứng đắc" đó; tuy nhiên tôi vẫn dịch tên chương giống nhau như vậy.

- Chương 34 này đã được tạo ra như một cỗ xe (cakka) chỉ ra tất cả những sự hoán-đổi có thể giữa 11 kỹ-năng thiền-tập. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh thêm theo 04 trường hợp: (i) có-được kỹ năng này nhưng thiếu kỹ năng kia; (ii) có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này; (iii) không-có cả hai; và (iv) có-được cả hai. Và trường hợp cuối cùng (iv) là tốt nhất!

- Spk nói rằng: toàn bộ Chương 34 này đã được giảng giải theo cách của những tầng thiền định thế tục.

- Một số những kỹ-năng cũng được nói đến trong những kinh khác, như: 06 kỹ năng trong kinh AN 6:24; 06 kỹ năng này gần như được lặp lại trong kinh AN 6:41; và 07 kỹ-năng trong kinh AN 6:41.

- Trong các kinh trong bộ kinh SN và AN nói về thiền-định thì đều nói đủ tất cả mọi kỹ-năng thiền định, chỉ riêng kỹ năng "thiện khéo về đối-tượng" (ārammaṇakusala) thì có lẽ chỉ có Chương 34 này của SN.

- Các chú giải về thiền-định trong luận giảng Mp về AN [như Mp III 354–55 (?)] và luận giảng Spk về SN là tương ứng giống nhau, chỉ có vài chỗ khác nhau đôi chút sẽ được chỉ ra trong những chú thích kế tiếp dưới đây.] (297)

298 [Spk: Thiện khéo về (sự) định-tâm (samādhikusala): (là giỏi về đat-định);

là thiện khéo về sự nhận định những yếu-tố như vầy: 'Tầng thiền định thứ nhất có 05 yếu tố', 'Tầng thiền định thứ hai có 03 yếu-tố... Nhưng không thiện khéo về (sự) chứng-đắc đối với sự định-tâm (Na samādhismiṃ samāpattikusala): nghĩa là, mặc dù người tu đã làm cho tâm mềm-dẻo bằng cách làm hoan-hỷ nó [Spk-pṭ thì nói: bằng cách loại bỏ những trạng thái đối nghịch và thu thập những nhân hợp tác] những người đó không thể chứng đắc tầng thiền định.

- Luận giảng của AN là Mp [Mp III 354 (?)] khi chú giải về chữ samāpattikusala (thiện khéo về sự chứng-đắc) ghi rằng: "Sau khi đã thu thập thức ăn và khí hậu, người đó thiện khéo về sự chứng đắc sự định-tâm—khéo

388 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

giỏi, có khả năng, và thành thục về việc đó." Tôi (TKBĐ) nghi ngờ rằng những chú giải này không 'bắt' được nghĩa muốn nói của lời kinh, và tôi nghĩ ở đây sự "chứng-đắc" chỉ là đồng nghĩa với kỹ năng "làm chủ sự chứng-đắc" (samāpattivasī) được mô tả trong luận giảng Paṭis I 100 như vầy: "Người đó chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (vân vân) ở đâu, khi nào, và trong bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn trong

việc đó”.] (298)

299 (Nguyên văn là chữ samādhismiṃ: đối với sự định-tâm, về vấn đề định-

tâm. Nhưng người dịch Việt dùng cụm chữ là “trong tu thiền định” để người đọc dễ hiểu và để khỏi lẫn lộn với cái kỹ-năng định-tâm (samādhi) được ghi liên tục trong chương này).

300 [Không thiện khéo về duy-trì (Na samādhismiṃ ṭhitikusalo). Spk: là không giỏi khéo trong việc ổn định trong tầng thiền định, không thể nhập định ổn định trong một thời gian chỉ bằng bảy hay tám cái búng ngón tay.

- Kỹ năng này có thể tương ứng với kỹ năng “làm chủ sự quyết-định” (adhiṭṭhānavasī) được mô tả trong luận giảng Paṭis I 100 như vầy: “Người đó quyết định [khoảng thời gian nhập định] trong tầng thiền định thứ nhất (vân vân) ở đâu, khi nào, và bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn trong việc quyết định [khoảng thời gian nhập định].] (300)

301 [Không thiện khéo về sự thoát-ra (Na vuṭṭhānakusalo). Spk: là không thể

thoát ra khỏi trạng thái tầng thiền định vào một thời điểm đã định trước. (Người thiền thành thục thì có thể định trước trong tâm thời gian nhập định bao lâu và thời điểm thoát ra khỏi tầng thiền định). Mời coi thêm định nghĩa về kỹ năng “làm chủ sự thoát-ra” (vuṭṭhānavasī) được mô tả trong luận giảng Paṭis I 100, theo cách tương tự như hai kỹ năng “làm chủ sự chứng-đắc” và “làm chủ sự quyết-định” mới nói trong hai chú thích kế trên.

- (Có lẽ ở đây có thể gồm cả kỹ năng quán chiếu lại những gì người thiền đã nhìn thấy trong trạng thái tầng thiền định, từ đó dẫn tới trí-tuệ giác-ngộ...).] (301)

302 [Không thiện khéo về sự mềm-dẻo (Na kallitakusalo). Spk: là không giỏi

làm cho tâm được mềm-dẻo (dễ uốn nắn, dễ dụng) bằng cách làm hoan-hỷ nó.] (302)

Chú Thích • 389

303 [Không thiện khéo về đối-tượng (Na ārammaṇakusalo). Spk: là không

giỏi về đối tượng-thiền bằng vật thể, kasiṇa. Những kasiṇa, là đối-tượng của những chủ-đề (đề mục) thiền định khác nhau, được dùng để đạt được sự định-tâm: mời quý vị coi sự giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, Vism 113 (Ppn 3:117).] (303)

304 [Không thiện khéo về trú-xứ (Na gocarakusalo). Spk: là không giỏi về trú-

xứ (tầm, lĩnh vực, phạm vi) của chủ-đề thiền định [Spk-pṭ thì nói đó là: (không giỏi) về trú-xứ mà sự định-tâm được sản sinh, về cái nơi mà sự đạt- định xảy ra–‘nơi’ đó được biết là chủ-đề thiền (tức về phạm vi của chủ-đề thiền)], và không giỏi về trú-xứ (khu vực, chu vi) của vòng đi khất-thực [Spk-pṭ: do thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết – (giống như luận giảng Mp của AN 6:24, chú thích 1291 đã ghi.].

- Luận giảng Mp của AN 6:24, chú thích 1291, thì luận giải hơi khác như vầy: “Sau khi tránh những thứ không phù hợp là không hữu ích và theo đuổi những thứ phù hợp là hữu ích, người đó là thiện khéo về trú-xứ (lĩnh vực, tầm) khi người đó biết ‘Sự định-tâm có một dấu-hiệu (nimitta, tâm ảnh) là đối-tượng, (tâm ảnh) này có đặc tính [vô thường, khổ, vô ngã] là đối- tượng.’” Câu cuối này đề cập tới sự khác-biệt giữa thiền-định (samatha, sự vắng lặng) và thiền-quán (vipassanā, sự minh-sát).] (304)

305 [Không thiện khéo về sự quyết-tâm (Na abhinīhārakusalo). Spk không

chú giải gì chữ này, nhưng Spk-pṭ thì nói: “Là không giỏi về sự quyết-tâm để nâng hạng chủ-đề thiền định để có thể có được sự khác-biệt (cao hơn) (kammaṭṭhānaṃ visesabhā giyatāya abhinīharituṃ akusalo). Điều này nghĩa là không có khả năng (quyết tâm) nâng hạng từ tầng thiền định thứ nhất lên tầng thiền định thứ hai, thứ ba …”.] (305)

306 [Không phải là một người làm việc chu đáo (Na sakkaccakārī). Spk: Là

người đó không làm (thực hiện, tu tập) một cách kỹ càng đủ để chứng nhập tầng thiền định. (Chu đáo là chỉ sự làm một cách chu toàn kỹ càng đủ để chứng nhập vào tầng thiền định).] (306)

307 [Không phải là một người làm kiên-trì (Na sātaccakārī).] (307)

390 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

308 [Không phải là một người làm điều thích-hợp (Na sappāyakārī). Spk: là

người đó không khả năng hoàn thiện những phẩm-chất để hữu ích, thích hợp cho sự định-tâm (không thích hợp để đạt-định).] (308)

++++

Chú Thích • 391

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

392 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 3

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.